N° 160 Mars 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TÌNH-TRẠNG KHỦNG-HOẢNG VỀ ĐẠO-ĐỨC TINH-THẦN NGÀY NAY (1)

Đạo-đức đương giữa buổi suy-vi, sắp đến ngày mạt-vận. Nếu chỉ xét bề ngoài, thì tưởng cái cảnh-tượng đó mới bày ra ở các nơi tỉnh-thành lớn, ở các hàng thượng-lưu tai-mắt trong xã-hội mà thôi. Nhưng xét cho kỹ thì thấy những nơi tầm-thường ti-tiện, những chốn ngõ hẻm hàng cùng, cũng đã phảng-phất như thế cả, duy chưa đến rõ-rệt cho lắm mà thôi.

Thực ra thì kể đã lâu năm rồi, đạo-đức trong thiên-hạ vẫn qua một cái tình-trạng khủng-hoảng, nhân gặp cuộc chiến-tranh vừa rồi lại càng nguy-hiểm cấp-bách thêm lên.

Nói đạo-đức khủng-hoảng, không phải là chỉ nói lòng đạo-đức trong thiên-hạ có suy kém đi mà thôi, điều này thì ngay từ trước khi chiến-tranh, dẫu người quan-sát rất thiển-cận cũng phải công-nhận là một cái đặc-tính của các xã-hội trong thế-giới đời nay; nói đạo-đức khủng-hoảng chính là nói cái lý-tưởng về đạo-đức trong nhân-tâm, trong phong-tục, đã trụy-lạc đi hẳn.

Trông thấy điều thiện mà vẫn làm điều ác, cái đó đời nào thủa nào cũng vẫn có. Người ta đời nào cũng có kẻ hư thân mất nết mà vẫn biết rằng mình hư thân mất nết. Duy có đời này là thiên-hạ phóng-túng hoang-toàng mà không tự biết vậy.

Tự trước khi chiến-tranh, luân-lý, nghĩa-vụ, đã là những chuyện thiên-hạ không lấy làm quan-tâm rồi. Nhiều kẻ làm bậy mà không biết rằng mình làm bậy. Họ làm trái luân-lý mà không phải là phạm phép luân-lý, vì đã biết rằng có luân-lý thì mới gọi là phạm phép luân-lý được, phạm phép luân-lý tức là biết rằng luân-lý đáng tôn-trọng rồi; đàng này chính họ cũng mơ-hồ không biết rằng luân-lý có hay không nữa.

Cách cư-xử của họ như vậy, có thể gọi là « phi-luân-lý » *immoral*) không?

Phi-luân-lý, là biết rằng có luân-lý mà phạm luân-lý. Trong cổ-kịch Hi-lạp, nàng *Phèdre* phạm tội loạn-luân, là làm việc phi-luân-lý, vì vẫn biết tội mình là ghê-gớm, nghĩ đến đã rùng mình. Chứ còn những kẻ kia thì không thế: dù khi họ làm những sự phóng-túng quá-độ, họ vẫn không tự lấy làm xấu-hổ, họ cho là việc họ làm không đáng quở trách gì cả. Đối với họ thời phạm phép luân-lý không kể vào đâu; duy phạm phép xã-hội thời không phải

(1) Dịch một thiên trong sách « Phong-tục đời nay » (*Les mœurs du temps* của Paul Gaultier.

phạm phép là không hay, không hay là hở để cho xã-hội bắt tội mình được, để cho cảnh-sát can-thiệp đến mình vậy.

Thánh AUGUSTIN đời xưa nói rằng mình vẫn biết yêu điều thiện ghét điều ác, và tự trách rằng thường lại làm điều ác bỏ điều thiện. Người đời nay thời không yêu mà cũng không ghét gì cả, vì chẳng biết thiện với ác là chi chi hết. Đạo-đức với phi-đạo-đức, đối với họ là những tiếng vô-nghĩa cả. Luân-lý, mô-phạm, nghĩa-vụ, họ cho là những cái quan-niệm trần-hủ, của đời trước còn di-truyền lại, đã quá cũ đi rồi. Nói tóm lại thì cái cách ăn ở của họ không phải là « phi-luân-lý », vì phi-luân-lý là biết rằng có luân-lý mà làm sai luân-lý ; chính là vô-luân-lý (*amoral*), vì họ không ngờ rằng luân-lý là có nữa, mang-nhiên vô-ý-thức, làm xằng cũng không biết rằng làm xằng, phóng-túng cũng không biết rằng phóng-túng.

Vô-luân-lý, nghĩa là không biết đến luân-lý, không biết rằng có luân-lý nữa. Ấy cái tình-trạng đạo-đức khủng-hoảng đã bày ra tự khi chiến-tranh như thế. Cái phong-trào vô-luân-lý đó nó đã như bàng-bạc trong không-khí xã-hội rồi.

Mà cái thế tất-nhiên như thế, không có lẽ khác được.

Ở nhà trường, không từng dạy tôn-giáo đã đành, luân-lý cũng không dạy nữa, đến những điều sơ-lược như nghĩa-vụ kẻ làm dân, cũng không từng giảng dạy đến. Thầy giáo thành như một kẻ cổ-động bầu-cử, chỉ biết dạy học chữ, không biết luyện tâm-hồn. Cũng có người biết bổn-phận mình, muốn làm cho trọn, nhưng cũng không thể được. Nếu có cái chí muốn làm nghĩa-vụ thì sẽ bị tố-cáo ngay, mà đến cách chức phải về. Vì cái học đời nay là cái học rất thô-thiển, khoa sư-phạm, không hề nói đến linh-hồn, tâm-tính, đạo-đức, Thượng-đế bao giờ cả.

Sự giáo-dục ở nhà trường đã khuyết-điểm như thế, sự giáo-dục ở gia-đình, trừ ít nhiều nhà giữ được nền-nếp không kể, còn thì cũng không bổ được sự khuyết đó. Gia-đình bây giờ cũng chỉ chăm-chăm trì-trục về đường vật-chất, về đường lợi-lộc nhỡn-tiền mà thôi, còn những điều nghĩa-lý lớn về phép cư-xử ở đời, thì không hề nói đến mấy khi. Có nhiều nhà quyền cha anh không có nữa, con em không còn biết kính-trọng người trên nữa. Người làm cha, người làm mẹ, hoặc vì mê-muội không biết, hoặc vì tri-thức thiển-cận, hoặc vì chính-trị truyền-nhiễm, không còn mấy người biết dạy cho con ngửng mắt lên mà nhìn cõi trời xanh ở trên đầu, khiến cho thời-hồ thoát-ly được ra ngoài cái đời tầm thường ti-tiện hằng ngày. Ấy là không nói những gia-đình bất-hòa bất-thuận, còn cho việc giáo-dục con cái là quan-hệ gì nữa. Sự giáo-dục này, xưa kia kẻ làm cha mẹ, dù về hạng nào trong xã-hội mặc lòng, cũng lấy làm cái nghĩa-vụ tối-trọng trong gia-đình. Ngày nay thì nhiều nơi đã không có giáo-dục mà lại lấy cớ rằng yêu con thương con, chỉ dạy những cách túng-dục mà thôi. Cái ảnh-hưởng của gia-đình, đã bạc-nhược như thế, lại còn thêm cái hại ly-hôn nữa, thành ra gia-đình mất hẳn, và thứ nhất là ở những nơi thuyền-thợ, con đẻ ra phó mặc cho nhiễm lấy những thói xấu ở ngoài đường ngoài chợ. Đến Giáo-hội bây giờ cũng không dám đem cái đạo-đức khắc-khổ mà dạy cho lũ con chiên nữa, sợ họ nản lòng. Vì đời nay, đối với những nghĩa-lý cao-siêu, thiên-hạ rất lãnh-đạm, khiến cho tôn-giáo cũng phải theo xu-hướng của thời-thế mà kém phần nghiêm-khắc đi. Tình-thế như thế, hoàn-cảnh là cái hoàn-cảnh vô-luân-lý, lại thêm nhiều nguyên-nhân khác làm cho lòng đạo-đức mỗi ngày một suy-sút mãi đi, vậy mà

con trai con gái trong nước còn có người vẫn giữ được chút lòng đạo-nghĩa, thì cũng là một sự đáng lạ vậy.

Thế-giới ngày nay không phải là thế-giới lý-tưởng nữa. Khoa-học mỗi ngày một lộng-lẫy, tự-phụ rằng cái gì cũng biết, nhưng rất là thiển-cận, hiện nay về khắp các phương-diện đã tỏ ra bất-tài vô-lực rồi, vậy mà vẫn dương-dương tự-đắc, cho những sự tin-tưởng cũ là chuyện buồn cười vô-nghĩa-lý cả, coi lương-tâm như một vật hủ, cho thật-thà là một cái dại. Các nhà khoa-học đã cho vũ-trụ như một cái máy lớn, máy vô-tri mà vô-tình, thì người ta ở đời, ngoài sự lợi-lộc, ngoài sự khoái-lạc, còn lấy gì làm mục-đích cho đời người nữa. Bao nhiêu những cái tự cổ đến giờ đã làm cho đời người có vẻ cao-thượng, siêu-việt được lên trên cõi vật-chất thô-bỉ, ngày nay đều như đồ nát mất cả, người ta không còn biết nương tựa vào đâu được nữa, chỉ biết cái thời-khắc hiện-tại, ăn sổi ở thì, sống ngày nào hay ngày ấy mà thôi.

Khi cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa bên Âu-châu nổi lên, thì cái tình-trạng khủng-hoảng về đạo-đức đương nguy-kịch, nếu không có chiến-tranh thì có lẽ còn diên-man ra ít lâu nữa, nhưng cứu-cánh rồi cũng đến kết-quả như mắt ta trông thấy ngày nay vậy. Nhân có chiến-tranh kích-thích, vừa kích-thích về thân-thể, vừa kích-thích về tinh-thần, bao nhiêu dân-tộc xô-xát nhau một cách kịch-liệt vô-cùng, làm cho cái tình-trạng khủng-hoảng lại càng thêm cấp-bách mà kết-quả đến thành ra cái phong-trào vô-luân-lý ngày nay. Nhân-tâm phong-tục ở Âu-Tây trước khi chiến-tranh đã có cái nguy-cơ như thế, thêm việc chiến-tranh vào, tuy cũng có gây ra lắm kẻ anh-hùng nghĩa-hiệp, nhưng vốn là một sự bạo-động, thì dù trong lòng người còn phảng-phất chút đạo-đức thừa, cũng vì đó mà tiêu-tán đi mất cả.

* *

Một chứng-cớ hiển-nhiên của cái tình-trạng khủng-hoảng về đạo-đức đời nay, là thiên-hạ bây giờ mê ăn mê chơi một cách quá-độ, ngoài sự khoái-lạc về nhục-thể, không còn biết có gì nữa. Coi đó thì rõ nhân-tâm tán-loạn, như mất mực thăng-bằng, không biết y ỷ vào đâu nữa.

Nhiều người như mơ-hồ không biết khuynh-hướng về đường nào, không có phương-châm mục-đích gì nữa. Khi đi học, không hề dạy cho biết những tư-tưởng siêu-việt, làm cho nâng cao tâm-hồn lên, thành ra đối với nhiều người, đời người không có nghĩa gì nữa. Thần-trí đã phân-vân, phong-tục cũng không đủ bồ-trợ được, vì phong-tục cũng bị suy-vi điên-đảo hết cả. Xưa kia lấy giáo-dục mà truyền-thụ cho người đời sau những sự kinh-lịch của người đời trước dời đời tích-lũy, thành cái nền-nếp kiên-cố. Nay cách giáo-dục ấy không có nữa. Con trẻ cho ăn cho mặc, cho học-hành, về phần trí-dục thể-dục, không phải là không chăm-chút, nhưng không hề có huấn-luyện cho tâm-tính, không hề có dạy bảo cho ăn ở, về phần đức-dục, thật là khiếm khuyết vô-cùng.

Bởi thế nên hết thảy là rối-loạn cả. Xem như cái phong-trào cộng-sản, thật là chứng-cớ hiển-nhiên. Trật-tự xã-hội đắc-điên cả, một đám người vô-danh bống-bách làm cho cả nước phải khiếp sợ, tư-bản bị phá-hoại, nhân-dân phải cơ-cận, người ta thì đói khát mà ủy-thủ ủy-vĩ, không dám nói-năng cử-động gì, sợ có kẻ bên cạnh mình tố-giác mà phải tội, ấy cái tai-hại của cộng-sản ở nước Nga trong 10 năm nay như vậy.

Nhân cái lòng bất-bình trong công-chúng, lại thừa sự kích-thích của chiến-

tranh, cái mầm cộng-sản, vẫn đã tiềm-tàng ở khắp Âu-châu. Còn Á-châu thì vì chiến-tranh lay động, nên đã tỉnh-giấc ngủ nghìn năm mà ùa theo phong-trào mới. Nước Pháp là một nước ôn-hòa điều-độ, xưa nay không hay nhiễm những cái tư-tưởng quá-khích, vậy mà coi gương nước Nga không lấy làm sợ, vẫn có kẻ a-dua theo cộng-sản, mơ-mộng tưởng cái địa-ngục nước Nga là một nơi thiên-đường nào đó. Thậm-chí có người bỏ vé bầu ra Nghị-viện những kẻ công-nhiên đứng cừu-địch với xã-hội văn-minh.

Đời này thật là đời hỗn-độn. Đâu đâu cũng không ai còn biết quyền trên là gì nữa, trừ có nước Ý và nước Đức, nước Ý thì cũng qua một hồi rối-loạn, rồi chấn-chỉnh khôi-phục lại được, nước Đức thì thủy-chung bao giờ cũng vẫn biết tôn-trọng quan-quyền. Còn đâu đâu cũng là thấy trên dưới đảo lộn cả : ở gia-đình thì hầu như không còn có quyền gì nữa : mỗi người chỉ thiết-tha cái quyền-lợi riêng của mình, cá-nhân càng lộng-lẫy, thì quyền gia-trưởng càng suy đi, cha anh không còn ngăn-cấm dạy bảo được con em nữa. Trong xưởng thợ, người chủ cũng không có quyền tự-chủ nữa : các công-đoàn, do tay những kẻ chủ-động rất mạnh sai-khiến, thường thường đứng lên mà phản-đối với chủ. Ở các sở Nhà-nước lại càng tệ nữa : Nghị-viên thường can-thiệp vào luôn, ngăn-trở cả sự hành-động của kẻ hữu-tư. Viên-chức tòng-sự các sở, há chẳng phải là những khách bầu-cử của các ông nghị đó dư ? Các ông nghị làm đại-biểu cho dân, đáng phải khuyên răn chỉ bảo cho dân mới phải, mà chỉ nơm-nớp sợ cái thế-lực của các ban bầu-cử do kẻ vận-động sai-khiến. Khi đầu-phiếu bầu-cử, thì không có quan-tâm đến sự lợi-ích chung cho nước, mà chỉ băn-khoăn về phần riêng của mình chẳng hay có được tái-bầu kỳ nữa không.

Thiên-hạ đã không biết tôn-trọng kẻ cầm quyền nữa, thì kẻ cầm quyền cũng không hứng thi-hành quyền ấy nữa. Xem như các chính-phủ không dám tự-quyết việc gì, không dám tự ý chủ-trương xướng-suất gì cả, thì đủ biết. Chỉ ngóng theo cái phong-trào trong nghị-hội, mà khi Đông khi Tây, để cho cái sóng dư-luận nó trôi giạt. Xem như nước Anh, thợ thất-nghiệp được Nhà-nước cấp trợ cho, họ thừa giá bạc cao, họ sang ở bên Pháp, nghiễm-nhiên ra mặt tài-chủ cả. Quyền trên trụy-lạc, xem ra nước nào cũng vậy, nghiệm ở giới nào cũng vậy, có lẽ là bởi trong khi chiến-tranh thiên-hạ đã phải khi-khu nỗ-lực nhiều lắm, may được thái-bình muốn nghỉ-ngơi hết thảy cho được thư-dãn tinh-thần. Cái phong-trào mị-chúng nó thắng-thế quá, sự trụy-lạc đó đã đến một trình-độ khiến cho nhiều nước phải dùng cái chính-sách độc-tài chuyên-chế để đối lại.

Khốn thay, sự rối-loạn không những ở trong sự-vật, mà ở cả trong tâm-trí nữa. Mà cũng vì tâm-trí loạn cho nên sự-vật loạn. Tự trước khi chiến-tranh, tâm-trí người ta đã phất-phơ không có phương-châm chủ-đích gì nữa, vì không có lý-tưởng tín-ngưỡng chi cả, nhân chiến-tranh đến, làm cho rung-động cả tinh-thần, nhân-tâm lại càng tán-loạn nữa.

Nói rằng tâm-trí người ta rối-loạn, thì cứ xem ngay văn-chương mĩ-thuật gần đây, xuất-hiện ra lắm cái trạng-thái kỳ-kỳ quái-quái, cũng đủ biết vậy.

Văn-sĩ thì cấu-tạo ra những lối văn-chương kinh-hãi cho tai mắt người ta, trái-ngược với lẽ thường ở đời, cho thế là mới là lạ, là đặc-sắc tài-tình.

Lại có kẻ phất-phơ vơ-vẩn mơ-mộng những truyện hư-không, tả ra những lời lắt-léo, mệnh-danh là lối văn-chương « siêu-chân » (*sur réalisme*), nghĩa là muốn siêu-việt cả ra ngoài chân-cảnh vậy. Đối với những cái sản-vật ly-kỳ ấy, công-chúng cũng không cần phải hiểu. Những lối nghị-luận phép-tắc, những lối thuyết-lý nghiêm-trang, bây giờ càng ngày càng thấy ít người chuộng. Xem như cách nói - năng thường, hỗn-hao tạp-nhạp, đủ biết là tinh-thần loạn. Các giáo-sư chấm bài pháp-văn ở các kỳ thi cử-nhân, kỳ thi tiến-sĩ hay kỳ thi « đặc-biệt giáo-thụ » (*agrégation*), đều đồng-thanh phàn-nàn rằng phần nhiều các bài đó văn-lý bất-thông, lời-lẽ không đạt, lồng-chồng khó nghe lắm. Ấy là không nói thi tú-tài, thường thường là văn không thành câu, sai cả mẹo luật. Bây giờ thiên-hạ không có lý-luận nữa, chỉ biết cảm-giác thôi, mà lại « cảm-giác tức-khắc » (*sensation instantanée*), nghĩa là cảm sao liền nói vậy, không cần có đầu-đuôi mạch-lạc gì cả.

Bởi thế nên gặp sao nói vậy, cứ theo cái dòng tư-tưởng phất-phơ, khi chìm khi nổi, khi ẩn khi hiện, như trong giấc chiêm-bao mơ-màng vậy. Cái lối đầu Ngô mình Sở đó, thiên-hạ lại lấy làm thích làm ưa. Về văn-chương như vậy, về âm-nhạc hội-họa cũng như vậy, có mấy nhà thanh-niên đi tiên-phong xướng lên lối âm-nhạc trái hẳn với cung bậc cũ, lại xướng lên lối họa-học đem những mầu sặc-sỡ ghép lại với nhau trái cả con mắt thường của người ta. Thậm-chí lại có phái gọi là phái « da-da » (*dadaisme*), văn không cần phải thành câu, vẽ không cần phải thành nét, đàn hát chỉ âm-a như trẻ mới học nói, thế là hay tuyệt đó. Các nhà triết-học thì phát-minh ra những cõi thẳm-sâu trong tâm-hồn người ta, nhưng bị cách sinh-hoạt đời nay cáp-bách, không có thì giờ mà khảo-cứu cho đến nơi, thành ra triết-lý cũng mông-lung phiếu-diểu, như gần như xa, như không như có vậy.

Đến khoa-học cũng chuyên - chủ nghiên-cứu cái phần gọi là phần tiềm-thức trong đời người ta, nghĩa là phần xa-xôi mơ-mang, khó lòng mà lấy gì làm chắc-bằng được. Một nhà triết-học nước Áo tên là SIEGMUND FREUD đã xướng lên hẳn một cái thuyết cho cái nguồn sinh-hoạt về tinh-thần của người ta là ở tự cái vật-dục rất đê-hạ, rất nôn-độn, thường phải kiềm-chế lại luôn, nhưng tuy bị kiềm-chế mà vẫn ngầm chủ-trương mọi sự hành vi cử-động của người ta, thuyết này lập thành thông-hệ, muốn bao-quát cả các sự-thực về tâm-lý vậy. Theo thuyết này thì phẩm hành-vi rất cao-thượng, phẩm cảm tình rất thuần-túy, cần-dề cũng là ở cái dục-tình nam-nữ mà ra cả. Con trai thương mẹ, con gái yêu cha, nhà triết-học Áo cho là cái cảm-tình đó đã hàm có tính-cách loạn-luân rồi vậy. Cái ông thầy dạy dục-tình đó, chắc bao nhiêu những kẻ hư-nại tâm-tình đều lấy làm tôn-phục lắm. Họ vốn đã hư hại rồi, ông lại làm cho hư-hại thêm nữa, vì cái phương-pháp của ông gọi là cách « phân-tích tâm-lý » (*psychanalyse*), là phải khám-phá đến những chỗ u-ẩn trong cõi vật-dục của người ta. Kết-quả của cái triết-học đó là phá cả mọi sự kiềm-chế, làm cho nhân-cách người đời vốn đã bạc-nhược lắm rồi, lại càng ngày càng thêm ly-tán nữa. Bởi thế nên FREUD ngày nay được cả thế-giới hoan - nghênh. Bao nhiêu những kẻ bị bệnh thần-kinh trong thiên-hạ là môn-đồ của ông cả.

Thế-giới ngày nay lắm kẻ đàn ông đàn bà tâm-trí đảo-điên, như mất mục thăng bằng về tâm-lý, tình-trạng đó là bởi cái thói tham ăn tham chơi, tri-trục

trên trường nhục-dục, đó là cái đặc-tính của thời-đại này. Tính hám chơi đó làm cho hư-hại tâm-hồn, phá-hoại nhân-cách.

Vì sự khoái-lạc nó sách-nhiễu người ta nhiều lắm. Kẻ nào đam mê khoái-lạc thì phải hi-sinh cả mình đi để theo đuổi cho được, mà càng theo đuổi thì nó lại càng chạy xa đi. Kẻ ăn chơi không mấy nỗi thành kẻ chán-chường, đã chán chường mà vẫn phải theo đuổi, bấy giờ mới nghĩ ra những cách kỳ-quái để cho đổi mới cái vị khoái-lạc đi. Vì đó mà những thói hư nết xấu ngày càng thịnh-hành, nào những thói kê-gian cẩu-hợp, những cái dục-tình trái với lẽ thường của tạo-vật, biết bao nhiêu là kẻ đam mê, thậm-chí đặt ra những nhà thanh-lâu riêng, những hội câu-lạc riêng để tụ-hợp nhau lại mà làm những cách xấu-xa ghê-gớm. Có những nơi ca-lâu tửu-quán, đàn ông mặc giả làm đàn bà, loan-đồng cải-trang ra tiêu-nữ, rồi nhảy múa với nhau. Xưa kia những thói đó không dám công-hành, sợ thiên-hạ thóa-mạ. Bây giờ thì công-nhiên đem vào văn-chương, bày ra điều-kịch. Văn-sĩ như ANDRÉ GIDE, kịch-gia như BOURDET, công-nhiên đem những cái thói ô-uế đó mà tả vào tiểu-thuyết, diễn ra vở tuồng. Cái thói nam-sắc đó, dường như ngày nay thiên hạ đã công-nhận rồi, không ai lấy làm lạ, không ai lấy làm chướng nữa.

Cổ-kim không có đời nào đối với những truyện dục-tình cắc-cớ mà thiên-hạ lại rộng lòng khoan-dung bằng đời nay.

Xét cho cùng cũng không có gì đáng lạ. Người đời nay chỉ biết có dục-tình, không biết có ái-tình cao-thượng. Câu hát phong-tình đời xưa còn có ý-vị thanh-cao, câu hát phong-tình ngày nay toàn là truyện dâm-dục bỉ-tiện cả. Tình bây giờ không phải là hai tấm lòng gần nhau nữa, chỉ là hai tấm thịt áp nhau mà thôi; cái nhục-dục đã được thỏa-thích rồi thì muốn cho mới lạ, lại phải nghĩ ra những cách ly-kỳ, dù là quái-gở bất-kinh mặc lòng.

Bởi thế nên người đời nay đã đem thân vào trường nhục-dục thì đến lúc cái khoái-lạc hết chỉ còn có cái chết theo sau mà thôi. Xem báo hàng ngày biết bao nhiêu kẻ sát-thân bạo-tử, chỉ vì khao-khát cái khoái-lạc mà thấy cái khoái-lạc nó cứ chạy hoài, tưởng chỉ còn có cõi hư-không là cái khoái-lạc tuyệt-đối mà thôi. Tự sau khi chiến-tranh đến giờ, nhiều người đàn ông lối-lạc, nhiều người đàn bà khuê-các, chết một cách thảm-hại cũng vì vậy. Khác nào như một lũ thiêu-thân nó lăn mình vào ngọn lửa mới lấy làm sướng. Xem như truyện nàng RÉGINE FLORY tự-sát thì đủ biết. Nhưng những truyện như truyện này biết trăm nghìn nào mà kể. Trai ăn chơi gái mất nết, chán-chường thành ra yếm-thế, sớm hủy-hoại cái thân đi cho xong đời, cứ trích trong các báo mà kể ra một cái sổ những hạng này, thì sổ dài biết đến bao nhiêu.

Những kẻ khốn-nạn đó, dục tình quá-độ, ngoài những thuốc mê nống vào, hút vào cho nó thoát ra khỏi cõi nhọc-nhằn, thì không có cách nào khuây-khỏa được nữa. Bởi thế nên nào là thuốc cô-ca-in, nào là thuốc mô-phin, nào là nha-phiến, nào là ê-te, vẫn có luật cấm đó, mà vẫn biết bao nhiêu kẻ buôn lậu.

Những thuốc mê thuốc độc đó, không những trong làng chơi đã chán-chường, mượn đó để mua thêm khoái-lạc, mà thường thấy có kẻ thượng-lưu trí-thức, khổ vì dường sinh-nhai cấp-

bách, cũng mượn đó để làm cách tiêu-sầu. Tức là làm tăng thêm cái số những kẻ nửa điên nửa dại kia, ta thường hằng ngày gặp mặt đụng tay ở ngoài phố, vì người điên không phải hết thảy bị giam trong nhà thương đâu, chán vạn kẻ vẫn chạy dông ngoài đường phố. Họ nửa điên nửa tỉnh, điên vì cái thói xấu của họ đã tập-thành thiên-tính, thực là một sự nguy-hiểm to cho xã-hội.

Cuộc chiến-tranh làm cho trật-tự xã-hội, giá-trị người ta, đảo-điên hết cả, thành ra tâm-trí lại càng bối-rối lắm nữa. Không những cái đề luân-lý đã bị đổ, nhưng phàm những then-máy kiềm-chế của xã-hội, như lòng tự-trọng, như thói lễ-phép, như sự sợ miệng-tiếng thiên-hạ, sợ dư-luận người ta, bấy nhiêu cái cũng mất hết cả. Lại thêm có một hạng người mới là hạng « tân-phú-ông » mới đột-khởi, lại càng tỏ ra ham-mê những cái khoái-lạc vật-chất một cách quá-độ vô-ngần nữa. Cái gì là cái thô-bỉ, sỗ-sàng, cái gì là cái vô-liêm vô-xỉ, là bọn đó a đua ngay. Cách ngôn-ngữ cử-chỉ của họ, không còn có gì là điều-độ ôn-hòa nữa. Bao nhiêu những cái dục-tình bỉ-tiện, họ càng có của họ lại càng túng-sinh lắm.

Ấy đại-khái cái tình-trạng tinh-thần đạo-đức khủng-hoảng đời nay như vậy, kết-quả tạo-thành ra một hạng người tiếng tây gọi là hạng *mufle*, là kẻ vô-luân-lý, vô-giáo-dục, hạng tiểu-nhân đắc-chí, dương-dương tự-đắc, không coi ai ra gì, phá cả nền-nếp cũ, hoại cả phép-tắc xưa, vừa là kết quả, vừa là tạo-nhân của cái thời-đại hỗn-độn, cái xã-hội đảo-điên này.

HẠC-ĐÌNH *dịch*

Aucune contrée n'est l'artisan exclusif de sa propre civilisation. Il faut, pour qu'elle s'élève à un degré supérieur de développement, que sa vie *soit* en communication avec celle d'un domaine plus vaste, qui l'enrichisse de sa substance et glisse en elle de nouveaux ferments.

VIDAL DE LA BLACHE

Không có xứ nào tự mình tác thành được văn-minh cho mình. Muốn cho văn-minh tới một trình độ cao, thời sự sinh-hoạt của mình phải có thông-đồng với cuộc sinh hoạt một cõi rộng hơn, nhờ đó mà thể chất được phong phú hơn, như tiếp cho cái men mới để chóng nảy nở ra vậy.

BỘ DÂN-LUẬT MỚI BẮC-KỲ

(Tờ trình của Hội-đồng biên-tập)

Hà nội, ngày 27 Mars năm 1931

Bẩm quan Thống-sứ,

Chúng tôi xin đình sau đây đệ-trình quan lớn bản dự-thảo bộ Dân-luật để các tòa Nam-án Bắc-kỳ dùng, do Hội-đồng lập theo nghị-định ngày 28 Août 1930 đã biên-tập xong.

Trong bộ biên-tập luật-lệ này, đại-khái chúng tôi chủ-ý không xâm-phạm đến chế-độ cốt-yếu của xã-hội Việt-Nam, mà lại châm-chước cho thích-hợp với phong-tục cùng trình-độ hiện-thời của dân An-Nam. Những chế-độ đó là do cổ-lệ trong luật Tàu đã mấy nghìn năm đến giờ, đại-đề khác với cổ-luật nước Nam nhiều lắm, lại thứ nhất là do những phong-tục đã kinh-qua nhiều đời mà truyền đến bây giờ, mỗi đời có biến thiên sai-biệt đi.

Bởi thế nên bản dự-thảo Dân-luật này đại-khái là châm-chước với hiện-tình phong-tục do Hội-đồng khảo-sát tục-lệ đã sưu-tập, nhất là thuộc về chế-độ gia-đình cùng luật-lệ thừa-tự. Còn những điều mà cổ-lệ cổ-tục không nói đến, hoặc mập-mờ không được chắc-chắn, thời châm-chước theo Dân-luật Đại-Pháp, các tòa-án vẫn thường thi-hành, không cho là luật nhất-định, nhưng cho là lẽ đương-nhiên, cũng dùng để giải-quyết được nhiều việc phân-tranh. Tuy-nhiên, khi nào xét ra có thể làm khác luật Đại-Pháp được, thì Hội-đồng chúng tôi cũng không câu-nệ mà theo luật Đại-Pháp. Đại-khái chúng tôi không theo dùng như thể-tài bộ Dân-luật Pháp. Như mục Kế-thừa Di-sản (*Successions*) là đặt vào thiên thứ I thuộc về Nhân-thân (*Personnes*), chứ không đặt vào thiên thứ II thuộc về các cách thu-đắc quyền sở-hữu (*Acquisition de la propriété*). Thể-lệ giá-thú thuộc về tài-sản là hiệp làm một với thể-lệ giá-thú thuộc về nhân-thân. Ở Dân-luật Pháp thì mục Thời-hiệu (*Prescription*) đặt về cuối cùng, nay chia ra thời-hiệu « thu-đắc » (*prescription acquisitive*) thì đặt vào thiên Tài-sản (*Biens*), thời-hiệu « giải-trừ » (*prescription libératoire*) thì đặt vào thiên Nghĩa-vụ (*Obligations*). Những chế-độ đặc-biệt của người An-Nam, như địa-vị về pháp-luật của người vợ góa, như các của hương-hỏa, kỵ-điền, hậu-điền, đều đứng về phương-diện An-Nam mà qui-định quyền-lợi đặc-biệt. Các chế-độ đó biên-tập thành luật, không những không mất tính-cách đi, mà lại vẫn giữ được bản-sắc, làm cho bản dự-thảo Dân-luật này có một cái đặc-tính rõ-ràng, một cái đặc-sắc thuần An-Nam vậy.

Muốn sắp-đặt các điều-mục cho chỉnh-đốn hơn, nên bản dự-thảo này chia bộ Dân-luật mới ra làm bốn quyển:

Quyển thứ nhất nói về Người (*Personnes*) quyển thứ nhì về Của (*Biens*), quyển thứ ba về Khế-ước (*Contrats*), quyển thứ tư về Bằng-chứng (*Preuves*), thuộc về vật-quyền (*droits réels*), nhân-quyền (*droits personnels*) hay quyền gia-tộc (*droits de famille*), cũng là đại-đồng tiểu-dị cả.

Quyển khởi đầu bộ Dân-luật thì nói về những tổng-tắc làm gốc cho luật-lệ mới. Lại nói về cách tuyên-bố, cách thi-hành cùng hiệu-lực của luật-lệ.

Quyền thứ nhất định về các điều tòa-án cần phải xét-xử, như nói về quốc-tịch (*nationalité*) là một điều chính ra là thuộc về Vạn-quốc tư pháp (*droit international privé*). Về hộ-tịch (*état civil*) thì thuật lại các thể-lệ đã định trong chỉ-dụ nhà vua ngày 4 Octobre 1921, khuyết đâu thêm đó.

Về trú-sở (*domicile*) thì luật mới theo nghĩa trong Dân-luật Đại-Pháp. Nếu cho trú-sở là nơi nguyên-quán (*lieu d'origine*) của người ta, thì có nhiều điều bất tiện lắm, vì nơi nguyên-quán thường là xa nơi người ta vừa ở vừa làm ăn công-việc, người ngoài có việc gì giao-ước thường không biết đến. Vậy muốn cho dễ việc thi-hành các quyền-lợi cùng thủ-tục về việc án, tưởng nên định nơi trú-sở là nơi người ta thường ở, và làm ăn công việc ở đó.

Về mục « Thất-tung » (*absence*) thì định theo luật An-Nam, và điều nào pháp-luật với lệ-tục An-Nam không nói đến thì theo luật Tây. Bản dự-thảo này cho người đàn bà chồng đi mất ba năm được phép tái-giá, và nếu không tái-giá thì được quyền trông nom cai-quản con-cái và hưởng-dụng quản-lý tài-sản chung.

Các điều-khoản về giá-thú (*mariage*) là theo tục-lệ cả ; thuộc về địa-vị người đàn-bà, tục trong dân-gian vẫn rộng-rãi và nhân-từ hơn luật Gia-long. Vả lại ngày nay chịu ảnh-hưởng của các tư-tưởng Thái-tây cùng sự cần-dùng về đường sinh-hoạt mới, cũng càng ngày càng tiến-hóa theo cách rộng-rãi hơn xưa. Tuy-nhiên, phàm điều gì không quá-lạm và không trái với trình-độ hiện-thời, thì vẫn để cho người chồng có quyền.

Tuổi định cho lấy vợ lấy chồng là con trai 18 tuổi, con gái 15 tuổi. Không nên để cho lấy sớm hơn nữa, là muốn giữ cho vợ-chồng con-cái được mạnh-khỏe. Tuy-nhiên cũng có định cho miễn tuổi được, nhưng con trai không được kém 15 tuổi, con gái không được kém 12 tuổi.

Việc giá-thú phải cần hai bên trai gái thuận nhau mới được. Nhưng muốn giữ cho quyền người gia-trưởng, nên định rằng dù hai bên trai gái bao nhiêu tuổi mặc lòng, phải có cha mẹ thuận mới được, không có cha mẹ thì ông bà nội, nếu còn vị-thành-niên thì là người giám-hộ (*tuteur*) phải bằng lòng mới được.

Theo luật-lệ An-Nam, những người như sau này không được lấy nhau : Về trực-hệ (*ligne directe*) thì các tôn-thuộc với ti-thuộc bất-cứ vào bậc nào, về bàng-hệ (*ligne collatérale*) thì anh em chị em ruột với nhau, anh em chị em dâu rể với nhau, chú bác cô với cháu gái, cô dì với cháu trai, anh em chi em thúc-bá với nhau, và đại-để các anh em chi em đồng-tông, cùng một tên họ với nhau. Lại trong thời-kỳ có tang không được giá-thú. Tuy-nhiên muốn cho việc cưới gả khỏi phải chậm-trễ quá, nên định rằng có thể cưới chay tang được và những khi có trùng-tang thì kỳ-hạn không được quá 30 tháng. Lại giữ theo luật An-Nam định rằng vợ góa trước khi hết tang chồng 27 tháng không được tái giá, chồng góa cũng trước khi hết tang vợ một năm không được tái-thú.

Bản dự-thảo lại theo tục bản-xứ giữ cả hai cách giá-thú thông-hành trong dân-gian, cùng định hai cách khác nhau những gì. Lại giữ cái nghĩa rằng phàm đàn bà xuất-giá là bỏ nhà mình mà vào nhà chồng.

Vợ chồng có quyền tự-do muốn xử-trí về tài-sản thế nào cũng được, miễn là không được định điều gì trái với

phong-tục cùng trật-tự chung. Nếu không có tư-ước thì theo lệ thường tài-sản hợp-nhất (*communauté des biens*). Mỗi bên vợ chồng vẫn có thể có của riêng được, nhưng trong khi giá-thú thì bao nhiêu của là chung-cùng hỗn-hợp cả. Đối với của ấy, người chồng không được quyền tuyệt-đối, vì có khi chuyển-dịch phải có vợ tham-dự vào mới được. Một mình chồng xử-dụng của chung thì phải vì việc nhà hay vì sự lợi-ích cho gia-đình mới được. Muốn bảo-thủ cho quyền người vợ, nên định rằng phàm khi chồng tiêu-tán của chung đi, thì vợ có thể xin tòa án xử cho được quyền quản-lý, hưởng dụng, và cả quyền tự-do sử-dụng tài-sản riêng của mình cùng sản-vật do công mình hay nghề mình làm ra nữa. Vợ chồng người nào mệnh-một đi thì người còn lại vẫn cứ giữ của chung. Khi ly-hôn (*divorce*) thì người vợ không có con lấy của riêng về và có quyền được một phần của chung. Nếu có con thì được một phần của chung tùy theo với kỳ-phần mình đã góp vào cùng đã thêm cho tài-sản chung. Nếu người vợ bị ly-hôn về cớ thông-gian (*adultère*), thì phần ấy giảm xuống nửa.

Các vợ thứ được hoàn-toàn sử-dụng tài-sản riêng của mình.

Lệ rẫy vợ từ nay bỏ và việc ly-hôn qui-định phân-minh. Bản dự-thảo vẫn giữ mấy duyên-cớ ly-hôn riêng trong luật-lệ bản-xứ, lại định thêm mấy duyên-cớ nữa theo luật Đại-Pháp, như những cớ hành-hạ ngược-đãi và chửi rủa thậm-tệ. Lại trong hai vợ chồng người nào phải xử hình-phạt về trọng-tội, cũng là một duyên-cớ ly-hôn được. Tục-lệ cho phép hai bên tình thuận thì chồng rẫy vợ được, nay định hai bên có thể thuận-tình ly-hôn.

Nhà làm luật An-Nam không nói đến vấn-đề phụ tử quan-hệ (*paternité et filiation*), để cho quyền quan tòa tùy xử, nay tưởng phải cần theo các điều khoản trong luật Đại-Pháp lấy khoa-học cùng kinh-nghiệm làm bằng. Con chính (*enfant légitime*) là con đẻ sau khi giá-thú được 6 tháng hay trước khi tiêu-hôn được 11 tháng. Con đẻ trước, rồi sau mới giá-thú, có thể thừa-nhận làm con chính (*légitimer*). Còn như con đẻ hoang (*enfant naturel*) thì luật định cách thừa-nhận (*reconnaissance*) và cách tìm cho biết người cha (*recherche de la paternité*).

Luật lại định các cách-thức cùng hiệu-lực của sự nuôi con nuôi; muốn cho tôn trọng quyền người cha mà lại giữ-gìn cho khỏi tệ-lạm, định cách quản-cố cho người vị-thành-niên (*mineur*), định việc giám hộ (*tutélle*) và việc giải-phóng (*émancipation*). Tuổi thành niên con trai con gái định 21 tuổi. Trước tuổi đó thì con trai con gái không có quyền tự do được thu-đắc (*acquérir*), được chiếm-hữu (*posséder*) cùng kết-ước (*contracter*). Lại cũng từ 21 tuổi trở đi thì đàn ông đàn bà mới có đủ trí khôn mà quản-lý công việc. Bởi thế nên lấy tuổi đó mà định năng-lực về dân-luật (*capacité civile*). Bản dự-thảo đây là theo các điều-khoản trong bộ Dân luật Đại-Pháp, nhưng vẫn để cho quyền người cha ở nước Nam được tùy-ý muốn giải-phóng cho con trước 18 tuổi cũng được. Còn người vị-thành-niên chưa giải-phóng, thì tất phải mượn luật Đại-Pháp định cách bảo hộ cho những người ấy, duy châm-chước thay đổi cho hợp với chế-độ riêng về gia-đình của nước Nam.

Bản dự-thảo lại định cách bảo-hộ cho những kẻ vô-tư-cách (*incapables*), định lệ cấm quyền (*interdiction*) đối với kẻ thành-niên mà mắc bệnh điên (*aliénation mentale*), cùng định các cách-thức bảo-hộ cho kẻ đần-dại (*insensés*) cùng quyền-lợi của gia-quyến những kẻ ấy. Lại qui-định cả lệ

cấm-quyền thuộc về hình-luật (*interdiction pénale*) nữa.

Có hẳn một chương riêng nói về các pháp-nhân (*personnes morales*) cùng các hội-xã *associations*) do người dân An-Nam lập ra. Về mục này thì định lệ chung rằng phàm các hội-xã muốn cho thành lập đối với pháp-luật thì phải được phép lập phân-minh và phải theo các điều-khoản đã định trong bản dự-thảo.

Lệ kế-thừa di-sản hoặc có chúc-thư (*successions testamentaires*) hoặc không có chúc-thư (*ab intestat*), vẫn theo lệ thường trong bản-xứ. Quyền người vợ góa cũng định theo tục-lệ.

Phần thuộc về lệ kế-thừa phụng-tự (*successions cultuelles*) là phần theo đúng như tục-lệ trong xứ, sợ làm sai đi thì dao-động cả đến gia-đình mà gây ra những sự rối-loạn hại cho trật-tự xã-hội. Có một điều quan-hệ, là con gái có thể ăn hương-hỏa được không, thì bản dự-thảo này theo tục truyền định rằng khi người quá-cố là đầu chi trưởng, chính mình phải kế-thừa việc phụng-tự, thì khi ấy bắt-buộc phải cử một người đàn ông làm kế-tự. Người thừa-tự (*Héritier cultuel*) đó phải đặt theo trật-tự chiêu-mục trong luật đã định. Trái lại, nếu người quá-cố là con thứ, không có trách nhiệm phụng-tự, thì không bắt buộc phải chọn người thừa-tự để coi việc phụng-tự riêng cho mình về sau, lại được quyền tự-do muốn đặt một người con gái để ăn hương-hỏa phụng-tự cho mình cũng được.

Nói về của hương-hỏa thì là của bất-di bất-dịch, nếu cứ để cho tích-lũy lên mãi, thì ngày nay cũng có điều trở-ngại to về đường kinh-tế. Muốn cho khỏi sự trở-ngại đó nên trong bản dự-thảo có định rằng :

1° Dù tơ-sản của người quá-cố đi nhiều ít thế nào mặc lòng, phần hương-hỏa cũng không được quá một phần năm ;

2° Qua sáu đời rồi, việc phụng-tự riêng thôi từ ấy. Các tổ tiên đều hợp-tự cả là một, thì của hương-hỏa cũng bắt đầu từ đây có thể di-dịch được. Tuy-nhiên, muốn chuyển dịch phải có hội-đồng gia-tộc nghĩ định cho phép mới được.

* *

Quyển thứ nhì bản dự-thảo Dân luật này, là nói về cách phân-biệt các tài-sản, về quyền sở-hữu (*propriété*), quyền chiếm-hữu (*possession*), quyền ứng-dụng thu-lợi (*usufruit*) và quyền địa-dịch (*servitudes*). Luật-lệ An-Nam về mục này khuyết-điểm nhiều lắm, lại nhiều khi không hề nói đến nữa, nên bản dự-thảo này châm-chước theo các điều-khoản trong bộ Dân-luật Đại-Pháp, cùng các sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 21 Juillet 1925 và 6 Septembre 1927, thuộc về thể-lệ điền-thổ ở Đông-dương, chiếu theo điều thứ 52 trong sắc-lệnh ngày 21 Juillet 1925. Việc thu-đắc quyền sở-hữu về bất-động-sản (*acquisition de la propriété immobilière*) cùng các vật-quyền về bất-động-sản (*droits réels immobiliers*), định rằng phàm nơi nào đã có sổ điền-thổ, thì phải trước-bạ mới là thành.

Bản dự-thảo đã định về cách chiếm-hữu, lại định về thời-hiệu dùng làm cách thu-đắc tài-sản. Dù người sở-hữu-chủ có nơi trú-quán hay trú-sở ở trong hay ở ngoài quản-hạt mặc lòng, các điều đó phiền-phức nên bỏ hết, chỉ định rằng hễ người chiếm-hữu bụng ngay mà chiếm-hữu, hạn chiếm-hữu là 15 năm, nếu có bụng gian thì hạn ấy là 30 năm. Lại giữ các điều-khoản trong chỉ dụ nhà vua ngày 4

Juin 1923 về thời-hiệu thuộc về các công-điền công-thổ đã có đựng nhà gạch nhà lá

. . .

Quyển thứ ba nói chung về các nghĩa-vụ và riêng về các khế-ước, phần nhiều là cham-chước theo các điều-khoản trong dân-luật Đại-Pháp, luật-lệ An-Nam hầu như không có gì về mục đó cả. Luật Đại-Pháp đại-khái cũng giống với tục An-Nam, trừ một vài điều đặc-biệt không kể, xem đó thì đủ rõ rằng luật thực-tế thuộc về nghĩa-vụ cùng khế-ước thường không vì ảnh-hưởng về thời đại cùng địa-phương mà thay-đổi mấy. Luật An-Nam cũng như luật Đại-Pháp, phàm hiệp-ước (*conventions*) là phải mọi bên thuận tình cả, và đã ký-kết với nhau thì coi như luật-pháp vậy. Không những thế, lại phải lấy bụng ngay thẳng mà thi-hành nữa. Thuộc về sự di-chuyển tài-sản (*translation de la propriété*) thì bản dự-thảo có phần tiến-bộ hơn tục-lệ, vì theo như luật-lệ, các nước đời nay định rằng phàm chuyển-dịch quyền sở-hữu là cứ mọi bên thuận-tình là xong, không cần phải có cách hành-vi gì hiển-nhiên rõ tỏ ra ngoài. Đã vậy thì phàm sự tổn-hại hay sự tăng gia về đồ-vật đó, thì vật thuộc người nào người ấy phải chịu thiệt hay hưởng lợi, đó là lẽ tất-nhiên vậy.

Trong các cách tiêu-diệt nghĩa-vụ (*extinction du obligations*), thì có lệ giải-trừ thời-hiệu (*prescription liberatoire*). Hạn 30 năm kể dài quá, nay định là 20 năm. Lại theo luật Đại-Pháp chiếu duyên-do các khoản nợ và các nghĩa-vụ mà định thời-hiệu riêng ngắn hạn hơn.

Bản dự-thảo lại theo luật An-Nam có hai cách bán, một là đoạn-mại (*vente définitif*), hai là điền-mại (*vente à reméré*). Định-hạn là 10 năm, quá hạn thì người bán không có quyền chuộc lại nữa. Thuộc về việc cầm đồ bất-động-sản (*nantissement immobilier*) thì cái lệ gọi là lệ giải-trừ điều-khoản (*pacte commissoire*), nghĩa là đến hạn người vay không trả được nợ, thì văn-tự vay là tiêu-giải, người chủ nợ tiện-thị thành sở-hữu chủ của vật cam-đợ, lệ ấy cấm hẳn và chủ nợ chỉ được quyền đem vật bất-động-sản bị cầm đợ phát-mại đấu-giá (*vente aux enchères*) để trừ tiền nợ của mình mà thôi. Các chủ cho vay tiền chắc sẽ kiếm cớ để tránh lệ bị cấm đó mà đại-khái dùng cách điền-mại, nhưng người mắc nợ bao giờ cũng có quyền bộc-bạch trước tòa án, nói rõ cái mưu của bên kia cho tòa án biết, và nếu có bằng-chứng rằng giá điền-mại không bằng nửa giá thực của bất-động sản thì bao giờ cũng có thể xin thủ-tiêu khế-ước vì quá thiệt-hại cho mình.

Bản thảo lại qui-định về quyền đề-đang (*hypothèque*), nhưng nói rõ rằng các điều-khoản thuộc về mục này chỉ bao giờ tổ-chức xong sở quản-thủ văn-tự về điền-thổ (*Conservation de la propriété foncière*) ở các tỉnh mới bắt đầu thi-hành. Vì trước khi đặt ra sổ điền-thổ để đăng-ký các văn-tự đề-đang thì không có cách nào công-bố các văn-tự đó được.

Lệ đặc-quyền lấy trước (*droit de préférence*) chiếu theo tính-cách khoản nợ, thì trong luật An-Nam không có. Vậy bản dự-thảo nay cũng không đặt ra các đặc-quyền đó, để sau này bao giờ cần đến sẽ đặt.

Có mấy khoản thuộc về thương-luật (*droit commercial*) cũng biên-tập vào trong bản dự-thảo Dân-luật này. Bởi thế nên cách-thức lập hội buôn đặt: tiếp theo mục khế-ước về hội-xã. Là bởi lẽ rằng hiện nay làm bản một bộ thương-luật thì khi sớm, nhưng cũng cần phải có luật-lệ để qui-định

các hội buôn-bán của người An-Nam lập ra với nhau. Xưa nay vì không có luật-pháp, cũng không có lệ-tục, nên các hội đó vẫn theo luật Đại-Pháp. Bản dự-thảo này dành một phần trong bộ Dân-luật cho các hội buôn, vì Dân-luật là luật thường thuộc về tư-pháp (*droit privé*), nay thuộc về các hội buôn vừa châm-chước theo luật Đại-Pháp vừa định ra các điều-khoản giản-dị thích-hợp với tình-thế bản-xứ.

* *

Quyển thứ tư nói về các bằng-chứng. Quyển này là mượn theo thể-lệ trong Dân-luật Đại-Pháp, nhưng vẫn giữ các cách dẫn-chứng (*modes de preuves*) theo pháp-luật và tục-lệ An-Nam.

Ngoại-giả lại còn ít nhiều các điều-khoản để chỉ cho quan tòa biết cái phương pháp phải theo trong khi dự-thẩm cùng xét xử các việc, và khi luật khuyết-điểm hay hồi-nghĩa thì phải lấy gì làm bằng cứ.

Thiên sau cùng lại định về mấy điều trong lúc giao-thời cũng có chỗ khó-khăn. Như thuộc về lệ thời-hiệu thì định rõ chỗ giao-giới luật cũ với luật mới thế nào.

Ấy đại-khái bản dự-thảo bộ Dân-luật của hội-đồng chúng tôi đã biên-tập xong như vậy, xin đệ-trình để quan Thống-sứ ngài duyệt-y.

Ký tên :

MORCHÉ, chánh tòa Thượng-thẩm, chánh hội-đồng

GUILLEMAIN, nhất-hạng hành-chính quan
HOÀNG TRỌNG-PHU, Tổng-đốc Hà-đông
VŨ NGỌC-OÁNH, Tổng-đốc tại tòa Thượng-thẩm
} *Hội-viên*

— Ce n'est pas tant sur le plan politique que sur le plan économique que la situation est difficile.

L'Indochine, pays exportateur, a toujours vécu sur la production du riz. On a une fâcheuse propension, en France, à croire que l'Indochine est surtout une exportatrice de caoutchouc. En réalité la crise de caoutchouc est surtout une crise de spéculation bien plus qu'une crise de matière première.

Par contre le riz est la véritable valeur, la véritable richesse du pays. Sa production totale fut, en 1929, de 7 millions de tonnes, sur lesquels la Cochinchine a exporté 1.705.000 ; tonnes actuellement cette exportation s'est réduite à 800.000 tonnes. Voilà le véritable problème.

DE TASTES
député
(*Discours à la Chambre*)

Tình-thế khó-khăn ở Đông-dương không những về phương-diện chính trị mà lại nhất về phương-diện kinh-tế.

Đông-dương là một xứ xuất-cảng gạo, xưa nay vẫn sống về gạo. Ở Pháp hay có cái ý thiên cho Đông-dương là chỉ xuất-cảng nhiều về cao-su mà thôi. Thực ra thì cái tình trạng khủng-hoảng về cao-su là khủng-hoảng về đầu-cơ mà thôi, chứ không phải là khủng-hoảng về nguyên-liệu.

Đến như gạo mới là cái tài-nguyên đệ-nhất, cái giá-trị chân-chính của xứ này. Năm 1929, sản gạo tổng-số là 7 triệu tấn, trong số đó Nam-kỳ xuất-cảng được 1.705.000 tấn. Hiện nay số xuất-cảng hạ xuống 800.000 tấn. Ấy cái vấn-đề khó giải là ở đó.

(Lời ông nghị DE TASTES
diễn-thuyết tại Nghị-viện Pháp)

Remplacer la lenteur inerte par la rapidité agissante, tracer des routes là où serpentaient de marécageux sentiers, mettre en contact par la voie ferrée des intérêts qui s'ignoraient, éveiller à la vie, à la santé, au travail, des hommes qu'aveuglait l'étroitesse de leurs horizons, ouvrir enfin une avenue magnifique reliant le présent au passé, dans un pays sur qui le passé pesait vainement, c'était un but louable certes. Mais ce que la France veut avant tout, c'est animer à la poursuite de ce but ceux mêmes qui en sont l'objet, leur infuser un peu de la force qui est destinée à les pousser en avant. C'est pourquoi le voyageur qui parcourt les grandes villes de l'Indochine y remarque la place éminente occupée par les œuvres d'éducation et d'instruction publiques. Les indigènes ont compris que nous leur offrions d'un cœur désintéressé les résultats de nos siècles de culture et de travail et que *nous leur proposions, non pas notre mode de penser, mais nos méthodes pour vivifier leur propre pensée.* Ils savent que nous leur faisons brûler les étapes et que, en magiciens fraternels, nous les plaçons au même rang que nous, par delà les distances qui nous ont coûté tant de temps et d'efforts à parcourir. *Ainsi l'Annamite peut conserver sa propre culture comme une sorte de luxe, une religion intime, et s'approprier avec nos connaissances, le fruit de notre expérience, grâce auquel il nourrira et fera progresser sa personnalité et sa force sociale.*

Lấy sự nhanh-chóng hoạt-động mà thay vào sự chậm-chạp nhu-nhược; chỗ nào chỉ có những lối đi cong-queo lội-lầm thì mở thành đường cái rộng-rãi khang-trang; đặt xe lửa cho lợi-quyền cách-biệt được tiện-lợi giao-thông; đem những người mơ-màng ở trong cái vòng khuôn chật hẹp, mà đánh thức cho tỉnh dậy, cho có sinh-hoạt, có sức-khỏe, có hoạt-động; nói tóm lại là mở ra một con đường đẹp-đẽ thênh-thang để nối hiện-tại với kỷ-vãng, ở giữa một xứ mà cái sức kỷ-vãng nó vẫn đè-nén người ta mạnh lắm, đó vẫn là một cái mục-đích hay lắm. Nhưng nước Pháp chủ-ý muốn nhất là muốn cho những kẻ được hưởng cái ơn-huệ đó biết nhiệt-thành mà theo đuổi cho tới mục-đích, muốn truyền cho họ cái sức mạnh để tự họ tấn-tới lên. Bởi thế nên khách du-lịch đi qua các nơi thành-phố lớn xứ Đông-dương, thấy các công-cuộc giáo-dục khai-hóa cho người dân thật đã chiếm một địa-vị tôn-trọng. Người bản-xứ vẫn hiểu biết rằng chúng ta thành-tâm mà cống-hiến cho họ cái kết-quả của mấy mươi đời học-hành khó-nhọc của ta, và chúng ta dạy cho họ không phải là dạy cái lối tư-tưởng của ta đâu, chính là dạy những phương pháp của ta để cho họ tự chấn-chỉnh lấy tư-tưởng của họ. *Họ biết rằng chúng ta dạy cho họ con đường tắt để mà đi cho mau, khác nào như ông thầy phép vì tình thân-yêu mà dùng thuật tài để cho họ bước lên ngang hàng được với ta, vượt qua được cái quãng thời-gian lâu dài đã khiến cho ta phải ra công khó-nhọc biết bao nhiêu.* Như vậy thời người An-Nam vẫn giữ được cái văn-hóa cố-hữu của mình làm một món xa-xỉ, làm cái quốc-túy thiết-tha của mình, mà lại thu-hoạch được những điều tri-thức của ta, cái kết-quả của sự kinh-lịch của ta, nhờ đó mà phát-triển được nhân-cách, tăng-tiến được sức mạnh của mình.

Je crois que l'exemple de cette union antinomique qu'on a longtemps déclarée impossible entre Orient et Occident pourra être trouvé dans l'Indochine de demain. On y verra qu'un peuple peut évoluer et se moderniser sans se renier lui-même.

PIERRE PASQUIER
Gouverneur Général de l'Indochine

Thiên-hạ vẫn cho rằng Đông-phương với Tây-phương là phản-trái nhau, không thể hòa-hợp nhau được; tôi tưởng sự điều-hòa ấy có thể gây ra được ở xứ Đông-dương sau này. Đông-dương sẽ bày ra cái gương một dân-tộc vẫn tiến-hóa duy-tân, mà không bỏ mất cái tinh-thần cố-hữu của mình.

Lời quan Toàn-quyền PASQUIER

. ˙ .

Les peuples de tous les pays qui ont souffert, — qui souffrent encore aujourd'hui, — cherchent un soulagement dans de vagues formules ou poursuivent de chimériques panacées. C'est l'époque des extrémismes : extrémisme en politique, qui a conduit à de pitoyables parodies de gouvernement et de civilisation ; extrémisme en affaires, qui tour à tour nous a éblouis par des mirages spéculatifs ou plongés dans le plus sombre découragement ; extrémisme en toutes choses, avec ce résultat que l'on s'est attaché davantage au sens quantitatif qu'au sens qualitatif, dans le développement et l'interprétation de notre civilisation. C'est une époque de passions et d'appétits débridés, d'ambitions sans frein et de désirs subitement allumés. Et si jamais il fut nécessaire de prendre à cœur les leçons de la vie simple de Washington, d'étudier son caractère pour y retrouver les principes qui sont à la source du succès de notre nation, c'est bien aujourd'hui. Car de tous les hommes publics qui ont joué un rôle dans la formation de notre peuple, Washington est celui qui condense mieux les qualités auxquelles nous devons inévitablement faire appel lorsque nous sommes étreints ou obsédés par l'indécision. Plus que tout autre, il fut la personnification de la mesure, de la retenue, de la délibération calme, — qualités qui opposent à l'anarchie l'antidote le plus infaillible.

WALTER E. EDGE
Ambassadeur des Etats-Unis à Paris

. ˙ .

Các dân-tộc đã bị khổ-sở, — hiện nay vẫn còn khổ-sở, — xướng lên những chủ-nghĩa mơ-hồ để mong cho bớt nỗi đau-khổ, hoặc là theo tìm những phương thuốc hão-huyền ở tận đâu đâu. Đời này là đời cái gì cũng cực-đoan cả ; chính-trị cực-đoan, gây ra những tình-trạng quái-gở về văn-minh cùng chính-trị ; kinh-tế cực-đoan, đem những cách đầu-cơ mà huyễn-diệu người ta, rồi lôi người ta vào cái vực sâu thất-vọng ; cái gì cũng cực-đoan hết thảy, kết-quả đến trong cách phát-đạt cùng giải-thích văn-minh đời nay chỉ biết trọng phần lượng *mà không biết trọng phần* phẩm. *Đời này là đời dục-tình phóng-túng, lòng tham vô độ, bụng dục bời-bời. Nay xét cách ăn-ở giản-dị của Hoa-thịnh-đốn, xét ra tính-cách ông là gồm những nguyên-tố làm cho nước Mĩ được phú-cường, bài học đó tưởng không bao giờ đáng đem ra mà nghiền-ngẫm bằng ngày nay. Vì trong các nhân-vật đã có công trong việc dề-tạo ra nước chúng tôi, Hoa-thịnh-đốn quả là người đã gồm được những đức-tính mà chúng ta phải cần đến trong khi phân-vân do-dự vậy. Ông tiêu-biểu được hơn những người khác mấy cái đức-tính, như điều-độ, ôn-hòa, bình-tĩnh quả-quyết, — những đức-tính ấy có thể dùng làm thuốc để trị cái ác hỗn-loạn điệu tâm.*

Lời ông WALTER E. EDGE,
đại-sứ nước MĨ ở *Paris*

TRIỆU ÚY-ĐÀ

Trước kỷ-nguyên hai trăm năm, Triệu Úy-Đà đã xuất-hiện. Bấy giờ nước ta vua Thục An-Dương 蜀安陽 đương đời vua Thủy-hoàng 始皇 nhà Tần. Vua Thủy-hoàng là một tay hùng-cường quả-cảm, đánh đông dẹp bắc, thanh-thế lừng-lẫy khắp cả chư-hầu, nghe nước Việt ta sẵn có châu-báu, chỉ muốn tâm-thực đã lâu; nếu nước ta không vào tay họ Triệu quản-trị, thời dẫu trăm nghìn cái nỏ của vua Thục chưa hẳn đã địch được với Cường-Tần. Khen thay Triệu Úy-Đà lấy một chức huyện-lệnh xuất-thân, mà trí đủ thừa-cơ nhà Tần loạn mà tự-lập, tài đủ khuất được uy nhà Hán mà tự-cường, sức mạnh đủ phục được nước Âu-mân 歐閩 mà khống-chế muôn dặm. Vả đánh nước Thục không phí một mũi tên mất một hòn đạn mà cũng tự chiếm được giang-sơn, đó chả phải là bậc anh-hùng tạo thời-thế đấy dư! Tạo thời-thế tất phải có tài-năng, có mưu-lược, có trí-thức, thấm được thời-thế rồi sau mới tạo được thời-thế; như Triệu Úy-Đà thật là thiên-cổ vĩ-nhân. Vả trước xưa nước ta họ Kinh-dương, họ An-dương đều xưng-vương, đến Triệu Úy-Đà mới nghiễm-nhiên tự-xưng Hoàng-đế, thế thời cái huy-hiệu Hoàng-đế xuất-hiện ở nước Nam ta bắt đầu tự họ Triệu trước. Ai bảo họ Triệu không phải là người nước Nam ta mà không đáng kính-chúc không đáng sùng-bái hay sao? Vậy xin tham-đính các truyện biên thành một đoạn lịch-sử này để cống-hiến các nhà sử-học.

***

Triệu Úy-Đà người Chân-đinh, trước làm quan huyện Long-xuyên đời nhà Tần; lúc ấy nhà Tần muốn quản huyện nước ta, sai quan Hiệu-úy Đồ-Thư 屠雎 đốc-suất binh-mã và Sử-Lộc 史祿 (tổ-tiên vốn người nước Việt) vận tải lương-thực kéo quân qua Lĩnh-nam, chiếm lấy đất Lục-lương (người Lĩnh-nam có tính lục-lăng cho nên gọi là Lục-lương, cũng như người Mường, Mán có tính dã-man, nên gọi là Mường, Mán), đặt ra ba quận, quận Quế-lâm (thuộc Quảng-tây), quận Nam-hải (thuộc Quảng-đông), quận Tượng-quận (tức là Giao-chỉ), sai Nhâm-Hiêu 任囂 làm quan úy Nam-hải, Triệu Đà làm quan lệnh Long-xuyên, phàm những thú-binh năm mươi vạn ở đất Ngũ-lĩnh, đều thuộc quan úy Nam-hải quản-lĩnh. Bởi vậy Triệu Đà cùng với Nhâm-Hiêu mới có chí mưu đánh nước ta. Bấy giờ Nhâm-Hiêu ở Nam-hải không quen thủy-thổ, bị bệnh kịch; gọi Triệu Đà bảo rằng: « Nhà Tần tàn-bạo, thiên-hạ ta-oán, trong nước hiện nay có lũ Trần Thắng 陳勝, Ngô Quảng 吳廣 nổi binh làm loạn, chưa biết lộc nhà Tần lại về tay ai. Ta tưởng đất Nam-hải này xa cách Trung-hoa, sợ khi giặc cướp nổi lên tất nó tràn sang đây để làm sào-huyệt, nghĩ nên đem binh phòng-triệt những đường đi lại, đợi xem biến-cục ra thế nào. Vả quận Nam-hải đất Phiên-ngung, đằng trước có sông, đằng sau có núi, cũng là một nơi thiên hiểm, ý trời dãi anh-hùng riêng cái địa-bộ độc-lập đấy chăng? Vả ở chỗ ấy chiêu-tập những bậc anh-hào cũng dễ, ta tưởng cũng có cái cơ-hội làm được, ngại chi mà không làm. Nhưng nay mệnh ta không biết chết sống thế nào, nên cùng ngươi bộc-bạch tâm-sự, ngươi đừng

nên phụ cái lòng ta ký-thác, còn những trưởng-lại ở đây, rặt là túi cơm giá áo, ta không đủ bàn ». Triệu Đà nghe nói lấy làm hợp ý-kiến của mình, liền vâng lời cảm tạ.

Rồi mà Nhâm-Hiêu chết, Triệu Đà thay giữ binh-quyền liền đưa tờ hịch cho các châu-quận rằng : « Nay giặc đã đến nơi, ta cần phải đem binh phòng-bị các lối, đâu đấy hào kiệt nghe tin, lập-tức kéo quân đến ứng-viện, thừa-cơ giết những các trưởng-lại nhà Tần, rồi đem thân-thuộc thay làm chức quận-thủ ».

Triệu Đà lại thừa được thanh-thế suất tướng-sĩ vào đánh vua Thục An-Dương đóng quân ở núi Tiên du. (Núi ấy nhất-danh là núi Lạn-kha, có bàn cờ đá, tục-truyền có hai người tiên đánh cờ, tiều-phu đi lại thường trông thấy, nhưng biến-hiện không thường, nên gọi là núi Tiên-du). Khi giao-chiến vua Thục cậy có cái máy nỏ rất là uy-linh, máy ấy tục truyền khi vua đắp thành Cổ-loa thần Kim-qui trút móng tặng cho, nhân mệnh ngươi Nỗ-Cao chế làm nỏ thần, một phát muôn trúng, giặc không dám phạm. Triệu Đà biết là nỏ thần, thế mình không thể địch được, lui đóng ở núi Vũ-linh (nay thuộc huyện Vũ-giàng) khiến sứ đưa thư giảng-hòa và giả-cách ngoại giao rất là chu-trí. Vua Thục lấy làm tự-đắc, bèn chia đất Bình-giang (tức là sông Thiên-đức) trở về phía bắc giao Triệu Đà quản-trị ; từ sông Bình-giang trở về bên nam thời thuộc mình quản-trị. Triệu Đà tiếp được hòa-ước như vậy, bèn sai con là Trọng-Thủy 仲始 đến làm lễ *chí* 質 và xin kén công-chúa. Vua Thục liền đem con gái là nàng Mị-Châu 媚珠 gả cho. Khi Trọng-Thủy đã kết được hôn-nhân, dụ nàng Mị-Châu trộm cái máy nỏ để xem thần-kỳ thế nào, rồi mới đem cái máy khác thay vào không lộ cho ai biết. Một hôm thác cớ cáo với vua Thục xin về thăm quê. Lúc đăng-trình từ-biệt dặn nàng Mị-Châu rằng : « Ngày khác ta lại tới đây, vạn-nhất hai nước sinh ra sự hiềm-khích, ta cùng với nàng chả chắc có gặp nhau không, thế thời khi ấy lấy gì làm ghi-tích để ta nhận lối tìm được đến nơi. » Mị-Châu nói : « Thiếp có cái chăn gấm dệt bằng lông con ngan, vẫn thường đeo ở trên mình, hễ thiếp đi đến đâu hoặc rẽ lối nào sẽ nhổ cái lông ấy rắc ở trên đường, chàng nhận cái dấu ấy thời thiếp ở nơi nào chắc cũng tìm thấy. » Nói dứt lời thời Trọng-Thủy từ-biệt, nhảy lên cật ngựa, nghìn dặm như bay, ngờ đâu cái nỏ thần đã theo gót ngựa mà đi mất rồi. Trọng-Thủy đem về đưa cho Triệu-Đà, Triệu Đà hai tay nâng lấy mừng mà nói rằng : « Cái thần-vật này đã về tay ta, Thục-vương ta không đủ sợ. » Bèn định ngay quyết-kế tiến-binh đến đánh. Vua Thục không biết cái nỏ thần ấy mất, binh đến nơi vẫn ngồi nghiêm-nhiên đánh cờ, dương-dương tự-đắc, bảo : « Triệu Đà không sợ cái nỏ của ta hay sao ? » Quân Triệu Đà đã sấn đến bên, mới giương nỏ ra bắn, thời cái máy không được như trước nữa, ngạc-nhiên kinh-sợ, dắt nàng Mị-Châu cùng nhảy lên cật ngựa chạy ra bể nam, đến bãi bể cùng lối, liền hô lên ba tiếng : « Thần Kim quy, thần Kim-quy ra đây cứu ta ! » Bỗng tự-nhiên thấy thần Kim-quy ở dưới nước nhảy lên nói rằng : « Người con gái cỡi ngựa ngồi sau chính là giặc đấy ! » Thục-vương mới biết mất cái nỏ ấy vì nàng Mị-Châu, bèn giơ gươm chém, Mị-Châu kêu rằng : « Lạy cha, con đây muôn tội, quá nghe lời chàng đến nỗi mất bề trung-hiếu. Vậy xin hóa làm ngọc châu để mong rửa hổ » Nói xong gieo mình lăn xuống bãi bể, máu hòa với nước, con chai hấp cái máu ấy sinh ra ngọc châu. Vua Thục thấy

nàng Mị-Châu chết để lòng thương xót, liền cầm cái ngọc tê nhảy xuống bể mà hóa đi mất.

Trọng-Thủy biết tin Mị-Châu cùng với vua Thục thoát đi mất rồi, bèn theo cái vết lông con ngan tìm đến bãi bể thời đã thấy nàng Mị-Châu nằm ở đó, khóc mà than rằng: « Thương ai mà lại trách mình, được trung được hiếu mà lại bạc tình với ai! » Bèn đưa thây về chôn ở bên thành Cổ-loa. Thành ấy thuộc xã Cổ-loa huyện Đông-ngàn, thành đắp chín trùng xoáy tròn như hình chôn ốc, cho nên gọi là Loa-thành, trong thành có cung vua An-Dương-vương, cung mất mà nền cũ vẫn còn. Không bao lâu Trọng-Thủy thương nhớ Mị-Châu cũng đâm đầu xuống giếng chết.

Than ôi! họ Hồng-bàng dựng nước đã hơn hai nghìn năm, chỉ có một việc thiên-binh thiên-mã của ông Đồng-Thiên-vương đánh Ân-tặc mà thôi, chưa thấy có cuộc chiến-tranh gì cả. Đến đời vua An-Dương diệt nước Văn-lang, mà cuộc chiến-tranh ở trong nước mới phát-hiện. Vua Triệu Đà diệt nước Thục, mà cuộc chiến-tranh với nước ngoài mới phát-hiện. Nhà triết-học phương Tây nói: « Tranh-cạnh ấy là phôi-thai tiến-bộ ». Tự đấy dân-tộc nước ta sức mạnh ngày thêm, óc khôn ngày mở, dần dần đến nay tiến-hóa lên bậc văn-minh, cũng bởi ở cái thời-kỳ họ Thục lưu-huyết ấy mà tạo-nhân vậy.

Họ Triệu đã diệt được nước Thục, tự-lập làm vua nước Nam, đóng đô đất Phiên-ngung. Lúc ấy gặp vua Hán Cao 漢高 đã lấy được thiên-hạ của nhà Tần, nghe tiếng Triệu Đà xưng vua nước Nam, sai Lục Giả 陸賈 đem tờ chiếu phong cho Triệu Đà làm Nam-Việt-vương và trao cho ấn-tín. Khi Lục Giả đến, Triệu Đà ngồi xổm, đối với sứ-giả không có lễ-độ. Giả giận nói rằng: « Ngài vốn người Hán, thân-thích phần-mộ đều ở đất Chân-định, nay lại bỏ cả lễ vua tôi, toan những quật-cường cùng với nhà Hán kháng-cự, chả lầm lắm dư! Vả đương lúc nhà Tần mất lộc, hào-kiệt bốn phương nổi như ong dấy, duy có vua Hán Cao trước vào Quan-trung giữ đất Hàm-dương, diệt được họ Hạng, trong năm năm chỉ ba thước gươm mà bình được thiên-hạ, cũng là lòng trời nương tựa, kể sức người có dễ đâu. Nay vua Hán nghe thấy ngài tự-chủ ở nước Nam, không có ý qui-phụ với nhà Hán, toan dẫn binh sang Nam để vấn-tội, chỉ vì thương trăm họ bấy lâu khổ-sở can-qua, nên còn hoãn binh lại, sai tôi tới đây trao cho ngài ấn-thụ ngài lẽ phải nên giữ lễ trở mặt về bắc mà xưng-thần, thế mới phải đạo nước nhỏ đối với nước lớn, thế mà lại ngang-nhiên ngạo-mạn không biết trọng sứ-giả, tức là không biết trọng vua Hán. Vạn-nhất vua Hán bất-bình, đào cả phần-mộ, giết cả thân-thích nhà ngài, đem quân đến đánh nước Việt, thời ngài xử-trí như thế nào? » Vua Triệu hoảng-nhiên đứng dậy mà tạ rằng: « Tôi bấy lâu xa cách thiên-triều, lễ-nghĩa chưa kịp giảng đến, xin sứ-giả lượng thứ cho, nay mới sứ-giả nghĩ lại đây để tôi được đàm-đạo tâm-sự thời tôi lấy làm hân-hạnh lắm. » Nhân hỏi Giả rằng: « Tôi nghe tiếng Tiêu Hà 蕭何 Tào Tham 曹參 có tài danh-tướng, nhưng so với tôi thời ai hơn? » Giả nói: « Mỗi người hay mỗi cách, chưa chắc ai hơn ai ». Lại hỏi: « Vua Hán Cao tài-lược so với tôi như thế nào? » Giả nói: « Vua Hán Cao nối nghiệp năm đời để ba đời vương, nhất-thống Trung-quốc, không những tài-lược hơn người, lại có lòng khoan-nhân đại-độ mới hay áp-đảo quần-hùng, định được thiên-hạ, đế-vương trở về sau chưa có ai hơn được; còn như

ngài mếch ở một góc, binh chẳng qua hơn mười vạn, đất chẳng qua vài nghìn dặm, so bằng một quận nhà Hán mà thôi, sao được vi với vua Hán». Triệu Đà cười mà rằng: « Ta trách ta không dấy ở trung-nguyên, nên phải chịu biệt-lập giang-sơn nước Việt; nếu ta được xử cái địa-vị như vua Hán Cao thời ta cũng không chịu kém, nhưng ta vẫn phải thầm-thời lượng-lực, chứ ta có dám tranh-giành gì đâu.» Rồi lưu Lục Giả ở lại hai tháng, khoản-đãi rất là ân-cần, nói: «Nay được ông vâng mệnh vua tới đây, may được tiếp chuyện cũng có rộng thêm kiến-thức ít nhiều.» Khi Giả về tặng đồ hành-tẩu, giá đến nghìn vàng.

Đoạn rồi vua Hán Cao mất, bà Lã-hậu 呂后 coi chính trong triều, hạ chiếu cấm nước Nam-Việt những chỗ đồn chợ không được bán các đồ sắt và trâu bò cùng các đồ làm ruộng. Triệu Đà biết tin nói rằng: «Vua Hán Cao lên ngôi ban cho ta ấn-tín, ta vẫn thường sai sứ cống hiến phương-vật, không có nghi-nhị chút nào, nay bà Lã nghe ai mà lại khinh-thị nước Việt ta như vậy, tất là vua Trường-sa muốn ý thanh-thế nhà Hán chực chiếm nước ta để lập lấy công-trạng chăng.» Bèn tự xưng Hoàng-đế, phát binh đến đánh Tràng-sa, chiếm lấy Biên-quận, rồi kéo quân về. Bà Lã-hậu biết tin quân Triệu Đà đến cướp Tràng-sa, liền sai hầu Long-lư là Chu Táo 周灶 cử đại-binh đến đánh nước Việt. Nhân gặp mùa hạ nắng bức, sơn-lam chướng-khí, quân-sĩ bị bệnh chết cũng nhiều, bèn kéo quân về. Vua Triệu đưa thư cho hầu Long-lư ý nói muốn nhà Hán bảo-tồn lấy con cháu họ Triệu và xin bãi hai quan tướng ở Tràng-sa khiến hai nước hòa-thân như cũ. Hầu Long-lư tiếp được thư đưa về bà Lã-hậu, bà Lã-hậu không bằng lòng, bỏ thư không hỏi đến.

Tự đấy vua Triệu uy-thanh chấn-động cõi Nam, phía bắc có nước Mân-việt (nay tỉnh Phúc-kiến), nước Đông-âu (nay tỉnh Chiết-giang) đều là con cháu ông Câu Tiễn 勾踐 trước vẫn phiên-thần nhà Hán, nay phải hàng-phục vua Triệu, thống-kế nước Nam-Việt quản-lĩnh địa-hạt, tự tây sang đông, gần một vạn dặm, nghiễm-nhiên thành một nước đế-quốc ở xứ Á-đông. Vua Triệu xưng hiệu Hoàng-đế, nhà vàng cờ đạo bên tả, nghi-vệ coi như một vị thiên-tử nhà Hán vậy.

Rồi mà bà Lã-hậu mất, vua Hán Văn-đế 文帝 lên ngôi, biết tiếng Triệu Đà khí-thế ngày mạnh chưa dễ lấy binh-uy mà khuất được, không bằng lấy ơn-tín để phủ-dụ dần dần thời phải hơn. Bèn hạ chiếu đặt quan thủ Chân-định để coi giữ phần-mộ, tuế-thời phụng-tự và vời con cháu họ Triệu ban cho quan-tước, lại sai quan sứ là Lục Giả trước đã đi sứ một lần, nay lại cầm tờ thư đưa cho vua Triệu, ý nói rằng: « Trẫm là con thứ vua Cao-hoàng, trước vâng mệnh ra bắc-phiên ở nước Đại, quan-sơn xa cách, không biết triều-đình đối-đãi với Triệu-vương như thế nào, lâu nay bà Cao-hậu coi giữ triều-chính, họ Lã chuyên-quyền lộng-phép, lại lấy con người họ khác mà nối vua Hiếu-huệ 孝惠 lên ngôi, may nhờ được uy-linh của tôn-miếu còn a-hộ họ Lưu, cùng các công-thần giúp đỡ, chính là hạnh-phúc nhà Lưu, nay trẫm trên thuận mệnh trời, dưới theo lòng người, giữ nền xã-tắc, ngày đêm lo sợ, mong thế nào cho khỏi phụ cái chức-trách mới yên. Đến như việc biên-cương, trẫm lại càng lưu-ý lắm. Trẫm nghe trước Triệu-vương đưa thư cho hầu Long-lư trẫm hiểu ý rồi, hiện đã bãi tướng-quân ở Tràng-sa, còn những thân-nhân ở đất Chân-định thường thường sai sứ đến thăm, và tiên-nhân phần-mộ sửa-sang rất là cẩn-thận, đó

là cái lòng thành-thực đối với Triệu-vương, không biết Triệu-vương đã rõ chưa Trẫm lại nghe Triệu-vương trước kia vẫn bất-bình với vua Tràng-sa dem binh đến đánh, khiến dân Tràng-sa khốn-khổ về sự binh-qua, Triệu-vương lấy thế làm lợi cho nước mình có đáng không? Vả dùng binh tất phải hao quân tổn tướng, khiến cho vợ người ta ở góa, con người ta mồ-côi, bố mẹ người ta cô-độc, trẫm không nhẫn làm, trẫm chỉ mong bốn phương vô-sự, dân-sinh không đến nỗi đồ-thán, chính là lòng hi-vọng của trẫm vậy. Vả đức Cao-hoàng ngày trước lấy đất Tràng-sa làm giới-hạn bắc-nam, nên trẫm không muốn tự-tiện biến-đổi; nếu nay có đánh được cương-thổ của nước Việt cũng không đủ làm lớn, chiếm được tài-sản của nước Việt cũng không đủ làm giàu. Bởi vậy Ngũ-lĩnh trở về nam mặc lòng Triệu-vương tự-trị. Chỉ hiềm một lẽ Triệu-vương tiếm-hiệu Hoàng-đế, thế thời bắc-nam lại chia ra làm hai Hoàng-đế, ấy là cái ý cạnh-tranh mà không biết nhượng, kẻ nhân-giả không nỡ làm vậy. Trẫm chỉ mong vua Triệu xưng-vương đừng xưng-đế, khiến được thông-hiếu như cũ, cùng nhau hưởng cuộc hòa-bình, chẳ là đại-hạnh ư?» Triệu Đà tiếp thư tự nghĩ rằng nay mình lại chống cự với nhà Hán sợ sinh hiềm-khích, thời nước mình cũng không yên; bèn cảm tạ mà đáp rằng: «Tôi xin vâng chiếu làm kẻ phiên-thần, tuân giữ chức-cống.» Và dâng biểu-thư nói rằng: «Lão-phu này Triệu Đà trước đội ơn đức Cao-hoàng ban cho ấn tín, phong làm Nam-Việt-vương. Vua Hiếu-Huệ lên ngôi nghĩa không nỡ tuyệt, ơn-thưởng rất hậu, kịp khi bà Cao-hoàng chuyên-chính, khinh-bỉ nước Việt là rợ mọi, ra lệnh không được dem đồ vàng sắt và đồ làm ruộng bán cho nước Việt, lão-phu tưởng như vậy thậm là ức-chế, nhân sai Nội-thư Phiên, Trung-thư Cao, Ngự-sử Bình ba người ấy thay mặt đến cửa khuyết để tạ lỗi, không biết tình-ý thế nào lâu nay không thấy trở về, mà cũng không thấy thượng-quốc chiếu-chỉ ra làm sao. Lại phong-văn phần-mộ cha mẹ tôi ở đất Chân-định, đều bị hủy-hoại, lại đến anh em thân-thích cùng bị tru-diệt, lòng tôi phẫn-uất, không biết chừng nào, bởi vậy xưng hiệu Hoàng-đế, chẳng qua để ở nước mình mà thôi, chứ có can-phạm gì đến thiên-hạ nhà Hán. Thế mà bà Cao-hậu nghe lời sàm-báng của vua Tràng-sa, sinh lòng yếm-bạc, dem binh đánh phá biên-ấp, thậm là thiệt-hại. Lão-phu này ở nước Việt đã 49 năm, đến nay đã có cháu mà vẫn đêm ngày lo sợ, nằm không yên giấc, ngủ ăn không biết mùi ngon, mắt không coi đến sắc đẹp, tai không nghe đến tiếng nhạc, chỉ vì một điều không được giao-thông với nhà Hán mà thôi. Nay cẩng bệ-hạ có lòng thể-tất, nghĩ đến chỗ phiên-thần, lại cùng thông-hiếu như trước, lão-phu này dám xin khắc xương ghi dạ, đội đức không quên, từ đây xin đổi hiệu Hoàng-đế, nhân có lễ-vật cống-hiến, xin bệ-hạ rộng lòng thương đến phiên-thần, cảm ơn muôn tạ, dâng một đôi ngọc trắng, mười bộ sừng con tê, năm trăm con đồi-mồi, nghìn con chim chả, khổng-tước một đôi, quế-đố một hộp.»

(Quế-đố tục ta gọi là Đà-cuống, nghĩa chữ quế-đố tức là sâu cây quế, ăn có mùi thơm, khi Triệu Đà dem cống, nhân mệnh-danh là quế-đố Vua nhà Hán cho là ông Đà nói dối nhân gọi là Đà-cuống, Đà-cuống nghĩa là ông Đà nói dối vậy. Vật ấy các tỉnh và thôn-quê chỗ nào cũng sẵn, nhưng ở Tây-hồ thời có hương-vị hơn.)

Lục Giả cùng với sứ họ Triệu đưa thư và phương vật đến cống. Vua Hán vui-vẻ không có giới-ý gì với Triệu Đà nữa, tự đấy bắc nam giao-hiếu, dân-sự thôi binh. Tuy vậy vua Triệu Đà phàm khiến sứ vào nhà Hán thời xưng-

vương, nhưng ở trong nước vẫn còn giữ cái huy-hiệu Hoàng-đế, ở ngôi bảy-mươi-mốt năm, thọ một trăm hai-mươi-mốt tuổi.

Than ôi! họ Triệu thừa cái loạn nhà Tần chiếm giữ duyên-biên Lưỡng-Quảng (Quảng-đông và Quảng-tây.) lúc ấy nhân được ông Hán Cao chán việc vũ-công, ông Văn-đế chuyên-thượng văn-học, ban cho ấn-tín, trao cho sắc-thụ, Lục Giả hai lần sang sứ, đối Triệu Đà như là nước anh em vậy. Người khác đương cái địa-vị ấy tất cùng với nhà Hán tranh-giành, thế mà Triệu Đà tiếp được thư của ông Văn-đế lại xưng-thần phụng-cống như trước, chính là bậc anh-hùng thầm thời-vụ vậy. Bởi vậy mới hay mở nước muôn dặm, truyền ngôi trăm năm, bỏ man-tục mà đổi làm y-thường, dẹp can-qua mà hóa làm ngọc-bạch, dân yên nước tĩnh, chính là công Triệu Đà vậy. Ông Ngô Thời-Sĩ khen là nhất-thời danh-chúa, tưởng cũng không phải là quá-đáng. Tuy vậy ông Triệu Đà đối với nước Tàu thật là một tay thủ-đoạn anh-hùng, nhưng đối với dân-tộc Việt-Nam thời chưa có chút gì ích-lợi. Vì lúc ấy người Tàu cai-trị nước ta chẳng qua lợi nhiều châu-báu và khoa-diệu cái nghiệp vương nghiệp đế lấy làm vinh, chứ không có cái chính-sách thực-dân gì cả. Ông Lê Văn-Hưu khen ông Triệu Đà cũng như ông Cơ-Tử, ông Thái-Bá, đó là quá khen. Kia xem ông Cơ-Tử đi sang Triều-tiên vì dân mà biến-cải phong-tục giáo-hóa, đến nay hãy còn, ông Thái-Bá lấy cả thiên-hạ mà nhượng cho vua Thái-vương, không những là đất Kinh-man, cái đức tốt chưa dễ ai kịp. Còn như Triệu Đà quận-huyện nước ta chỉ biết mở cho nhiều đất, thu cho nhiều tiền, ngọc bích nộp ở sân nhà Hán, nghìn vàng để đầy cái túi Lục Giả mà thôi, đến như việc giáo-hóa phong tục cùng là cách cầy cấy, lễ hôn-nhân có quan-thiết đến thực-nghiệp của xã-hội không thấy lưu-tâm chi cả, sao được gọi là ân-nhân của nước ta.

Vua Triệu Đà mất, thụy là Vũ-đế, cháu là Triệu Hồ là con Trọng-Thủy, nối ngôi. Năm thứ hai vua Mân-Việt là Sinh 郢 đem quân cướp biên-cảnh, vua Triệu giữ ước nhà Hán không dám thiện-tiện dấy binh, sai sứ vào tâu với vua Hán. Vua Hán liền khiến Vương Khôi 王恢 đem quân ra đất Dự-chương, Hàn An-Quốc 韓安國 đem quân ra đất Cối-kê, hợp hai đạo quân tiến đánh. Vua Hoài-nam là An dâng tờ thư can vua Hán rằng: « Ở ngoài phiên-phục không cần gì phải lấy pháp-luật mà thi-hành, không phải là mạnh không hay phục được họ đâu, không phải là uy không hay chế được họ đâu, vì viễn-biên xa cách, không cần gì phải quoài-lự đến. Nay bệ-hạ phát-binh ra đánh, quân đi mùa bức, gặp phải lam-chướng, tất sinh tật-dịch, ấy là vì rợ mọi mà hại đến dân Trung-quốc, tưởng lòng nhân-tuất không nỡ làm như vậy. Chẳng gì bằng sai sứ đến nơi phủ-dụ, khiến họ biết cảm-phục đức-hóa của triều-đình. Đấng tiên-vương ngày trước Nhu-viễn-hoài-hầu 柔遠懷侯 cũng dùng đạo ấy. » Thư dâng vào thì đã phát-quân rồi. Lúc ấy quân nhà Hán chưa kịp qua Ngũ-lĩnh đem binh chống-cự. Em Sinh là Dư-Thiện 餘善, giết Sinh, suất bộ-thuộc ra hàng. Vua nhà Hán được tin thắng-trạng, lập tức sai Trang-Trợ 莊助 đến bảo cho Triệu-vương biết. Triệu-vương tạ rằng: « Nay thiên-tử đem binh trừ được giặc Mân-Việt, công-đức vô-lượng, chết không lấy gì báo được, xin cho con là Anh-Tề 嬰齊 vào làm con tin. » Bấy giờ Anh-Tề sang ở bên Hán, đóng tại Trường-an, lấy con gái họ Cù làm vợ, sinh được con trai mệnh danh là Triệu Hưng.

Họ Triệu suy, cái nguyên-nhân ấy cũng bởi tự con gái họ Cù mà sinh-xuất. Cổ-nhân nói: «Nhà với nước, hưng hay suy, thành hay bại, cũng quan-hệ ở người phụ-nhân». Cho nên vua Văn lấy được bà Hậu-phi mà nhà Chu hưng, chúa Kiệt lấy được nàng Bao-Tự mà nhà Thương mất. Như thế thời làm vua trong nước cũng phải nên chọn cái người hảo-cầu thục-nữ làm trước; nếu chọn không được người, sao đáng gọi là mẫu-nghi.

Triệu Hồ lên ngôi được mười hai năm, thọ được năm-mươi-hai tuổi thì chết. Anh-Tề tiếp được hung-tin, ở Trang-an về nối ngôi, hiệu là Minh-vương, tôn họ Cù làm Hoàng-hậu, Triệu Hưng làm Thái-tử, cử Lã Gia làm Thái-phó để giúp chính. Bấy giờ nhà Hán hằng khiến quan sứ dụ vua vào triều, bắt phải tuân phép-luật nhà Hán, vua sợ thác cớ xưng bệnh không vào. Bèn sai con thứ để đi thay mặt. Vua lên ngôi được mười hai năm, con là Triệu Hưng nối ngôi, hiệu là Ai-vương.

Trước xưa họ Cù chưa về với họ Triệu, vẫn cùng An-quốc Thiếu-Quý 安國少季 có tư-tình với nhau. Năm ấy nhà Hán sai Thiếu-Quý dụ vua Ai-vương cùng bà Thái-hậu họ Cù vào triều, nhưng vua Ai-vương tuổi còn nhỏ từ-cáo không đi, bà Cù-hậu lại cùng Thiếu-Quý tư-tình, việc đó bại-lộ, thần-dân ai cũng biết, đâu đấy huyên-truyền rằng vua nhỏ bà Thái-hậu có ý mạn phép chuyên-quyền. Nhân thế bà Thái-hậu hoảng sợ, muốn cậy uy-thanh của nhà Hán khuyên vua cùng quần-thần đem địa-dư cùng đinh-tịch nội-phụ với nước Tàu. Lúc ấy vua cùng bà Thái-hậu chỉnh-sức đồ hành-trang cùng cống-phẩm để vào triều, thừa-tướng là Lã Gia can vua không nên đi, và đừng tin cái mưu nội-phụ của bà Cù-hậu, nhưng vua không nghe. Nhân một hôm đặt tiệc rượu mời sứ-giả cùng các quan đại-thần đến dự tiệc, đương uống rượu say, bà Cù-hậu bảo Lã Gia rằng: «Nước Nam-Việt nội-phụ với nước Tàu có đại-ích-lợi, thế mà tướng-quân cho là bất-tiện, là cớ gì?» Lã Gia lặng ngắt, liền đứng dậy. Bà Cù-hậu thịnh-nộ muốn cầm giáo đâm theo, vua Ai-vương liền cầm lấy mũi giáo giữ lại. Lã Gia may thoát ra ngoài, ngày mai cáo bệnh không vào triều, bèn mật-mưu với các quan đại-thần nổi binh làm loạn, hạ-lệnh cho quốc dân biết rằng: «Nay Ai-vương tuổi còn thơ-ấu, bà Cù-hậu vốn dòng nhà Hán, lại cùng với sứ-giả nhà Hán là Thiếu-Quý tư-thông, muốn đem cả đồ châu báu của tiên-vương để lại, vào dâng nhà Hán, để làm kế ô-mị. Những đồ bán nước tội không khá dung, vì họ chỉ biết cái lợi nhãn-tiền mà không nghĩ đến xã-tắc tôn-miếu của họ Triệu gây-dựng đã gần trăm năm, phí bao nhiêu là tâm-tư huyết-hãn, họ dám nhẫn-tâm như vậy, ta quyết thề cùng với quốc-dân và các đạo tướng-sĩ giết Cù-hậu cùng Hán-sứ để tạ linh-hồn các bậc tiên-đế ở dưới hoàng-tuyền.» Rồi lại bố-cáo cho cả vua Xương-ngô cùng hào-kiệt trong châu-quận biết rằng: «Nay xin dựng con trưởng vua Minh-vương là ông Kiến-Đức 建德 lên nối ngôi.»

Lã Gia đã dựng vua mới, nhà Hán sai Hàn Thiên-Thu 韓千秋 đem binh vào cõi, cách đất Phiên-ngung bốn mươi dặm. Lã Gia suất chư-tướng đem binh đón đánh, giết Hàn Thiên-Thu, rồi sai người niêm-phong cờ tiết của nhà Hán bỏ trong hòm đặt ở trên cửa ải, rồi đưa thư để tạ tội với vua Hán. Vua Hán nghe tin, lập-tức sai Phục-ba-tướng quân là Lộ Bác-Đức 路博德 đem quân ra Quế-dương và tướng-quân là Dương Bộc 楊僕 đem quân ra Dự-chương, Trịnh Nghiêm 鄭嚴 đem quân

ra Linh-lăng, Điền Giáp 田甲 đem quân ra Xương-ngô, hợp các đạo quân để tiến đánh Lã Gia. Bấy giờ Lã Gia cùng với vua Kiến-đức cố giữ thành Phiên-ngung, Bác Đức cùng với Dương Bộc phóng lửa đốt thành, rồi lại lập ra các dinh đồn sai sứ chiêu-dụ ai mà ra hàng thì ban cho ấn kiếm. Tướng-sĩ ở trong thành sớm mai đều kéo ra hàng, vua Kiến-đức với Lã Gia đêm trèo cửa thành trốn ra bể. Bác-Đức hỏi những quân ra hàng biết chỗ Lã Gia ẩn núp, liền sai quân-sĩ đuổi bắt Lã Gia cùng vua, giải về Tràng-an. Từ đấy nhà Triệu đã mất, quân nhà Hán thanh-thế ngày thịnh, quân Xương-ngô và quân Quế-lâm cùng nước Âu-lạc đều ra hàng, hai quan sứ nước Việt là bầy tôi trảo-nha của vua Triệu Đà kinh-sợ quân nhà Hán, bèn đem trăm con trâu nghìn hũ rượu và hộ-tịch quân Giao-chỉ, quân Cửu-chân đến nộp ở trước quân-dinh. Bác-Đức bèn cho hai quan sứ làm chức thái-thú quận Giao-chỉ quận Cửu-chân, trị-dân như cũ. Từ đấy nước Nam-Việt bèn nội-thuộc nhà Hán.

Ta xem việc nhà Hán với họ Triệu hai nước giao-hiếu, ta biết cái việc ngoại-giao không chuyên ở trong thành-tín, chuyên ở thế-lực mà thôi. Xưa nay các nhà ngoại-giao vẫn giữ cái cố thái ấy : họ Triệu thấy vua Hán Cao thế mạnh thời xưng-thần phụng-cống vua Hán Văn thấy Triệu Đà thế mạnh thì khiến sứ cầu thân hòa-hiếu ở bề ngoài, mà bề trong vẫn là cừu-địch, cho nên vua Triệu Đà đến lúc vãn-niên thường răn con cháu rằng : « Thờ nhà Hán giữ sao cho khỏi thất-lễ, chứ không nên vào triều, nếu vào triều thời tất có việc bại-sự. » Nếu con cháu họ Triệu ghi nhớ lấy lời nói ấy mà khắc vào đá, tạc vào xương, để làm cái gương thủ-thành, thời hai nước tình-hiếu tưởng cũng bền như kim-thạch vậy. Tiếc thay cho Anh-Tề vào triều, nhà Hán lưu ở Tràng-an, vì lấy con gái họ Cù mới gây nên cái thảm-trạng nhà tan nước mất, chả đáng phàn-nàn lắm dư !

Lạ thay vua Triệu Đà có tài anh-minh tiên-kiến, việc chưa phát-hiện mà đã đoán-định được những cuộc tương-lai, sinh-tiền làm đế, tử-hậu làm thần, khiến cho người ta hình hương đính-chúc, hiện nay đền thờ ở làng Đồng-sâm, phủ Kiến-xương (trước gọi là Chân-định) tỉnh Thái-bình rất là linh-ứng.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

TÂY-ĐÔ THẮNG-TÍCH

Thành Tây-đô 西都 ở về phía bắc huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa. Huyện ấy triều nhà Trần, đến niên-hiệu Diên-ninh nhà Lê vẫn gọi là huyện Vĩnh-ninh, năm Quang-thuận thứ bảy mới đổi là huyện Vĩnh-phúc, sáp-nhập phủ Thuận-hóa. Triều Tây-sơn lại gọi là huyện Vĩnh-lộc. Nguyễn-triều nhân đấy mà gọi tên huyện. Năm Minh-mệnh thứ mười sáu mới trích huyện ấy sáp vào phủ Quảng-hóa, phía bắc giáp sơn-phận huyện Thạch-thành, huyện Quảng-địa; phía đông giáp núi Khe huyện Tống-sơn huyện Nga-sơn; bên nam đến sông Bông cùng với huyện Mĩ-hóa huyện Hậu-lộc đối-ngạn; bên tây đến sông Mã cùng huyện Cẩm-thủy huyện An-định hợp đồng. Rốt đời nhà Trần, Hồ Quý-Ly có chí thoán-nghịch, muốn bức vua Thuận-đế dời đô ra Thanh-hóa, bèn sai người đến xem địa-thế động An-tôn, rồi bắt dân-phu đắp thành đào ao, dựng nhà tôn-miếu và nền xã tắc, mở đường ngõ rất là khang-trang, gọi là thành Tây đô. Thành vuông mà rộng, rộng ba trăm mẫu, xây bằng gạch, nền bằng đá, cửa thành và đường-sá đều lát đá hoa, coi cũng tráng-lệ, chỉ hiềm bên tả bên hữu bức cận núi đá, không phải là chỗ đế-vương đóng đô. Bấy giờ bầy-tôi là Nhữ Thuyết-Thường 汝說常, can Quý-Ly rằng: «Động An-tôn bức hẹp, đóng đô không liền». Quý-Ly không nghe. Sau Hồ Hán-Xương gặp một người tiều-phú ở Na-sơn bàn đến địa-thế, người tiều-phu chê họ Hồ bỏ đất Long-đỗ mà qui-trọng đất An-tôn, nhưng Hán-Xương vẫn chưa tỉnh-ngộ. Sau cha con họ Hồ đều bị nhà Minh bắt, đời cho đó là địa-thế sử-nhiên vậy. Tục truyền khi mới đắp thành Tây đô, có một viên cống-sinh đốc-công biện việc chậm trễ, Quý-Ly sai người đem cống-sinh chôn sống ở dưới thành, vợ cống sinh là nàng Khương, lâu không thấy chồng về, đến đấy hỏi thăm thời mới biết cống-sinh đã bị tay cường-quyền giết sống rồi, liền lấy hai tay đập vào hòn đá và dậm chân khóc nức lên mà chết. Tục truyền đến nay hòn đá dấu tay đập hãy còn.

Bên nam thành có núi Đốn-sơn thuộc xã Cao-mật, trước Quý-Ly đắp thành, lấy núi Đốn-sơn làm nội-án, đắp đàn nam-giao ở trên núi, núi hình như cái cung, mở đường xe ngựa đi tự cửa nam thông đến chân núi, hình như mũi tên bắn vào trong thành, đó là mưu của ông Trần Khát-Chân định đem phong-thủy để trấn-áp họ Hồ vậy.

Ngoài núi Đốn-sơn lại có núi Đại-lai cao chót vót, coi như bức thành dựng. Quý-Ly đắp thành, lấy núi ấy làm ngoại-án, cải-danh là núi Kim-âu, dựng chùa Phong-công ở bên. Sau nhà Hồ mất, thành An-tôn lại bỏ hoang-phế.

Trạng-nguyên nhà Mạc chơi qua đó có thơ hoài-cổ rằng:

雲	暮	崇	巒	重	匡	仇
碣	美	蒲	黃	脾	睨	謀
自	謂	金	湯	持	守	閉
豈	非	歌	舞	後	塗	休
街	畔	春	色	花	長	好
山	外	蒸	雲	水	自	流
殘	堞	頹	中	蔓	枝	猶
雨	昏	烟	鎖	荻	蘆	秋

Diễn nôm

Cao-chi muốn họ đắp nên đài,
Khoác áo bồ vàng định cướp ngôi;
Cũng tưởng thành vàng ao nóng vững,
Đâu ngờ đàn vỡ dịp tan thôi;
Xuân về đầy ngõ hoa đua nở,
Oanh hót sườn non nước chảy xuôi;

Đồng-bào ở Vientiane đón tiếp quan Hoàng Trọng-Phu và ông Phạm Quỳnh.

(Tại hội Ái-hữu các viên-chức tòng-sự sở Nhà-nước)

Kính ảnh Dương Xuân-Quyết.

Đồng-bào ở Vientiane đón tiếp quan Hoàng Trọng Phu và ông Phạm Quỳnh.

(Tại hội Banh vợt)

Thành cũ ngẩm coi thêm ngán nỗi,
Gió lau hiu-hắt trận mưa vùi.

Đời Hậu-Lê niên-hiệu Hồng-đức, tiến-sĩ Vũ Quỳnh qua đó, xúc-cảnh sinh-tình, đề thơ ngụ ý chê Hồ Quý-Ly rằng:

荒山日暮草閑處
傑閣雕梁燕語春
多少芳華烟寺客
只懷山水不懷人

Diễn nôm

Non tây bóng xế ang mây vàng,
Giọng yến xôn-xao các mấy tầng.
Hỡi khách tầm-phương ai đó nhỉ,
Nhớ non nhớ nước nhớ người chăng?

Dưới núi Đốn-sơn có đền ông Trần Khát-Chân, ông người đất Hà-lương, huyện Vĩnh-lộc, làm chức thượng-tướng-quân đời nhà Trần, ba đời đều có công lớn. Triều vua Thuận-tôn năm Quang-thái thứ ba, ông đem quân đánh giặc Xiêm ở đất Hải-trào (nay thuộc huyện Hưng-nhân tỉnh Thái-bình), bắt được chúa Xiêm là Chế Bồng-Nga, đem dâng chỗ hành-tại, tự đấy giặc Xiêm không dám phạm đến ngoài biên nữa. Khi Hồ Quý-Ly mưu cướp ngôi nhà Trần, hội các đình-thần uống máu ăn thề ở núi Đốn-sơn, ông Trần Khát-Chân làm tiệc rượu ở trên lầu mời Quý-Ly và các quan đến hội ẩm, đương tiệc rượu đã định sai Phạm Ngưu-Tất, để giết Quý-Ly. Không ngờ mưu ấy tiết-lộ, không giết được Quý-Ly, mà ông lại phải bị hại, khi lâm-hình ông trèo lên núi Đốn-sơn gào lên ba tiếng, rồi tự-vẫn chết. Ba ngày thần-sắc coi như lúc còn sống vậy, ruồi nhặng không dám đến bậu. Rồi mà hiển-ứng, dân-cư chỗ ấy lập đền thờ, hiện nay hai mươi-chín xã thôn phụng-sự, kỳ-đảo việc gì cũng linh-ứng lắm. Dân chỗ ấy thường gọi là đền Thánh-Láng vì ngài quân ở làng Hà-lương, trước nguyên là làng Hà-Láng, cho nên mới gọi là Thánh-Láng.

Quan đốc-học người Hoằng-hóa là Nhữ Bá-Sĩ có thơ cảm-hoài rằng:

三世兵符一代英
逢辰緘縢苦支撐
頓山山上號聲咽
敝作悲風萬古鳴

Diễn nôm

Tướng quân đời vẫn giữ binh-phù,
Khẳng-khái còn toan chí diệt Hồ;
Lên đỉnh núi cao gào mấy tiếng,
Ào-ào trận gió thét nghìn thu.

Quan Tiến-sĩ Nghệ-an Nguyễn Xuân-Ân qua đền Phương-nhai vịnh thơ rằng:

海軍貞烈負剛腸
報國忠心露劍芒
新室已謀遼漢帝
留侯寧義畢韓王
陳家十世綱常重
頓嶺千秋俎豆香
假使當年甘畢賊
安能古廟永留芳

Diễn nôm

Tướng-quân tiết-liệt dãi cương-trường,
Yêu nước lòng son một kiếm vàng;
Nhà mới mưu toan dời chúa Hán,
Tước phong ơn dám phụ vua Hàn;
Nhà Trần đời vẫn noi đường mối,
Núi Đốn nay còn ngát khói hương;
Phỏng trước cam lòng phò đảng giặc,
Đền ai kỷ-niệm thác ai thương!

Phía nam lại có một dãy núi từ huyện Quảng-địa kéo đến xã Thiên-vực nổi lên ngọn núi gọi là núi Xuân-đài, trên có động gọi là động Hồ-công, dưới có chùa gọi là chùa Du-anh, đằng sau chùa có lối trèo lên qua bên động, quanh về trước mặt đứng cao mà trông thấy phía nam phía tây một dải như mở cái gương loan ở mặt tiền, sông Phi sông Lễ hai dòng như quanh khúc rồng ở bên dưới, núi lớn núi nhỏ sắp hàng hai bên, có cái núi hình như chim phượng-hoàng bay ở ngoài nội, có cái

núi hình như con voi con ngựa uống nước bên sông, cửa động có tượng đá, tượng ấy tục truyền tượng ông Hồ-công và Phí Tưởng-Phòng.

Liệt-tiên-truyện *chép khoảng đời Tây-Hán có ông Hồ công bán thuốc ở chợ Trường-an, đeo một cái hồ ở bên hàng, đến tối thì vào trong hồ nằm nghỉ. Ông Phí Tưởng-Phòng lấy thế làm lạ, hằng ngày dâng bánh cho ông Hồ-công. Một hôm kêu với ông Hồ-công xin cùng vào trong hồ, thấy trong hồ lâu-đài rất là tráng lệ, người hầu-hạ rất là lịch-sự, coi như cảnh tiên vậy. Phí Tưởng-Phòng lấy làm kinh-ngạc nói rằng : « Không ngờ đây lại chiếm riêng một cảnh kiền-khôn ». Hồ-công nói : « Ta vốn là tiên bị trích xuống trần, nên tạm-ngụ ở đây. » Tưởng Phòng nói : « Tôi muốn theo ngài học phép thần-tiên có được không ? » Hồ-công bèn dẫn vào trong núi dạy phép tu-luyện. Khi từ-biệt, Hồ-công trao cho cái gậy tre, tự đấy được phép rút đất. Một hôm ném cái gậy tre ấy ở xứ Cát-bi hóa ra rồng mà bay đi mất. Đời Lê niên-hiệu Hoằng-định năm thứ sáu, sửa lại chùa Du-anh có bài bia ký, lấy làm tượng ông Hồ-công, ông Tưởng-Phòng, nhưng không biết tượng ấy khắc từ đời nào. Hỏi người thổ-dân ở đó đều nói rằng : « Xưa nay tương-truyền người Trịnh Phác gặp ông Hồ-công theo học phép tu-tiên, khi từ-biệt trở về, Hồ-công trao cho cái gậy tre, về đến nhà thì đã trải ba đời. Phàm người ta có bệnh gì chỉ lấy cái gậy ấy trỏ thôi bệnh gì cũng khỏi. Đến sau Trịnh Phác đi tìm Hồ-công thời không thấy đâu cả, nên khắc hai tượng ấy ngồi đối nhau chính là tượng Hồ-công và tượng Trịnh Phác vậy.» Lời người thổ-dân so với truyện* Liệt-tiên *khác nhau, nhưng việc thần-tiên là sự hoang-đường, không cần phải thâm-cứu.*

Trong động có một khối đá như hình con cóc ngồi, lại có một cái hang đá, lấy đuốc mà soi, hai bên sắc đá như kim-sa nhấp-nhánh ; đến chỗ hang cùng lại có một cái giếng sâu ước hơn mười thước, rộng năm sáu thước, nước giếng trong mà có hương-vị. Vua Thuần-hoàng nhà Lê thường bảo An-Nam có ba mươi sáu động, động Hồ-công là bậc nhất, có ngự đề một bài thơ khắc ở đá rằng :

神 錐 鬼 鑿 萬 頂 山
虛 室 高 窗 宇 宙 寬
世 上 功 名 都 是 夢
壺 中 日 月 不 勝 閒
翠 陽 龍 化 玄 珠 墜
碧 落 泉 流 白 玉 寒
我 欲 乘 風 凌 絕 頂
望 窮 雲 海 有 無 間

Diễn nôm

Khuôn thiêng khéo tạc núi muôn trùng,
Cửa động thênh thênh gió dễ thông ;
Cuộc thế công-danh mơ-tưởng hão,
Bầu tiên phong-nguyệt thú vui cùng ;
Hạt châu rơi đất nghi rồng hóa,
Giọt ngọc tuôn trời rõ suối trong ;
Muốn cưỡi gió lên chơi đỉnh núi,
Trông mây trông nước tít tầng không.

Ông Lưu Công-Đào triều vua Gia-Long chơi động đề một bài rằng :

琴 劍 春 風 訪 梵 林
壺 公 迢 遞 一 登 臨
烟 霞 嘯 漢 人 何 處
宇 宙 寬 閒 洞 祇 今
岩 壁 留 題 苔 篆 老
雲 窗 斜 照 井 欄 深
此 中 樂 意 堪 誰 共
數 闋 長 歌 太 古 音

Diễn nôm

Gươm đàn hóng mát tới am mây,
Ngắm cảnh Hồ-công cũng đẹp thay ;
Khói mịt mưa mù người vắng tá,
Trời cao bể thẳm động còn đây ;

Vách đề chữ triện mầu rêu phủ,
Mây ánh rèm hoa gợn nước dầy ;
Cảnh đó lấy ai cùng hứng-thú,
Mấy vần hoài-cổ dạ khôn khuây.

Nay ký-giả biệt vịnh một bài rằng :

Một áng xuân-đài cảnh tự-nhiên,
Hồ-công đâu tả động còn truyền ;
Bầu trời tuôn nước trong như ngọc,
Hang Phật đưa hương ngát những sen ;
Tượng đá hai tòa ghi cổ-tích,
Giếng sâu nghìn trượng rửa trần-duyên ;
Ba-mươi-sáu động đây là nhất,
Riêng chiếm trời Nam một cảnh tiên.

THIỆN-ĐÌNH

DÃ-SỬ QUAN TRẠNG GẦU (1)

II

III. — Tám tuổi đỗ trạng-nguyên

Từ khi Cúc-Hoa lấy Tống Trân, về quê An-cầu, sẵn có tư-trang và 15 lạng bạc, bán chác đi dựng được vài gian lều gianh, ở buôn bán may dệt nuôi mẹ già và cấp cho chồng ăn học. Tống Trân khi đó mới mười sáu tuổi, gắng công đèn sách, có một năm trời, phàm kinh truyện sử tử, xạ-liệp binh-thư, chỉ qua mắt một lượt là thuộc lầu, thầy học cùng các bạn đã mục cho là thần-đồng giáng-thế, học một hay mười. Chỉ có những nhà bảo-mục trong làng, vẫn quen con mắt tục, cho là con nhà ăn mày, dù cho học biết chữ mà làm gì, nên áp-ức không khai cho đi hạch đi thi. Năm ấy có khoa thi hương, mà Tống Trân tuổi vừa mười bảy, ở làng chưa có tên vào sổ nhập-tịch, thì xã-trưởng sao chịu khai cho đi thi. Tống Trân nghe tin quan khâm-sai chủ-khảo đã tiến-trảng, mà mình nhà nghèo, khổ không có tiền hành-lý trầy lên trảng, bèn than-thở với vợ. Cúc-Hoa cau mày mà rằng :

« Thiếp nuôi chàng ăn học một năm nay, bao nhiêu đồ tư-trang phải bán chác hết cả, nay chỉ còn mỗi cái yếm lụa hồng, giá đáng được ba tiền quí, hay là chàng đem đi bán nốt, để lấy tiền mà trầy. Còn mẹ già ở nhà, thiếp mò cua bắt ốc, thế nào cũng đủ nuôi được mẹ và mình, chàng không phải lo nghĩ chi đến, nữa bận lòng rối trí, thưa chàng. »

Tống Trân gạt nước mắt mà rằng : « Nay mẹ già vợ trẻ, cửa nhà đã khánh-kiệt, nàng chỉ còn mỗi cái yếm hồng che xương, dù có bán được ba tiền quí, cũng không đủ hành-trình, âu là ta lại đi xin đường mà trầy. » Bèn tạ mẹ già dặn vợ mà bước ra.

Yếm mầu em giữ lấy mầu,
Xin đường anh cũng có giàu tiền lương

Và nói Tống Trân lại dấn thân làm khách qua đường đi trầy, tới qui tận cửa trảng xin vào ứng thi.

Tối hôm trước quan chánh-chủ-khảo nằm chiêm-bao thấy một người úp nón lên trên cái gậy gỗ, nói khoa này họ « miên-mộc » đỗ đầu. Chợt tiếng trống cửa trảng tan canh, sực thức dậy, nghe quan Ngự trên lầu giục lính thét loa hỏi ai qui kêu sự gì. Cậu lính chạy ra trước cửa đường thập-đạo,

---

(1) Xem tiếp *Nam-Phong* số 159.

cầm đơn xin ứng-thi vào trình quan Ngự, đưa vào quan chánh chủ-khảo mở xem thấy tên đề là hai chữ Tống Trân, chữ tốt như cắt, nét tươi như hoa, và niên-canh mới mười bảy tuổi, quan chánh chủ-khảo sực nhớ đến chiêm-bao bảo : « Thôi người đỗ đầu khoa này đây rồi. » Vì chiêm-bao thấy người úp nón lên gậy gỗ bảo là họ « miên-mộc » đỗ đầu, hai chữ « miên-mộc 宀 木 », tức là chữ « Tống 宋 ». Vậy chẳng phải Tống Trân thì còn ai ? Vả xem niên-canh mới mười bảy tuổi, mà văn hay chữ tốt đã hiện ra bức tờ quì xin thi, thì tài học đủ biết là thần-đồng, bèn điểm tên phát quyển cho vào thi. Vào tứ-trường thông ưu, đỗ giải-nguyên. Xướng danh ban yến rồi, quan chánh-khảo lục tư tỉnh huyện, sức dân làng đón rước. Các quan-viên kỳ-mục nghĩ đi đón rước con nhà ăn mày, tự lấy làm xấu-hổ tồi-nhục, nói ngạnh không chịu cất phu đem cờ trống đi rước. Quan sở-tại sức cách phạt mấy tên xã-trưởng.

Thủ-khoa sá nghĩ tầm-thường,
Đầu bò ngang ngạnh nói vương mà ngày.

Song quan sở-tại dù cách phạt các xã-trưởng kỳ-mục, mà dân làng cũng nhất-khái không chịu đi đón.

Quan thủ-khoa Tống Trân viết tờ xin quan sở-tại tha thứ cho dân làng xã-trưởng kỳ-mục khỏi cách phạt, mà tự mình ra về thăm mẹ và dặn vợ, rồi lại sắp sửa đi theo ngay quan chủ-khảo về kinh.

Khi đó triều nhà Trần kinh-đô tại Hà-nội. Tống Trân vào học nhà Quốc-tử-giám, để đợi sang năm thi hội. Đông qua xuân lại, ngày tháng thoi đưa, thấm-thoắt đã đến kỳ xuân-thi. Tống Trân vào đình-đối, đức vua ngự đến cổng, cất cho đỗ Trạng-nguyên, sắc-tứ đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ-nhất-danh, truyền lô ban yến, cưỡi ngựa xem hoa. Khi đó Tống Trân mới lên mười tám tuổi, đã thi đỗ tam-khôi, khắp kinh-kỳ ai cũng lấy làm lạ, nên tiếng đồn nô-nức, danh giá lẫy-lừng, gái hằng-nga tranh đón đường hoa-cù, đua xem chàng tuổi trẻ, kể có hàng nghìn hàng vạn. Bấy giờ đức vua nhà Trần có nàng Quế Hoa công-chúa mới lên mười-lăm tuổi, cũng muốn kén phò-mã trạng-nguyên. Nhân khi trạng tân-khoa đi xem hoa vườn thượng-uyển, công-chúa dựng lầu tại cửa hoa vườn Quỳnh-lâm, tung hoa ném quả, để đón trạng-nguyên.

Vườn Quỳnh trăm cánh hoa bay,
Có nàng công-chúa cung mây kén chồng.

Khi đó trạng-nguyên vừa cưỡi ngựa đi gần tới cửa lầu, đàng sau lưng quan bảng-nhãn quan thám-hoa, hai ngựa cùng ruổi theo. Trạng-nguyên quay lại hỏi, biết là lầu công-chúa kén trạng làm phò-mã, song ngặt vì mình trước đã lấy Cúc-Hoa rồi, vợ tao-khang không sao nỡ để xuống dưới nhà, mà công chúa con vua đón mời, không có lẽ đùng-đằng lui tới, bèn dật giây cương ngựa bước lên. Vừa chợt tới cửa lầu, công-chúa Quế-Hoa tay cầm chùm hoa ném tung xuống. Quan trạng ngồi trên cật ngựa, tay bắt lấy chùm hoa mà rằng: « Cám ơn lòng công-chúa, nhưng xưa đã chót hái hoa vàng nơi thôn-ổ, không lẽ dám vin hoa vườn Quỳnh, đem so sánh hoa hèn cỏ nội, vậy xin hãy trao lên lầu ngọc, sẽ lui về dâng biểu từ-tạ ơn vua. »

Có lòng xin giả ơn lòng,
Nỡ nào phụ nghĩa đèo-bồng cho cam.

Công-chúa Quế-Hoa nghe nói, có ý sượng-sùng, đổi ơn làm oán, căm-tức thay cho trạng mười tám tuổi, sao sớm đã vội vin cành hồng, ghen tức thay cho nàng Cúc-Hoa ở chốn thôn-quê, sao sớm đã có con mắt xanh, vật-sắc ngay được con người ngọc, làm cho mình tưởng duyên đằm-thắm, hóa ra

duyên bẽ-bàng, càng nghĩ càng căm, nửa e nửa thẹn.

Khi quan trạng vào dâng biểu tạ ơn vua về vinh-qui bái tổ, không biết nàng Quế-Hoa tâu vua cha như thế nào, vua chuẩn cho quan trạng Tống Trân về vinh-qui rồi, mau kíp phải lai-kinh, phụng mạng đi mười đông sứ-sự sang nước Tàu.

Phận mình dù Bắc dù Nam,
Chẳng vin cành quýt mà cam phụ bòng.

Lại nói khi quan trạng Tống Trân về vinh qui, đến châu Đằng-hải, có một người tính-chất cồ-sơ gàn-dở, nhân khi đi làm về, được năm quan tiền kẽm, đem về để ở trên cây đa ngoài đầu làng, bảo là gửi cây đa giữ hộ cho, không ngờ anh ta bước ra về, thì bị kẻ khác đến nẵng mất, anh ta sớm mai ra bắt vạ cây đa đền tiền mãi không được. Nhân nghe có quan trạng về vinh-qui qua đó, anh ta ra đón đường kêu qui kiện cáo cây đa, ai nấy cũng lấy làm nực cười. Hay đâu quan trạng ngồi trên cật ngựa sực nghĩ ra một cách, bèn truyền quân dòng lại, để sớm mai xử kiện cây đa. Dân tổng đó đều lấy làm quái lạ, quan trạng đóng lại đình làng sở-tại đó, các kỳ-lão dân làng ra tiếp-kiến rất đông.

Quan trạng truyền rằng : « Sớm mai ai muốn xem hỏi kiện cây đa, thì mỗi một người phải bỏ ra ba đồng tiền kẽm vào một cái hòm con ở trước cổng đình, giao cho một người lính thu giữ đó, để làm tiền giấy bút tòa-án mới được vào sân đình đứng xem. »

Quả bắt đầu từ trưa hôm ấy người lại nộp tiền vé vào cửa xem đông như kiến cỏ. Đến sớm mai khi sắp mở phiên tòa, quan trạng sai đổ tiền trong hòm ra đếm xem, được đến hơn mười quan qui, quan trạng cười mà rằng : « Đó là tiền cây đa để đền trả cho anh chàng ngốc, chớ ai có tài thánh trạng nào mà hỏi kiện được cây đa ! »

Các người đi xem mới biết là mưu-mẹo của quan trạng. Song cũng không ai thua thiệt gì mấy tí, mà anh ngốc được tiền đền một gấp hai, ai nấy đều vỗ tay lấy làm thỏa-thích, vì được xem quan trạng tân-khoa hỏi kiện rất kỳ-quặc !

Mỗi người chỉ có ba đồng,
Mua cười một trận nức lòng vỗ tay !

Kịp khi quan trạng về tới làng An-cầu, vinh-qui bái-tổ, áo gấm mặc về làng, ngờ đâu chốn làng cũ vẫn còn giữ thói quê, các đàn anh kỳ-hào vẫn mục cho là con nhà ăn mày, không chịu đi đón rước. Kể quan trạng lấy oai-quyền thế-lực mà ép-nép dân làng cũng được, song chốn hương-đảng là phụ-mệnh tôn-tộc ở đó, quan trạng không nỡ loè nạt ; nên khi trở về thăm mẹ già và vợ, mở tiệc yến khai-hạ mời bà con, ăn uống linh-đình năm mười bữa, mà dân làng cũng chưa lấy làm thỏa thích, và vẫn thói dầu bò ương-ngạnh, không có chịu cũng phục là lượng cả bao-dong. Quan trạng nghĩ giận quá cái phong-tục điêu-bạc dã-man, bèn cầm cái quản bút ném xuống ngã-ba sông mà thề rằng : « Từ rầy về sau ai sinh ra ở đất làng này mà còn đỗ-đạt nữa, thì như cái quản bút ném sông này. » Thề dứt cán ném bút vừa buông tay, giữa dòng ngã ba sông nổi ngay một thỏi đất hình như con bơn nằm giữa sông ngăn dòng nước chảy, dân làng mới biết là đại-bút có thần-linh, cùng rủ nhau lập đền kỷ-niệm. Từ đó ngã ba Nông, có cái bút tầm-thủy, tục gọi là bút quan Trạng Gấu.

Văn chương đại-bút ai tày,
Giữa dòng cát lở bụi bay không mòn.

IV — Mười năm đi sứ

Vả nói quan trạng Tống Trân khi đỗ lên về vinh-qui rồi, nàng công-chúa Quế-Hoa nghĩ còn căm-tức, cái máu ghen hờn với Cúc-Hoa vẫn còn sôi nổi,

muốn làm cho tơ duyên lìa cách, cho bõ chí nồng cay, nên lại tâu vua cha, mệnh cho quan khâm-sai về giục. Tống Trân đành phải từ giã mẹ già, than-thở với Cúc-Hoa, và tìm cả ông bà trưởng-giả làng Phù-oanh sang dặn dò, rồi sắp-sửa đồ-đệ đi kinh, phụng mệnh sang sứ Tàu, muôn dặm hoa vàng, mấy lần ải biếc, mới sang tới triều-đình nhà Nguyên. Khi đó con vua Nguyên thụ-phong là Tần-vương ra quản-trị Vân Qui Lưỡng-Quảng, thấy trạng nước Nam là Tống Trân hãy còn thanh-niên, mà coi khôi-ngô tuấn-nhã, bèn đem lòng yêu mến, lưu ở chốn cung-điện làm sứ-khách, chỉ có khi thư-nhàn mới cho về quán-xá đi săn bắn, hay là dạo chơi sơn-thủy, cho khuây cảnh gia-hương.

Vì ai xa cách nước non,
Sao cho khuây-khỏa cơn buồn ấy chăng.

Vả Tần-vương cũng có con gái là công-chúa Bạch-Hoa, cũng muốn ép gả cho quan trạng Tống Trân, song Tống Trân cố từ-chối rằng đã có vợ rồi, không chịu lấy. Tần-vương và công-chúa Bạch-Hoa cũng khuyên dỗ rằng: « Thiết-tưởng chàng sứ-sự mười đông, cách quê nhà nghìn dặm, nên muốn có người làm bạn cầm-thi nơi sứ-quán cho khuây niềm cố-quốc tha-hương, mai sau dù đến khi về, công-chúa Bạch-Hoa cũng xin làm thứ thất, vì Cúc-Hoa có công nuôi mẹ già, và cấp cho chồng học đến đỗ trạng, gái có công thì chồng không phụ, không bao giờ áo dám mặc qua đầu. »

Tống Trân thì ngại rằng: « Trước vì mình không chịu lấy công-chúa con vua nước nhà mà thành ra phải đi mười năm sứ-sự, nay nếu mình lại lấy công-chúa con vua nước người, thì e rằng bạc với nước mà bâu với thiên-hạ. » Sau nghĩ lại rằng: «Nếu mình lấy công-chúa Bạch-Hoa, con vua nước người, thì mai sau mình về, cái quyền-thế mình xử-trí trong gia-đình, hẳn cũng được tự-do, vì quyền-thế con vua nước ngoài cũng chưa dễ đè nén được nhà chồng cho lắm; vả công-chúa Bạch-Hoa cũng đã tự nguyện làm thứ-thất, thì không có lẽ nước chảy ngược lên được, chi bằng mình hãy cứ lấy, cho trọn việc sứ-sự rồi sẽ hay. Hán Tô-Vũ chống cờ tiết mà lấy vợ rợ Hồ cũng là lẽ đó. »

Một lời đã trót thề trăng,
Nghìn thu thanh-tiết gương băng vẹn tròn.

Từ khi quan trạng Tống Trân đã lấy công-chúa Bạch-Hoa rồi, gối điệp chăn loan, vui vầy oanh yến, song nhác nghe ngựa Hồ thét gió bắc, sực động lòng chim Việt mến cành nam, hễ nhớ đến vợ trẻ nuôi mẹ già, chợt lại ứa hai hàng châu-lệ như mưa sa lác-đác. Công-chúa Bạch-Hoa ướm hỏi, cũng động lòng thảm xót, vẫn toan giục chàng về. Song sứ-sự chưa trọn mười năm, sợ về nước nữa rồi có lỗi, sở-dĩ rầy lần mai lữa, tháng trọn ngày qua, thấm-thoắt đã sáu bảy năm tròn, tưởng như tài nước Tấn, đem sang cho Sở dụng. Song khi đó vào triều Trần với Nguyên đang xung-đột, Tống Trân ở bên bắc, vẫn hết lòng sứ-sự, trọn vẹn được cả tình hai nước, mà nước ngoài vẫn kính mến, trong nước không ngờ vực, thì cũng đã là hoàn-toàn, đem miệng lưỡi cồi can-qua, tài chiết-xung tưởng là khôn-khéo.

Cuộc đời đang buổi náo-nôn,
Một gồng non nước vẹn tròn hai vai.

Lại nói từ khi Tống Trân phụng-mệnh đi sứ, Cúc-Hoa ở nhà nuôi mẹ, tuổi xuân xấp-xỉ đã ngoài đôi mươi, một đóa đào hồng, nửa chừng tơ-liễu, khách hào-tình có con mắt, dù ai nom cũng phải xiêu lòng. Huống buồng khuê khép mở, chợ búa đi về, kể vắng chồng đã tám chín năm, ở lạnh nằm

suông, sân rêu nhà mốc, chẳng khác gì cảnh người dàn bà ở góa, cỏ cao hơn trước liễu gầy và phân, cái sắc-tình lại càng não-nhân lắm. Khi đó có Đình-trưởng (tức là chánh-tổng) ở tổng Kim-hưng, nhân đi việc Đình-nhĩ-đê ở địa-nhận làng An-cầu, chợt nom thấy Cúc-Hoa đi chợ qua phần đê, hỏi ra biết là vợ Tống Trân con gái ông trưởng-giả làng Phù-oanh cũng thuộc về tổng mình, mà tám chín năm nay, chồng Cúc-Hoa đi sứ-sự vắng nhà. Than ôi, cánh hoa vàng sao mà bỏ góa, nỡ không cho con bướm đậu cành hồng!

Những là thương tiếc vì ai,
Yêu hoa sao nỡ bỏ hoài cánh hoa!

Đình-trưởng về, tự nghĩ nhà mình là nhà hào-phú, sẵn tiền dư thóc mục, tài trai lấy vợ bé, như nhà giàu tận nghệ hoa, bèn cậy mối sang nhà trưởng-giả giạm Cúc-Hoa.

Trưởng-giả vốn là người tham giàu tham sang, nhất lý vì trưởng, giờ lại được thập đình chỉ trưởng muốn làm con rể, thì còn sướng gì bằng. Vả lại Cúc-Hoa từ khi lấy Tống Trân là một kẻ ăn mày, ông đã không bằng lòng từ trước, sau dù có đỗ trạng, nhưng mười năm sứ-sự, biết sống chết thế nào, mà con mình gái sinh nở có thì, chỉ cứ chịu khép cửa vườn thu, chờ trăng đợi tuyết, thì tuổi mấy lúc mà ra bạc đầu. Sở-dĩ ông nghĩ xót vì con, mà muốn gỡ sợi tơ hồng xe lại, nay may được đình-trưởng cậy mối giạm, lẽ nào mà ông chẳng ưng lời, thương con ngon rau, hóa thành ra ép dầu ép mỡ.

Những giả nào trách chi già,
Vì thương con trẻ hóa mà ép duyên.

Từ khi ông trưởng-giả ưng lời ép gả Cúc-Hoa cho Đình-trưởng lấy làm vợ lẽ, sai thằng nô đi sang làng Gấu, tới nhà Tống Trân, nói dối Cúc-Hoa rằng: « Mai ông mở tiệc ăn thọ, định giết những ba bốn trâu, ăn làm hai ba ngày, ông bảo sang tìm cô về ngay, và mời cả bà cụ sang chơi. » Cúc-Hoa nghe nói nghĩ là thật, vội-vàng sắm lễ-vật, dắt mẹ chồng cùng về quê Phù-oanh ăn mừng thọ. Nào ngờ mẹ con dắt-díu nhau sang đến nơi, ông trưởng-giả bèn ngỏ ý, muốn bắt Cúc-Hoa về gả chồng, ép gả cho Đình-trưởng, bà trưởng-giả cũng dỗ, hai ông bà và hai chị gái cùng nói gan hết lời. Cúc-Hoa quyết một niềm không nghe. Ông trưởng-giả thét đánh và mắng rằng: « Cúc-Hoa không nghe lời mẹ cha, là cả không ăn muối cả ươn, song đó là chỉ vì vướng có bà mẹ chồng, bắt bà mẹ chồng phải dỗ cho kỳ được. » Bèn bắt giam cả mẹ con vào chuồng trâu, nếu không dỗ được, thì đe giết bà mẹ chồng. Cúc-Hoa sợ quá, đêm dắt mẹ chồng đi trốn.

Vì ai xui giục cho nên,
Thề đem gan óc bào đền trời xanh.

Đêm ấy nằm chuồng trâu, vù-vù ve-ve, muỗi như ong đốt, rền-rền rỉ-rỉ, dế lẫn giun kêu, hai mẹ con vừa kinh sợ, vừa khóc than, suốt đêm khuya hai hàng châu lã-chã, khăn áo đầm-đìa. Tới canh ba trời đà im phắc, giấc chẳng nằm yên, chợt nghe tiếng gà gáy dồn chuồng, chim kêu vỡ tổ, sực trông ra trăng còn lấp-ló, gió thổi phập-phù, Cúc-Hoa sẽ mở cửa lách bức mành, dắt mẹ chồng cùng bước ra. Sương lạnh sao mờ, len-lỏi lối vườn sau, rạch bụi trúc, rẽ ngàn dâu đi tắt. Một già một trẻ, bước thấp bước cao, vượt qua kể mấy dặm đường trường, chỉ rặt những bờ lau bãi cói, khóm lác chòm gianh. Ngờ đâu hình như có phép ông Phi Trường-Phòng rút đất, ông Xích-cước-tiên dẫn đường, chỉ có một nửa đêm, đã đi tới một nơi rừng xanh núi thẳm, không biết đâu là trời, hai mẹ con mệt quá, ngồi ôm nhau mà khóc.

Dặm rừng vắng khoảng đêm thanh,
Xa bao nước biếc non xanh tuyệt vời.

Phút chốc trời vừa tang-tảng, gió thổi à-à, hai mẹ con dạ đói lòng không, đành nhịn đói cầm hơi nước lã. Chợt đâu thấy hổ-lang từ rừng xanh chạy lại, mẹ con tưởng là bị chết hẳn, mẹ rằng để mẹ xin thay mạng cho con, con rằng để con xin thay mạng cho mẹ. Hai mẹ con còn đang than vãn, cùng lấy mạng sống chết xin thay đổi, ngờ đâu hổ lang sực chạy đến, miệng ngậm một nãnh thịt, để lên trên vầng đá, vái tay gật đầu, làm ra bộ kính dâng. Cúc-Hoa thấy thế biết là lòng hiếu-thảo của mình có cảm-động đến sơn-quân, bèn tới gần hỏi-han không sợ nữa. Hổ lại lấy bàn chân trước, chờm lên bẻ tấu lá và cái cành que con, làm ra cách thảo thơ trỏ sang Tàu, bảo ý viết thơ gửi cho chồng. Cúc-Hoa biết ý, liền tay bẻ chiếc gai nhọn vạch vào tấu lá viết thư gửi cho Tống Trân, trao cho hổ ngậm đem đi. Hổ miệng ngậm tờ thơ, chấp hai chân trước vái, rồi cong đuôi chạy đi về mạn rừng phía bắc khuất qua rồi. Cúc Hoa được nãnh thịt, cầm đem dâng mẹ, may gặp lão tiều-phu, mượn dao xin lửa cùng nướng ăn.

Hiếu-tâm cảm-động đến trời,
Sẵn hùm dâng thịt, sẵn người dâng dao.

Lại nói ngày hôm ấy, Tống Trân ở bên Tàu, sực động lòng nhớ cảnh gia-hương, vội giục thằng đồng sắp cung tên đi săn bắn, cho khuây-khỏa cơn buồn. Hay đâu vừa tới khoảng sơn-lâm, chợt thấy hổ hầm-hầm từ nghẽn rừng chồ đến. Tống Trân toan giương cung bắn, thấy hổ chấp hai chân trước vái, và miệng ngậm tờ thư, Tống Trân biết có điềm lạ, dừng cung tên, lại gần hỏi. Hổ vái dâng tờ thư. Tống Trân cầm lấy thư đọc. Thư rằng :

Cúc-Hoa thảo thơ hồng một bức,
Trao sơn-quân tin-tức thăm chồng.
Chàng đi sứ sự mười đông,
Mẹ già thiếp đỡ cô-phòng thiếp nương.
Nào ngờ duyên kiếp dở-dang,
Cha đà ép sợi tơ vương trưởng-đình,
Roi song ép liễu tan-tành,
Mẹ già bắt bỏ tựa mành chuồng trâu.
Dắt đưa vào quanh rừng sâu,
Vầy ngang giọt lệ gieo châu thảo tờ.
Có thương về kịp bây giờ !

Cúc Hoa thủ châm

Tống Trân xem thư rồi, thở dài gạt nước mắt như mưa sa lã-chã, gọi hề đồng đưa bút nghiên giấy mực thảo thơ trả lời, lại trao cho hổ ngậm về đưa Cúc-Hoa. Khi đó Cúc-Hoa cùng mẹ già còn tựa khóm sài-phi mong đợi, hổ về vái dâng thư. Cúc-Hoa cầm lấy đọc. Thư rằng :

Chợt tiếp thư hồng nàng gửi,
Giọt châu như gợi mưa sa.
Chàng đúng năm hôm nữa tới nhà,
Nàng y hẹn ấy mà cho hẳn cưới.
Thư bất tận ngôn.

Tống Trân thủ bút.

Cúc-Hoa được thư rồi, cảm tạ ơn hổ. Sơn-quân lại dẫn lối đưa mẹ con ra khỏi cửa rừng, vái chào trở lại.

Cúc-Hoa dắt mẹ đi một lát, đã trông ra tỏ nẻo đường về quê.

Gập-ghềnh bước thấp bước cao,
Rừng xanh núi thẳm biết bao dặm dài.

V.— Hoa lại về vườn cũ

Vả nói từ khi Cúc-Hoa dắt mẹ chồng trốn đi, suốt một đêm ngày, trải bao rừng-rú, sáng sớm mai ông bà trưởng-giả mới biết, gọi hai chị gái cùng người nhà, đồ đi khắp các ngả tìm đôi. Mãi đến hôm chiều, mới gặp thấy Cúc-Hoa cùng mẹ chồng, ngồi nghỉ ở dưới khóm cây xanh bên vệ đường, cùng bắt ép về nhà, ông trưởng giả lại bắt giam bà mẹ chồng xuống chuồng trâu, để nếu không dỗ được con dâu thì nướng chết. Bà trưởng-giả can rằng: « Bởi

con ông ông đánh, nó sợ nó đi, chớ bà lão có lẽ là củ khoai mà ông nướng.» Bà mẹ chồng Cúc-Hoa cũng than rằng :

Củ khoai ông nướng ăn hoài,
Nướng gì bà-lão ông nhai thế nào ?

Trưởng-giả mới biết là mình cũng nói khuếch, mà bà lão cũng rắn mày cứng cổ, bèn đem Cúc-Hoa lên buồng, cha mẹ và hai chị cùng dỗ. Khi đó Cúc-Hoa đã được thư Tống Trân rồi, mới hẹn đúng 5 ngày nữa sẽ cho Đinh-trưởng cưới. Cha mẹ được lời, như mở cờ trong ruột, bắn tin cho Đinh-trưởng sắm-sanh, đám mổ ba trâu, khách mời trăm cỗ. Đinh-trưởng cưỡi ngựa sang thân-nghinh. Ngờ đâu quan trạng Tống Trân ở bên Tàu, từ khi đi gặp hổ, tiếp được thư Cúc-Hoa, trở về sứ-quán, ngỏ ý cùng công-chúa Bạch-Hoa, tâu xin cho về nước. Tần-vương cho sứ-điệp cưa sang triều vua Trần và cấp cho một trăm quân đưa quan trạng Tống Trân về nước. Kéo quân về tới cửa Gần (gần hải-khẩu), xuống dầu tổng Kim-hưng, cách làng Phú-oanh độ vài dặm truyền quân đóng lại, im phắc tiếng tăm, chỉ một mình lẻn về, gặp kẻ ăn mày, bỏ tiền mua bộ-tịch bị gậy của hắn, thay hình đổi lốt, về thẳng thôn Phượng-hoàng dò thăm.

Trạng-nguyên đai-mang một trào,
Tàng mang bị gậy ai nào hèn sang.

Khi Tống Trân đi tới gần ngõ ngoài nhà ông trưởng-giả, ngoảnh lại trông nẻo xa, chợt thấy Đinh-trưởng cưỡi ngựa chạy từ đường kia sắp lại tới. Tống Trân ngồi tắng vạch lưng khố bắt rận và hát nghêu-ngao rằng :

Hôm nay đám cưới cô nàng,
Anh ngồi bắt cái rận càng làm trâu.
Biểu quan quan nhắm cái đầu,
Dân làng thì nhắm đuôi trâu với càng.
Anh chàng kia hỡi anh chàng,
Bởi anh thích ngựa nên làng ăn trâu.
Mong rằng nên rể nên dâu,
Ngày ngày bắt rận làm trâu ăn mừng.

Đinh-trưởng chạy ngựa đến, dừng dây cương đứng nghe, bảo : «Ừ, cái anh này cũng thông lạ, hắn chúc tụng mình những câu cũng khéo, bởi mình hay cưỡi ngựa, nên cưới vợ giết trâu, nhưng nếu lấy được cô ấy rồi, cứ để ngày ngồi bắt rận, còn cái thú gì bằng. Anh có biết làm thơ, thì đi vào trong đám này, ta bảo cho cơm rượu mà ăn uống, rồi làm thơ chúc mừng ta nhé!» Tống Trân dạ, đứng dậy theo vào, nhảy lên giường cao ở ngoài rạp ngồi nói : « Đây tôi là học trò lỡ độ đường qua đây, thầy Đinh-trưởng mời tôi vào, phải đãi tôi giường cao chiếu sạch tử-tế, coi biệt-nhãn mới được. » Đinh-trưởng bảo : « Ừ, anh học trò ấy hẳn thông lắm, tôi bảo hắn vào đấy, lấy cơm rượu cho hắn ăn uống, rồi hắn ngâm thơ cho mà nghe. »

Người nhà bưng mâm rượu ra bảo ngồi xuống ghế thấp. Tống Trân không chịu xuống. Đinh-trưởng bảo đặt cỗ lên giường cao cho ngồi. Tống Trân ngồi không uống rượu, ngâm thơ tứ-tuyệt liên-chi rằng :

Đám này có dễ thịt trâu tươi,
Hay đám ma mèo cỗ nức hôi ;
Các cụ khéo mà lấy vạ vịt,
Cũng liều chịu đấm cố ăn xôi.
Cũng liều chịu đấm cố ăn xôi,
Già trẻ ai ai phưỡn bụng rồi ;
Nhắm thịt trâu sao bằng rận béo,
Ăn bò lo nữa sự lôi-thôi.

Tống Trân ngồi ngâm thơ rồi nói : « Thưa các ngài, người ta bảo ăn cơm thịt bò thì lo ngay ngáy, ăn cơm với nước cáy thì ngáy o-o. Tôi đây chỉ nhắm rận lại béo hơn thịt trâu, vì không phải lo trả nợ miệng. »

Hai chị gái nghe nói chướng tai cùng ra mắng đuổi, cũng không được bèn chạy vào mách ông bà trưởng-giả

rằng : « Quái lạ thay anh ăn mày hẳn nói ngang, cho hẳn cỗ hẳn không thèm ăn, chỉ nói lảo, mà chúng con đuổi cũng không được. »

Bà trưởng-giả ra nấp nom, nói : « Quái lạ, sao anh ăn mày ta coi hệt như ông trạng Tống Trân ấy. »

Ông trưởng-giả nói : « Trạng đã chết từ đời nào, vả dù cho có sống về chăng nữa, thì cũng ăn xin là cùng, còn kể chi. »

Bèn tự mình ra mắng đuổi anh khóa lỡ đọ đường rằng : « Đây là nhà đám cưới, việc tốt-lành, anh không uống rượu thì ra, để cho nhà còn thết khách, chớ cứ ngồi ngâm thơ-thần gì. »

Tống Trân trừng hai con mắt trông, nói rằng : « À ông lão, ông lặng yên tôi nói cho ông nghe. »

Bèn rung đùi vỗ vế ngâm câu rằng :

Con đây Đình-trưởng mời vào,
Hỏi rằng ông lão nỡ nào đuổi con ?
Mừng ông cân-cốt không mòn,
Sống lâu ông gả một con mấy chồng !

Ông trưởng-giả nghe nói, cau lông mày mà rằng : « Hừ, cái anh ăn mày này mới rõ gân-guốc, một con lão gả mấy chồng mặc lão, việc gì đến anh mà anh nói lão thế. » Cũng ngâm một câu rằng :

Anh này rõ khéo nói rông,
Một con gái gả mấy chồng thì sao ?

Hai chị gái, chị lớn là cô Mơ vì mắng đuổi rằng :

Anh này hay nói bảnh-bao,
Mời anh ra khỏi bờ rào mà nói gai.

Chị thứ hai là cô Mận nói rằng : « Thôi ông nói với anh ta làm gì. » Cũng vì mắng đuổi rằng :

Anh này sao khéo nói dai,
Mời anh hãy bước ra ngoài ngõ ngang.

Cùng gọi thằng nô, bảo đắt anh ta ra.

Tống Trân bèn trở dậy bước ra, qua xuống cửa chuồng trâu thăm mẹ, than hỏi rằng : « Ơi bà lão kia ơi, chớ nào con bà đâu, nào đâu bà đâu, mà bà lại ở chuồng trâu nhà người? »

Bà mẹ không biết là Tống Trân thác hình, bèn gạt nước mắt khóc mà than rằng : « Ơi cậu học-trò ơi, con tôi đỗ Trạng-nguyên từ bé, sang sứ Tàu đã lẻ mười đông ; con dâu tôi người bắt gả chồng, nên chuồng trâu đó tôi phải ôm lòng chịu tủi. »

Tống Trân nghe đoạn than rằng : « Tôi nghe lời bà nói, nước mắt vội sa mưa, bà khác nào như mẹ tôi xưa, xôi một nắm tôi dưa mà kính-dãi. »

Lại nói rằng : « A bà cụ, tôi bấm quẻ độn cho bà, thì con bà cũng sắp về đến nơi rồi đó, chỉ một hai khắc nữa có quan-quân kéo đến, bà mới biết lời tôi đoán đó thật là trạng, a bà. »

Chào bước ra.

Lựa chiều quật dọc quật ngang,
Nào ai biết trạng cải trang thác hình.

Khi đó nhà trưởng-giả ăn uống linh-đình, cỗ bàn đầy dẫy, khách đông như chợ, nhà chật như nêm. Khách đàn-bà lấy làm ngờ lạ, bảo : « Quái sao anh ăn mày lại không thèm ăn cỗ, hay là trạng Tống Trân giả hình ra mà về đó chăng. » Khách đàn ông bảo : « Trạng Tống Trân nào còn, và nếu có còn sống mà về chăng nữa, thì vợ đi lấy chồng rồi, còn làm cách gì được. Miếng ăn quá khẩu thành tàn, bọn ta hãy cứ chén, rồi muốn trạng nào về thì về chứ sao ? Còn đang nhức-lác rộn-rịp, cãi cọ om-xòm, còn nhiều mâm chưa kịp ăn uống, chợt trông ra đầu làng, thấy cờ bay đỏ khé, quân kéo đen sì, gươm mác như chông, loa còi như thét, coi dích là quan trạng Tống Trân, đã thay bộ áo gấm đai vàng ngồi ngất-ngưởng trên cật ngựa. Các cụ quan-viên đều hai mắt dồn một, trống ngực thòm-thòm, đầu gối run hơn que giẽ, cỗ bàn bừa-bãi, mâm chén ngổn-ngang, đắt nhau

rach giậu chui như chim, xuống ao lội như vịt. Quan trạng e có người sợ quá chạy mất mạng, truyền quân thét loa rằng : « Đây là quân-quan trạng về thăm quê ngoại, dân làng không có hề chi mà phải chạy. » Bấy giờ các cụ quan viên mới vững lòng dừng im lại trở về vái tạ.

Ngờ đâu ăn uống linh-đình,
Chạy pha như vịt lách mình như chim.

Bấy giờ quan trạng Tống Trân đã cưỡi ngựa vào tới thềm nhà xuống ngựa, mời mẹ già lên thay quần áo, và gọi Cúc-Hoa ra than bảo rằng : « Thưa mẹ, con vì trung mà lỗi hiếu, trải mười năm khuất nẻo non sông. Ơi nàng ơi, khen thay nàng trọn nghĩa cùng chồng, lòng tỏ hết ở bức thư hồng em gửi hồ. »

Ông bà trưởng-giả cùng ra vái chào, mặt tái mét như gà cắt tiết.

Quan trạng quay trách ông trưởng-giả rằng : « Ơi ông nhạc tôi ơi, ông vì con ép thay tơ đỏ, sau này ông tận-số, chàng rể không tang. » Lại ngâm rằng :

Lẽ ra chàng rể không tang,
Bể rầm ba tháng kéo nàng tủi thân.

Lại quay bảo đình-trưởng và dân làng các cụ quan viên rằng : « Nghĩ xót duyên Đình-trưởng nhỡ-nhàng, đành bữa chén dân làng đền nợ miệng. » Lại phân-xử rằng : « Thôi bây giờ việc đã chót ra như thế, lẽ ra thì Đình-trưởng phải thất kỳ nguyên-tiền, nhưng thôi các cụ dân làng, cũng bỏ tiền tay ra, mỗi người ba tiền, mà trả cái nợ miệng cho hắn. »

Các cụ cũng thưa rằng : « Bẩm quan trạng, ngài dạy thế là công-minh lắm, song những bữa cỗ mấy ngày hôm nay, chỉ béo những dân ba và trai trẻ, chứ chúng tôi già cả, có ăn được mấy miếng, mà cũng phải ba tiền thì nặng quá, và thua-thiệt nhiều. »

Quan trạng nói : « Thôi tôi xem các cụ hãy còn xơi khỏe cả đấy, thì cứ mỗi người ba tiền, mà đưa trả cho Đình-trưởng. » Ngâm rằng :

Trẻ thì miếng nạc miếng xương,
Già thì thịt mỡ thái vuông con cờ.

Các cụ đều xin vâng, nhưng chửa ông nào có tiền ngay, đều xin khất với Đình-trưởng. Đình-trưởng cũng phải chịu chết đâng mà cho chịu. Thế là bữa tiệc cưới ấy phí-tổn kể có mươi nghìn, mà ra tiền ném xuống ao để trông tăm, nghĩ chết ngất người ra, tảng-hẳng như mèo mất tai, chào ra về.

Quan trạng xử đoán xong các việc, rồi đón mẹ già và Cúc-Hoa cùng về quê An-cầu, mổ trâu bò, mở tiệc ăn mừng, khác nào như cưới lại Cúc-Hoa lần nữa.

Ngày nay đâm cưới mở cờ,
Bỗ ngày quăng bị đón đưa nàng về.

Từ đó quan trạng về làm quan ở nước nhà, rồi Công-chúa Bạch-Hoa cũng theo về làm thứ-thất, ngoài êm trong ấm, trên kính dưới nhường, con cháu đầy đàn, quan sang nối gót, hai bên dân làng nội ngoại cũng được nhờ. Làng An-cầu lập đền thờ quan trạng Tống Trân, làng Phù-oanh thôn Phượng-hoàng lập đền thờ bà Cúc-Hoa, và phối-hưởng công-chúa Bạch-Hoa, nghi-ngút khói hương, muôn đời truyền đối, hiện nay hai ngọn đền còn sánh đôi cao ngất, mà dấu cũ còn anh-linh.

Nghìn thu sự nghiệp văn-chương,
Một niềm hiếu-thảo khói hương hãy còn.

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

VII

Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙 và Bà Mẫu

Nguyễn Bỉnh-Khiêm, hiệu là Bạch-vân cư-sĩ 白雲居士, sinh năm tân-vị Lê Hồng-đức 22 (1492) ở làng Trung-am 中庵, huyện Vĩnh-lại, Hải-dương. Tổ tam-đại là Văn-Tĩnh 文靖; cha là Văn-Định đỗ Thái-học-sinh, mẹ là Nhữ-thị con gái quan Hộ-bộ Thượng-thư Nhữ Văn-Lan 汝文瀾 ở xã An-tử-hạ, huyện Tiên-minh, nay đổi là Tiên-lãng. Bà cũng hiệu là Từ-thục phu-nhân 慈淑夫人. Bà sớm thông minh, còn nhỏ đã lầu thông cả kinh sử, văn-chương hay mà có con mắt tinh đời. Cha mẹ cho được phép tự kén lấy chồng, bà kén 11 năm mới gặp được ông Nguyễn Văn-Định lấy làm ưng ý, bèn về nói với cha mẹ gọi Văn-Định đến gả cho và cho ở rể. Sau sinh được Nguyễn Bỉnh-Khiêm.

Nguyễn Bỉnh-Khiêm thân-tài to lớn, dong-mạo hùng-vĩ, chưa đầy tuổi tôi đã biết nói. Lên bốn mẹ dạy vỡ lòng cho học kinh-truyện chính - văn và mấy chục bài thơ quốc-âm đều thuộc lòng được cả, ấy cái nguồn Hán-học và Quốc-học của Nguyễn Bỉnh-Khiêm sau này phần nhiều sở-đắc ở mẹ cả. Được vài năm Văn-Định về thăm cố-hương thì mất ở nhà.

Nguyễn Bỉnh-Khiêm nhờ mẹ dạy học và nhờ cái nếp thi-lễ của nhà họ ngoại nên chóng tiến tới. Đến khi lớn tìm đến tập ở trường ông Bảng-nhỡn Lương Đắc-Bằng ở xã Hội-triều, phủ Hà-trung, Thanh-hóa. Văn-tài bèn lừng-lẫy xa gần.

Lúc đó nước Đại-Việt ta đã đổi thuộc về nhà Mạc, nhà Mạc cũng chấn-hưng văn-học, mở khoa thi cầu hiền-tài, nhưng Nguyễn Bỉnh-Khiêm không muốn thần-phục một cái triều-đình tiểm-thiết, chỉ ở nhà dạy học, lấy đạo-nghĩa làm vui, không cần gì hiển-đạt. Nên ngoài 40 tuổi mà chửa đi thi lần nào. Sau bạn-bè khuyên giải mãi mà triều-đình Mạc cũng để ý, 44 tuổi Nguyễn Bỉnh-Khiêm mới bắt đầu đi thi Hương thì đỗ thủ-khoa. Sang năm là năm Đại-chính thứ sáu (1536) đời Mạc Đăng-Doanh thì đỗ Trạng nguyên, bổ Hình-bộ Tả-thị-lang, ít lâu thiên sang Lại-bộ Tả-thị lang, rồi thăng Đông-các Đại-học-sĩ, trước sau có tám năm mà thôi. Ông bèn dâng sớ hặc 18 kẻ lông-thần và xin chém cả. Vua Mạc không trả lời, ông cáo bệnh về quê. Dựng một mái nhà học bằng gianh ở bên tả làng gọi là *Bạch-vân am* và tự hiệu là Cư-sĩ. Ngày hằng giảng-tập cho học-trò mà không để ý đến việc chính-trị nữa. Lại bắc hai cái cầu là Nghinh-phong 迎風 với Tràng-xuân 長春, xây một cái quán gọi là Trung tân-quán 中津館 ở bến sông Tuyết-giang mà tự viết bài bi-ký, để làm chỗ tiêu-dao giải-trí.

Ông lại sửa một ngôi chùa Phật, thường cùng một vị sư già buông thuyền ra chơi những cửa bể Kim-hải, Úc-hải, xem cá bể bơi lượn. Khi thì lên chơi các cảnh núi như An-tử, Ngọa-vân, Đồ-sơn, Kinh-chủ và Côn-sơn, gặp chỗ cảnh đẹp thú kỳ lấy làm thích ý thì lưu-liên vài ba ngày mà quên về. Chỗ nào cũng có thơ đề-vịnh.

Nhà Mạc đối với ông vẫn lấy lễ thờ làm thầy, có việc quốc-chính lớn thì cho sứ-giả về nhà hỏi, hoặc cho mời

ông vào để bàn, bàn xong thì lại cho đưa về Vân-am. Vua Mạc gửi về phong cho ông đến Lại-bộ Thượng-thư, Thái-phó, Trình-quốc-công, cho nên đời cũng gọi là ông Trang Trình. Ông thọ 95 tuổi mới mất. Học-trò của ông tác-thành cho như là Phùng Khắc-Khoan một bậc công-thần giúp nghiệp trung-hưng cho nhà Lê; Nguyễn Dữ người huyện Thanh-miện bản-tỉnh, ẩn-cư ở nhà viết sách *Truyền-kỳ* văn hay lắm, ông có phủ-chính cho; còn Lương Hữu-Khánh, Trương-Cử đều có danh đương-thời, vân-vân. Ông mất rồi, học-trò tôn hiệu là Tuyết-giang phu-tử. Sách của ông có *Bạch-vân am thi-tập* lưu-hành ở đời, trong vừa thơ chữ hán vừa thơ quốc-âm. Thơ quốc-âm đã có nhiều sách xuất-bản, đây trích vài bài thơ chữ hán như sau này.

Ngụ ý

名遂功成休矣休,
Danh toại công thành hưu hĩ hưu,
等閒世故一虛舟
Đẳng nhàn thế-cố nhất hư châu;
風來江館涼宜夏
Phong lai giang-quán lương nghi hạ,
月到書樓明正秋
Nguyệt đáo thư lâu minh chính thu;
紅日東升知大海
Hồng-nhật đông thăng tri đại-hải;
白雲西望是神州
Bạch-vân tây vọng thị thần-châu;
溪山亦足供吾樂
Khê-sơn diệc túc cung ngô lạc,
忍負前盟萬里鷗
Nhẫn phụ tiền-minh vạn-lý âu.

Đại-ý nói: Như thế cũng gọi là công toại danh thành rồi đấy, thôi thế cũng nên thôi, việc đời phó mặc cho con thuyền vơi-vơi nọ lênh-đênh muốn đến đâu thì đến mà ta tìm lại cái thú vui của ta.

Khi cơn gió mát thổi vào cái quán chỗ ta ngồi bên sông nọ ấy là mùa hạ. Lúc bóng trăng trong soi vào cái lầu chỗ ta ngồi xem sách kia ấy chính mùa thu. Ta trông thấy vầng hồng mọc lên ở đàng đông thì ta biết đó là nơi đại-hải, ta trông thấy mây trắng phủ ngất ở đàng tây thì ta biết đó là chỗ thần-châu.

Ấy cái thú nước non như thế cũng đủ cho ta vui, vậy đàn bồ-nông ngoài bể khơi muôn dặm mà trước ta đã thề cùng với chúng kết làm cái bạn « vong-cơ », thì nay ta nỡ lòng nào mà phụ-phàng với thề xưa cho đặng.

Trung-tân quán ngụ hứng

滿目干戈苦未休
Mãn mục can qua khổ vị hưu,
暫乘餘暇覓閒遊
Tạm thừa dư hạ mịch nhàn du;
栖栖燕雙多孫衍
Thê-thê Yên-bích đa Tôn-Diễn,
寂寂箕山幾許由
Tịch-tịch Cơ-sơn kỷ Hứa-Do;
千丈光搖新劍氣
Thiên trượng quang giao tân kiếm khí,
三春暖入舊書樓
Tam xuân noãn nhập cựu thư lâu;
老來未沒先憂志
Lão lai vị một tiên ưu chí,
得喪窮通豈我憂
Đắc táng cùng thông khởi ngã ưu.

Đại-ý nói: mắt trông ngổn-ngang đầy những can-qua, cái khổ ấy biết bao giờ cho thôi. Thế thời ta nhân còn được lúc thong-thả thừa này ta hằng giong chơi tạm chút.

Kia ngoài thành Yên-quốc kia tất-tả tinh phường Tôn-Diễn đi dâng chước đô-thành, mà trong núi Cơ-sơn nọ vắng-vẻ ai là ông Hứa Do cố từ-chối thiên-hạ. Ai kia thì ánh hào-quang

nghìn trượng của lưỡi gươm mới rõ sáng choang; ta đây thì khí hòa-noãn ba xuân ở lầu thư cũ vẫn dầm-âm.

Ta từ trở về giả tới nay giả thì giả mà cái lòng lo trước thiên-hạ nào đã nguội lạnh đâu ; ta có bận lòng gì đến những sự cùng thông đắc táng riêng của ta đâu.

Coi đó thì biết Tuyết-giang tiên-sinh thực cũng là bậc văn-chương đạo-đức ở đời Mạc-Lê vậy. Song người đời tôn sùng tiên-sinh từ đấy về sau cho tới bây giờ thì lại cho chỗ đó là thường, mà lấy cái học sấm-vĩ lý-số làm rất trọng. Truyền rằng Lương Đắc-Bằng tiên-sinh đi sứ Tàu có người họ là con cháu Lương Nhữ-Hốt 梁汝笏 đầu hàng nhà Minh rồi sang ở Tàu, cho một bộ sách *Thái-ất thần-kinh* 太乙神經 dạy về phép bói thế-vận, Lương tiên-sinh bèn truyền cho Tuyết-giang tiên-sinh bộ sách ấy. Tuyết-giang tiên-sinh nghiên-cứu rồi nổi danh bậc tiên-tri ở đời. Bấy giờ vua Mạc, chúa Nguyễn, chúa Trịnh đều đến cố-vấn, tiên-sinh đều tỏ cho mỗi người một cái bí-kế mà đều nhờ được yên thân cả, tức như những truyện «Mạc thì Cao-bằng, Nguyễn thì Hoành-sơn, Trịnh thì thờ Bụt» vậy. Còn các người mù thì tiên-sinh dạy cho cách đi xem bói chợ. Lại có một quyển sách *Xấm* nôm nữa, kẻ hiếu-sự rất tin phục. Đến cả sứ nhà Thanh là Châu Sán 周燦 cũng khen tiên-sinh có câu rằng: «*An-Nam lý-học hữu Trình-tuyền* 安南理學有程泉. Nước An-Nam có ông Trình Tuyền là nhà lý-học. Vậy thì biết rằng trong Nho-học mà có cái học lý-số tức cũng như trong Phật-học mà có cái phép thần-thông vậy. Độn-căn chúng-sinh thì lấy làm thần-thánh mà người chính-giác thì cho là tà-thuyết hoặc-chúng. Tuy-nhiên một đấng danh-nho, một vị hiền-tăng mà đời tôn-trọng là ở nơi đạo-học, nơi cao-tiết, chứ không phải ở chỗ lý-số với thần-thông. Biết như thế thì ngày nay phán đoán sự-nghiệp của Tuyết-giang tiên-sinh sẽ không lầm.

Trần Vĩnh-Tuy

Trần Vĩnh-Tuy sinh ở làng An-độc, phủ Nam-sách, Hải-dương. Đỗ Hội-nguyên năm Cảnh-lịch (1548-1554) triều nhà Mạc, vào thi đình thì đỗ thám-hoa. Làm quan đến Lễ-bộ Tả-thị-lang. Khi ông làm Thừa-chính-sứ xứ An-bang, người nhà Minh ở bên kia ải lấy cái giáo sâu vào tấm lụa giơ sang bên ta, và gọi ông mà cho. Ông sai người cầm cái mộc ra hứng lấy. Người Minh thấy ông có tài ứng-biến mẫn-tiệp như thế, khen là «tam khôi chi tài.» Bèn đưa bạc vàng thưởng.

Phạm Duy-Quyết 范惟玦

Phạm Duy-Quyết sinh ở làng Xác-khê, phủ Nam-sách, Hải-dương, bố chết sớm, lên 8, 9 tuổi chửa đi học. Bấy giờ có thầy đồ là Nguyễn Khắc-Kính 阮克敬 người Kinh-bắc đến ngồi dạy học ở làng. Mẹ Phạm Duy-Quyết vào nói cho con đến học và hỏi phải biện lễ-vật gì. Thầy nói tùy lòng. Mẹ Phạm Duy-Quyết về nhà có con trâu mồ ngay để làm lễ vỡ lòng cho con. Quyết học thông-minh lắm, thầy đồ cũng hết lòng dạy bảo, bèn thành tài. Năm Quang-bảo (1554-1562) triều nhà Mạc, Phạm Duy-Quyết đỗ Trạng-nguyên, Nguyễn Hữu-Kính đỗ Hoàng-giáp. Quyết làm quan đến Lại-bộ Tả-thị-lang, đi sứ Tàu. Ông có đắp một con đường đọc mé bắc huyện Thanh-lâm đi về làng, nay hãy còn, người ta gọi là đường Quan-Trạng.

Nguyễn Doãn-Khâm 阮允欽

Nguyễn Doãn-Khâm sinh ở làng Kiệt-đặc, huyện Chí-linh, Hải-dương, thủa nhỏ còn đi cày, đến lớn mới đi học, đỗ Hoàng-giáp năm Quang-bảo

triều nhà Mạc, làm đến Ngự-sử Đô-đài, Nghiêm-sơn-hầu 嚴山侯. Mạc mất, ông vào ẩn cư ở ngàn Treo-danh tức là núi Tuyên-đình về huyện Lục-ngạn Kinh-bắc. Lê trung-hưng lên cho với, ông lấy búa bổ vào đầu gối cho vỡ ra rồi xưng có bệnh không ứng triệu. Ông cũng lưu-tâm về văn nôm, khi ẩn-cư thường cùng với ông Nguyễn Phong người cùng làng, Tiến-sĩ, Lại bộ Tả-thị-lang, Phúc-trì-bá cùng ẩn-cư ở đấy, lên chơi núi Bảo-đức ngâm rằng :

Cỗi ta ta mở trời hoang đã,
Nữa nữa con em nối gót theo.

Ông thọ 80 tuổi.

Anh em Vũ Văn Uyên 武文淵 Vũ Văn-Mật 武文密

Vũ Văn-Uyên cùng em là Vũ Văn-Mật sinh ở làng Ba-đông 巴東, huyện Gia-lộc, Hải-dương. Thủa bé đều hăng-hái khỏe-mạnh lạ thường, làng ấy có nghề thợ rèn, hai anh em đều làm thợ rèn khéo lắm. Hồi năm Quang-thiệu (1516-1522), hai anh em vì nghĩa-hiệp mà giết người, án lộ ra bèn cùng nhau quẩy lỏ-bễ trốn lên Tuyên-quang trọ ở phố Đại-đồng 大同 đánh rèn.

Bấy giờ có người Thổ-tù ở đấy cai-trị ác-nghiệt lắm nên dân-tình đều ta-oán. Anh em Uyên bèn âm kết đồ-đảng để chờ thời. Nhân hôm ấy viên Thổ-tù đòi anh em Uyên vào đánh đồ. Uyên lừa dịp cầm búa nện chết viên Thổ-tù ấy và ra loan bảo các bộ-lạc thì đều suy-phục cả. Uyên bèn đem quân thổ ra xin ứng mộ với Triều-đình nhà Lê để theo đi đánh giặc, có công được thăng chức Tuyên-quang Đô Tổng-binh sứ. Được ít lâu, họ Mạc lên cướp ngôi vua, ông Uyên giữ lấy cả hạt Tuyên-quang để chống nhau với Mạc mà tự xưng là Cựu-tướng của nhà Lê.

Năm 1533, vua Lê Trang-tôn đã khôi-phục xứ Thanh-hóa và tức vị xưng đế. Ông Vũ Văn-Uyên bèn sai sứ vào Thanh-hóa xin thờ « chính sóc » của niên-hiệu Nguyên-hòa là niên-hiệu của vua Trang-tôn. Mạc Đăng-Doanh biết tin ấy đem binh đánh Tuyên-quang nhưng không được. Vua Lê Trang-tôn lại phong cho ông Vũ Văn-Uyên chức Thái-bảo.

Lúc ấy vua Minh Thế-tôn bèn Tàu sai Mao Bá-Ôn 毛伯溫 đem binh sang đánh họ Mạc. Ông Vũ Văn-Uyên liền đưa thư cho Tuần-phủ Vân-nam là Uông Văn-Thịnh 汪文盛 kể tội họ Mạc thoán-nghịch và xin cho binh sang đánh giúp. Vua Minh sai Chỉ-huy-sứ là Triệu Quang-Tổ sang an-ủi cho ông, ông bèn dâng vua nhà Minh một bản địa-đồ vẽ đường từ Tàu tiến binh sang. Nhà Minh ban cho ông đai mũ và áo vũ-phục tứ-phẩm cùng vàng bạc gấm vóc. Sau nhà Minh nghĩ đến việc Đế-hộ và vua Lê Thái-tổ khôi-phục khi xưa, thì thả nhân của đút của họ Mạc cho xuôi việc, bèn không đem binh sang nữa. Vì thế họ Mạc hoành-hành chiếm gần hết nước, Lê Trang-tôn chỉ mới giữ được một xứ Thanh-hóa mà thôi. May nhờ có anh em ông Vũ Văn-Uyên giữ bền được toàn-hạt Tuyên-quang, để khiên-chế cả miền thượng-du, không cho họ Mạc tràn lên được, mà đất Thanh-hoa được tạm yên, vua tôi nhà Hậu-Lê nhờ đó để gây dần thế-lực.

Sau ông Vũ Văn-Uyên mất, ông Vũ Văn-Mật lên nối chức. Năm Thuận-bình thứ ba (1552) đời vua Lê Trung-tôn sai Vũ Văn-Mật cùng Lê Bá-Li 黎伯驪 tiến quân xuống đánh Thăng-long. Lượng-quốc-công Nguyễn Kim có một lá thư riêng cho ông Vũ Văn-Mật ước cùng đồng-tâm phù Lê diệt Mạc như sau này :

欽差都統節制天下各處水步諸營。總管內外。平章軍國重事。量國公。書就大同都將節制水步諸

營。太尉。嘉靖公。武陵下。常聞天下者天下之天下。多助之至。天下歸之。近者乞稱解紐。僞僭干常。所望貴將協力同心。攝除妖氣。蕩平宇宙。誓同日月。指有山河。恢復京師。海內攸同。富貴桓圭。爰及子孫。有逢此盟。天神共誠。

Khâm-sai Đô-thống tiết-chế các xứ thủy bộ chư doanh, tổng-quản nội ngoại, Binh-chương quân-quốc trọng-sự Lượng-quốc-công, thư tựu Đại đồng Đô-tướng tiết-chế thủy bộ chư doanh, Thái-úy Gia-quốc-công Vũ-huy-hạ. Thưởng văn : thiên-hạ giả thiên-hạ chi thiên-hạ, đa trợ chi chi, thiên-hạ qui chi. Cận giả, cần cương giải nữu, ngụy tiếm can thường; sở vọng qui-tướng hiệp-lực đồng tâm, tảo trừ yêu-khí, dẫng bình vũ-trụ, thệ đồng nhật-nguyệt, chỉ hữu sơn-hà, khôi-phục kinh-sư, hải-nội du đồng, phú-quí hoàn khuê, viên cập tử-tôn. Hữu vi thử minh, thiên thần công diệt.

Dịch : « *Quan Lượng-quốc-công, gửi tới Đại-đồng cùng Vũ Thái-úy, một bức thư rằng :*

« Nước là của dân, dân theo thì được, gớm thay lũ ngược, dám cướp ngôi trời, xin Ngài cùng tôi đồng-tâm hiệp-lực, chẳng dong loài giặc, quét sạch cõi bờ, cùng nhau chỉ thề, sơn-hà nhật-nguyệt, tha hồ kinh-quyết, bể lặng sông trong, phú qui đỉnh chung, lưu truyền con cái, thề này ai trái, đất hại trời tru. »

Vũ Văn-Mật được thư bèn đại cử xuống đánh Thăng-long. Vua Mạc-Nguyên 莫 原 phải xuất bôn về Kim-thành để Mạc Kính-Điển ở lại chống giữ. Vũ Văn-Mật lại kéo binh về Đại-đồng.

Đến Lê Anh-tôn (1557-1572) sai Trịnh Kiểm đại cử binh theo ải Thiên-quan ra Hưng-hóa, Tuyên-quang để đánh giặc Mạc. Vũ Văn-Mật thì giúp việc binh-lương mà lại cử làm Trấn-thủ Tuyên-quang cùng với Trấn thủ Lạng-sơn là Hoàng Đình-Ái, Trấn-thủ Thái-nguyên là Lê Khắc-Thân cùng kết-liên với nhau để tiến đánh.

Trong hồi Lê-Mạc chiến-tranh đang kịch, trong nước đâu đấy đều bị cái vạ lửa-binh, lầm than cơ-cực. Duy một hạt Tuyên-quang nhờ có Vũ Văn-Mật ngoài giữ yên địa-giới, trong an-ủi nhân-dân và đôn-đốc sinh-nghiệp. Vì vậy người các hạt kéo đến buôn bán làm ăn đông đúc thịnh-vượng. Đến những bọn học-sĩ chán sự nhiễu-nhương cũng kéo đến nhiều. Hạt Tuyên-quang biệt-thành một chỗ thú vui, và lại có cái phong-vị văn-học nữa. Nay đời còn truyền lại được hai bài thơ nôm thể phong-dao làm từ hồi đó để tỏ ý nhớ nhà Lê. Có một nhà sử cho là chính của hai ông Vũ Văn-Uyên Vũ Văn-Mật làm, vì thấy cảnh-tình giống lắm, song chưa đủ chứng-cớ rằng hai ông cũng có văn-tài như vậy. Hai bài thơ như sau này :

1º — Ai lên Phố-cát, Đại đồng,
Hỏi thăm cô tú có chồng hay chưa?

Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng vắng lại chưa có chồng.

Phố-cát ở Thanh-hóa đất của chúa Nguyễn, nay còn đền thờ. Đại-đồng là thủ-phủ Tuyên-quang đất của ông Uyên ông Mật Đời Lê gọi con gái chưa chồng là tú-nữ 秀女. Vậy « *cô tú* » tức là cô con gái chưa chồng. Cứ hai câu này thì tả về ban đầu Mạc mới cướp ngôi mà hai nhà Nguyễn Vũ cùng chưa tìm được tôn thống nhà Lê để lập lên vậy

Câu thứ ba là nói trước đã thụ chức-tước nhà Lê, câu thứ tư là nói nay Lê mất thì giữ trinh-tiết để ở vậy mà không chịu như ai sáng đưa Tống-Ngọc tối tìm Tràng-Khanh vậy.

2° — Kéo quân qua cửa Hùng-quan,
(về đất Tuyên)
Chim muôn tiếng hót, hoa ngàn hương đưa.
Nhớ ai ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ,
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai.

Bài này cũng là tả cái tình nhớ, vì chúa cũ. Một vị tướng-quân, một tay anh-hùng cát-cứ, khi ngồi trên mình ngựa đi trước ba quân ra đến cửa ải, mà mũi còn biết ngửi đến mùi hoa thơm, tai còn biết nghe đến tiếng chim hót hay, bụng còn biết ngẩn-ngơ ngơ-ngẩn, thương nhớ vì ai, thật là binh có chủ-nghĩa, tướng có thủ-tính, phong lưu nghĩa-khái, khác hẳn với những toán binh của bọn Hàng-nô chỉ chăm-chăm đi bóc lột. Ngày nay cái tư-tưởng tranh-vương đồ-bá tuy có đổi thay, mà cái cao-thượng của đấng anh-hùng vẫn còn treo gương thiên-cổ. Ấy cái tinh-thần văn-hóa của đời Hồng-đức còn sót lại là đó, cái tinh-thần văn-hóa của người Việt-Nam ngày xưa là đó.

Về sau nhà Hậu-Lê trung-hưng lại được, ông Vũ Văn-Mật có nhiều công-lao, được phong làm Gia-quốc-công 嘉國公 và cho con cháu được thế-tập làm Trấn-thủ hạt Tuyên-quang. Đời nhớ công-nghiệp ông tôn-xưng là Biểu-vương 表王, di-lăng ở phủ An-bình nay gọi là Biểu-thành, thổ-dân có lập miếu thờ.

Con cháu ông truyền đến đời thứ năm là Công-Tuấn làm phản bị giết thì hết.

(Còn nữa)

Đ. - N.

SƯU-TẬP VĂN CỔ

IV. — Diễn bài Đằng-vương-các tựa và thơ

(của ông Vương Bột đời Đường)

滕王閣序并詩

(唐王勃)

南昌故郡。洪都新府。星分翼軫。地接衡廬。襟三江而帶五湖。控蠻荆而引瓯越。物華天寶。龍光射牛斗之墟。人傑地靈。徐穉下陳蕃之榻。雄州霧列。俊彩星馳。

Quận-ấp vẫn Nam-xương đất cũ,
Thành mới này là phủ Hồng-đô;
Phần sao Dực Chẩn bày phô,
Nước non liên-tiếp Hành Lư kia là.

Giang hồ nọ năm ba dải vạt,
Chống Kinh-man lại đất Việt-âu;
Vật hoa trời khéo phơi mầu,
Vẻ rồng bóng dãi Đẩu Ngưu mấy tòa
Đất thiêng đúc tài-hoa chẳng thiếu;
Bạn văn-nhân chạ chiếu chung giường,
Mấy châu xan-xát mù giăng,
Vẻ tài nhô-nhố xem bằng sao đi.

臺隍枕夏口之交。實王盡東南之美。都督閻公之雅望。棨戟遥臨。宇文新州之懿範。襜帷暫駐。十旬休暇。勝友如雲。千里逢迎。高朋滿座

Sế thành các hoa đi đôi ngả,
Tiệc chủ-tân nồng-nã một nhà;
Giáo cờ Đô-đốc ruổi qua,
Màn xe dừng lại khách là Vũ-Văn.
Chén phương-tửu mười tuần ròng-rã,
Bạn hiền tuôn lỏa-toả như mây.
Dặm ngì in đón đó chào đây,
Màn giăng tòa ngọc chiếu vầy mùi lan.

勝絞起鳳。孟學士之詞宗。紫電清霜。王將軍之武庫。家君作宰。路出名區。童子無知。躬逢勝餞。時惟九月。序屬三秋。潦水盡而寒潭清。煙光凝而暮山紫。

Văn học-sĩ rồng rờn phượng dấy,
Vũ tướng-quân chớp nhảy sương bay;
Nhà nghiêm đường tới nẻo này,
Trẻ con nào biết khi hay gặp mà.
Tháng kể tháng tháng đà tháng chín,
Thu rằng thu thu chỉn sang ba.
Lạch sông nước rặc đầm sa,
Bóng lồng khói tụ tía pha non chiều.

厥驂騑於上路。訪風景於崇阿。臨帝子之長洲。得仙人之舊館。層巒聳翠。上出重霄。飛閣流丹。下臨無地。鷗汀鳧渚。窮島嶼之縈迴。桂殿蘭宮。列岡巒之體勢。

Trên đường giục xe thiều đủng-đỉnh,
Dạo bước qua phong-cảnh đầu gò;
Nơi đây tới bến trang-chu,
Nơi đây tiên-quán hay đò lối xưa.
Trên lớp đá tờ-mờ cao ngất,
Dưới dòng băng trong vắt như không;
Nào non nào bãi quanh vòng,
Cung đình giăng đặt mấy trùng núi non.

披繡闥。俯雕甍。山原曠其盈視。川澤盱其駭矚。閭閻撲地。鐘鳴鼎食之家。舸艦迷津。青雀黃龍之軸。虹銷雨霽。彩徹雲衢。落霞與孤鶩齊飛。秋水共長天一色。

Mở cửa gấm lầu son khi ấy,
Sơn-xuyên này trông thấy la-lùng;
Gần miền mới ngỏ đỉnh chung,
Bên sông chen chật thuyền rồng như kên.

Vồng tan mống tằng trên mưa tạnh
Khí thanh-thu đã tỉnh đường mây;
Cánh cò chen rảng cao bay,
Nước thu vặc vặc mầu rời in xanh.

漁舟唱晚。響窮彭蠡之濱。雁陣驚寒。聲斷衡陽之浦。遙吟俯暢。逸興遄飛。爽籟發而清風生。纖歌凝而白雲遏。

Thuyền ngư nọ bến Bành thấp-thoáng,
Tiếng ca còn vẳng-vẳng chiều hôm;
Nhạn kia đôi trận kinh-hồn,
Lao-sao bên mải non Hàng ngất tăm.
Vui vời cảnh ca ngâm rặng khúc,
Hứng xui nên lại giục mối tình;
Hơi đưa phất-phất gió thanh,
Tiêm-ca êm giọng ngừng thanh đám mây.

淇園綠竹。氣凌彭澤之樽。鄱水朱華。光照臨川之筆。四美具。二難并。窮睇眄於中天。極娛遊於暇日。天高地迥。覺宇宙之無窮。興盡悲來。識盈虛之有數。

Chén Bành-trạch cuộc say lắm kẻ,
Bút Lâm-xuyên nhiều vẻ tài hoa;
Này trong tiệc yến nhiều nghề,
Mà nay kiêm đủ hai bề bốn bên.
Khi ngó xuống trông lên khắp cả,
Thú chơi bời thanh thả ngày thâu;
Trời cao đất quạnh một mầu,
Mấy đây bi lạc mấy cầu doanh hư.

望長安於日下。指吳會於雲間。地勢極而南溟深。天柱高而北辰遠。關山難越。誰悲失路之人。萍水相逢。盡是他鄉之客。懷帝閽而不見。奉宣室以何年。

Ngó cửa khuyết tờ-mờ dưới bóng,
Trỏ non Ngô giăng đóng chân mây;
Biết bao bể thẳm đất giầy,
Cột Trời sao Bắc nọ này cao xa.
Khi lỡ bước ai mà biếng mách.
Khi nước bèo cùng khách tha-hương;
Khi nào lầu ngọc gác vàng.
Khi nào chiếu Hán xe Lương năm nào!

嗚呼。時運不齊。命途多舛。馮唐易老。李廣難封。屈賈竄於長沙。非無聖主。寘梁鴻於海曲。豈乏明時。

Ôi thời-vận lao-đao lắm nẻo,
Lối đường này hay khéo làm ngơ;
Kìa ai tóc bạc phơ-phơ,
Kìa ai vương lấy số cơ nên mà.
Kìa ai chốn Tràng-sa lỡ bước,
Vua cũng là có được hiền-minh,
Kìa ai hải-khúc gửi mình,
Há rằng chẳng phải là bình-thời du?

所賴君子安貧。達人知命。老當益壯。寧知白首之心。窮且益堅。不墜青雲之志。酌貪泉而覺爽。處涸轍以猶懽。北海雖賒。扶搖可接。東隅已逝。桑榆非晚。

Chắc vì cái đói no chẳng quản,
Trời mệnh ta ta biết cùng ta;
Già mà có hẹm chi già,
Cùng mà chẳng chịu mịt-mờ đường mây.
Tham-tuyền nọ nước rầy cũng mát,
Bạc-triệt này khô khát cũng đành;
Chim bằng bể bắc cánh mình,
Ô đà xế bóng còn cành tang-du.

孟嘗高潔。空懷報國之心。阮籍猖狂。豈效窮途之哭。勃三尺微命。一介書生。無路請纓。等終軍之弱冠。有懷投筆。慕宗慤之長風。

Thường có kẻ chao mầu cao-khiết,
Một niềm-đan ai biết cho chưa;
Trúc-lâm có kẻ ngẩn-ngơ,
Khi vương mối bận nào sa giọt sầu.
Này tờ cũng đã bao lăm tuổi,
Chút thân này tiếng gọi thư-sinh;
Ưa ai mượn mối tràng-anh,
Nhung-hiên vứt bút mến tình với ta.

含笑笏於百齡。奉晨昏於萬里。非謝家之寶樹。接孟氏之芳隣。他日趨庭。叨陪鯉對。今晨奉袂。喜託龍門。楊意不逢。撫凌霄而自惜。鍾期既遇。奏流水以何慚。

Thôi liệu kiếp cái đời trâm-hốt,
Lễ thần-hôn gọi chút bên trời;
Thềm lan đâu dám sánh vai,
Khi nghiêng dù lại gặp người phương-tân.
Đến lúc khác bên sân dưới gối,
Chốn cửa rồng thông lối từ đây;
Tài này trên cái thân này,
Cung đâu khi gặp Chung-Kỳ là hay.

嗚呼。勝地不常。盛筵難再。亭蘭已矣。梓澤丘墟。臨別贈言。幸承恩於偉餞。登高作賦。是所望於羣公。敢竭鄙誠。恭陳短引。一言均賦。四韻俱成。

Cuộc biến-cải dở hay hay dở,
Những đình Lan đầm Tử đâu rồi;
Lên đường gửi lại và lời,
Đội ơn tiệc ngọc khuyên mời là may.
Tựa đền quế dâng bài đoản-phú,
Lòng cùng trông với lũ văn-nhân;
Tấc thành vạch vẽ đến ngần,
Một lời gấm dệt bốn vần châu phun.

滕王高閣臨江渚
佩玉鳴鸞罷歌舞
畫棟朝飛南浦雲
朱簾暮捲西山雨
閒雲潭影日悠悠
物換星移幾度秋
閣中帝子今何在
檻外長江空自流

Gác Đằng chót-vót gác trên đồi,
Loan ngọc sênh-sang tiệc đã rồi;
Nhà vẽ sớm phun mây bến bính,
Rèm son chiều cuốn móc non đoài;
Nước chen khói chạ ngày thêm bận,
Vật đổi sao dời thế cũng xuôi;
Trong gác có ai còn ở đó?
Ngoài hiên dòng nước luống thường trôi.

V. — Học-trò gửi cho con gái (1)

« Thiên-vân chở lấy học-trò, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm », trách thiên-hạ nói gièm, tài nào em nghe được, tài nào nàng chịu được! Sự-tình sau trước, ta kể với nàng: chữ sĩ, nông, công, thương,

(1) Bài này truyền rằng quan Thị-lang Cầu lâm ra từ khi còn làm học-trò. Sau làm nên sự-nghiệp in như thế, cho nên người ta cho là hay mà truyền-tụng mãi.

sĩ đứng đầu hàng nhất. Kia kẻ nông: cầy bừa chật-vật, trần-trọc bốn mùa; khi đi sớm về trưa, mưa dầu cũng phải chịu, nắng dãi cũng phải chịu! Nọ kẻ công: soi bào đục đẽo, vất-vả tối ngày; tiền chục buổi quan hai, đem về nhà được mấy, trao cho nàng được mấy! Những kẻ thương, nào buôn tơ bán vải, nào buôn mật bán dầu; khi mưa thâm gió sầu, mỗi năm là mấy chuyến; chốn lộ-đồ giao-viễn, nơi lặn suối trèo đèo; lời lãi được bao nhiêu? Gửi thân ngoài mặt bể, gửi mình trên mặt bể! Đến như cửa quyền-môn không phải lụy, trời mưa nắng không phải lo, còn ai hơn học trò, còn ai bằng học-trò. Nói cho em được nghe, bảo cho nàng được biết: ngày thư son án tuyết, đêm rủ sáo buồng mành; đèn hạnh thắp năm canh, ngồi sôi kinh nấu sử; một mai ra ứng-cử, được hai chữ giải-nguyên; nhà Thập-đạo xướng tên, ai chen vào mà dạ; học-trò vào mà dạ, anh đây vào mà dạ; bút nghiên rỏng-rả, vào thi hội thi đình; bảng tiến-sĩ đề danh, đề nhất danh nhất giáp, đề nhị danh nhị giáp; lĩnh trâm vàng hốt bạc, vào lạy điện Thái-hòa; ra cưỡi ngựa xem hoa, lưng càng dài càng giỏi, áo càng dài càng giỏi; xiêm mang mũ đôi, về bái tổ vinh qui; mở cờ biển ra đi, đến đâu ai cũng tránh; nông công thương đều phải kính, thấy ai ai cũng phải tránh; đến một mai xuất-chính, làm tổng-đốc Nghệ Thanh; ra kinh-lược Bắc-thành, vào Thượng-thư Lục-bộ; nhờ ơn vua ấm tổ, được phong-tặng song thân; chồng nhất-phẩm đại-thần, vợ nhất-phẩm phu-nhân, đồng-gia hưởng phú-quí; khi vào chầu thánh-đế, mặc áo gấm thêu rồng; lưng thắt dải kim-tòng, đội mũ vàng đỏ thắm; mùa đông bao áo gấm, mùa hạ ban áo sa; nhờ lộc nước ơn vua, dài lưng anh bết mấy, tốn vải em là mấy; chà công-đường rộng rãi, đem bày khắp đình-chung; có rượu cúc chè thung, chén quỳnh-tương lóng-lánh; chốn Nam-đường mát lạnh, nằm nghỉ mát buổi trưa; ai có việc đến thưa, ngài giấc chưa dám bẩm, tỉnh ra rồi sẽ bẩm; các cô ngồi dấm, các cậu lính quạt hầu; dân sự khấu đầu, bạn phường bái lễ. Thế thì dài lưng tốn vải mặc kệ, ăn no lại nằm mặc kệ; em ngồi em nghĩ, cho hết nguồn cơn; em ơi, chớ nghe lời nói « thiên-vàn...»

VI. — Thúy-sơn mộng-ký (1)

翠山夢記

Năm Long-đức thứ ba (2); tiết trung-thu tháng tám.

Quế-tử hương đưa nghìn dặm; hoè hoa tán rợp đôi hàng.

Trăng trăng bạc, gió gió vàng, leo-lẻo một bầu bạch-bích; trời trời xanh, nước nước biếc, lầu lầu muôn dặm pha-lê.

Tám cảnh vây một bức bình-phong; bốn bề thu mấy đỏ vân-thủy.

Ta khi ấy:

Nhân thuở ra chào thiên-sứ; vừa khi nhân việc công-sai.

Thênh-thênh một chiếc thuyền lan, nổi dòng Xích-bích; nhè-nhẹ đôi con chèo quế, rặng khúc Thương-lương.

Trải hàng Giới qua cửa Thần-phù; khỏi kênh Mèo tới chùa Non-nước.

Nọ cung mây, kia ẩn tuyết, trông nhác ngờ tòa tinh-đẩu dời về; miền đất bụt, chốn non tiên, xem chẳng khác chốn bồng-lai đem lại.

---

(1) Truyền rằng bài này của ông Nguyễn Ngọc-Huyền 阮玉鉉, người huyện Hoằng-hóa, tiến-sĩ đời Lê, khi làm quan tại triều đã gót vợ, sau phụng-mệnh ra nghênh-tiếp sứ Tàu, nhân qua chơi chùa Non-nước núi Dục-thúy, đêm chiêm bao thấy vợ đến, hai bên tự-tình với nhau, rồi người vợ lại biến đi, ông sực tỉnh dậy, nhân thế làm bài ký này.

(2) Niên-hiệu Long-đức đời vua Thuần-tông nhà Hậu-Lê (1734).

Bát-ngát lòng thơ dễ hứng ; bâng-khuâng dạ khách khôn cầm.

Ta bấy giờ : Kề bến liền đỗ thuyền ; tếch dường mai chơi bộ.

Xếch quần nghê, nâng mũ yến, xênh-xang một quạt một con đồng ; dãi bóng ác, bạn chân lừa, lẽo-đẽo đôi hài đôi đưa tiểu.

Dìu-dặt qua cầu Cửu-cấp ; dần-dà tới cửa Tam-quan.

Làm bài thơ đọc đọc ngâm ngâm ; lên am Phật chay chay bái bái.

Quyến-luyến lại đôi ba thầy dọc, rập-rờn tiếng cảnh lẫn tiếng tiu ; rủ-rê vầy năm bảy ông thơ, kèo-cuột chén thông và chén cúc.

Dan-díu tiệc hầu trọn vẹn ; âm-thầm canh đã điểm ba.

Đều say-sưa ai nấy ra về ; còn chênh-choáng mình ta ngồi lại.

Bẻo-lẻo quyến trăng làm bạn, mảng trông năm thức chần-vần ; thảy-lay mong gió đưa duyên, nhác thấy một người yểu-điệu.

Đủng-đỉnh chân dầy bệ ngọc ; nhởn-nhơ tay thác rèm châu.

Tóc dùn-dùn mây Sở mấy tầng ; quần rợn-rợn sóng Ngô đôi lớp.

Mặt hoa ái-ngại, dáng như tiên-tử vâng mệnh xuống lầu tây ; mày liễu ủ-ê, hình tựa Vương-tôn deo sầu về ải bắc.

Sau chân có đôi nàng thiếu-nữ ; trước mặt bưng một tráp kỳ-nam.

Khoan-khoan trên thềm - bệ bước vào, trình rằng thiếp tới hầu quân-tử ; rón-rén tựa câu lơn ngồi xuống, hỏi sao chàng đã nhẵng cố-nhân.

Ta bồi-hồi nửa lệ nửa mừng ; nàng dùng-dằng dở lui dở tới.

Phút chốc hạt châu sa trước mắt, tưởng ngờ bình-thủy hợp duyên xưa ; hỡi ơi tiếng ngọc rỉ bên tai, mới biết tao-khang là nghĩa cũ.

Mặt nhìn mặt mong chào, sầu kia lã-chã ; tay cầm tay ướm hỏi, thảm nọ ngập-ngừng.

Nguồn cơn ta mới gạn-gùng ; sau trước nàng bèn dãi tỏ.

Trình rằng :

— Thiếp, hồ minh bồ liễu ; dự bậc trâm-anh.

Bút son vâng mệnh Thiên-tào, thác-sinh xuống làm con tướng-quốc ; tơ đỏ nhờ tay Nguyệt-lão, kết duyên vào làm vợ lang-quân.

Nghĩa tất-giao thoắt bén thoắt ưa ; duyên kim-cải càng phen càng thắm.

Tiếng đàn chen tiếng sắt, não-nùng đêm nguyệt khúc hòa-phong ; mùi sạ bén mùi hương, đằm-ấm ngày xuân hơi thụy-khí.

Đã chót thề vàng trao ngọc ; lại thêm bề ái nguồn ân.

Cành trúc sánh cành mai, những ước trăm năm thêm có lẻ ; hàng hòe chen hàng quế, hầu mong chín kiếp vẹn hòa mười.

Trước là dỡ túi đẹp duyên chàng ; sau nữa nâng khăn cam phận thiếp

Những tưởng bóng hằng-nga còn đợi ; hay đâu cơ tạo-hóa khôn lường.

Duyên kề từ thỏ bạc trên thềm, mới hầu được năm năm ân-ái ; điềm xấy thấy muông xanh qua cửa, bỗng xui nên đôi ngả sâm thương.

Hạc về Họa-biểu ngậm ngùi-ngùi ; nhạn tếch Hành-dương trông thẳm-thẳm.

Thiếp tự ấy :

Lại về cung Nữ-tú ; vâng giữ việc Thiên-tào.

Sớm làm gió, tối làm mưa, phảng-phất non Vu hồn thần-nữ ; xuống cưỡi rồng, lên cưỡi hạc, mơ-màng cung nguyệt bóng hằng-nga.

Thân tuy rằng về cõi tiên-hương ; lòng chẳng chút khuây miền trần-thế.

Trông lại Vân-hà nơi đất tổ, sao dời vật đổi, tưởng cù-lao thêm lắm nỗi thảm thương ; trông về Hoằng-hóa chốn quê chồng, đất rộng trời cao, nghĩa ân-ái lại trăm chiều thảm-thiết.

Khắc-khoải năm canh quyên nhớ cảnh; bơ-vơ nghìn dặm yến trông chừng.

Đôi ngả âm-dương; một niềm phụ-phụ.

Cầu tiên mong học phép phản-hồn, song lệ phép mầu tiên chẳng dạy; mạch phật rắp học phương hiện-thế, lại e phương cấm phật đân truyền.

Nhẩn gió hiềm đi gió thờ ơ; cây trăng sợ chị trang chênh-mảng.

Buồn rắp mượn cánh nhân tìm tới, mênh-mông bể rộng biết đâu tìm; nhớ mông nương nồn bướm thở-than, eo-óc canh dài khôn lẽ hỏi.

Phụ đồng sợ thầy đồng đối trá; tựa đi e bà đi mơ-mảng.

Đôi chữ tương-tư, dặn dạ nọ ghi đoành nước biếc; một thiên tràng-hận, đem lòng kia tạc đỉnh non xanh.

Than rằng:

Lẫng-uyển hoa tàn; giao-trì tuyết tán.

Ngựa ruổi bắc hồ khôn trở lại; kênh xuôi đông-hải biết bao về.

Dù mệnh thiếp duyên rủi phận hèn, ước những ngọc-tiêu làm tái-hợp; đội ơn chàng tình sâu nghĩa nặng, nguyện xin tiên-tử hợp đồng-thăng.

Rày chàng có dan-díu chốn nào; cho thiếp được thở-than duyên cũ.

Xin phó mấy lời tâm sự; kính dâng hai chữ bình-an.....

Thoắt thôi trao một bức thơ tiên, trầm lạy giã chàng còn ở thế; đứng dạy giã hai hàng châu lệ, năm mây đưa thiếp lại lên tiên.

Chàng vội-vàng chưa kịp thở-than; nàng bỗng chốc thoắt đã biến-hóa.

Ta khi ấy:

Mở cửa thiền dùng dằng; ra sân hạnh trông chừng.

Mái nọ non xanh, trăng bạc xế dầu non chếch-chếch; bến kia nước biếc, trời vàng in mặt nước hênh-hênh.

Tưởng ngỡ ra hội phủ động ba-sinh; xem chẳng khác thiền-man nên một mộng.

Vậy mới biết:

Cơ trời đất sinh-sinh hóa-hóa, hóa-sinh tạo-hóa cơ màu; đạo vợ chồng nghĩa-nghĩa ân-ân, ân-nghĩa cương-thường đạo trọng.

Tuy rằng có âm-dương đôi ngả; cũng chẳng qua thành-kính một lòng.

Tử như sinh, vong như tồn, chữ ái-ân hẳn có; cảm tất thông, cầu tất ứng, lẽ lai-cách nào không.

Bèn dâng rượu cúc chuốc ba tuần; nhân mượn bút hoa làm một ký.

VII. Phong hoa tuyết nguyệt

(*Bát nói*)

1. — Phong

Rầng xe rầng ngựa, ruổi giong qua trải cả muôn phương (1); hỏi nguồn cơn ra ở thổ-nang (2), cầm quạt ấy Phong-di Cơ-bá (3). Ao Bồ-bản (4) giữa mùa thịnh-hạ, đưa khúc cầm giải-uẩn (5) một hai vần; đàn Vũ-vu vừa tiết mộ xuân (6), khoa tay áo thừa-lương năm sáu trẻ (7). Khi đưa thoảng cành dương mát-mẻ, khi đưa qua mặt nước nhẹ-nhàng; dã cho người hóng lấy trận thanh-quang, lại để khách ngẫm ra mầu đạo-lý. Trong trời đất vật chi dành có chủ, lấy thanh-phong mà tiêu-dụng mặc dầu; hóa-công nào cấm ai đâu!

---

1. Tiếng gió thổi như tiếng xe ngựa đi. — 2. Thổ-nang là chốn thổi gió ra. — 3. Phong-di Cơ-bá đều là thần làm gió. — 4, 5. Bồ-bản là đất vua Thuấn đóng kinh-đô. Giải-uẩn là cởi lòng giận cho dân. Là nói đương khi nắng lắm, gió nam đưa khúc đàn mà cởi được lòng giận cho dân. — 6, 7. Nền Vũ-vu là chốn ông Tăng Điểm hóng gió. Mộ-xuân là tháng ba. Thừa-lương là hóng mát. Ý nói đương tiết tháng ba khoa tay áo mà vui cùng lũ học-trò trẻ đi hóng gió mát.

2. — Hoa

Đẳng-nhàn thức đắc đông-phong diện, vạn tử thiên hồng tổng thị xuân 等閑試得東風面。萬紫千紅總是春。(1); kiền-khôn vừa hội phương-thời, ra khỏi cửa nơi nơi đều cảnh-sắc (2). Khóm tựa gấm dễ say người cao-các, vườn khoe hồng thêm ngát khách xuyên-mang (3); mặc tin ong sứ bướm nhộn-nhàng, ghi tấm dạ hướng-dương còn khẩn-khẩn (4) Khi ẩn hiện với hóa-công mà chuyển-vận, dẫu thu-sương đông-tuyết cũng bao nài (5); đưa tin đã có hoa mai!

3. — Tuyết

Tinh-thần sao lạ bấy, giống chi như ngọc chuốt giá trong; nhưng cũng là phi-giáp (6) xuống trùng-trùng, ai hay nữa thụy anh (7) ra đón-đón. Trinh-tùng (8) nọ thử đà biết đó, hàn-mai (9) kia mượn để đưa tin; giục tao-ông (10) chân ruổi ấy đó phen, xui điền-phủ (11) miệng cười đà mấy trận. *Thế chi sạ nghi mai địa tận, công thành trực dục phóng xuân hồi* 勢若疑埋地盡。功成直欲放春回。(12). Dễ mấy ai xem biết lòng trời, nên cảnh-sắc những ngại-ngùng cơn túc-sái (13). Mười hai tháng vì mà sương-lộ mãi, biết bởi đâu nhận mối sinh-cơ (14). Kìa người bạch-tuyết ngâm thơ!

4. — Nguyệt

Mấy bóng sơn-hà thu-thập lại, rằng thỏ thiềm có phải hay chẳng (15)? Vầng trăng vặc vặc một hồ băng (16), khắp bờ cõi ba nghìn đều một sắc. Gương đứng giữa trời in với nước, vị nhất-ban dễ mấy ai hay (17); đèn trong đỉnh núi tỏ như ngày, kho vô-tận biết bao giờ hết (18). — Bóng tố-nga trong vắt, khách vui chơi ai cũng thích tình; ngành đan-quế tươi xanh, người vin bẻ càng thêm vui thỏa. Suốt cổ kim một bánh xe tạo-hóa, với vầng ô (19) nguyện một tấm son; nói chi khi khuyết khi tròn!

---

1. Khi thong-thả biết được mặt gió đông, muôn sắc tía nghìn sắc hồng đều là xuân cả. — 2. Trời đất đương khi xuân tới, ra khỏi cửa đến đâu cũng là có sắc hoa đẹp. — 3. Tựa gấm là hoa đẹp như gấm. Người cao-các là người đứng trên lầu cao. Khoe hồng là hoa phô sắc đỏ. Khách xuyên-mang là người đi giầy cỏ.

(4) Ý nói các hoa để mặc ong bướm qua lại, chỉ thiết một lòng ngóng mặt trời mà thôi. — 5. Ý nói khi tàn khi nở đều theo tiết trời mà xoay vần, dẫu rằng sương mùa thu tuyết mùa đông cũng không sợ. — 6. Phi-giáp là tuyết như vảy rồng bay. — 7. Thụy-anh là tuyết như hoa đẹp nở. — 8. Trinh-tùng là cây tùng vẫn xanh trong mùa đông. — 9. Hàn-mai là hoa mai sớm nở khi tiết lạnh. — 10. Tao-ông là người làm thơ. — 11. Điền-phủ là người làm ruộng. — 12. Hai câu này là thơ ông Vương An-Thạch vịnh tuyết, nghĩa là người ta ngờ rằng cái thế tuyết đến làm lấp cả đất đi, nhưng chưa biết rằng có tuyết mới đưa khí xuân lại được. — 13. Túc-sái là khí mùa đông nghiêm dữ. — 14. Sinh-cơ là cơ trời sinh sinh không cùng.

15 - Bao nhiêu bóng núi sông thu vào mặt trăng cả; xưa nay cho là ngọc-thỏ với thiềm-thừ có phải không? — 16. Trăng trong như giá ở trong bình thủy-tinh. - 17. Trăng với nước cùng một ý vị trong, dễ mấy người biết. — 18. Trăng soi trên núi sáng-sủa thành sắc đẹp, cho người ta thưởng mãi cũng như kho trời đất dùng mãi mà không hết. — 19. Vầng ô là mặt trời.

Vô-tận của mình riêng

Thủy trúc vân sơn địa, phong hoa tuyết nguyệt thiên 水竹雲山地風花雪月天 (1); tựa gốc tùng giở vần cờ tiên, vẫy tiệc cúc nghiêng bầu rượu thánh. Khi thong thả nhất trăng nhất vịnh (2), khách Lan-đình cơn tỉnh cơn say; khúc cầm-xoang rằng-rỏi canh chầy, rìu rặt đủ năm cung (3) hòa nhã. Của thích-tình sẵn sàng trong vũ-trụ, đủ tiêu dùng xuân hạ thu đông; thảnh-thơ gió mát trăng trong, bức tranh sơn-thủy một vùng cỏ hoa; cuộc này ai dễ hơn ta!

CÂU CHUYỆN RA Ở ĐỜI

Họ Vương họ Lâm là bạn học ngày trước, tính-tình khác mà thật là bạn keo sơn, họ Vương chuộng thực-hành, họ Lâm ưa lý-tưởng. Có người nói thân nhau là vì đôi chỗ thị-hiếu giống nhau, tỉ như ai cũng ưng ăn ngon mà không thích miếng dở; thời-đại này người ta cho là thời-đại vật-chất, ta cũng không dám theo đức Khổng mà cho họ là không đủ bản. Vả chăng đó là những cái chi tiết của từng người, có phải thế hay không, ta cũng không cần biết.

Hai họ từ khi ở nhà học ra, mỗi người làm ăn một ngả, chân trời góc bể, vì tình-thế này nọ mà thành ra không thư-từ đi lại với nhau. Bữa nọ gặp nhau trên xe-lửa, tay bắt mặt mừng, rồi câu chuyện như pháo ran. Ấy tôi chỉ muốn thuật câu chuyện đó. Câu chuyện gì? Thời cũng là câu chuyện thường, câu chuyện một đôi bạn thân xa nhau đã lâu năm, câu chuyện gặp nhau, mời nhau điếu thuốc, nói chuyện điếu thuốc mà khi bắt tay từ-giã thời thì-dụ còn nói chuyện Âu-châu Liên-bang, chuyện rắc-rối ở miền Nghệ-Tĩnh, thời thật cũng là chuyện thường cả, ai lại không nói, người nói là ai mà ta lại quan-tâm. Nhưng tôi đã nhắc đến đức Khổng, tôi lại xin nhắc đến ngài nữa mà nói chớ vì người mà bỏ lời.

Vả chăng trong những câu chuyện đầu Ngô đuôi Sở, khi nào cũng lắm điều hay, tôi muốn nói rằng hay mà dễ cảm-dụ người ta hơn những bài cao sâu rộng-rãi, nó nhẹ nhàng bay bướm, nó... như cái lông gà đôi người hay dùng mà xoay trong lỗ tai; một chữ con con, một cái ý thoáng qua như ngọn gió nồm

---

1. Chỗ thì có cảnh nước trúc mây núi, chỗ thì có cảnh gió hoa tuyết trăng. — 2. Khi nhân rỗi một là uống rượu, một là ngâm thơ — 3. Năm cung là năm cung đàn: 1° *Cung* 宮, thuộc hành thổ, tiếng nó rất dài, rất đục, rất thấp hoặc gọi là cung *huỳnh*. 2° *Thương* 商, thuộc hành kim, tiếng nó hơi dài, hơi đục hơi thấp, có ý rìu-rặt thảm-thiết, hoặc gọi là *hát giai*. 3° *Giốc* 角, thuộc hành mộc, tiếng nó êm-ái hòa-bình, không dài, không ngắn, không trong, không đục, không cao, không thấp, hoặc gọi là cung *bắc*. 4° *Trủy* 徵, thuộc hành hỏa, tiếng nó sắc-sỏi náo-nhiệt, hơi ngắn, hơi trong, hơi cao, hoặc gọi là cung *nam*. 5° *Vũ* 羽, thuộc hành thủy, tiếng nó rất trong, rất ngắn, rất cao, có ý dồng-đảnh nhanh-nhẹ, hoặc gọi là *hát gái*.

là nó đi đường khác.. Câu chuyện tôi thuật đây vị-tất hay được như thế, nhưng nếu không được thời là vì tôi dùng bút mực mà chép lại rồi.

Vậy họ Lâm họ Vương nói gì đó mà tự-nhiên nói đến chuyện quan-trọng nghe ra giống như những chuyện trong các viện Hàn-lâm, trên các tờ báo rất nghiêm-trang.

Họ Vương nói :

— Khi xưa, tôi cũng như anh, tôi mong rằng một ngày kia ta sẽ hết như người Âu-Tây, người Pháp, từ cách ăn ở, cho đến học-thuật, chính-trị, gì cũng hết cả. Này anh, tôi thường tự hỏi sao người mình không mang tất mang giày, hai bàn chân trụi, xem quê-mùa quá. Mấy năm nay, tôi về ở nhà quê, đường ruộng bùn lầy, đường đi trâu bò dậm sụp lỗ, đến cả đôi guốc gỗ cũng phải xách, tay xách guốc, nách kẹp dù, rõ ra cách ông nhà quê trong trí tưởng-tượng của người thành-phố, cả của tôi ngày trước nữa. Ấy, khoan nói gì, chỉ một cái cách đi đứng đó cũng là vì hoàn-cảnh xui nên, một tay mắc vén quần, một tay xách guốc, là tiện-thị dù phải kẹp nách hay là treo vai. Mà này, cái bộ áo quần tây, ngày nay nó giống như thắng-thế lắm rồi, tôi nói không khỏi mang tiếng là ranh nhà quê. Nhưng thật đấy, chỉ có chỗ nhà quê mới là cái đặc-sắc của một giống, tôi có du-lịch, tôi chỉ đi nhà quê. Cái áo lương lũ-xũ, cái áo the thưa như rây, cái áo vải dù tàu, cái áo sa tanh láng xầy, tôi không nói cách cắt cách may nó hợp với vóc-giạc ta, với dáng-điệu của ta, tôi chỉ nói cái sắc đen là cái sắc mà người Tây mang mùa lạnh, các nhà vệ-sinh dạy rằng sắc đen hút khí nóng hơn sắc trắng, ta ở xứ nóng, ta mang đồ đen giống như lắm một điều rất thô-bỉ ; nhưng không biết tôi quen mắt hay sao, cái sắc đen của áo nó hợp với nước da mặt ta lắm, áo đen, tóc đen, răng đen, nét mặt rất khả-ái. Nói đến cái răng đen, một nhà văn tây chê xấu, lấy cớ rằng vì nó mà lỗ miệng giống như một cái hang đen-sì. Nhưng anh có thấy một ít cô răng trắng không ? Nó chương-chướng ra làm sao ? Trái lại, mấy ông cố bận áo quần ta, áo đen, mặt quá trắng, râu vàng, nó cũng ngó ra làm sao ?.. Trái lại nữa, đàn ông ta bận áo quần tây, trừ ra một ít, nó cũng ra làm sao? Không đâu anh ạ, tôi không cười ai, không phản-đối, cái gì liện, có ích thời ta theo, tôi cũng răng trắng, cũng bận áo quần tây... Tôi ở nhà quê buồn, đá banh không, đánh vợt không, đến cả sách cũng không sẵn mà xem nữa. Ấy thế, mà không biết rủi hay may, đã nhiễm lấy cái tính ưa thể-thao, tôi phải thực-hành cái thuyết tùy-tục : khi thì gieo ít cối gạo, khi thì vác cuốc ra cuốc đất trồng vườn. Tôi trồng đủ, xa-lát, cải ta, cà chua tây, cà chua nam, gì cũng có tây có nam cả. Nghe lắm, chắc anh lại phải nghi cho tôi là « ố-ngoại ». Không, tôi nói chuyện mà nghe, cà-chua nam dễ nấu lắm : một con cua vài tiền, con cá giếc, miếng cá buổi gì là nấu được bát canh ngon ; cà-chua tây, trừ ra một thức nhận thịt vào mà nấu, thời không ngon, không tiện. Xa-lát lại ê hơn nữa. Những đồ những đồm, bao nhiêu đồ ở nhà quê tôi, mua không ra. Đôi khi phải nam-hóa hẳn : chộn với chanh với mỡ, lại có khi xắt rau sống chấm nước cá, ăn nó lớt lớt đắng đắng lại ra làm sao ! Cái ta thời không nói nữa. Tôi nói « rủ quang sang rủ rẫm », anh cười, nhưng này anh, cha ông ta sao không ăn xa-lát, lại ăn rau cải chấm nước cá kho, dưa cải chấm nước mắm ? Lào sao lại có tiếng là ăn mắm nhái ? Tàu sao lại ăn xi-dầu, Tây sao lại ăn bánh-sữa ? Không phải chỉ vì cái thích miệng như ta thường nghĩ đâu, nó vì nhiều cớ sâu xa hơn nữa, việc nhỏ-nhen như thế cũng vậy, nó vì khí-hậu, vì thổ-nghi,

vì tổ-truyền, vì trăm ngàn điều tỉ-mỉ khác. Ta cho bánh sữa (phó-mát) khó ăn, nào có biết Tây cho tôm chua rất quí của ta là khó chịu. Mà thật ra, nào có cái gì là khó ăn, khó chịu đâu? Nếu thong-thả, tôi sẽ lục sách này sách nọ, tôi sẽ tìm tài-liệu khắp mọi nơi, tôi chứng cho anh thấy rằng cái ý-kiến cho xã-hội An-Nam đình-trệ, không tiến-hóa, là một ý kiến sai, nó vẫn cải-cách luôn, từ chính-trị văn-chương cho đến những điều nhỏ-nhặt trong phong-tục chế-độ; chỉ vì nó cải-cách một cách dần-dà, chắc-chắn, mà có dần-dà mới chắc-chắn, nên ta nhìn không ra đó thôi. Tôi nói thế nghĩa là không cứ việc gì, cái gì không phải thình-lình mà tới cái hiện-trạng, cái trình-độ ngày nay, mà thật là cái kết-quả của lịch-sử, của hơn mấy ngàn năm lịch-sử; đã thế thời trừ phi để cho nó tuần-tự mà thay đổi, không nên đột-nhiên đem cái khác mà thay vào, dầu muốn thay cũng không được, có được cũng chỉ là một lớp phấn lớp son ngoài cái da mặt vàng khè mà thôi. Tôi nói việc ăn việc mặc mà nói đến chuyện gì giống như quốc-túy quốc-hồn, anh không cười là thấp cạn thời ai nghe người ta cũng cười, văn-chương triết-lý để làm gì, chính-trị học-thuật để làm gì, cái lịch-sử hơn hai ngàn năm há không đủ chứng-cớ cho con cháu dùng mà biện-bác hay sao? Thú thật, bây giờ tình cờ không sách vở, tôi nói cũng không chắc-chắn gì; nhưng này anh, tôi, tôi tin ở việc nhỏ, tôi tin rằng việc nhỏ thật đủ sức mà giảng việc lớn. Ngày nay sách vở chứa chất lại nhiều quá, tân-văn tạp-chí cũng nhiều thành ra nói một việc gì, một cái gì cũng có cái giọng bác-học mới có vẻ. Về phương-diện mĩ-thuật, thế cũng được, nhưng thật không cần. Ví như tôi muốn nói rằng thế-giới hòa-bình là một cái ảo-tưởng, thời tôi chỉ lấy cái gương hai người hành-khách ngồi trước mặt chúng ta đó. Xe thời chật, người nào cũng muốn để cái gánh của mình cho vững-vàng, chắc-chắn, không ai chịu nhường ai, mà nhường làm sao, nhường đi, gánh mình để ngoài, lỡ xe nó chông-chành đổ đi thời ăn vào chợ nào? Tôi không rành chuyện thế-giới, có thể hòa-bình được hay không tôi không biết, vậy tôi nói thế không phải là muốn bình-phẩm bàn toán gì, chỉ là dùng một cái tỉ-dụ. Vả chăng lịch-sử loài người có một cái hiện-tượng này lạ: ban đầu nó bị những cái to lớn như tôn-giáo triết-học chi-phối; sự chi-phối đó đẻ ra ngàn vạn việc nhỏ khác nhau, khác trong chính-thể phong-tục, trong mĩ-thuật văn-chương, trong cách ăn cách ở, cách nói phô đi đừng. Đừng nói ai xa-lạ, chỉ nói nước ta đây. Ta bị triết-học họ Khổng, họ Lão, tôn-giáo Phật-đà chi-phối. Thế rồi vì ảnh-hưởng lộn quanh sao đó, sinh ra tin có ngày tốt ngày xấu. Bây giờ chối rằng cái thuyết ngày tốt ngày xấu là không có quan-hệ gì đến nền chính-trị sự sinh-hoạt của ta, thời thật là chối một sự thực. Ấy cái mãnh-lực của tôn-giáo triết-học là ở đấy; nó chia sức ra mà hành-động; cái trở-lực của những sự cải-cách cũng là ở đấy: bỏ cái lớn thời bao nhiêu cái nhỏ vẫn còn, cái nào có thực-lực cái ấy; bỏ cái nhỏ thời là một việc khó-khăn, chưa dễ mà làm được...

Họ Vương nói mạnh quá, họ Lâm tuy muốn nói nhưng là người lịch-sự, chỗ bạn thân mà vẫn giữ lễ, cứ lặng ngồi nghe. Khi ấy không biết sao, Vương giống như đứt mất cái dây tư-tưởng, dừng lại, họ Lâm bèn nói:

— Ấy thế, mấy năm anh ra ở đời, lịch-duyệt chỉ cốt để quét sạch những mộng-tưởng ngày xưa, cuộc đời chẳng cũng đáng chán lắm sao?...

Họ Vương nói:

— Phải đấy, anh nói nhằm đấy. Ngày trước tôi cũng một tấc lên trời

như ai. Chao ôi, tôi tưởng cái cuộc đời nó ra thế nào! Bây giờ tôi thấy rõ là một con rắn hồ-mang hi-hợm, to-tướng, nó quấn chặt lấy cả mình ta, quẫy không ra, gỡ đi không được, rời đến chỗ nào là rúng mình lên chỗ ấy...Ghê-gớm thay, độc-địa thay! Mà cái mộng-tưởng với cái thực-hành nó xa nhau biết chừng nào? Anh lại xem cái chuyện cổn-con khi nãy đấy cũng đủ biết. Xe thời chật, bà đàn-bà đi vào, mình bắt-chước cái lễ-phép rất khả-ái của người ta đứng dậy nhường chỗ ngồi, đã không được cái nụ cười cảm ơn, lại thấy che nón ngồi, bắt mình phải chạy! Tôi không trách họ đâu, vì họ không quen đó thôi, tôi chỉ nói cho anh thấy cái không quen đó. Trăm ngàn vạn chuyện gì cũng thế cả, mình mộng-tưởng một đường, thực-hành thời chỉ thấy thất-vọng. Ta ra ở đời, khác nào con du-dương trên chín đợt trời xanh mà bỗng không rớt xuống giữa đám rạộng bùn... Này anh không thấy đó sao? Thiếu gì người khi còn ôm quyển sách thời sôi nổi những tư-tưởng rộng-rãi, cập-kỳ ra ở đời ít lâu thời cũng chả khác gì ai. Mà dễ thường ai ai cũng vậy. Khi còn trẻ tuổi, còn ngâm-nga những câu đạo-đức của thánh-hiền, soi gương anh-hùng hào-kiệt, thời ai lại chẳng có những chí-khí hùng-hồn?... Anh sao không biết, tôi nói thế mà tôi cũng sợ cho tôi... Cái thực-tế nó mạnh gấp mấy cái lý-tưởng! Hãy nói cái chuyện hư-danh, tuy hiện-tình bồng-bột nọ kia mà trong chỗ đề-uần còn là một cái bệnh của xã-hội mình. Này có phải không anh? Mỗi khi ta nghe câu chuyện mua chức phó-lý, chạy vay lo ông cửu ông bát, ta cứ nực cười, ta cho là quá cái trí tưởng-tượng của ta... Giấu gì anh, tôi về ở trong hương-thôn tôi biết, nó khó chịu lắm lắm, nhiều khi tôi cũng phải muốn như ai. Ấy thế, ngày trước ta chưa có gì là lịch-duyệt, mà ta hăng-hái, nóng-nảy, ta là người rất cao-thượng; đọc câu thơ Lý Bạch mà ta mơ-màng là ta Lý Bạch, ngâm bài phú Xích-bích mà ta phẳng-phất buông thuyền dưới nguyệt như ai... Ta tưởng ta là Tôn-Văn, là Cam-Địa, một ngày kia ta sẽ xoay cả quả địa-cầu. Anh ôi! Tôi bây giờ là một chàng thiếu-niên già khọm! Tôi mừng cho tôi mà cũng tủi phận tôi!..

Họ Lâm không nhìn nữa, nói chẩn ngay rằng:

— Tôi biết, biết đã lâu rồi, phải gì một mình anh như vậy. Thiếu-niên ta bây giờ có hai hạng: một hạng già khọm như anh; một hạng thì cứ trẻ măng mãi, có lẽ cứ trẻ cho đến đậy nắp quan-tài. Hạng già như anh còn may, còn biết tùy-thời tùy-tục để nuôi lấy cái tiết-tháo của mình là may; nhưng phần nhiều vì cái lịch-duyệt, thấy cuộc đời không đúng như mộng-tưởng của mình mà sinh ra chán-nản, bao nhiêu cái hoài-bão tốt-đẹp đều tiêu-tán theo cờ bạc rượu chè cả. Hơn nữa, có ra làm quan cũng ăn đút, có dạy học cũng buông trôi, làm gì cũng không lên khỏi cái ước-ao ấm thân no bụng. Hạng ấy không đủ nói nữa. Trái lại hạng kia, óc đầy những tư-tưởng vĩ-đại, hấp-thụ ở nhà trường, trong sách, đầy cho đến nỗi cái hiện-trạng hoàn-cảnh xã-hội không có đường lọt vào... rồi ra bạo hổ bằng hà, tự-bạo tự-khí. Nói thật ra thời không hạng nào hơn hạng nào, mà cứ cười lẫn nhau, già cười trẻ, trẻ cười già, đã rồi mà trong bạn thiếu-niên cũng cười lẫn nhau nữa, rõ đáng chán! Này anh, một ngày kia tôi được yết-kiến một bậc danh-nhân, đã từng bị thất-điên bát-đảo. Người nói: ái-quốc không phải là làm chính-trị: quan lo việc làm quan, học trò lo học, đi cày lo cày, ai làm gì lo hết chức-phận ấy là ái-quốc. Hiểu ấy thật là rõ-ràng dễ-dãi, nhưng giống như vì nó rõ-ràng dễ-dãi quá mà bạn thiếu-niên ta hay quên. Về

phần riêng tôi, bấy lâu vẫn tâm đắc câu ấy mà cố gắng theo. Tôi nói cố gắng vì không phải là việc dễ, phải bỏ cái tính kiêu-ngạo, hi-sinh những cái mộng-tưởng xa-xôi thời không làm được. Tôi nghĩ rằng một nhà cho đến một nước thịnh hay suy tùy nơi tư-tưởng hành-động đã đành mà thứ nhất là tùy nơi phong-khí, cái phong-khí êm-đềm, hòa-nhã, tự nhiên như buổi chiều đi chơi mát, không định đi đến chỗ nào, cứ ung-dung tự-tại, cứ khoan-khoái tùy-nghi. Ta đi cày cứ việc cày cho kỹ, không cần nghĩ rằng cày thế là vì nước vì nhà, ta làm quan, ta dạy học, ta làm gì cũng vậy. Đi đường mà cứ trông đến, thời không hấp-tấp cũng sinh ra hấp-tấp, đường bao giờ cũng chừng ấy mà ta ngó giống như xa thêm. Tôi bấy lâu vẫn giữ cái thái-độ như thế .. Anh em ta xa cách mà hành-chỉ có chỗ giống nhau. Mấy điều anh nói khi nãy đấy tôi thật biểu-đồng-tình... thật là chữ họa trong bàn tay vậy.. Ngoài nghĩa-vụ ra, tôi cũng ăn cũng chơi, cũng cuốc vườn cũng tập thể-thao. Có khi cao-hứng thời cầm thơ Lý Bạch, chén rượu Lưu Linh, cứ làm một người may ở cái đời thái-bình thịnh-trị. Văn-chương đấy, mĩ-thuật đấy, khoa-học nọ, khoa-học kia đấy, hà không đủ cung-cấp cho tinh-tình trí-lự ta trong những khi nhàn-cư vô-sự hay sao? Anh bảo rằng một việc nhỏ-nhen đến đâu cũng là cái đặc-chất một dân một nước, không nên vội thay đổi, mà có thay đổi cũng không phải việc dễ một mai một chiều. Tôi, tôi lại thấy rằng những việc nhỏ-nhen, những cái vặt vạnh đó, không phải là rời-rạc nhau mà đã làm thành một cái thống-hệ. Khi nãy anh nói cái gì? Da vàng, tóc đen thời cần có cái áo đen, bộ răng đen? Xưa nay tôi cũng có cái cảm-giác thế nào đây mà tôi nói không ra: tôi tưởng-tượng một người Khá-lơ, đến Quảng - trị. Một người Khá-lơ bỗng không được một cái lầu « gãi trời », thời chẳng những không muốn ở, ở không thích-hợp với cái nước da mun, cái đầu tóc bù-xù, cái ống nứa đựng mật ong, cái khố đã rồi, mà cũng không có thể ở cho thỏa-đáng được, vì đã có cái lầu như thế thời thi-dụ phải có roi thu-lôi, thang máy, ít nữa cũng phải biết qua-loa nguyên-lý những đồ phụ-tùng đó, phải biết cách nằm cách ngồi cách đi đứng, v. v.. Không biết anh có nghe ra sao không? Này thôi, anh cũng đã từng thấy người Khá-lơ bận cái sa văn-minh, hay là đi cái dù lục-soạn đấy chứ ?.. Anh cũng đã từng thấy các cô con gái nhà quê ta theo chồng làm việc ở thành-phố đấy chứ ? . .

Họ Lâm vì cái tư-trào man-mác, bất-giác toan kéo dài những điều họ Vương đã nói rồi, đó là cái tì-vết hay có của những câu chuyện thường; còn họ Vương thời chỉ thấy là hợp với ý-kiến mình, bèn nói tiếp:

— Nhưng ngày nay là ngày muôn việc đều có cái khuynh-hướng đại-đồng, ta không thể bo-bo ngồi giữ lấy đặc-sắc được; ta giữ có lẽ chỉ là giữ cho đến ngày đại-đồng mà thôi. Ngày ấy, chàng Khá-lơ bận cái áo văn-minh không có vẻ buồn cười, vì ta giả-định rằng ngày ấy nó cũng đã biết mặc quần, chứ không phải trên thời bận áo sa văn-minh mà dưới thời đóng khố, quần cũng đã biết ủi, biết đi giày hạ hay giầy tây, biết đội nón găng, cái tay biết đánh xa như ta, chứ không phải đi còm-rôm mà dỡ lấy cái rổ mang sau lưng, cái rổ cũng bỏ mà xách cái va-ly hay là cái trấp rồi, v. v... Ngày ấy không phải là không tới, có nên cầu cho mau tới hay không thời lại là một chuyện khác; nhưng thế nào rồi nó cũng tới. Nói thật, anh đừng cười, tôi có phải lớn lên là đi giày tây đâu. Mới đây, hồi-tưởng lúc mới học đi, nó ngỏng-ngỏng nghẻo-nghẻo, đau chân;

nhưng tôi tập dần, đi từng đoạn ngắn-ngắn. Bây giờ anh xem tôi đi có khác gì người Tây không, dần gót đôm-đốp...

Nói đến đây họ Lâm cũng cả cười, giống như hồi-tưởng lại thời mình cũng thế. Vương lại nói :

— Ấy như việc đi giày thời tập mau, nhưng việc gì cũng phải tập cả. Có việc phải tập lâu đến hàng năm, có việc phải đến từng mấy đời người, hàng thế-kỷ, lớn chừng nào phải lâu chừng ấy. Thí-dụ như người nước Nam ta đây, như anh với tôi đây, tuy nhiều khi bị phong-trào nó kích-thích cũng muốn dân-chủ, có kẻ cũng muốn cộng-sản nữa, nhưng những khi đêm khuya vắng-vẻ, tâm-trí được tự-do thời vẫn nghe cái máu trung-quân thân-thượng nó chảy trong xương-thịt, nhộn trong quả tim. Ấy không phải chỉ nhờ mới đọc mấy quyển sách luân-lý nào bữa qua, năm ngoái hay là lúc đi học mà được như thế đâu, cũng không phải nhờ cha mẹ ta dạy cho ta, làm gương cho ta từ lúc trong nơi kín mà được thế đâu, thật nhờ cái di-phong của tổ-tôn, từ hồi họ Lạc-việt bỏ đất Triết-giang mà sang ở đất Bắc-kỳ, lập thành một cái xã-hội phong-kiến, có Lạc-hầu, Lạc-tướng, ngôi vua truyền theo lối phụ-đạo kia. Chắc anh sẽ cãi, nói rằng không cứ gì một dân-tộc ta, dân-tộc nào cũng có trải qua một cái thời-đại phong-kiến, quân-chủ. Nhưng thôi, tôi chỉ nói cái thông-bệnh vội bắt chước, không muốn tập dần, vội như thế vì mình không làm chủ được mình mà để tình thế làm chủ. Mấy năm trước thiếu-niên ta không lên khỏi cái tư-tưởng vinh-phú. Ít lâu đây thấy lắm người đã chịu hi-sinh cả mà lo những việc to-lớn, không phải việc riêng mình. Cứ bề ngoài và khoan nói cái chí-nguyện, cái thủ-đoạn, cái kết-quả hay dở tốt xấu, nên không nên thế nào, thời giống như dân-phong sĩ-khí ta đã lên đến một tầng cao. Nhưng xét kỹ thời chỉ vì chịu cái sức phản-động của thời-thế cả, trong chưa có điều tâm-đắc, ngoài chưa có phương-pháp gì là linh-nghiệm. Ta chưa biết tự-chủ mà ta muốn tự-do. Tự-do với tự-chủ khác nhau thế nào? Chữ tự-do ngày nay không ai lạ-lùng gì nữa. Nhưng phần nhiều chỉ chú-ý về một mặt, mặt chính-trị, xã-hội, nghĩa là đối với người mà tự-do, chứ sao ta không lo tự-do đối với ta đã. Này miếng ăn nó bó-buộc ta, tấm mặc bắt ta làm nô-lệ nó, trí-não ta nô lệ theo tư-tưởng của người, tâm-hồn ta nô-lệ theo tình-tình người, sao ta không lo thoát khỏi mấy cái ách ấy đi đã? — Nói đến bình-đẳng cũng vậy. Nói bình-đẳng thời tự-nhiên ta cứ nghĩ đến những kẻ hơn ta, giàu có hơn, sang-trọng hơn, có quyền-thế hơn. Có lẽ cũng có thế mới phải, loài người tấn-hóa có lẽ cũng nhờ thế. Nhưng tôi, trước hết tôi phải tập, tôi cố gắng bình-đẳng với những kẻ thua tôi ; ăn, tôi cố gắng tập ăn những món thanh-đạm, mặc, tôi cố gắng mặc những đồ chất-phác..

Câu chuyện đến đó thời xe lửa dừng, thuật-giả xuống ; cũng như khi nghe một câu chuyện hay khác, về nhà thỉnh-thoảng gặp một việc gì, một cái gì, lại nhớ lại người nói chuyện. Mà câu chuyện họ Lâm họ Vương có cái tính-chất ấy, lấy việc nhỏ mà nói việc lớn, thuật-giả gấp nhịp mà kiểm-tra lại luôn.

Cách ít lâu, cũng mới đây, thuật-giả nghe nói một người bị bắt, vì việc cộng-sản, rầy-rưa thế nào đó, thuật-giả lấy làm lạ ; còn người kia được tin thời nghe nói ngồi khóc, mà ngâm :

Ở đời rất sâu lo đời xa,
Vào trần dễ-dãi ra trần khó.

THAM-PHỦ

CÔNG ĐỨC (1)

Quốc-dân nước ta khuyết hẳn một điều công đức. Công-đức là gì? Nghĩa là nhân-quần sở-dĩ thành đàn, quốc-gia sở-dĩ thành nước, đều nhờ về cái đức ấy mới thành lập được. Loài người là một giống động-vật hay họp đàn, người mà chẳng hay họp đàn thì có khác gì cầm-thú; nhưng chẳng phải chỉ nói suông nói hão là ta họp đàn đây, mà hay thành công được; tất phải có một điều gì để làm liên-lạc suốt cả lại, thì mới hay thành đàn được, điều ấy là công-đức.

Bản-thể của đạo-đức chỉ có một mà thôi, nhưng vì nó phát-biểu ra bề ngoài mới thành ra có công có tư. Người ta mà tự tu lấy thân mình cho hay gọi là tư-đức 私德; *mọi người cùng ở với nhau cùng làm ích-lợi cho cả đàn gọi là công-đức* 公德; *hai đức ấy đời người ta không thể thiếu được. Không có tư-đức thì không thể tự-lập được, chỉ họp vô-số những người hèn-hạ trá-ngụy tàn-nhẫn ngu tối lại cùng ở, thì sao thành ra nước được. Không có công-đức thì không có thể quây quần được, tuy họp vô-số những người hiền-lành cần-nguyện thanh-liêm cùng ở với nhau, nhưng cũng không thành ra nước được. Cái nguồn đạo-đức của Trung-hoa phát-đạt không phải lẻ không sớm, nhưng chỉ nói thiên về phần tư-đức, chớ như công-đức thực hãy còn thiếu, xem như sách* Luận, Mạnh *là sách dạy về đạo-đức, mà tựu-trung mười phần đến chín phần bàn về tư-đức, công-đức thì không được đến một phần, như là chín đức kể ở thiên Cao-giao, ba đức bàn ở thiên Hồng-phạm,* Luận-ngữ *gọi là những đức: Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng; lại còn đức trị mình giữ lẽ, đức trung-tín đốc-kính, đức ít lỗi ít lầm, đức cương-nghị mộc-nột, biết phân-biện lời nói, biết thấu đến tính-mệnh;* Đại-học *kể ra những đức biết chọn chỗ sở-chỉ, cẩn-thận lúc một mình, răn đừng tự-khi, cầu cho không thẹn;* Trung-dung *kể ra những đức hiếu học, lực-hành, tri-sỉ, giới-thận, khủng-cụ;* Mạnh-tử *kể ra những đức tồn-tâm dưỡng-tính, xét mình cố học, phàm những điều ấy đều là tư-đức cả, phát-minh ra không thiếu một điều gì, có thể đủ dưỡng-thành được cái tư-cách một phần người riêng. Nhưng chỉ có một cái tư cách nhất-cá tư-nhân, đã là hoàn-toàn nhân-cách được không? Không thể được. Nay thử đem cái luân-lý cũ của Đông-phương so với cái luân-lý mới của Tây-phương, luân-lý cũ phân-loại ra có đạo vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè-bạn. Luân-lý mới phân-loại ra thì có gia-tộc luân-lý, xã-hội luân-lý, quốc-gia luân-lý. Luân-lý cũ thì chỉ trọng về việc một cá-nhân đối với một cá-nhân, (một cá-nhân độc-thiện lấy thân mình vốn là thuộc về tư-đức, nhưng cái đạo-nghĩa một cá-nhân mà giao-thiệp với một cá-nhân khác, cũng vẫn thuộc về trong vòng tư-đức.) Luân-lý mới thì trọng về việc một cá-nhân đối với một đoàn-thể, đem luân-lý cũ mà qui-nạp về luân-lý mới, thì quan-hệ về gia-tộc luân-lý có ba điều là: Cha con, anh em, vợ chồng; quan-hệ về xã-hội luân-lý có một điều là bè-bạn; còn đạo vua tôi thì thuộc về quốc-gia luân-lý. Nhưng một đạo bè-bạn quyết không đủ cai hết được cái xã-hội luân-lý; mà một đạo vua tôi cũng không đủ cai hết được quốc-gia luân-lý, là tại cớ sao? Nghĩa là cái nghĩa-vụ người ta đối với xã-hội, không*

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu.

những là chỉ ở về bè-bạn tương-tri mà thôi, dẫu rằng cái người tuyệt tích không giao-thiệp với ai, nhưng cũng phải hết cái trách-nhiệm đối với xã-hội. Còn như quốc gia lại không phải của riêng của vua tôi; nếu chỉ nói riêng về nghĩa vua tôi, thì vua lấy lẽ sai bảy tôi, bảy tôi lấy trung thờ vua, đều thuộc về cái việc cảm ơn hiệu-lực của lưỡng-cả tư-nhân, chớ không quan-hệ gì đến toàn-thể cả. Còn như những người dật-dân không chịu ra thờ vua há lại ở ngoài vòng luân-lý vua tôi hay sao. Người ta phải đủ cả gia-tộc luân-lý, quốc-gia luân-lý, xã-hội luân-lý, làm được hoàn-toàn cả ba nghĩa-vụ ấy thì mới thành nhân-cách được. Còn như đạo ngũ-luân cũ kể về gia-tộc luân-lý cũng hơi hoàn-toàn, chớ kể về xã-hội với quốc-gia luân-lý thì hãy còn thiếu mà nên bỏ vào nhiều lắm, đó đều bởi tại mình chỉ biết trọng tư-đức mà khinh bỏ mất công-đức vậy. Xem thế thì cái đạo-đức của một tư-nhân mà đối với một tư-nhân khác, người nào biết đạo lý cũng đã biết tự-xử không cần phải nói nữa, nhưng đó chỉ là một phần trong đạo-đức, chứ không phải là toàn-thể, toàn-thể đạo đức thì phải hợp cả công-đức và tư đức mới hoàn-toàn được.

Tư-đức với công đức xưa nay vốn tịnh-hành không có trái khác nhau, nhưng khi đề-xướng lên đã thiên lệch về một đáng, nên về mặt-lưu mới thành ra trái khác nhau, như là Vi-Sinh-Mẫu thấy Khổng-tử muốn ra cứu đời thì lại chê là ninh, Côn-Tôn Sửu thấy Mạnh-tử bênh-vực cho đạo học thì lại chê là hiếu-biện, lại còn những kẻ thiền-học khác nữa không biết công-đức là gì thì kể sao cho xiết! Xưa nay những người chỉ giữ về cái chủ nghĩa tư-thân quá quá, đứng trong vòng đức-dục, cái phạm-vi nó đã nhỏ hẹp, hễ thấy người nào ngôn-luận hoặc hành-vi có vượt ra ngoài cái vòng luân-lý cũ ấy, dẫu rằng muốn làm công-ích cho cả nhân-quần, nhưng thế nào cũng bị những kẻ tục sĩ họ chê bai, bởi thế cho nên quốc-dân không ai biết công đức là gì cả. Người ta mà sinh-trưởng trong một đàn người, cùng an hưởng cái quyền-lợi chung trong một đàn, thì phải hết cái nghĩa-vụ đối với đàn mình, nếu không thể thì chỉ là cái con mọt trong đàn ấy mà thôi. Song những kẻ chỉ biết cái chủ-nghĩa tư-thân quá-quá độc-thiện lấy thân mình, lại thường tự-đắc rằng ta tuy rằng vô-ích cho đàn, nhưng cũng không hại gì đến đàn mình cả, có biết đâu vô-ích tức là hại đó. Vì là trong đàn mình vốn có ích cho ta, mà ta thì không làm gì ích cho đàn, thế là ta mắc nợ của đàn mà không hay trả được vậy. Xem như một cá-nhân mà giao-thiệp với một cá-nhân khác, nếu mắc nợ mà không trả được người ta, thì kể về tư-đức tức là có tội, là tại làm hại lây đến người ta vậy, thế thì người mắc nợ với đàn, sao lại dám mạo-nhận được tiếng hay. Nếu người trong một đàn ai cũng mắc nợ với đàn mà không trả, thì cái tư-bản của đàn được là bao nhiêu, mà biết bao nhiêu người mắc nợ họ chia nhau ăn không hết cả, chỉ có hao hụt đi chứ không ai bổ thêm vào, thì tài nào sống được. Thế thì trong một đàn bị những người ăn không chịu nợ nó đánh đổ, cũng không khác gì một cá-nhân phải lụy lây về những người mắc nợ, là lý-thế sở tất-nhiên vậy, trong nước sở dĩ đến suy-đồi là vì thế, vì rằng nhiều những người chỉ biết ích cho thân mình, biết hưởng lấy quyền-lợi mà không chịu hết nghĩa-vụ, ai ai cũng chịu mắc nợ với đàn, người dẫu nhiều mà không ai làm lợi cho đàn, chỉ làm hại cho đàn, thì trong nước tài nào mà chẳng suy kém vậy.

Cha mẹ đối với con, nào là công dưỡng-dục, việc giáo-huấn, làm con phải có nghĩa-vụ đền ơn cha mẹ, ai ai cũng đều hết nghĩa-vụ cả, thế thì càng

nhiều con, cha mẹ lại càng vui, gia-tộc lại càng thịnh, nếu không thế thì lại làm hại cho cả nhà vậy, vậy nên làm con mà vô ơn cha mẹ là kẻ bất-hiếu, cái nghĩa về tư đức ấy ai cũng biết cả. Còn như xã-hội đối với một người, quốc-gia đối với quốc-dân, cái công ơn cũng giống như cha mẹ, nếu không có dân không có nước, thì cái tính-mệnh tài-sản của mình nhờ vào đâu, trí-tuệ năng-lực của mình phụ vào đâu, cái thân của mình cũng không thể một ngày đứng ở trong khoảng trời đất được. Vậy nên cái nghĩa-vụ đền ơn cho dân, đền ơn cho nước, ai là người có khí-huyết cũng đều biết cả. Nếu mình mà phóng-khí mất trách-nhiệm không đền ơn cho dân cho nước, tức là làm con mọt cho dân cho nước vậy. Vì như trong nhà có mười người con, mà hoặc người thì cắt tóc đi tu, hoặc người thì rượu chè cờ bạc, tuy rằng một đàng thì biết đi tu-thiện, một đàng chỉ chơi bời lêu-lổng, cái tính-chất kẻ thiện, người ác tuy khác nhau, nhưng cũng đều là kẻ bất-hiếu chẳng đoái nhìn gì đến cha mẹ cả, đều là kẻ danh-giáo tội-nhân cả. Nếu đã hiểu được nghĩa ấy, thì những kẻ chỉ độc-thiện lấy thân mình mà lấy làm tự-túc, cũng là đồng-tội với kẻ bất-hiếu, cứ án cái luật công-đức mà thẩm-phán thì những kẻ vô ơn của dân mình, dầu khép vào cái tội đại-nghịch bất-đạo cũng chẳng phải là quá đáng vậy.

Trong sách ngụ-ngôn có một truyện nói về một ông quan chết xuống âm-phủ, vua Diêm-vương trị tội. Hồn ông quan ấy kêu rằng : tôi không có tội ai, tôi làm quan rất là thanh-liêm. Diêm-vương bảo rằng : Ngươi như thế có khác gì cái tượng gỗ, nếu để cái tượng gỗ ngồi ở công-đường không cần uống một hớp nước nào, thì có hơn ngươi không ? Ngươi chỉ có một điều thanh-liêm mà không làm được điều gì ích cho xã-hội, thì tức là nhà ngươi cũng có tội, liền đem ra trị tội. Thế thì những kẻ chỉ biết cái tư-đức độc-thiện lấy thân mình, cũng là mắc vào cái luật ấy không thể tha được. Gần đây lời quan-châm có ba điều là : Thanh 清, thận 慎, cần 勤, tuy rằng thanh, thận, cần là những điều tư-đức cao-thượng, nhưng đã ra làm quan thì phải chịu cái trách-nhiệm một dân ủy-thác cho để mà làm việc, cái thân mình phải có cái nghĩa-vụ đối với một dân, lại có cái nghĩa-vụ đối với việc ủy-thác, thế thì chỉ giữ cái nết thanh, thận, cần đã đủ làm hết được trách-nhiệm ấy chưa? Đó đều bởi chỉ biết có tư-đức mà không biết có công-đức, cho nên chính trị không tiến lên được, quốc-thế ngày suy kém đi, cũng là bởi thế cả. Ấy những kẻ quan-lại đứng về cái địa-vị công-nhân còn phải như thế, nữa là cả toàn-quốc dân không ai biết coi việc nước như việc mình, thì hư hỏng biết đến thế nào! Chỉ bởi tại cái đại-nghĩa hai chữ công-đức chưa ai phát-minh ra, nên mới đến nỗi như thế vậy

Đạo-đức sở-dĩ thành-lập ra, là cốt để làm lợi-ích cho dân, nhưng có cái dân văn minh với cái dân dã-man khác nhau, cho nên đạo-đức thích nghi cũng khác nhau, nhưng cũng đều cốt là làm lợi-ích cho dân và làm tấn-tới cho dân cả. Xem như hiến-pháp nước Anh thì cho những tội xâm-phạm đến quân-chủ là đại nghịch bất-đạo; mà hiến pháp nước Pháp lại cho những việc mưu lập quân-chủ là đại-nghịch bất-đạo ; hiến-pháp nước Mĩ thì lại cho những việc mạo-giả qui-tước danh-hiệu là đại-nghịch bất-đạo, ấy cả hình-thức đạo-đức bề ngoài trái khác nhau như thế, nhưng mà cái tinh thần thì đều là một cả, đều cốt làm ích lợi chung cho một dân mà thôi. Đời cổ dân còn dã-man, có nơi cho đàn bà làm của chung cả đàn ông, cũng là đạo đức ; có nơi cho cái việc bắt người làm nô-lệ cũng là đạo-đức ; đến nay các nhà triết-học cũng còn không dám chê là không

phải đạo-đức, là vì tình-trạng đời bấy giờ có như thế mới làm lợi cho đàn được. Thế thì cái tinh thần của đạo-đức là chỉ cốt làm lợi ích cho một đàn, nếu trái cái tinh-thần ấy, thì tuy là chi thiện mà có khi lại biến ra chi-ác. Vậy nên công-đức là nguồn gốc cho cả các đức, có ích cho đàn là thiện, mà vô-ích cho đàn là ác, cái lẽ ấy khắp cả bốn bể cũng đều thế, để đến trăm đời cũng không sai. Còn như bề ngoài của đạo-đức, cái tỉ-lệ nó phải tùy cái đàn nó tiến-bộ làm chứng-mực, mà kể đàn thì có đàn văn-minh có đàn dã man khác nhau, nên cái phần lợi-ích cũng khác nhau, sở-dĩ kể về đạo-đức cũng khác nhau, gọi là đức không phải cứ nhất-định mãi thế mà không biến đổi đâu (đây là nói về phần chi-tiết của đức thì có biết đổi, chớ như phần cội gốc của đức thì vạn-cổ cũng không biến đổi), không phải các bậc cổ-nhân từ mấy nghìn năm trước hay lập ra một cái cách thức nhất-định để làm phạm-vi cho cả thiên-hạ vạn-thế đâu. Thế thì chúng ta sinh ra trong một cái đàn này, sinh ra trong đàn này ở về buổi ngày nay, phải xem rộng cả đại-thế trong vũ-trụ, mà xét xem dân-tộc mình đạo-đức nên như thế nào, phát minh ra một điều tân-đạo đức, để cầu cho bền chặt lấy đàn mình, tấn tới lấy đàn mình, làm cho hay thêm đàn mình lên, chớ thấy những câu các bậc tiền-triết chưa nói đến, mà mình tự hạn không dám tiến lên vậy. Nếu đã biết có công-đức thì tân đạo-đức mới xuất hiện ra, mà hạng tân dân mới hiện ra vậy. Ngày nay những người sĩ-phu bàn đến việc duy-tân, cái gì cũng muốn nhất-tân cả, duy không dám nói đến tân-đạo đức, đó là tại cái nô-tính về học-giới vẫn hãy còn; mà cái tâm ái-quần, ái-quốc, ái-chân-lý chưa được nhiệt-thành, vẫn cho rằng đạo-đức là như nhật-nguyệt trên trời, giang-hà quanh đất, từ đời cổ đến nay không thể nào tăng giảm được; các vị thánh-nhân đời xưa đã gết lên những điều cốt-tử để dạy người đời sau, sao lại có phần ra tân với cựu được. Không biết rằng đạo-đức mà thành-lập ra, một phần là do ở thiên-nhiên, một phần là do ở nhân-sự, cũng theo cái công-lệ thiên-diễn mà có khi phát-đạt, có khi tiến-bộ; các bậc tiền-thánh không sinh ra ở ngày nay, sao hay chế định ra cho hợp cả với đạo-đức ngày nay được, giả mà cụ Khổng, Mạnh lại sinh ra ngày nay cũng phải có thay đổi ít nhiều về đạo-đức chứ chẳng khô g. Nay đương buổi quá độ thời-đại, thanh-hoàng bất-tiếp, cái ý nghĩa thâm-vi của các bậc tiền-triết có khi mai-một mà không tỏ rõ ra được, còn cái đạo-đức đơn-giản của lưu-tục truyền lại không đủ phạm-vi được nhân-tâm về sau này, có kẻ nó ghét là trần-hủ mà nó bác bỏ cả đi; nhưng bác bỏ những điều trần-hủ đi còn là khá, nếu đem bác bỏ cả đạo-đức đi, thì cái vạ lưu-đãng biết đến thế nào! Nay cái vạ ấy đã thấy gây lên rồi đấy, các bậc túc-nho cứ giữ mấy câu đạo-lý cũ để ngăn-ngừa cái trào-lưu, thì có khác gì bốc nắm đất để lấp bến Mạnh-tân, múc gáo nước để giội vào xe lửa, dẫu làm hết sức cũng không thể ngăn-ngừa được nữa. Nay nếu mà không châm-chước cổ-kim nội ngoại, phát-minh ra một điều tân-đạo-đức mà đề-xướng lên, ta sợ rằng trí dục càng thịnh, thì đức-dục càng suy, vật-chất văn-minh bên Thái-tây nó càng tràn vào lắm, thì người ta chẳng khác gì loài cầm-thú vậy. Nào ai là người ái-quần, ái-quốc, ái chân-lý, có cùng ta cùng nghiên-cứu về cái vấn-đề đạo-đức này, cho rõ cái mục đích hai chữ công-đức là cốt tại làm lợi-ích cho đàn mình vậy.

N. H. T. *dịch*

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

5.— Tỉnh-khắc

— Học mà hay biến-hóa được khí-chất thì mới là có công-hiệu.

— Người nhân trước phải khắc-trị bụng tư-dục đi rồi mới được công-hiệu hay, nhưng khắc-trị bụng tư-dục đi được là rất khó.

— Bỏ ý riêng mình đi mà theo lẽ phải của công-chúng, là việc rất khó. Nguyên ý riêng là mình vẫn có sẵn, dẫu muốn cố bỏ đi, nhưng lại sợ người có lòng tư-kỷ vẫn muốn cố giữ lấy mà không muốn theo người. (Trình Minh-đạo)

— Trình Bá-tử khi nhỏ thích đi săn, khi vào tiếp kiến ông Châu Mậu-thúc, tự bảo rằng nay đã tuyệt không có cái ham muốn ấy rồi. Mậu-thúc bảo rằng: « Sao mà dễ thế, cái tâm ham muốn ấy nó vẫn còn phục ngầm ở trong, nó chưa phát-lộ ra đó mà thôi. » Sau đến mười hai năm, một hôm đi chơi về buổi chiều, giữa đường gặp bạn đi săn, trong tâm bất-giác lại hớn-hở ham-thích, mới biết rằng cái tâm ấy vẫn chưa bỏ hẳn đi được.

— Trị cái tâm phẫn-nộ đã khó, mà trị được cái tâm sợ-hãi cũng khó; bỏ bụng tư-kỷ đi thì mới trị được cái tâm tức-giận; học cho sáng rõ mọi lẽ thì mới khỏi được cái tâm sợ-hãi. (Trình Minh-đạo)

— Chỉ vì cái bệnh-căn của mình không bỏ đi được, nên hoặc tùy chỗ ở, hoặc tiếp vật gì nó lại sinh ra. Nay ta muốn trừ hẳn các bệnh xấu của mình đi, thì cốt phải nghiêm trị lấy mình. (Trương Hoành-cừ)

— Biết được như thế là bệnh, thì mình trừa đi đừng như thế nữa đó tức là thuốc.

— Có kẻ suốt đời làm thiện mà vẫn là mình tự dối mình, không những bề ngoài mà thôi, như là trong tâm mình vẫn muốn làm thiện, mà vẫn thường có cái ý khó chịu, thế là mình tự dối mình, phải bỏ hết cái ý ấy đi mới được. (Chu Hối-ông)

— Người ta có dụng công phu để sửa-trị lấy mình, mới biết rằng tự sớm đến chiều, tự đầu đến chân, đều là lầm lỗi cả, mà đổi được lỗi là rất khó, sở-dĩ cổ-nhân bảo rằng muốn ít bớt lầm lỗi đi mà chửa thể được.

— Người ta sở-dĩ hay lạc về đường tiểu-nhân, là vì hay giấu-giếm cho thực lời nói, vì hay giấu-giếm để làm cho thực lời nói rất là hay mắc về đường tiểu-nhân.

— Học-vấn cốt phải dụng công uốn-nắn khí-chất, như là cái tính mình lười-biếng thì phải nên tự-cường; cái tính mình cấp-bách thì phải nên hòa-hoãn, xem chỗ nào mình thiên-lệch thì phải nên hết sức mà sửa-đổi đi. (Lã Đông-lai)

— Người ta có chỗ bệnh thống không biết thì thôi, nếu biết mà khắc-trị không nghiêm, cứ để cho nó càng ngày càng tệ thì có phải không? Cổ-nhân sở-dĩ thâm-giới cái người mà không hay lập được chí. (Ngô Khang-trai)

— Trong hai mươi năm chỉ cốt trị cho chửa hẳn cái tâm tức giận đi, mà vẫn không làm cho tiêu-ma hết đi được, thế mới biết là khắc-trị mình rất khó.

---

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. Xem *Nam-Phong* từ số 150.

— Người ta có điều lấy làm an-tâm, có điều không lấy làm an-tâm; điều lấy làm an-tâm là điều hợp nghĩa-lý, điều không an-tâm là điều nhân-dục. Song vì tư-ý nó thắng-đoạt không hay tự-khắc-trị được, vậy nên trước còn không an-tâm sau rồi cũng yên-tâm cả

— Người ta phải bỏ hết cái thói cũ đi mà làm cho mới ra mới được. Trương-tử bảo rằng cái tập-nhiễm cũ có rửa sạch đi thì mới có cái ý-kiến mới được. Khi ta ở phủ Thần-châu, lúc đầu canh năm ta chợt nghĩ rằng đức minh sở-dĩ không tiến lên được, là chỉ vì những điều tập-nhiễm cũ, nó còn vướng-víu không thoát bỏ đi được. Vậy nên làm thiện mà chưa thuần là thiện, bỏ ác mà chưa hết được ác, thì đều tại mình cả; từ nay phải bỏ hết những điều cựu-nhiễm đi, phàm một lời nói một việc làm, phải cẩu cho hợp đạo, không thì là loài phỉ-nhân vậy. (Tiết kính hiên)

— Hoặc kẻ hỏi cái công-phu thận-độc 慎獨 nên làm như thế nào? Đáp rằng: cốt chỉ ở tâm mình, tâm mình nếu có điều thiên-lệch, như những lúc ham muốn, những lúc hiếu-thắng, những lúc tâm-niệm mình không hợp thiên-lý, người ta không biết mà chỉ một mình mình biết, thì phải nên cẩn-thận, xem xét mà khắc-trị đi ngay, tích-lũy dần mãi cho đến cực-chí, tự nhiên là tấn-tới mãi lên, dẫu tiến lên đến bậc bác-hậu cao-minh, cũng là phải dần dà tích-lũy như thế.

— Hoặc kẻ hỏi cái cỗi rễ tư-dục nó ở trong tâm, làm thế nào mà nhổ bỏ nó đi được? Tiên-sinh đáp rằng: «Muốn nhổ bỏ ngay đi một lúc cũng khó, phải dụng công dần-dà trừ bỏ nó đi mới được. Thánh như đức Khổng-tử cũng phải định chí học từ năm mười lăm, đến năm ba mươi tuổi mới hay tự-lập được, còn trước kia cũng không khỏi có lúc được lúc hỏng. Học-giả nay phải xét xem từ một lời nói một việc làm hễ có chỗ nào sai, thì trong bụng tự kiềm-chế ngay đi, đừng để cho nó như thế nữa; hoặc lần sau lời nói việc làm lại có điều gì sai lầm, thì trong tâm mình cũng tự kiềm-chế ngay đi, những lúc ấy thì còn ai biết nữa, chỉ có một mình mình biết mà thôi; đó là cái công-phu kiềm-xét cẩn-thận lúc một mình, tích-lũy mãi cho đến lúc thuần-thục, tự-nhiên lúc động lúc tĩnh đều hợp-lý cả, rồi bụng nhân-dục tiêu đi lúc nào không biết; phải dần-dà như thế mới được, nếu muốn một lúc mà trừ hẳn bệnh-căn đi thực là khó.

— Công-phu thánh-học chỉ cốt là trong bụng không giấu-giếm một tí gì, nếu mình có điều gì phải hay không phải, nói thẳng ngay ra không giấu một tí gì, trong tâm rõ như thanh-thiên bạch-nhật mới là hay. Nếu không thế thì ra mình dụng-tâm giấu quanh. Tư-Mã Ôn-công bảo rằng bình-sinh làm việc gì đều khá nói với người được cả, đó là chỉ cốt tại cái tâm, dẫu đem dựng lên ở trong khoảng trời đất cũng không sai, chất với các đấng quỉ-thần cũng không ngờ, đều là tự cái tâm mình không khi-trá mà tự-nhiên biểu-lộ ra cả.

— Hoàng Duy-Nhân hỏi ông Bạch-Sa ẩn ở trong núi mười năm làm việc gì? Tiên-sinh đáp rằng: Dụng công học cũng bất-tất phải ở trong chốn son-lâm, giả ở chỗ thành-thị triều-đình cũng học cũng tu được. Xưa kia có một thầy tăng dụng-công đến ba mươi năm ở trong núi Chung-nam chỉ ngồi thiền-định. Nhân gặp một ông sư bảo rằng: «Nhà ngươi đã tập quen về cảnh tĩnh-mịch lâu rồi, ta hãy cùng ra chơi chốn hoa-cù đất Trường-an xem sao.» Khi ra đến nơi, trông thấy các ả yêu-kiều, phấn điểm son tô, bất-giác động-tâm, công-phu tu-hành ba-mươi năm nhất-đán hỏng mất cả. Xem đó đủ biết là cũng phải cần học ở trong đám

phồn-hoa ba-đãng. Vậy nên lúc động mà dụng công-phu kiểm-xét, nhà Phật gọi là tiêu-ma 消磨, nhà Nho gọi là khắc-trị 克治. (Lã Kinh-đã)

— Cái tâm của ông thánh-nhân không còn có tí gợn-bẩn gì cả, không cần phải lau chùi mài rũa cho lắm. Chớ như cái tâm của người thường thì như cái kính gương rây bám bụi bặm, phải hết sức lau chùi đi một lượt cho sạch hết những bụi bám ấy đi, thì nó lại trong sáng, hễ thấy hơi bụi lại lau ngay đi không phải khó-nhọc gì cả, như thế là đã thấu biết được bản thể đạo nhân rồi vậy. Nếu những chỗ bám bụi ấy chưa lau chùi hết, tuy vẫn có một chỗ sáng, hễ những bụi ấy rơi đi vẫn hay trông thấy, mà lau đi thì cũng sạch ngay, còn như cứ để đôi-tích bẩn-thỉu thì không thể soi thấy gì cả; bởi vậy học hành cũng phải nên chịu khó cố gắng, đừng thấy khó mà sợ phiền. Tình người ta ai cũng thích dễ mà sợ khó, là vì lại có tư-ý và mắc-miu về thói quen, hễ sau khi khám-phá được rồi thì không thấy gì là khó cả.

— Muốn cho cái tâm mình toàn là thiên-lý không có một tí nhân-dục nào, cái công-phu học lên bậc thánh là phải như thế. Nhưng muốn cho thuần là thiên-lý tuyệt vô tư-dục, thì phải phòng từ lúc trước nó chưa manh-nha ra, mà sau khi nó mới manh-nha ra thì phải khắc-trị ngay đi mới được. Muốn phòng lúc trước nó chưa manh-nha, hay là khắc-trị lúc sau nó mới manh-nha, thì phải có cái công-phu giới-thận khủng-cụ như lời sách *Trung-dung*, tri-tri cách vật như lời sách *Đại học*, nếu không thể thì không làm thế nào được.

— Phàm người ta đương lúc ngôn-ngữ khoái-ý mà hay tiệt-nhiên nhịn hẳn đi; đương lúc ý-khí hăng hái mà hay hấp-nhiên thu-liễm ngay; đương lúc tức-giận thị-dục nồng-nàn mà hay khuếch-nhiên tiêu-hóa; không phải bậc đại-dũng thì không hay giỏi được như thế. Song đến lúc cái lương-tri của mình nó đã tỉnh-thức thì biết chừa ngay cũng chẳng khó gì.

— Trừng này vẫn chưa hiểu nghĩa chữ « Trung » thế nào? — Đó phải tế-nhận từ trong tâm-thể, chớ không thể lấy ngôn-ngữ mà hình-dung ra được, trung chỉ là thiên-lý mà thôi. — Thiên-lý sao lại gọi là trung được? — Thiên-lý thì nó không mếch-lệch tức là trung. — Cái khí-tượng nó thế nào là không mếch-lệch? — Nó như toàn-thể cái kính sáng trong suốt, không có một tí bụi nào bám vào. — Lúc nó đã phát ra mà thiên về đàng hiếu-sắc hiếu-lợi hay hiếu-danh, thì mới biết là nó thiên-lệch; nếu nó chưa phát ra thì sao hay biết là nó thiên-lệch? — Nguyên lúc bình-nhật cái tâm hiếu-sắc và danh-lợi vẫn không chừa được, thế là cái bệnh-căn nó vẫn còn, nó vẫn tạm-thời tiềm phục ở trong, tức là thiên-lệch ở đó. Tất lúc ngày thường phải rửa cho cái tư-tâm nó sạch-sẽ đi, khuếch-nhiên thuần là thiên-lý cả mới gọi là « trung » được.

— Hoặc kẻ hỏi cái nghĩa tri-hành hợp-nhất? Đáp rằng: Phải hiểu cái ý ta nói mới được, vì nay những người học-giả phân tri với hành ra làm hai, hễ mới khởi-niệm một điều gì tuy là bất-thiện, nhưng còn chưa làm lại không biết cấm-chỉ ngay đi. Nên ta mới bảo tri với hành vốn là một, để cho người ta hiểu rằng hễ mới khởi-niệm lên tuy là tri, nhưng tức là hành rồi đó. Nếu cái điều khởi-niệm ấy là bất-thiện, thì phải khắc-trị ngay cái tâm-niệm ấy đi cho tiệt nọc, đừng để cho cái tâm-niệm bất-thiện ấy nó tiềm-phục ở trong tâm, cái đại-ý ta lập-ngôn là như thế vậy.

— Người ta mắc có lỗi là vì tại mình hay dụng-công che giấu điều lỗi, không khác gì như bưng-bịt cái chỗ

thủng, rỏ vẫn hoàn rỏ, thành ra cái lỗi hay văn-sức điều lỗi.

— Các thầy dụng-công học-hành không nên nóng nẩy vội-vàng, nống cho nó lớn ngay lên vội, vì xưa nay ít bậc thượng-tri, kẻ học-giả không có lẽ vượt ngay lên bậc thánh được, khi khởi khi phục, khi tới khi lui, cái công-phu nó có từng tiết-thứ như vậy, không nên thấy công-phu mình chửa làm xong, mà đã vội vàng miễn-cưỡng, chưa đến kỳ nứt hạt nẩy mầm mà đã muốn cho cây mọc lớn ngay lên, thì bao nhiêu công-phu vun trồng khi trước đều hỏng mất cả. Học-giả phải nên giữ lấy cái lòng dẫu không ai biết mình cũng không phiền - muộn, cứ chịu khó nhẫn-nại theo lương-tri mình mà làm, không quản gì khen chê vinh-nhục, ít lâu rồi tự-nhiên là có chỗ đắc-lực.

— Hoặc kẻ hỏi : Tri có chỉ thì ý mới thành được, nay những điều thiên-lý nhân-dục chửa hay phân-biệt biết được cho hết, thì biết đâu mà dùng công khắc-trị mình được? Đáp rằng : Người ta nếu thiết-thực dụng-công sửa mình mãi không thôi, thì cái tâm mình càng ngày càng xét biết được cái thiên-lý tinh-vi, và càng ngày càng kiểm-sát được những điều tư-dục tế-vi. Nếu không dụng công sửa trị lấy mình, thì thiên-lý nhân-dục như thế nào cũng không thể biết được; ví như đi đường, đi đến đoạn nào mới nhận biết được đoạn ấy, hễ đi đến con đường ngã-ba có nghi ngờ thì phải hỏi, hỏi được rồi lại đi thì mới đến nơi được. Nay những điều thiên-lý đã biết rồi thì không chịu giữ, những điều nhân-dục đã biết rồi thì không chịu bỏ, mà chỉ tức-bực là mình không hay tri-tri được hết thì có ích gì, cốt là phải trị cho hết bụng tư-dục đi, thì tự-khắc là biết thấu được hết cả. (Vương Dương-minh)

— Khi ta theo học Dương-minh tiên-sinh, lúc mới cứ theo lẽ lối mà làm, nhưng vẫn lấy làm nghi ngờ kinh-hãi, mà vẫn không dám bác, bèn trở lại nghĩ-ngợi mãi, nghĩ mãi cũng hơi thông-hiểu, lại nghiệm vào tâm-thân mình, mới hoảng-nhiên hơi biết, rồi chợt vậy tỉnh-ngộ bất-giác múa cả chân tay lên bảo rằng ở đạo-thể đây rồi, tâm đây rồi, học đây rồi, tính người ta bản-thiện, mà những điều tà-ác đều là khách-cảm cả, cảm-nhiễm phải là chỉ tại cái tâm-niệm mình, mà trừ bỏ đi cũng chỉ tại tâm-niệm mình, không việc gì khó mà cũng chẳng có mẹo gì. Vả mình tự-thị là tính nhu không làm được điều đại-ác, tưởng như thế có thể giữ được đến suốt đời, cứ thản-nhiên vui-vẻ, ngờ đâu cái tư ý và sự lo lắng lại nổi lên, mới biết ra rằng cái thông bệnh của người ta có hai điều là chỉ tại ham học từ chương và mê về công-danh, ta tưởng rằng hãy không làm những việc ấy đừng để cho nó làm lụy đến tâm mình là được, chứ tuyệt hẳn đi thì không nên. Ngờ đâu hai cái thằng giặc ấy nó đã lẻn cướp mất nhà ta rồi, nay ta bảo hãy không làm đến là ta giả-cách, phải tuyệt hẳn đi thì mới học tiến lên đạo-đức được, không thì là hão-huyền viển-vông cả. (Từ Ái)

— Người ta mà mắc về làm ác, là tại mình tự dối mình, chứ như cái lương-tri nó bản-lai có ác đâu.

— Người ta lúc mới học, cái tâm lương-tri không khỏi gián-đoạn, nào là lúc thì nghĩ đến thiện, lúc thì nghĩ đến ác, nó phát-niệm ra tạp-nhạp khó giữ-gìn lắm, hoặc phòng trước lúc nó chửa phát, hoặc hạn-chế lúc nó đã phát ra rồi, hoặc ăn-năn đổi lỗi sau khi nó đã phát ra rồi, đều là cái công-phu thiết-thực cả.

— Kẻ học-giả dụng-công khắc-trị không được linh-lợi trực-tiệt, là chỉ tại mình hay dùng-dằng lưỡng-lự. Chứ như cái lương-tri mình nó đã biết rõ phải trái nên theo nên không, chỉ vì

mình không hay quyết-đoán, lại lưỡng-lự bảo rằng ta làm việc ấy tưởng cũng chẳng hại gì đến chính-lý, hoặc cũng khả hòa-đồng tạm được với tục chăng. Hoặc có thể lừa người ta không biết chăng? Hoặc có thể lần-lữa nhân-tuần tạm-bợ một lúc, rồi sau hãy lo toan đổi lỗi cũng được chăng? Ấy cũng chỉ vì hay lưỡng-lự như thế, nên mới đến hối-hận. (Tiền Tự-sơn)

— Một đời người ta cái công học-vấn chỉ tại đổi lỗi, phải thường đứng vào cái chốn không có lỗi, mà bất-giác vẫn như có lỗi, thế mới là công-phu đổi lỗi. Nghĩa chữ *Phục* 復 là trở lại đứng vào chỗ không có lỗi.

— *Phẫn* không những là phẫn-nộ, phàm những điều ghen ghét hẹp-hòi không hay dung-vật, trong tâm-niệm thường hãnh-hãnh tức giận không lúc nào nguôi, đó đều là cái bụng tư-phẫn cả. *Dục* không những là cái bụng dâm-tà, phàm những điều say đắm luồn-lụy tối-tăm, trong lòng ham-mê luẩn-quẩn không bỏ đi được đều là dục cả. Cái công-phu trừng-phẫn chất-dục cũng có điều khó điều dễ, như là dụng-công ở lúc cái việc nó đã phát ra, hoặc dụng công lúc mới khởi-niệm, hoặc dụng-công phòng tự trong tâm mình. Việc nó đã phát ra rồi mới hối là át-chỉ lúc dĩ-nhiên, lúc khởi-niệm mà dẫn ngay đi là chế từ lúc tương-nhiên, phòng tự trong tâm là phòng từ lúc vị-nhiên; nếu hay chừng cái tâm phẫn, chất cái tâm dục, mới là cái công-phu giản-dị cốt-tử; nếu để đến cái ý đã lộ ra hoặc việc đã làm rồi mới át-chế, thì dẫu cực-lực tảo-trừ cũng khó lòng trừ cho sạch được. (Vương Long-khê)

— Phàm người ta làm điều bất-thiện, cái bản-thể tâm-linh nó vẫn hay tự biết, biết mà vẫn dùng-dằng không chừa hẳn, là mắc vào cái tội « tự-khi » mình tự dối mình. Gặp những chỗ người ta ai cũng nghe thấy biết cả, thì mình che giấu điều bất-thiện đi mà phô điều hay ra, tuy rằng xét-nét ở chỗ lời nói việc làm, đều cẩn-thận hợp phép cả không lầm-lỗi tí gì, nhưng cũng là lối trá-ngụy, đều là tự mình làm cho mất cái lương-tri của mình đi. (Qui Bành-sơn)

— Người ta mà thành ra kẻ tiểu-nhân có phải vốn tính nó thế đâu; chỉ tại lúc mới lộng-tri khoe khôn, cơ-mưu tự-đắc, rồi tập mãi quen đi, lưu mãi về đàng ác mà không tự biết. (Từ Lỗ-nguyên)

— Người ta chưa dụng công khắc-trị, thì vẫn không tự biết là mình có bệnh gì; vả lại cái việc nó chưa can-thiệp đến, thì dẫu có cái bệnh ấy cũng chửa đến nỗi hại việc. Đến lúc đã hơi can-thiệp đến việc, mới biết là mình có cái tệ-bệnh ấy, nhưng chưa biết cái đường chữa bệnh ấy ra thế nào, trong ý mình lại muốn hồi-hộ cho qua đi, chỗ mình hồi-hộ giấu-giếm tức là cái bệnh căn ở đó, mấy kẻ đã chịu cắt bỏ đi ngay. Thí-dụ như cái bệnh phù-táo là bởi vì lúc mình khoái-ý quá, cái gốc nó ở chỗ khoái-ý nên mới nảy mầm ra bệnh phù-táo; nay muốn trừ bỏ cái mầm-ngọn ấy đi thì phải chặt từ rễ; nhưng cái rễ nó mình lại muốn hồi-hộ che đậy, thì sao hay khắc-trị được, sở-dĩ thế mới thành ra khó.

— Người ta lập-thân phải đứng vào cái địa-bộ công-cộng trong khoảng trời đất, đừng để cho vướng một tí tư-kỷ nào, mới là lập-chí. Chỉ vì ngày thường mình có cái thói quen mềm-nhũn lười biếng, nên mới cứ nhân-tuần không hay lập-chí được; nay phải quả-quyết tự-lập không nên nấn-ná bỏ qua, lúc nào cũng cố giữ lấy cái chí làm chủ, đừng mắc phải thói quen lười-biếng, dụng-công như thế mới hay lập mệnh.

— Học là cốt phải dụng-công từ lúc tĩnh, nhưng trong khi tĩnh-mịch không

nên bỏ thoáng qua ; phàm những điều mình không muốn và khó chịu, đều phải xét xem nó bởi từ đâu, nếu mình không thể chịu được, thế thì mình con là loài kim sợ lửa, tất là đồng, chì, thiếc, sắt lẫn-lộn, không thể hồi-hộ mà dung-thứ cho tạm-thời được. Ngoài sự tỉnh-sát ấy ra thì không biết hằng-cứ vào đâu mà học được, bình nhật chỉ là cái anh rối-rãi thanh-nhàn, không phải là cái cây có cỗi gốc giả lúc ra xung-phong mạo-tuyết thì cành gốc gẫy ngay.

— Phàm việc gì cũng từ chốn lợi hại nhỏ nhặt khắc-trị ngay đi, thế mới là thực-sự sửa mình, thế mới hay xử được lúc tử sinh thành bại. (La Niệm-am)

— Cái công học để đổi lỗi dời theo điều thiện không lúc nào thôi được. Nếu bảo rằng mình đã thấy được tính, đã biết được chứng-bệnh, ví như bóng mặt trời chiếu lên thì bóng ma chơi tiêu-diệt đi hết, như thế là một cách học vội-vàng nông nẩy không hay tỉnh xét cho đến nơi đến chốn, phải hết sức cùng-cứu mà tinh-biện mới được.

— Cái thói công lợi nó đã ngấm thấm vào xương tủy người ta, nếu không xua đuổi rũ sạch nó đi, thì dẫu lúc chẳng động làm việc gì mà cũng có lỗi, tuy rằng nhất-thời cũng có sáng suốt, nhưng không thể thắng được cái bệnh tế-cố nó đã lâu ; vậy nên người cao-minh thì thích hiểu biết ngay mà không thích dụng-công dần-dần tích-lũy ; ưa siêu-thoát mà sợ phải kiểm-thúc ; thích bàn những điều huyền-diệu mà khinh những lẽ thiển-cận, phóng-tứ không còn kiêng sợ gì, thì tự-đắc là mình không việc gì là chẳng hay ; nhiệm-tình dông-dỡ không cần chữa bỏ cái chứng-bệnh mình đi ; không biết rằng như thế thì tâm-thần mình vẫn phóng-đãng không có chốn qui-túc. (Lưu Lưỡng-phong)

— Học-giả phải cốt tự trách mình tự sửa mình, người đời nay chỉ hay trách người mà không biết xét mình, là tại chỉ thấy chỗ không phải của người, không biết rằng làm con mà thấy chỗ cha mẹ không phải, thì chức phận con tất là chẳng kính ; làm tôi mà thấy vua không phải, thì chức-phận tôi tất là chửa hết ; suy ra những chỗ xử với anh em, giao với bè bạn, cùng nuôi vợ con, nếu chỉ thấy chỗ người không phải, thì mình tự-trị hoang-sơ, hay động-khí, hay sinh ngờ, xử sự sinh ra chướng-ngại, rồi cũng đều là không phải cả. Kẻ hữu-chí học vị mình, nhất-thiết là chẳng kể đến chỗ người không phải, rồi sau mới thành được cái phải của mình. (Vương Nhất-am Đống)

— Tự khi có cái thân ta đến giờ, phàm những điều khí-tập nó đã tiêm-nhiễm vào xương vào tủy ta đã lâu, người tục có cái khí-tập người tục ; kẻ học-giả có cái khí-tập kẻ học-giả, cổ-kim có cái khí-tập từng đời, bốn phương có cái khí-tập về phong-thổ ; cái chân-tính mình nó hòa cùng với cái khí-tập, rồi cũng thành tự-nhiên, phàm những điều nhật-dụng nghe thấy nói bàn, đều là gây nên cái khí-tập ấy cả, trong lúc ấy cũng có điều giác-ngộ tân-kỳ mở rộng trí-thức ra, nhưng vẫn không thoát khỏi cái vòng khí-tập, thế mà tự nhận ngay mình là nhà học-thức, thực là lầm vậy. (Dương Nhất-am Khu)

— Trong lúc ngày thường mới khởi-niệm ra một điều gì, hoặc thiện hoặc ác, hoặc công hoặc tư, há lại không tự biết, nếu đã biết nó không nên làm mà còn cứ làm, là bởi vì cái tâm tư-dục nặng quá, mà cái tâm lượng-thứ cho mình thì hôn-mê. Nếu lúc mới khởi-niệm xét biết điều ấy là ác, thì tỉnh-ngộ ngay mà hết sức bỏ đi, trừ bỏ được một ác-niệm, thì sinh ra được một thiện-niệm, cái tâm-niệm lúc nào

cũng chăm khử ác làm thiện, thì giữ ở trong tâm, phát ra ngoài ý, đều là thiên-lý cả, thế mới gọi là tri-hành hợp-nhất. Song tri thì không khó, mà hành là khó, nay bảo rằng cách học của thánh-nhân chỉ cốt là tri lương-tri mà thôi, thế thì ai chẳng là thánh, trong tâm ta có lương-tri, thì trong tâm ta đã có một ông thánh rồi, tự hay hiếu với cha, thuận với anh; còn đến những chỗ niệm-lự tế-vi, nên lấy nên bỏ, thì không xét nét đến, cứ theo cái ý-hướng của mình mà làm, bảo rằng đó là theo cái lương-tri của ta đấy, tri-hành hợp-nhất lại như thế ư? (Cố Nhược-khê Ứng Tường)

— Tượng-sơn tiên-sinh thường trừng-giới kẻ học-giả phải chữa cái tâm hiếu-thắng, rất là thiết-trúng bệnh-căn của học trò. Nhưng đến khi biện-bác việc học ở Nga-hồ, không ngờ cái tâm hiếu-thắng lại phát-lộ ra, sau này mới biết hối, nghĩ rằng những cái chứng-bệnh xấu của kẻ học-giả ai cũng tự-biết cả, chỉ vì mình kiến-thức chưa đến nơi, công-phu chưa chu-đáo, nên trong lúc hở-hênh lại phát-lộ ra. Người ta ai cũng tự biết cái tật xấu của mình, lúc phát-lộ ra lại hay biết hối, sao mà sau này lại còn chợt phát-lộ ra nữa. Nếu mình hay dụng công khắc-trị, tuy chữa được hồn-hóa, song động niệm lên một điều gì sai, thì liền tan ngay đi, như một điểm tuyết trên lò lửa vậy. Xem như Tượng-sơn tiên-sinh giới-chấp cái tâm hiếu-thắng, sau nó lại phát-lộ ra, thì lại hối-cải liền, học-giả phải nên xem đó mà bắt chước, ông Tượng-sơn khi xưa cũng phải dụng-công như thế vậy. (Sái Bạch-thạch Nhữ-nam)

— Cái khí-tập nó sai-khiến mình từ lúc mới sinh ra đã quen đi rồi, như là phật ý mình thì giận, thuận ý mình thì mừng, lúc đắc-chí thì hớn-hở, lúc nỗi-chí thì buồn-bực, thất-tình nó sinh lên trong tâm không lúc nào yên; vậy phải lấy sức mạnh mà xoay-chuyển cái khí-tập đi đừng để cho nó tự-tiện muốn làm gì thì làm, cái cơ-quan nó chỉ cốt ở trong tâm-niệm mình kéo lại; ví như lúc giận, cơn giận nó làm động đến cái giác-tâm mình, thì mình lập-tức xét lại bản-tính, tìm lấy cái cảnh-tượng như lúc chữa giận, vụt chốc cái chân-tính nó hiện ra, thì nộ-khí tự dẹp đi. Lại ví như lúc mừng, cơn mừng nó làm động đến cái giác-tâm mình, thì mình lập tức xét lại bản-tính, tìm lấy cái cảnh-tượng như lúc chữa mừng, vụt chốc cái chân-tính nó hiện ra, thì hỉ-khí tự-nhiên yên. Phàm thất-tình phát ra đều cứ dùng cái cách ấy mà chế bớt đi, tuy không dễ-dàng bằng cẩn-thận từ trước: lúc nó chữa phát, nhưng đến khi đã cần-cấp đến, thì phải dùng cái cách ấy để vãn-hồi mới được (Hác Sở-vọng Kính)

— Kẻ sĩ ở đời phải nên tự trấn-bạt đặc-lập, tri-thủ cho vững mới hay làm được việc; nếu đã thấy được nghĩa-lý đích-đáng, thì cứ thẳng mà làm, không bị lợi hại nó truật, không bị phải lưu-tục nó làm mê-hoặc mới được, như là thầy Tử-Tư quyết từ đình-nhục, thầy Mạnh quyết từ lộc-dưỡng của Tề-vương, nay hãy còn tưởng-tượng thấy cái khí-tượng cương-nghị, thực là người độc-lập chẳng sợ-hãi gì cả. Nếu bảo rằng việc gì cũng cứ ủy-khúc mà làm, còn cái tâm mình thì khác, như thế là mình tự-khi mình; lúc mới cho là điều thiện nhỏ bỏ qua chẳng thèm làm, điều ác nhỏ chẳng can sao cứ việc làm, ngày tháng lần-la mãi rồi đến sa vào cái hố tục-lụy, biến khí cương thành ra nhu, gọt góc vuông thành ra tròn, điều thiện lớn cũng chẳng thèm làm, mà có khi làm cả điều đại-ác, nhân-tuần cẩu-thả thực đáng khinh đáng bỉ, tự mắc vào điều ác mà không biết, chỉ tại mình lúc mới không phân-biện cho rõ và tri-thủ không

được vững-vàng mà thôi. (Dương Hóc-sơn).

— Phàm vật gì mài đánh đi một lần mới lại càng rõ thêm ra ; vì như ngày trước ta không nhận biết được cái lỗi ấy, bây giờ mới nhận ra được cái lỗi ấy. (Tưởng Đạo-lâm-Tín)

— Cái gì trong thiên-hạ lấy làm khó hàng-phục, khó quản-nhiếp, mà xưa nay người ta đều làm được cả chẳng lấy gì làm khó. Duy có hàng phục quản-nhiếp được mình là khó nhất, đấng thánh-hiền dụng-công chỉ cốt ở phần trong mình mà thôi.

— Phàm người ta làm điều bất-thiện, lúc mới trong bụng đều không nỡ làm, về sau một phần nỡ một phần không nỡ, sau đều nỡ làm cả, đến sau cứ yên tâm mà làm, rồi thành ra cho làm vui, người mà đã đến vui làm điều bất-thiện, thì cái lương-tâm chết mất rồi. (Lã Tâm-ngô)

— Phàm người ta một lời nói lầm-lỗi, thì suốt ngày nói đều uyển-chuyển để văn-sức cái lời nói sai-lầm ấy ; một việc làm lầm-lỗi, thì suốt ngày làm đều uyển chuyển để văn-sức cái việc làm lầm-lỗi ấy ; ấy cái thói người ta văn-sức điều lỗi thì hay như thế, trách nào mà chẳng đọa-lạc vào vòng cầm-thú. (Lưu Chấp-sơn)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

TIẾNG NAM

Địa-vị tiếng Nam ngày nay ra sao ? Tương-lai của tiếng Nam sẽ phải ra sao ?

Đó là hai cái vấn-đề mà các nhà thức-giả và các anh em thanh-niên nên lưu-tâm đến, vì tiếng một nước có liên-can đến linh-hồn nước ấy, và linh-hồn một nước có liên-can đến vận-mệnh nước ấy.

Tiếng là hình-ảnh một nước. Nước thịnh thì tiếng thịnh. Nước suy thì tiếng suy. Nước Anh là đệ-nhất cường-quốc trên hoàn-cầu, nên người dân-chủng Anh ở thế-giới này, ai đã là kẻ kiến-thức đều biết nói và hiểu tiếng Anh. Mà những kẻ thông-dụng tiếng nước ấy lại được người kính-trọng. Kế-tiếp nước Anh, có nước Pháp.

Tiếng nước Nam ta, thật đã bôn-ba như vận nước, phải chịu thân-phận tiểu-tinh lẽ mọn. Khi nội-thuộc Trung-hoa, khi tự-trị, « tiếng mẹ » chúng ta vẫn phải giữ cái địa-vị ti tiểu. Những nhà thượng-lưu, những người kiến-thức đều dùng chữ Tàu, những ngâm « Khổng-tử viết », và « Mạnh-tử viết ». Học chữ Tàu, phỏng chép tư-tưởng, văn-minh Tàu. Nước nhà thật đã sống vào cái đời « con yểng » vậy ! Còn như cái tiếng Nam kia, chỉ là một thứ tiếng nôm-na, dùng để ca-hát nơi thôn-dã ; chỉ là một thứ tiếng cho kẻ hạ-lưu ! Nhà vua có sắc phong, quan trên có lệnh truyền : tờ sắc, lá lệnh đều bằng chữ Tàu. Cái thói đó đã tiêm-nhiễm vào đời ta đến nỗi khi ta được tự-trị, cũng không biết bỏ cái bệnh làm « con yểng », như nước Pháp, khi thoát-ly ra khỏi vòng nô-lệ người La-mã, đã tác-thành ra một thứ tiếng riêng của mình. Tuy căn-bản tiếng Pháp là tiếng La-tinh, mà tiếng Pháp có một cái khí-vị, một cái phong-quang, một cái mực-điệu, một cái linh-hồn đặc-biệt, khiến cho tiếng ấy mỗi ngày mỗi tân-bộ, mỗi ngày mỗi phồn-phú.

Khi nước Pháp đến xứ này, mang tiếng Pháp dạy ta. Ta học tiếng Pháp

cũng như tổ-tiên ta học tiếng Trung-hoa Cũng như khi xưa, ta bỏ quên tiếng mẹ đẻ ta. Các trường Sơ-đẳng, trường Trung-đẳng, trường Cao-đẳng, đâu đâu cũng dùng tiếng Pháp cả. Ám-tả bằng tiếng Pháp, tập-đọc bằng tiếng Pháp, văn-sài bằng tiếng Pháp, thậm-chí học Nam-sử cũng bằng tiếng Pháp! Tiếng Nam thật vẫn giữ cái thân-phận tôi-đòi cho đến khi có kỳ thi Sơ-đẳng tốt nghiệp bằng tiếng Nam. Cũng như thủa xưa, các nghị-định, các chỉ dụ các công-văn, các văn-án, đều bằng tiếng Pháp. Thậm-chí hai người Nam nói chuyện bằng tiếng Nam không trang-trọng, nói chuyện bằng tiếng Pháp mới trang-trọng. Cái địa-vị tiếng Pháp ngày nay chẳng khác gì cái địa-vị của tiếng Trung-hoa ngày xưa. Như thế, đủ biết rằng người bản-xứ còn chưa biết tự-tôn, tự-quý, nước Pháp còn hùng-cường hơn nước Nam.

Đã đành ta phải học tiếng Pháp, vì văn-minh Pháp là một áng văn-minh kiệt-tác, hoàn-cầu đều phải quý-phục, vì tiếng nước nhà còn chưa phồn-phú, đủ vật-liệu để dùng về khóa-học, diễn các tư-tưởng phiền-phức. Ta phải học tiếng Pháp để mượn những tiếng mà ta còn thiếu, như người Nhật mượn tiếng Anh để tài-bồi tiếng Nhật. Đó là lẽ tự-nhiên. Nhưng, nhất-thiết chỉ dùng một tiếng Pháp như ngày nay, rất là có hại cho dân bản-xứ và cho người Pháp nữa. Người Pháp đã hiểu cái hại đó, nên chính-phủ Đông-dương đã đặt khoa thi và ban tiền thưởng cho những người Tây hiểu tiếng Nam. Còn như dân bản-xứ có hai cái hại hiện-thời:

A.) Phần nhiều dân-chúng không đủ tư-cách học cho đến kỳ-cùng, thành-thử tiếng Pháp không thông, mà tiếng nước nhà cũng không hay; sách Pháp đọc không thấu, mà sách quốc-ngữ đọc lại không hiểu. Cái cảnh-tượng đó rất là thương-tâm, vì phần nhiều những người ấy không làm được công-việc hữu-lợi hữu-ích cho quốc-gia, cho xã-hội. Như thế, bởi cốt-cách tinh-thần cố-hữu đã tiêu-giảm, mà học-thức tân-thời lại bằng không. Hạng người ấy lại là đa-số ở xứ này. Như thế ta có thể thương-tượng được cái hại tương-lai cho tri-thức tinh-thần của nước là nhường nào.

B.) Cái hại thứ hai là đa-số dân-chúng không am-tường luật-pháp của chính-phủ, thành ra bao giờ chính-phủ và dân-chúng cũng xa-cách nhau. Đó là một điều bất-lợi cho cái chính-sách hiệp-tác của hai dân-chủng Nam và Pháp. Vì dân không am-tường cái mục đích mà Chính-phủ Pháp theo đuổi ở xứ này, nên không thể hết lòng hết sức giúp chính-phủ; vì không biết phân-biệt quyền-lợi và nghĩa-vụ của mình, nên đối người ngoại-quốc nhân dân xứ này vẫn chưa tới được cái trình-độ cùng người Pháp đảm-đương công-việc cai-trị trong nước.

Ta cần phải tìm cách trừ hai cái hại đó. Ta phải làm thế nào cho bọn thường-dân vẫn giữ được cái cốt-cách tinh-thần của nước nhà, mà lại tài-bồi cho tinh-thần ấy thích-hợp được với cái thời-đại văn-minh ngày nay. Ta phải làm thế nào cho nhân-dân biết tự nhận-chân mình, nhận-chân nghĩa-vụ với quyền-lợi mình, biết làm hết nghĩa-vụ, biết bảo-thủ quyền-lợi, biết đảm-đương một cách thực-sự các công-việc chính-trị. Giải-quyết mấy vấn-đề đó, tức là giải-quyết câu hỏi thứ nhì ở trên kia.

Muốn được như thế, ta có hai điều sở-nguyện cùng chính-phủ Đông-dương:

A.) Mở thêm trường sơ-đẳng. Trong các trường sơ-đẳng, ba phần tư chương-trình phải dạy bằng tiếng Nam. Trong các trường Cao-đẳng tiểu-học và Trung-học, một nửa chương-trình phải dạy bằng tiếng Nam. Như thế ta có thể điều-hòa được hai cái thái-độ

cốt-yếu của nước này : cái thái-độ thủ-cựu và cái thái-độ duy-tân, khiến cho dân vẫn tuần-tự tiến-hóa, vẫn tiếp-thụ được văn-chương khoa học của ngoại-quốc, mà vẫn giữ được cái tinh-thần cốt-cách của tổ-tiên. Tinh-thần, khoa học, văn-minh nước Pháp không vì đó mà phải tổn-hại chút gì ở xứ này ; trái lại, càng ngày lại càng kết-quả tốt đẹp, vừa làm vẻ-vang cho văn-hóa nước Nam, mà vừa làm vẻ-vang cho cách huấn-luyện của nước Pháp, vì người Nam sẽ biết bỏ cái lối học « con yẹng » đi. Dù sao mặc dầu, tiếng Pháp đối với người Nam chỉ là một thứ tiếng ngoại-quốc. Trong một dân-chúng, muốn tác-tạo nên nhân-tài, tiếng mẹ đẻ của dân-chúng ấy phải được luyện-tập luôn, mà nhân-tài trong một nước phải nhờ tiếng mẹ đẻ mới xuất-hiện ra được. Một cái thí-dụ đích-đáng ở thế-kỷ này là ông Tagore ở Ấn-độ. Danh tiếng ông đã lan khắp cả hoàn-cầu, ông đã giật được giải thưởng Nobel. Ông là một người dưới quyền nước Anh, ông đã học tiếng nước Anh, nhưng không bao giờ ông bỏ tiếng nước ông. Mà những áng văn-chương kiệt-tác của ông đều viết bằng tiếng bengali cả. Như thế thì sự giáo-huấn người Nam bằng tiếng Nam rất là cần-kíp lắm.

B.) Cái sở-nguyện thứ hai là từ nay về sau, các pháp-luật đều phải dịch ra tiếng Nam cả. Dịch như thế cốt để cho dân-đinh đọc được. Muốn cho dân-đinh đọc được, chính-phủ nên bắt các tỉnh-hạt, các làng, hễ khi nào dân-số khá to, đều phải mua các sách luật-lệ. Nhưng làm thế nào cho các sách đó không đến nỗi phải mấy tầng bụi che kín đi ? Không khó gì, chỉ cần một chút nhiệt-tâm của Chính-phủ là xong. Những người muốn ra ứng-cử lý dịch, hương-hội, hội-viên tỉnh-hạt, vân-vân, cần phải hiểu luật-pháp, không được mờ-tối như trước nữa. Muốn cho vàng thau không lộn, muốn cho có một hạng người đủ tư-cách thay mặt dân, đủ tư-cách hiệp-tác với chính-phủ, muốn cho dân được giám-hặc hạng người đó trong thời-kỳ bầu-cử, chính-phủ phải cho hạng người ấy được diễn-thuyết để phân-trần cho công-chúng biết cái chương-trình của mình. Cứ xem chương-trình đó, những người có quyền bầu-cử sẽ thương-lượng được cái tài-năng của kẻ ra ứng-cử.

Nói tóm lại, tiếng Nam sau này phải có một địa-vị rất quan-trọng trong đời chính-trị và trong sự-nghiệp huấn-luyện người dân bản xứ.

Lê Thăng

Học-sinh ban luật-học trường Đại-học Aix-en-Provence

Á-CHÂU CẬN-THẾ SỬ

Quyển « Á-châu cận-thế sử » này, bắt đầu kể từ thế kỷ XVII trở lại đây, phân ra làm ba thời-kỳ : thời-kỳ thứ nhất, là thời-kỳ triều Thanh nổi lên ; thời-kỳ thứ nhì là thời-kỳ các nước Âu-châu sang chiếm-lĩnh các nơi lấy làm thuộc-địa ; thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ nước Nhật-bản dựng nên nghiệp phú-cường ; có phụ chép những nhân-vật và truyện-kỳ trong ba thời-kỳ ấy. Sau kể đến Âu-châu đại-chiến làm kết-luận. Mong rằng các bậc cao-minh, có ý-kiến gì hay, bổ-chính thêm vào, may sau này chép thành một bộ Á-châu cận-thế-sử được hoàn toàn, tác-giả vinh-hạnh không biết chừng nào.

THỜI-KỲ THỨ NHẤT

(Triều Thanh từ Mãn-châu nổi lên, dựng thành một nước lớn. (1644-1795).

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Triều Thanh mở nước và vua Thế-tổ nhất-thống

Ở về đời Minh, tại cõi Mãn-châu, có một hào-tộc nổi lên, là họ Ái-tân-giác-la. Ái-tân-giác-la, nguyên là một dòng-dõi của giống Nữ-chân xưa, đời đời sinh-trưởng tại đất Ngạc-đa-lý (鄂多裡) ở về phía tây-nam đất Ninh-cổ-tháp (寧古塔), đến đời vua Anh-tôn nhà Minh, người bộ-trưởng là Hu đặc mục-cư (孟特穆居) mới dời ở tại đất Hách-đồ-a-lạp (赫圖阿拉) (chỗ này sau đổi tên là Hưng-kinh (興京), truyền được bốn đời. Vào đời vua Thần-tôn, trong khoảng niên-hiệu Vạn-lịch có người tên là Nô-nhi-cáp-xích (奴兒哈赤) có kỳ-tài đại-lược, thừa khi các bộ rối-loạn, khởi-binh lên đánh dẹp tứ-tung, trước nhất đánh bộ Ni-kham-ngoại lan (尼堪外蘭) để báo thù cho cha, oai-thế ngày càng mạnh thêm, sau đánh phá luôn quân Liên-hợp của các bộ ở Trường bạch-sơn và bộ Khoa-nhĩ-tâm (科爾沁) ở Mông-cổ, bèn lên ngôi vua, xưng nước là Hậu-Kim (後金) sau lại đổi là Mãn-châu. Đấy tức là vua Thái-tổ nhà Thanh. Khi ấy có bộ Diệp-hách (葉赫) không chịu hàng-phục, liên-kết với quân nước Triều-tiên để cùng nhà Thanh kháng-cự, kịp khi vua Thái-tổ nhà Thanh đem quân đến đánh bộ Diệp-hách lại cầu-cứu với nhà Minh, vua Thần-tôn nhà Minh nhân sai Dương Cảo (楊鎬) đem quân ra kinh-lược đất Liêu-đông, để giúp bộ Diệp-hách, vua Thanh Thái-tổ đón đánh quân Liên-hợp tại bờ sông Hồn hà, (渾河) đuổi tan hết cả, bộ Diệp-hách bèn phải hàng-phục. Thanh Thái-tổ lại tiến quân tới đánh lấy đất Thẩm-dương (瀋陽), đất Liêu-dương, rồi liền thiên đô đóng tại đất Thẩm-dương, chỗ đất ấy sau đổi là Phụng-thiên-phủ (奉天府) mà là chỗ đất phát-tường của nhà Thanh, người nhà Thanh rất để lòng tôn-kính nơi phát-tích ấy lắm.

Vua Thái-tổ mất, vua Thái-tôn nối ngôi, thấy nước Triều-tiên trước từng giúp sức với bộ Diệp-hách, nhân sai em họ là A-Mẫn mang quân sang đánh nước Triều-tiên, hạ được thành Bình-nhưỡng, lại tiến quân đến vây bách Kinh - thành là quốc - đô nước Triều-tiên, vua Triều-tiên chạy trốn ra Giang-hoa đảo (江華島) xin giảng-hòa, bèn kết hòa hiếu, hai nước như anh em thân với nhau. Trước ấy Thanh Thái-tôn đã có sai quân đánh nhà Minh, nhà Minh sai Viên Sùng-Oán mang quân ra phòng bắc-biên

Thái-tôn đón đánh tại miền sông Đại-lăng-hà (大凌河) đuổi chạy hết cả, chiếm-cứ được đất Cẩm-châu, nay nhân đã đánh yên được Triều-tiên, thừa cái thanh-thế ấy, kéo quân xuống Nam, triều-đình nhà Minh kinh-hãi, sai sứ cầu-hòa. Thái-tôn không nghe, lại tiến quân thẳng đến Sơn-hải-quan. Khi ấy ở bộ Sáp-hán-nhi (插漢兒) có người tên là Lâm Đan-Hãn (林丹汗) tự-phụ mình là dòng dích của Mông-cổ xưa, liên-kết với nhà Minh, đem quân xâm đánh đất Liêu-đông, ý muốn khôi-phục lại cái thực-quyền Khắc-hãn (可汗) (Khắc-hãn là một danh-hiệu tôn-xưng của người Mông-cổ, cũng như xưng là vua chúa vậy). Vì Lâm Đan-Hãn thị-thế lăng-ngược các bộ-lạc khác, cho nên các bộ Mịch-nam đều liên-kết lại để chống-cự với Lâm Đan-Hãn và cầu-cứu với vua Mãn-châu. Vua Thái-tôn nhân thân-suất đại-quân ra đánh Lâm Đan, Lâm Đan trốn chạy ra Thanh-hải (青海) rồi đau chết tại đấy, Mịch-nam Mông-cổ bèn thuộc về vua Thanh Thái-tôn cả. Lâm Đan đã chết, con là Khổng Quả-Nhĩ (孔果爾) đầu hàng, xin dâng cái ấn-tỉ truyền-quốc. Thái-tôn nhân vậy đổi hiệu nước là Đại-Thanh, mới bắt-chước cách xưng-hô theo như người Minh.

Tướng nhà Minh là Ngô Tam-Quế (吳三桂) trước kia phụng mệnh vua Minh, mang quân ra đóng tại phụ-cận Sơn-hải-quan, để phòng-ngự quân nhà Thanh, kịp nghe Lý Tự-Thanh (李自成) hãm kinh-sư, vua Sùng-trinh nhà Minh tự-sát, bèn hàng theo quân nhà Thanh, xin đem quân về đánh lại quân Lý Tự Thành. Khi ấy Thanh Thái-tôn đã mất, Thế-tổ nối ngôi, Thế-tổ sai thúc-phụ là Đa-nhĩ-côn (多爾袞) đem quân giúp Ngô Tam-Quế, Lý Tự-Thành bị thua, chạy sang Thiểm-tây (陝西), quân nhà Thanh lại dẹp yên được Sơn-tây Thiểm-tây, dời đô về Bắc-kinh.

Khi vua Sùng-trinh tự sát, các di-thần nhà Minh cùng lập Phúc-vương là anh vua Sùng-trinh đóng tại Nam-kinh, sai Sử-Khả-Pháp (史可法) đốc-quân mưu khôi-phục lại trung-nguyên. Tướng nhà Thanh là Đa-Đạc (多鐸) kéo quân Nam-hạ giết được Sử-Khả-Pháp tại Dương-châu, dẫn quân qua sông Trường-giang, hãm thành Nam-kinh, bắt được Phúc-vương tại đất Vu-hồ (蕪湖). Nhưng các di-thần nhà Minh, lại ở Phúc-kiến, lập Đường-vương cùng với Lỗ-vương ở Thiệu-hưng cùng ứng-viện với nhau, muốn hết sức cố giữ lại đất Giang-tây, đất Chiết-giang đất Phúc-kiến. Thanh Thế-tổ lại phát chư quân, đánh dẹp bọn Trương Hiến-Trung, Lý Tự-Thành, đuổi Lỗ-vương chạy ra bể, bắt sống được Đường-vương tại Đinh-châu (汀州), vận-mệnh nhà Minh đã đến cơn nguy-nạn như vậy, nhưng các di-thần cũng không chịu khuất mình theo giặc. Lại ủng-lập con vua Thần-tôn là Quế-vương (桂王) tại Quảng-tây, để giữ tôn-tự nhà Minh, nhưng đến khi Thanh-quân kéo đến đánh dẹp, Quế-vương phải chạy trốn, lấy đường đất Vân-nam chạy vào nước Diến-điện (緬甸). Khi ấy vua Biện-khắc-đức-lý làm vua nước Diến, rước vua Quế-vương về ở tại đất Chử-khanh (渚碕), cùng với các man-tù ở Vân-nam, hiệp-lực kháng-cự quân Thanh. Nhưng những dân Diến-điện thấy vua Diến thu-nạp di-tộc nhà Minh cho là một sự rước họa về nhà, đều không bằng lòng, em vua Diến là Đa-mô-ma, nghịnh-hiệp theo ý-chí của quốc-dân, giết quốc-vương mà tự-lập, bèn bắt Quế-vương dẫn độ cho nhà Thanh. Quế vương liền tự-sát, khi ấy chính là năm Khang-hi năm đầu mà là năm 1662 vậy. Từ khi Quế-vương trốn chạy sang nước Diến-điện trở về sau, dòng giống nhà Minh, không còn người nào ở trong đất nước Tàu cả, vua Khang-hi

bên thống-nhất cả thiên-hạ. Ban đầu Lỗ-vương trốn chạy ra miền bể, chiếm-cứ đảo Chu-sơn (舟山島), khi ấy di-thần nhà Minh là Trịnh Thành-Công (鄭成功) cũng bị quân Thanh đuổi chạy; Thành-Công nhân ủng-đái Lỗ-vương hô-hào với thiên-hạ, khôi-phục lại được đất Chiết-giang, lại hạ được thành Nam-kinh, thanh-thế rung động cả thiên-hạ, nhưng sau lại bị thua, lui quân chiếm-cứ lấy đất Đài-loan, tôn-phụng chính-sóc nhà Minh. Không bao lâu Lỗ-vương với Trịnh Thành-Công đều chết dần hết, con Trịnh Thành-Công là Trịnh Kinh (鄭經), cũng nối theo cái chí của cha tôn-phụng niên-hiệu nhà Minh, cùng với ba phiên hưởng-ứng, thường nhụ-lạn các duyên-biên Quảng-đông Phúc-kiến. Đến con Trịnh Kinh là Khắc-Sảng, thì nọa-nhược không làm gì được, vua Khang-hi sai Thi-Lang (施琅) suất quân ra đánh Đài-loan, Khắc-Sảng liền ra đầu-hàng, năm ấy chính là năm 1683 sau khi Bắc-kinh bị hãm, ước đến 40 năm dòng-dõi nhà Minh, đến đấy tiêu-diệt hết cả.

CHƯƠNG THỨ HAI
Sự-nghiệp hùng-vĩ của vua Khang-hi nhà Thanh

Vua Khang-hi là một bậc anh-chủ có văn-vũ đại-tài xưa nay ít có người sánh kịp, lên ngôi vua đến 61 năm, có tính khiêm-cung và biết yêu dân, tuy do mọi-rợ nổi lên, giữ quyền cai-trị người Tàu, mà dân Tàu hết lòng ái-đái, miếu-hiệu xưng là Thánh-tổ, thật cũng xứng-đáng lắm. Nay lược cử những vĩ-nghiệp của vua Khang-hi như sau này:

1) Bình-định cuộc phản-loạn của ba phiên. — Nhà Minh đã mất, nhưng bọn di-thần và dư-đuệ, hãy còn quanh-quẩn khởi-loạn ở miền Giang-nam, triều-đình nhà Thanh muốn lấy kế trấn-áp đi, nhân phong bọn hàng-tướng nhà Minh là Ngô Tam-Quế làm phiên-vương đất Vân-nam; Thượng-Khả-Hỉ (尚可喜) làm phiên-vương đất Quảng-đông; Cảnh Kế-Mậu (耿繼茂) làm phiên-vương đất Phúc-kiến; nhân gọi cho là ba phiên. Kịp khi vua Khang-hi thống-nhất được thiên-hạ, lo ba phiên ngày càng mạnh lớn, có ý muốn tìm cách phòng-bị, vừa gặp Thượng-Khả-Hỉ xin bỏ phiên Quảng-đông, để về đất Liêu-đông, vua Khang-hi thuận cho. Ngô Tam-Quế nghe được tin ấy, tự sinh lòng lo-sợ, năm 1673, Tam-Quế khởi-binh làm phản, xâm-lược đất Tứ-xuyên, đất Quí-châu, đất Hồ-nam. Con Cảnh Kế-Mậu là Cảnh Tinh-Trung (耿精忠) cũng khởi-binh, cùng với Trịnh Kinh ở Đài-loan cùng liên-kết với nhau, con Thượng Khả-Hỉ là Thượng Chi-Tín (尚之信) giận cha không dự vào cuộc cử-binh ấy, u-cấm cha tại một nơi, rồi cử binh hưởng-ứng với Ngô Tam-Quế, vì vậy cả miền Giang-nam đều thuộc vào trong thế-lực phạm-vi của ba phiên, quân nhà Thanh không thể nào kéo xuống phía nam được. Nhưng không bao lâu, Cảnh Tinh-Trung cùng Trịnh Kinh sinh hiềm-khích, Tinh-Trung với Chi-Tín lần lượt đầu-hàng nhà Thanh. Ngô Tam-Quế thì xưng đế, đóng đô tại Hành-châu (衡州). Sau Tam-Quế chết, cháu là Thế-Phiên (世璠) đánh trận thua, trốn chạy đến phủ Vân-nam, liền tự-sát, năm ấy chính là năm Khang-hi thứ 20 (1681), từ ấy thiên-hạ mới bình-định xong cả.

2) Cùng nước Nga đề-kết điều-ước tại Ni-bố-sở. — Khi ấy nước Nga lược lấy đất Tây-bá-lợi-á (西伯利亞) đắp thành tại đất Á-nhĩ-ba-tiến, mưu-tính cái kế-hoạch nam-hạ. Sự biến-loạn của ba phiên đã yên, vua Khang-hi lại chú-ý về bắc-phương, đắp thành tại đất Ái-Lôn (愛琿), lại sai đến Á-nhĩ-ba-tiến, đuổi những người Nga ở tại đấy, bề người Nga không chịu đi,

thì đem quân đến xâm lược. Nhưng sau khi quân nhà Thanh đã triệt về, thì người Nga lại vào ở như cũ. Vua Khang-hi do người nước Hà-lan giới thiệu, gửi thơ cho vua Bỉ-đắc nhất-thế nước Nga, cầu phân hoạch cái cương giới của hai nước, vua Bỉ-đắc trả lời biểu đồng ý ngay, nước Nga sai Cô-lô-huy làm chức toàn-quyền, nhà Thanh thì sai Sách-ngạch-đồ làm toàn-quyền, năm 1689, hội tại đất Ni-bố-sở, để kết-ước hoạch định cương giới hai nước, vua Khang-hi liền đặt sở lính đồn điền tại bờ sông Hắc-long (黑龍江) phòng bị nghiêm nhặt.

3) *Đánh dẹp xứ Chuẩn-cát-nhĩ* (準噶爾).— Các bộ thuộc về Nội-Mông-cổ, ở về đời vua Thái-tôn, đã hàng phục với nhà Thanh, nhưng bộ Khách-nhĩ-khách (喀爾喀) tức là Ngoại-Mông-cổ, có ba Khắc-hạn là chính dòng dõi Mông-cổ trước, phân cát xứ đất ấy, lại ở Mịch-tây (漠西) cũng có một xứ gọi là Vệ-lạp (衛拉) cũng không chịu hàng phục nhà Thanh. Chuẩn-cát-nhĩ là một bộ trong xứ Vệ-lạp, có một người bộ-trưởng tên là Cát-nhĩ-đan 噶爾丹 nổi lên, kiêm tính cả ba bộ khác lại, cùng với một người ở xứ Tây-tàng, tên là Đệ-bả-tang-kiết, là người cận-thân của Đạt-lại thích-ma ngũ-thế (達賴喇嘛五世), giao kết, lược lấy xứ Tây-tàng xứ Thanh-hải, định được sự loạn của bộ Khách-thập-cát-nhĩ (喀什噶爾) thống-nhất được Hồi-bộ (回部), lại xâm-chiếm đất xứ Khách-nhĩ-khách, ba người bộ-trưởng bộ ấy, phải chạy trốn, gặp sứ Thanh là Sách-ngạch-đồ (索額圖) xin tìm cách bảo hộ cho. Vua Khang-hi bèn dụ sức Cát-nhĩ-đan phải trả lại chỗ đất đã xâm chiếm ấy, Cát-nhĩ-đan không chịu nghe, lại suất quân tới lấn xứ Nội-Mông-cổ. Vua Khang-hi bèn cử binh đánh cùng Cát-nhĩ-đan, quân Cát-nhĩ-đan bị thua tan cả. Sau Cát-nhĩ-đan lại cùng Đạt-lại thích ma sinh hiềm khích, tuyệt-giao với nhau, suất bọn giáo đồ, lại vào đất Khách-nhĩ-khách, vua Khang-hi bèn suất quân thân chinh, năm 1696, đánh phá quân của Cát-nhĩ-đan tại đất Chiêu-mạc-đa (昭莫多).

Khi ấy Cát-nhĩ-đan lâu ngày đi ra đánh dẹp ở ngoài, phải người châu là Sách-vọng-lạp-bố-thản (策妄拉布坦) chiếm mất đất Chuẩn-cát-nhĩ, mà Hồi-bộ và Thanh-hải lại đều ly bạn cả, trong ngoài đều bị quân giặc xâm nhiễu, tới lui đều khốn nạn, tức giận mà tự-sát, từ đấy Ngoại-Mông-cổ, Thanh-hải, Mông-cổ, đều làm đất phiên-thuộc cho nhà Thanh cả.

4) *Trấn định được xứ Tây-tàng.* — Xưa kia xứ Tây-tàng chỉ có một bọn Hoàng-giáo (黃教) đắc thế, hai Thích-ma là Đạt-lại (達賴) với Ban-thiền (班禪) chỉ giám-sát các việc thuộc về tôn-giáo mà người thuộc-bạ là Đệ-ba (第巴) chuyên chưởng mọi việc, càng ngày càng đắc thế, đến đời Đệ-ba tang-kết (第巴桑結) thiện quyền, ủng lập lục thế Đạt-lại thích-ma (六世達賴喇嘛) có người tên là Lạp-tăng-hãn (拉藏汗) là người ở đất Hòa-thạc-đặc (和碩特,) thuộc về bộ Vệ-lạp không chịu phục, giết tên Tang-kết, ủng đời lục thế đạt lại, (六世達賴), các bộ Tây-tàng Mông-cổ, đều không chịu phục, lại ủng-lập Tân-đạt-lai-thích-ma tại xứ Tây-ninh, Sách-vọng-lạp-bố-thản, thừa cái cơ phân loạn ấy, xâm chiếm đất Tây-tàng giết người bộ trưởng là Lạp-tăng-hãn (拉藏汗). Vua Khang-hi bèn sai hoàng tử phát binh ra đánh đuổi Sách-vọng-lạp-bố-thản, rồi rước Đạt-lại-thích-ma về Lạp-tát (拉薩) mà lập lên. Năm 1722 vua Khang-hi mất, vua Ung-chính lập, bộ Hòa-thạc-đặc thừa cái cơ-hội ấy, phiến-động bọn thích-ma ở Thanh-hải Tây-tàng khởi loạn, vua Ung-chính sai suất binh ra

trấn-định hết, liền đặt quan trú-tàng đại-thần, đóng tại Lạp-tát. Cát-nhĩ-đan-sách-linh (噶爾丹策零) là con Sách-vọng-a-lạp-bố-thản, thường làm rối-loạn biên-cảnh, quân Tàu ra khổ chiến lâu ngày, sau đến trận đánh tại bộ Tam-âm-nặc (三音諾) mới dẹp yên được, Sách-linh bèn chịu hàng-phục nhà Thanh.

CHƯƠNG THỨ BA

Công-nghiệp Kiền-long

Năm 1736, vua Ung-chính mất, con là vua Kiền-long lập, lên ngôi vua đến 60 năm, cái thì giờ làm vua được lâu dài, cũng được như vua Khang-hi, công-nghiệp to-tát, cũng không kém gì vua Khang-hi, có mười trận vũ-công đều hoàn-toàn thành-công, cho nên có làm ra quyển *Thập-toàn-ký* (十全記) để ghi những công-nghiệp ấy.

1) Sự quan-hệ với xứ Chuẩn-cát-nhĩ. — Cát-nhĩ-đan-sách-linh đã mất, người cháu họ của Sách-vọng-a-lạp-bố-thản là Đạt-ngõa-tề nối ngôi, khi ấy có người tên là A-mục-nhĩ-tản-nạp (阿睦爾撒納) cậy có cái công ủng-lập, mà ghét Đạt-ngõa-tề bạo-hoạnh, bèn cùng sinh hiềm-khích với nhau. A-mục-nhĩ-tản-nạp bèn đầu hàng với nhà Thanh, và thuật hết những tình-hình xứ Chuẩn-cát-nhĩ có thể lấy được vua Kiền-long bèn sai Ban-Định (班定), suất quân ra đánh hàng-phục được Đạt-ngõa-tề. Nhưng A-mục-nhĩ-tản-nạp làm một bộ-trưởng xứ Chuẩn-cát-nhĩ chưa lấy làm mãn-túc, lại muốn làm bộ-trưởng ba bộ khác nữa. Vua Kiền-long không nghe, A-mục-nhĩ-tản-nạp bèn cử binh tại Thiên-sơn bắc-lộ lại phiến-động đến bọn giáo-đồ ở Thiên-sơn nam-lộ nữa. Vua Kiền-long bèn sai Triệu Huệ suất quân đi đánh A-mục-nhĩ-tản-nạp bị thua, chạy trốn sang nước Nga, xứ Chuẩn-cát-nhĩ đều yên cả.

2) Bình-định Hồi-bộ. — Từ khi Cát-nhĩ-đan thu-phục được Khách-thập-cát-nhĩ, người quản-trưởng Khách-thập-cát-nhĩ thường được cái sức hậu-viện của Chuẩn-cát-nhĩ, thống-quản được Hồi-bộ, nhưng kịp khi A-mục-nhĩ-tản-nạp làm phản, Hồi-bộ cũng ứng theo, liền phải quân nhà Thanh đánh dẹp, vua Kiền-long cũng sai Triệu Huệ tiến quân đến đánh dẹp Hồi-bộ, Triệu Huệ đã bình-định Chuẩn-cát-nhĩ rồi, lấy cái dư-oai chiến-thắng, thẳng tới dẹp yên cả Hồi-bộ. Từ ấy oai-vũ nhà Thanh rung động đến phía tây miền Thông lĩnh (葱嶺), các chủng-tộc ở miền ấy, đều sai sứ thông-hiếu với triều Thanh cả.

3) Bình-định xứ Kim-xuyên (金川). — Kim-xuyên ở tại miền thượng-lưu sông Kim-sa, phân ra làm hai là Đại Kim-xuyên (大金川) với Tiểu Kim-xuyên (小金川), ở về thời-đại nhà Tùy (隋) có đặt huyện Kim-xuyên, năm Kiền-long thứ 12 (1747) người thổ-ti (土司) ở Kim-xuyên tên là Sa-la-bôn (莎羅奔) làm phản lấn lược các thổ-ti ở bàng-cận đó, quan Tuần-phủ sai binh ra đàn-áp, lại trở bị quân ấy làm hại, triều-đình nhà Thanh phái Vân Qui tổng-đốc là Trương Quảng-Tư (張廣泗) đem quân đến tiễu-phủ, nhưng không công-hiệu gì cả, vua lại sai đại-học-sĩ là Phó Hằng (傅恒), đem binh ra kinh-lược, lại sai Nhạc-Chung-Kỳ ra đánh dẹp nữa. Sa-la-bôn bèn đầu hàng, nhưng sau người anh Sa-la-bôn, quản-chưởng việc thổ-ty, lại ngày dần kiêu-hoạnh, đến đời con là Sách-nặc-mộc (索諾木) dần dần lấn các thổ-ty phụ-cận, triều Thanh sai A-Quế (阿桂) ra đánh, A-Quế bèn lấy Tiểu Kim-xuyên, năm Kiền-long thứ 14 (1775) hàng-phục được Sách-nặc-mộc, Sa-la-bôn, xứ Kim-xuyên toàn bình định cả.

4) Bình-định nước Diến-điện. — Nước Diến-điện từ đời Biên-khắc-đức-lý trở về sau, quốc-thế suy yếu, bộ Pha-

khắc dần chiếm được thế-lực, năm 1733, bèn đem quân vây hãm quốc-đô, khi ấy có người tên là Ủng-tịch-nha (甕 錫 牙) là bộ-trưởng bộ Mộc-sơ (木 梳) ra đời, cùng với Pha khắc chống lại, khôi-phục lại quốc-đô, lại thường xâm chiếm phía Tây nam đất Vân-nam, đánh đuổi quân nhà Thanh. Vua Kiền-long bèn sai Minh Thụy 明 瑞 đem quân ra đánh, lại sai Phó-Hằng do các đường thủy lục, mang quân đến vây bách, chúa Ủng-tịch-nha là Mạnh-Bác (孟 駁) bèn phải chịu hàng-phục.

5) *Phong vương nước Xiêm-la.* — Ở về khoảng rốt nhà Minh vua Xiêm là Bộ-lai-chiêu ở ngôi vua, có dùng một người Nhật-bản tên là Sơn-điền Trưởng-chánh (山 田 長 政) giúp nước, phát-dương được quốc oai, kịp đến khi vua mất, thì nội-loạn nổi lên. Sơn-điền lại bị hại. Đến đầu đời vua Khang-hi nhà Thanh có một người nước Hi-lạp tên là Công-tư-thắng-chí, được nhà vua Xiêm tin dùng, người ấy cầm cả quyền-binh trong nước, khuyên vua Xiêm xin nhờ nước Pháp bảo-hộ. Nước Pháp bèn sai lính kéo vào trong đất nước Xiêm, người Xiêm có ý không bằng lòng, bèn nổi lên nội-loạn. Nước Diến-điện thừa cái cơ-hội ấy suất quân lấn vào, hãm quốc-đô nước Xiêm là A-du-trà. Vừa khi ấy có người Tàu tên là Trịnh Chiêu (鄭 昭) cử nghĩa-binh đánh đuổi người Diến-điện, khôi-phục lại nước Xiêm, bèn lên ngôi vua, đóng đô tại Bang-cốc, sau lại có nội-loạn, Trịnh Chiêu bị giết, người bộ-hạ của Trịnh Chiêu là Pha-nhã-trà-khắc-lợi lên ngôi vua, thông-hiếu với nhà Thanh, vua Kiền-long sách-phong cho làm Xiêm-la-vương, tức là thủy-tổ triều vua Xiêm bây giờ vậy.

6) *Vua Kiền-long với nước Nam.* — Nước Nam ta về đời Hậu-Lê, phía Nam thì có chúa Nguyễn, phía bắc thì có chúa Trịnh, không khác gì hai nước cùng đối-địch với nhau, có hơn 180 năm, mà chúa Nguyễn thì lại mở-mang thêm bờ cõi về phía nam, trước diệt được nước Chiêm-thành, kế lại lược lấy đất nước Cao-miên, lại có cùng nước Tàu nước Nhật, cùng thông-thương với nhau, cho nên quốc-thế chúa Nguyễn về thời-đại ấy, rất là cường-thịnh. Nhưng sau lại bị quân chúa Trịnh chiếm lấy được, đến năm 1786 có người ở Qui-nhơn là Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ nổi lên, Nhạc sai em là Huệ ra đánh lấy thành Phú-xuân, Huệ lại liền kéo binh ra Bắc-hà, đánh đổ cái thế-lực của họ Trịnh lên ngôi hoàng-đế. Khi ấy vua Chiêu-thống nhà Lê, sang Tàu xin viện-binh, vua Kiền-long sai Tôn-Sĩ-Nghị đem binh sang khôi-phục lại Đông-kinh, và phong cho vua Chiêu-thống làm vua. Không bao lâu, quân Tây-sơn lại ra, đánh đuổi Tôn-Sĩ-Nghị, vua Chiêu-thống cũng bỏ nước chạy theo sang Tàu, nhà Thanh liền cùng Tây-sơn giảng-hòa, phong cho Nguyễn Huệ làm vua An-Nam.

7) *Hàng - phục Khuếch - nhĩ-khách.* 廓 爾 喀.— Bộ Khuếch - nhĩ - khách xưng-hùng ở phía nam núi Hỷ-mã-lạp-nhã (喜 馬 拉 雅) dần dần sang lấn cướp các nơi thuộc về Tây-tàng và Ấn-độ, vua Kiền-long sai tướng đem binh sang đánh dẹp, thẳng tới ép vây quốc-đô Khuếch-nhĩ-khách. Khuếch-nhĩ-khách bèn xin hàng-phục.

8) *Bình-định Đài-loan.* — Khi ấy có người ở huyện Chương-hóa (彰 化) xứ Đài-loan, tên là Lâm Sảng-Văn (林 爽 文) cử binh làm phản, vua Kiền-long sai Phúc Khang-An (福 康 安) đem binh sang dẹp yên, năm ấy chính vào năm 1787. Vua Kiền - long dẹp yên được các loạn kể trên kia, nước nhà triều Thanh, dần được thái-bình vô-sự.

Chương thứ tư
Văn-hóa của nhà Thanh

1) Cái học khảo-chứng. — Nho-học từ đời Tống (宋) trở về sau, chỉ luận tính-lý, thiên vào bên không-hư, đến rốt triều Minh (明) thiên-hạ đều chán cái học-phong ấy mà sùng-thượng cái học khảo-chứng, cái học khảo-chứng liền đến phong-mị cả thiên-hạ, những nhà đi-nho nhà Minh là ông Cố Viêm-Vũ (顧炎武), Hoàng Tôn-Nghĩa (黃宗羲) là một bậc người đầu nhất xướng-minh ra cái học-phong ấy. Lại có một nhà danh-nho, tên là Diêm Nhược-Cừ (閻若璩) cũng sở-trường về cái học khảo-chứng ấy, kiếm tìm ra được những sách-vở của người đời Tấn (晉) đời Ngụy làm ra, lại còn có các nhà học-giả khác, như ông Mao Duyên-Linh (毛延齡), Lý Quang-Địa (李光地), Huệ Đống (惠棟), Đoàn Ngọc-Tài (段玉裁), Đới-Chấn (戴震), Nguyễn-Ngnyên (阮元), Thôi Thuật (崔述), đều là tay sở-trường về cái học khảo-cứu cả.

2) Vua Khang-hi vua Kiền-long tưởng-lệ về đường học-vấn. — Bắt đầu nhà Thanh trở về sau, phép theo học-chế của nhà Minh, có đặt ra Quốc-tử-học, phủ-học, châu-học, huyện-học, hết sức tưởng-lệ về học-thuật. Nhưng nhất là vua Khang-hi và vua Kiền-long rất ưa về học-thuật, thường đòi các nhà nho-thần, sắc soạn ra các bộ sách to lớn. Vua Kiền-long có đặt *Tứ-khố toàn-thư quán* (四庫全書館) để hiệu-đính chỉnh-lý lại hơn một vạn bộ sách, thật là một việc to-tát nhất trong đường học-vấn vậy.

Vua Khang-hi sắc tuyền ra có những bộ sau này:

Uyển-giám loại-hàm;
Hội-văn vận phủ;
Tử-sử tinh hoa;
Tứ Triều thi;
Khang-hi tự-điển;
Hoàng-Thanh kinh-giải;
Toàn Đường thi;
Lịch đại phủ vị; *v. v.*

Vua Kiền-long sắc tuyền ra có những bộ sau này:

Đại-Thanh nhất-thống-chí;
Hoàng-triều văn-hiến thông khảo;
Hoàng triều thống-chí;
Tam-lễ nghĩa-sớ;
Đại-Thanh hội-điển;
Hoàng-triều thống điển;
Minh-sử;
Tứ-khố toàn-thư đề-yếu; *v. v.*.

3) Văn-nghệ. — Thơ văn từ đời Minh cho đến đời Thanh, cái phong-thượng không thay đổi gì, hoặc mô-phỏng theo Chu Tần (周秦), hoặc thủ tài theo Đường Tống (唐宋), chớ chưa có hề bày ra một thể-cách riêng mà lập ra một cái học-chế riêng của một đời vua nào. Tuy ở về đầu nhà Thanh, nói về văn-chương thì có Ngụy Hỉ (魏禧), Chu Tôn-Di (朱宗彝), Phương-Bảo (方苞), Hầu Phương-Vực (侯方域), người nối theo văn-phái của ông Phương-Bảo lại có ông Lưu Đại-Hòe (劉大槐), Diêu Nại (姚鼐), đều là bọn có văn-danh cả; thơ phú thì có ông Tiền Khiếm-Ích (錢謙益), Vương Sĩ-Trinh (王士禎), Triệu Chấp-Tín (趙執信), Ngô Vĩ-Nghiệp (吳偉業) Tưởng Sĩ-Thuyên (蔣士銓), Triệu Dực (趙翼), Viên Mai (袁枚); nhưng nói tóm lại cũng chẳng qua là theo cái điển-hình của Hàn Liễu Âu Tô cả.

Kịch-bản. — Nói đến kịch bản, thì có *Lạp-ông-thập-chủng-khúc* (笠翁十種曲), của ông Lý Ngư (李漁) *Hồng-tuyết-lâu-cửa-chủng* (紅雪樓九種) của ông Tưởng Sĩ-Thuyên, *Đào-hoa phiến-truyền-kỳ* (桃花扇傳奇); của ông Khổng Vân Đình (孔云亭); nhưng trong bọn mấy ông ấy, chỉ có ông Lý Ngư là một tay làm kịch-bản rất hay,

kể bên nước Tàu suốt cả xưa nay chỉ có một mình ông đáng cho là một nhà làm kịch-bản hay thứ nhất.

Tiểu-thuyết.— Nói đến tiểu-thuyết, thì có bộ *Hồng-lâu-mộng* của ông Tào Tuyết-Cần (曹雪芹) và bộ *Thanh-lâu-mộng* của một nhà khác làm ra nữa.

Phê-bình. — Nói đến phê-bình, thì có ông Kim Thánh-Thán (金聖嘆) là một nhà phê-bình rất hay nhất, ông đối với các sách của người xưa làm ra, lấy ngọn bút tài-tình, tung-hoành biện-luận rất là tinh-kỳ.

Thơ-họa.— Nói đến thơ-họa thì vua Khang-hi có sắc tuyển bộ *Bội-văn-trai-thơ-họa-phả* (佩文齋書畫譜), lại có sưu-tập các lời bàn về thơ-họa, dẫn-cứ rất là tinh-xác.

4) *Khoa-học.*— Khoa-học thì sử-học có những đại-gia như ông Vương Minh - Thịnh (王鳴盛), Tiền Đại-Hân (錢大昕), địa-lý-học thì có ông Cố- Tổ-Vũ (顧祖禹). Những sách thuộc về khoa-học có giá-trị, thì có những bộ như :

Ngự phê lịch-đại thông-giám tập-lãm của vua Kiền-long.

Minh-sử của Trương Đình - Ngọc (張廷玉).

Dịch sử của Mã Túc (馬驌).

Nhị-thập nhị sử tháp-kỷ của Triệu Dực.

Thập-thất-sử-thương-xác của Vương Minh Thịnh.

Thiên-hạ quân quốc-lợi bệnh-thư của Cố Viêm-Vũ.

Độc-sử phương-dư kỷ-yếu của Cố Tổ-Vũ.

Lại ông Mai Văn-Đỉnh (梅文鼎), là một nhà số-học lịch-pháp đại-gia có danh tiếng, tham-chước theo lịch-pháp Tây-dương, làm bộ *Lịch-toán toàn-thư*, đời vẫn thường dùng. Lại vua Khang-hi cũng là một nhà chuyên-môn đại-gia, sắc soạn ra sách *Tương-lịch khảo-thành*, sách *Số-lý tinh-uẩn*, sách *Luật-sử tinh-nghĩa*.

5) *Tôn-giáo.* — Phật-giáo đến đời Thanh thì ngày càng suy-đồi, mà Đạo-giáo cũng không tiến-bộ gì, chỉ có Thích-ma hoàng-giáo thì thịnh-hành ở mạn Tây-tạng, Mãn-châu, Mông-cổ; đạo Hồi thì lan khắp cả miền Thiên-sơn Nam-lộ, Cam-túc, Thiểm-tây, giáo-đồ thường thường cùng người Thanh xung-đột ; đạo Thiên-chúa thì từ lúc rốt nhà Minh trở lại đây, thường bị áp-chế, nhưng số người ở các nơi theo giáo ấy ngày cũng thấy thêm nhiều ; đạo Gia-tô thì từ năm 1807, có mục-sư là Mã-lợi-tốn bắt đầu đến truyền-giáo tại Quảng-đông và Áo-môn, nhưng người Thanh cũng không hoan-nghênh chi mấy, sự tuyên-giáo ở các nơi, thường bị trở-ngại, và giáo-sư bị hại cũng nhiều.

6) *Quan chế.* — Các chế-độ nhà Thanh, phần nhiều theo di-chế của nhà Minh, và châm-chước theo quốc-tục của Mãn-châu, những chế-độ ấy đều soạn định xong ở đời vua Khang-hi và vua Kiền-long.

A) Quan-chế trung-ương.—1) Nội-các thống-quản cả các chính-vụ, có 4 chức Đại-học-sĩ, 4 chức Hiệp-biện đại-học-sĩ, để quản các sự cơ-mật ; ở dưới chia ra làm sáu bộ, là bộ Lại, bộ Lễ, bộ Binh, bộ Hình, bộ Công, đều thuộc theo nội-các cả, các trưởng quan các bộ ấy gọi là Thượng-thư, thứ là Thị-lang.

2) Lý-phiên-viện. — Viện này quản-hạt Nội-ngoại Mông-cổ, Thiên sơn Nam-bắc-lộ, Tây-tạng, Thanh-hải, cũng như bộ Thuộc-địa ở bên Thái-tây vậy.

3) Đô-sát-viện.— Viện này để giám-sát các quan.

4) Thông-chính-ti.— Ti này chủ truyền-đạt các chương-tấu.

5) Quân-cơ sở. — Sở này để quyết-đoán các việc to của quân-quốc, ở về đời vua Kiền-long, có sắc lựa các đại-học-sĩ, các thượng-thư các bộ, thị-lang các bộ, để sung làm chức đại-thần ở sở Quân-cơ này, để tham-quyết các cơ-vụ thuộc về quân-quốc, cái thế-lực sở Quân-cơ này, ngày càng thêm mạnh, đến về sau gọi là Trung-ương chính-phủ, cũng cốt ở sở Quân-cơ, sở này tổng-lý được các chính-vụ trong thiên-hạ vậy.

6) Tổng-lý các quốc-sự-vụ nha-môn. — Nha-môn này mới đặt về sau, chỉ chuyên-chủ về phương-diện ngoại-giao, cũng như bộ ngoại-vụ vậy.

7) Hải-quân nha-môn. — Nha-môn này chuyên chủ về Hải-quân.

B) Quan-chế địa-phương.— Các địa-phương thì phân các tỉnh làm bao nhiêu phủ, dưới phủ lại đặt có những châu huyện, một viên tổng-đốc kiêm-trị đến hai ba tỉnh, dưới lại đặt các viên tuần-phủ riêng của các tỉnh, để quản cả các chính-lệnh, còn quân-sự thì có chức Đề-đốc, tài-chính thì có chức Bố-chính-sứ, hình-ngục thì có chức Án-sát sứ, ngoài nữa lại có chức Đạo-đài, tri-phủ, tri-huyện, tri-châu, để chuyên việc trị dân. Ở về xứ Mãn-châu là xứ triều Thanh phát-tích tại đấy, cho nên lại dùng cái chế đặc biệt: Cát lâm (吉林) Hắc-long-giang (黑龍江) thì đặt chức tướng quân, chức Đô thống, để chủ việc quân và việc dân, còn ở Thịnh kinh (盛京) thì đặt Lại, Lễ, Binh, Hình Công năm bộ thị-lang, thủ-phủ là Phụng-thiên thì đặt chức Phủ-doãn, để tổng-lý chính-trị một tỉnh. Còn về số người làm quân ở tại kinh-đô, thì định ra số người Hán và số người Mãn đều cân nhau.

C) Binh-chế. — Lục-quân thì phân ra làm hoàng bạch hồng lam tám kỳ 八旗 và lục kỳ hai hạng binh; quân tám kỳ thì lấy người Mãn-châu, Mông-cổ mà biên chế vào, cốt chủ để cảnh vệ cõi Mãn-châu và Kinh-sư, nhưng các địa phương trọng yếu, cũng có phái binh ấy đồn-trú, mỗi kỳ có một viên Đô-thống, một viên phó Đô-thống để quản-trị bọn quân ấy. Quân Lục-kỳ thì lấy người Hán mà biên chế để chủ việc trấn-phủ các tỉnh trong bản-bộ nước Tàu, thuộc theo dưới quyền các viên Đề-đốc ở các tỉnh. Còn ngoài nữa lại có lính hương-dũng, đấy là sau khi có cuộc loạn Hồng Dương mới biên chế vào, để đóng ở các nơi.

Hải-quân thì có năm thủy-sư, là Bắc-dương, Nam-dương, Trường-giang, Phúc-kiến, Quảng-đông năm nơi, nhưng cũng chưa được tinh-luyện gì cho lắm, và quân-số cũng chưa có gì phát-đạt.

(Còn nữa)

ĐINH-LINH-UY

TỰ-TRỊ (1)

Trị là gì? là không rối loạn. Loạn là gì? là không được trị. Giải nghĩa như thế thì ai chẳng biết, nhưng ta ngẫm-nghĩ về nghĩa chữ *trị* 治 mà ta lại giật mình!

Bước tới trong sân, cây cỏ um-tùm; vào tới trong nhà, đồ-đạc ngổn-ngang; tuy không nghe tiếng xô-xát cãi nhau, nhưng ta đã biết chắc rằng nhà ấy không hay tự-trị; không hay tự-trị là nhà loạn. Đi qua ngoài phố thấy có kẻ đánh nhau ở các đầu đường, mà chẳng ai ngăn; qua các làng thấy có kẻ đái bậy ra đường, mà chẳng ai cấm; tuy không trông thấy những việc can-qua dịch-lệ, nhưng ta đã biết chắc rằng nước ấy không hay tự-trị; không hay tự trị là nước loạn. Lúc ăn uống khởi-cư không có giờ giấc nào cả, tay chân mày mắt không ra bộ-dáng gì, nói-năng cử-động không có phép-tắc gì, tuy ta chưa trông thấy cái nết xấu cái đức hư của người ấy, nhưng ta cũng biết chắc rằng người ấy không hay tự-trị; không hay tự-trị là người loạn.

Việc trong thiên-hạ nếu mà để đến loạn thì không thể lâu bền được; mình đã không hay tự-trị được, thì tất có cái sức kẻ khác khởi lên mà trị thay cho mình, không hay tự-trị thì phải bị-trị ở người, cái thế nó tất-nhiên như vậy không thể tránh được. Xem như người ta trị được giống cầm-thú, người lớn trị được đứa trẻ con, người văn-minh cai-trị được giống dã-man, đều bởi tại nó không có cái sức tự-trị nên mới đến nỗi thế. Người mà không có cái sức tự-trị thì là loài cầm-thú, chứ không phải là người; nếu có phải là người cũng là đứa trẻ con, chứ không phải là người lớn; nếu là người lớn cũng là giống dã-man, chứ không phải là hạng người lớn về giống văn-minh.

Nay cái dân-tộc rất lớn-lao, rất hoạt-bát trong thiên-hạ, không giống nào bằng giống Áng-cách-lỗ-tản-tốn (người Anh), họ thường tự khoe rằng: «Nếu độ một trăm người nước Anh ta, mà cùng với một trăm người nước khác, đồng-thời cùng thiên-cư đến ở một cõi đất nào, sau này không đầy mười năm, trăm người nước Anh thế nào cũng nghiễm-nhiên thành một nước độc-lập; còn trăm người nước khác kia thì vẫn ý ra như một mảm cát rời-rạc, mà phải chịu quản-hạt về người nước Anh.» Lại nói rằng: «Một khu-vực đất nước kia mà có loài dân dã-man hay dân bán-khai ở, tuy số dân thổ-trước họ đến và trăm nghìn vạn người, nếu có một vài người nước Anh ta bước chân đến đấy, thì chẳng đầy và mươi năm, nước ấy tất thành làm nước phiên-thuộc của Anh». Ta xét về sự-thực, ta lại càng tin cái lời khoe-khoang ấy là không ngoa. Xem như châu Bắc-Mĩ kia và Nam-dương quần-đảo, lúc mới là tự người Tây-ban-nha và người Hà-lan mở-mang ra, mà nay được hưởng cái lợi ấy lại là giống người Anh. Lại xem như Ấn-độ ngày nay, người Anh đến ở không đầy một vạn, mà nay sai khiến mấy vạn vạn người Ấn kia phải len-lét như đàn dê. Lại không xem như trong nước Tàu hàng mười tám tỉnh, những hạng quan-thương giáo-sĩ người Anh lại ở chẳng qua độ bốn nghìn người, mà ở dàn ra các nơi sung-yếu, nghiễm-nhiên như một nước địch-quốc, sở-dĩ hay làm được như thế là tại sao? Là vì trong thế-giới này cái dân-tộc rất giàu về sức tự-trị, không giống nào bằng giống người Anh!

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu

Kinh *Thư* rằng : « Biết tiết-chế cái tính thì mới tiến lên được. » *Tiết-chế* 節制 nghĩa là phải sửa-sang lại cho tề-chỉnh. Tuân-tử rằng : « Tính người vốn ác, làm thiện là ngụy vậy. » *Ngụy* 偽 nghĩa là người làm giả cách. Xem thế thì biết tính-chất người ta thực là bất-tề, bác-tạp mà không có kỷ-luật gì cả, nếu cứ thuận theo cái tính ấy thì nó thành ra hoành nghịch loạn-động cả, đến đánh lộn lẫn nhau mà không thể hợp quần với nhau được, vậy nên phải nhờ về sức nhân-vi đặt ra pháp-luật để tài-chế nó lại ; cái pháp-luật ấy không phải bởi tự ngoài bày đặt ra, cũng không phải tự một người thủ-xướng lên đặt phép để làm khuôn cho cả chúng dân vậy ; đó là bởi tự cái lương-tri ở trong tâm mọi người ai cũng cùng như thế cả, phải hạn-chế như thế thì mới thích-hợp với nhân-đạo, mới hay bảo-toàn được cái tự-do của mình mà cũng không xâm-lấn đến cái tự-do của người, không đợi phải miễn-cưỡng thúc-bách gì cả, mà mình tự hay theo ở trong vòng qui-củ chuẩn-thằng, như thế gọi là tự-trị. Nói cho rõ cái nghĩa tự-trị, thì cái thân mình phải coi như một bộ máy, trong một đời sở-chi về sự-nghiệp gì mà phải dự-bị như thế nào, sáng-khởi như thế nào, thực-hành như thế nào, đều phải tự định lấy khuôn phép. Trong một ngày làm việc, giờ nào trị sự, giờ nào làm nghề, giờ nào tiếp khách, giờ nào ăn, giờ nào nghỉ, giờ nào chơi, đều có nhất-định cả. Còn như những cái thói-tục nó tập quen, cái thị-dục nó tiêm-nhiễm, nếu thấy cái gì nó hại đến sự-nghiệp mình, làm xấu mất đức-tính mình, thì phải trị nó đi ; những lúc cười, lúc nói, lúc hành-động, đều có khuôn-phép như kim-khoa ngọc-luật để làm phạm-vi, một người hay tự-trị như thế, rồi đến ai ai cũng hay tự-trị như thế cả, rồi thành ra cả một đàn đều hay tự-trị ; trong một đàn đã hay tự-trị thì cả trong đàn người ấy hình như một quân-đội, tiến lên thì đều tiến, dừng lại thì đều dừng, ai cũng biết cái công-luật trong một đàn, xu về việc công-ích trong một đàn, gánh vác lấy cái trách-nhiệm chung trong một đàn, một người hay tự-trị như thế, đến cả đàn đều hay tự-trị như thế, thế mà không hay tự-lập ở trong cõi đời này được thì chẳng có lẽ thế bao giờ. Nếu không hay như thế mà hay tự-lập được ở trong cõi đời thì ta cũng chưa thấy thế bao giờ.

Hoặc kẻ hỏi rằng : « Đồ máy là cái vật không có tinh-thần, quân-đội là cái thể chuyên-chế, mà ngươi lại ví người ta hay làm được như thế là đức tốt, là cớ sao ? Vả lại, cái thói người Tàu, nói về việc khác thì không bằng người, chứ như cái việc đi đứng qui-củ, trói buộc thẳng-mặc, chính là cái tệ-bệnh thói quen của người Tàu, đã mấy nghìn năm nay, nào là qua đời Bá-chủ đè nén, lại bị kẻ nho-giả ngăn cấm, đã không còn có sinh-khí gì nữa, mà nhà thày nay lại muốn bắt người ta phải tự-trị như thế thì chả độc lắm ru ? » Đáp rằng : « Không phải thế, cơ khí vốn là cái vật chết, mà có cái làm chủ-động-lực cho nó kia. Đấng tiên-triết có nói rằng : « Phải giữ lấy cái tâm làm chủ, mà bắt trăm thể phải theo mệnh-lệnh. » Người ta mà hay khiến mình trong lúc khởi-cư động-tác điều-độ như cái máy, chính là cái lúc tâm mình làm chủ mà hay hoạt-bát tự-do đấy. Quân-đội tuy là cái hình-thức chuyên-chế, mà vẫn có cái tinh-thần, trong một đàn mà hay tề-chỉnh như quân-đội, thì cái ông tướng-súy trong quân-đội ấy tức là cái phép-luật của lương-tâm mọi người nó kết-thành ra vậy, cho nên bảo là tiết-chế thì tiết-chế thật, chứ không phải là chuyên-chế ; vì rằng cái pháp-luật ấy tự chúng-nhân đặt ra, chứ không phải tự một người, thế thì mọi người ai ai cũng là một thằng lính ở trong quân-đội, mà ai

ai cũng là một ông chủ-súy trong quân-đội. Vậy nên cái cách tự-trị khác với cái cách bó buộc ở đời Bá-chủ và cái cách căng-trì của các nhà Nho, nghĩa là không hay tự-trị thì bị người ta trị, mà hay tự-trị là mình trị lấy mình. Vả lại người trong nước xưa nay có theo gì qui-củ thắng-mặc đâu, ai cũng nói là theo phép mà nhà-nước có hiến-pháp đấy, quan-lại cũng còn chẳng giữ được, nữa là kẻ thường-dân. Ai cũng nói là tuân giáo đấy, mà thánh-hiền có bày ra giáo-điều, kẻ sĩ-phu cũng còn chẳng giữ được nữa là kẻ tạp-lưu. Thiên *Nghiêu-điển* rằng: «Trời bày ra có điển-lễ để làm trật-tự.» *Trật-tự* 序 秩 nghĩa là cái khuôn-phép thứ-bậc của trong một đàn quần-quần tự-trị lấy nhau. Nay xem như trong một nước Tàu, trong triều ngoài dã, kẻ trên người dưới, không còn có trật-tự gì cả, những chỗ quan-nha, thì chỉ thấy những kẻ quỉ quái tinh-ma lẩn-lút ra vào, lừa-dối bưng bít không còn nhân-đạo gì cả; những chỗ dân-gian, thì nào là tại trộm cướp, lũ gian-tham, không khác gì cái thời-đại dã-man, là tại sao vậy? Chỉ bởi tại không biết tự-trị, không biết tự trị nên bị trị ở người, thì sao gọi là trị được.

Thế thì người ta cần phải tự-trị. Một là tự-trị lấy nhất-thân: xem như xưa nay những người hay thành được sự-nghiệp lớn-lao là bởi tự cái sức mạnh hay trị thắng được; không kể chi các bậc cổ-nhân, hãy xem ngay gần đây như ông Tăng Văn-Chính lúc thuở nhỏ có cái thói quen hay hút thuốc ngủ trưa, đến sau cố sức chữa, lúc mới nó còn quật-cường lắm không hay trị được, ông Văn-Chính coi như thằng giặc phải trừ cho hết cỗi rễ nó đi mới thôi; sau này ông ấy đánh tan được bọn giặc Kim-lăng bản-cứ đã hơn mười năm, cùng với cái sức ông hay chữa được cái thói quen về khí-huyết nó tiêm-nhiễm đã và mươi năm, cũng đều là một cái tinh-thần cố gắng cả. Ông Hồ Văn-Trung khi đi hành-quân mỗi một buổi sáng còn đọc được mười tờ sách *Thông-giám*. Ông Tăng Văn-Chính khi ở trong quân mỗi ngày cũng viết lấy vài trang nhật-ký và đọc vài tờ sách, lại đánh một ván cờ. Ông Lý Văn-Trung khi ở trong quân mỗi một buổi sớm cũng tập viết lấy một trăm chữ thiếp Lan-đình, suốt đời vẫn thường như thế. Tự kẻ dung-tục xem ra ai cũng bảo rằng những việc tiểu-tiết ấy có quan-hệ gì đến đại-thể. Nhưng không biết rằng hạn-chế có tiết-độ, làm việc có chương-trình, là một sự rất lớn có quan-hệ đến phẩm-cách người ta vậy. Cho nên xem xét người thường về những chỗ ấy mới biết được cái học-lực của người ta. Xưa kia có người chê ông Trần Phồn rằng: «Ông Phồn không hay chỉnh-đốn trong nhà được sạch-sẽ, mà lại muốn khoát-thanh cả thiên-hạ, ta biết chắc là không hay làm được vậy.» Lời nói ấy tuy là quá-khắc, nhưng thực là lời bàn trung-chính vậy. Thông-lệ bên Tây phàm ngày chủ-nhật thì đều nghỉ-ngơi, mỗi một ngày thường thì cứ bắt đầu từ tám giờ làm việc, đến mười hai giờ tạm nghỉ một lúc, một giờ lại làm việc, đến bốn năm giờ thì nghỉ-ngơi, cả nước trên từ vua tôi quan-lại, dưới đến kẻ đi gánh đi buôn đều thế cả, lúc làm thì cả nước đều làm, lúc nghỉ thì cả nước đều nghỉ; có phải là như quân-đội cơ-khí hay không? Về văn-chương nếu xếp đặt cho được chỉnh-tề gọn-ghẽ thì mới có lý, nếu làm câu-kẹo lẩn-lộn thì là loạn. Nay thử lấy cái cách làm ăn động-tác của người Tàu với người Tây so-sánh mà xem, thì một đàng chỉnh-lý với một đàng loạn-sạ cách nhau xa lắm. Chớ bảo rằng là việc nhỏ mà khinh thường, xem như bên Thái-tây những việc chính-trị, hiến-pháp đều có trật-tự tốt đẹp cả, cũng bởi là hay biết tự-trị vậy. Mạnh-đức-tư-cưu

có nói rằng: «Pháp-luật không một lúc nào bỏ rời ra được, loài người ta phân ra văn-minh với dã-man, chỉ tại một đàng có pháp-luật với một đàng không có pháp-luật mà thôi, trong một nước như thế, mà trong một thân cũng như thế.» Nay người trong một nước mà đều là người không có pháp-luật cả, họp lại một đám người không có pháp-luật mà hay lập được nước, chửa có thế bao giờ.

Hai là tự-trị lấy một đàn, thì trong nước phải có hiến-pháp là tự quốc-dân lập pháp ra; các châu huyện thành-phố phải có nghị-hội, mà tự địa-phương tự-trị lấy; phàm chính-thể mà sửa-sang được hoàn-hảo, là đều tại mình tự-trị cả. Một người tự-trị lấy một thân mình, vài người hoặc vài mươi người tự-trị lấy một nhà, vài trăm hoặc vài nghìn người tự-trị lấy một làng một thành-phố, vài vạn cho đến vài trăm vạn vài nghìn vạn người tự-trị lấy một nước, tuy rằng cái phạm-vi tự-trị rộng hẹp có khác nhau, nhưng mà cái tinh-thần nó đều là một cả, nghĩa là đều theo về một pháp-luật cả. Quản-tử nói rằng: «Một làng với một triều-đình đều tự-trị khác nhau.» Lại rằng: «Triều-đình không có hợp-trị cả dân-chúng, là để cho từng làng phân-trị vậy.» Người Tây nói về chính-trị đều bảo rằng phải cốt ở cái nước nhỏ trong một nước. Cái nước nhỏ trong một nước là trỏ về từng tỉnh từng phủ, từng châu từng huyện, từng làng từng thành-phố, từng công-ti, từng nhà học-đường một, đều nghiễm-nhiên có một cái hình-thức như một nước; thế thì tỉnh, phủ, huyện, công-ti, học-đường, chẳng qua là một bức họa-đồ thu nhỏ một phần quốc-gia; mà quốc-gia tức là một bức ảnh phóng-đại của các tỉnh, phủ, châu, huyện, công ti và học-đường vậy; cho nên những khu-vực nhỏ đã hay tự-trị thì hợp lớn lại cũng hay tự-trị như chơi. Không thế thì phải nhờ người ta quản-trị cho, đã nhờ người ta quản-trị cho, thì người ta vỗ-yên mình, mình cũng nghe, người ta ngược-đãi mình mình cũng phải chịu; kẻ cường-hào trong đồng-tộc họ chuyên-chế mình mình cũng nghe, kẻ bạo-ngược ngoài dị-tộc họ áp-bách mình mình cũng phải chịu, như thế thì mình mất hết cả cái tư-cách làm người vậy. Người Tây mà sở-dĩ hay tự-trị được là tại cớ sao? Là cốt có tiết-chế, có trật-tự, có pháp-luật để làm cái tinh-thần tự-trị. Nếu thực hay tự-trị thì người khác muốn can-thiệp vào cũng không được; nếu không hay tự-trị mà muốn người ta không can-thiệp vào thì cũng không được; cái việc tự-trị ấy không có một tí nào nhờ người được; nước Tàu mà phải bị trị ở người là tại mình không hay tự-trị, không biết rằng cái phúc lạc-lợi của thân mình có phải nhờ người bảng-quang hay mưu giúp cho mình được đâu.

Nay những người sĩ-phu đã nhiều người biết nói đến chữ dân-quyền, chữ tự-do, chữ bình-đẳng, và đã biết bàn đến lập-hiến, nghị-hội, phân-trị rồi đấy, nhưng sau này dân ta có được hưởng cái phúc dân-quyền, tự-do, bình-đẳng hay không? có hay làm được cái qui-chế lập-hiến, nghị-hội, phân-trị hay không? Chỉ cốt coi về cái sức tự-trị của mình lớn hay nhỏ mạnh hay yếu mà thôi. Quốc-dân ta chớ cho cái việc tự-trị ấy là nhỏ-nhặt, là vu-khoát, mà chớ chỉ trách mong về đoàn-thể, phải trước trách mong về cá-nhân mới được, hãng trước tự-trị lấy một thân ta, rồi hợp thân này với thân khác là một đàn nhỏ đều hay tự-trị, lại hợp đàn này với đàn khác là một đàn lớn cũng hay tự-trị, lại hợp đàn lớn nọ với đàn lớn kia đều hay tự-trị, thì mới thành ra một nước hoàn-toàn. Nếu không hay tự-trị thì là tự-loạn mà thôi, tự-trị với tự-loạn quốc-dân ta phải nên xem xét mà tự chọn lấy.

N. H. T. *dịch*

VĂN CHIẾN-QUỐC-SÁCH (1)

IV

Nhạc-Nghị bỏ Yên sang Triệu

Xương quốc-quân là Nhạc Nghị giúp vua Triệu-vương nước Yên hợp quân năm nước để đánh Tề, hạ được hơn 70 thành, bắt phải thuộc vào làm quận-huyện cho nước Yên, chỉ còn có ba thành nữa chưa hạ được, thì Yên Chiêu-vương chết. Hoệ-vương lên ngôi, mắc mưu phản-gián của Tề mà ngờ Nhạc-Nghị, bèn sai Kỵ-Kiếp ra thay Nhạc-Nghị.

Nhạc-Nghị liền xuất-bôn sang Triệu, Triệu phong cho làm Vọng-chư-quân. Tướng Tề là Điền Đan lừa Kỵ-Kiếp đánh đuổi quân Yên, khôi-phục hơn 70 thành, dựng lại nước Tề.

Bấy giờ vua Yên mới hối lại, sợ Triệu dùng Nhạc-Nghị, thừa-cơ Yên mới thua Tề mà đánh Yên. Vua Yên bèn sai người sang Triệu, trách Nhạc-Nghị và từ-tạ rằng : « Đức Tiên-vương ta đem nước ủy cho Tướng-quân, Tướng-quân vì Yên đánh Tề để báo thù cho đức Tiên-vương ta, việc đó thiên-hạ đều rung-động cả, quả-nhân này có lúc nào dám quên công ấy của Tướng-quân được. Bỗng đức Tiên-vương ngài bỏ quần-thần ngài về, quả-nhân này mới lên ngôi bỡ-ngỡ, thì bị bọn tả-hữu nọ làm lầm quả-nhân. Quả-nhân tưởng rằng Tướng-quân dầu dãi ở ngoài đã lâu, nên mới sai Kỵ-Kiếp ra thay cho Tướng-quân để với Tướng-quân về nghỉ và sẽ bàn tính. Ngờ đâu Tướng-quân quá nghe người ta mà giận quả-nhân, bỏ Yên mà sang Triệu. Tướng-quân tự tính việc cho mình như thế thì cũng phải, nhưng lấy chi mà báo đáp lại cái lòng của đức Tiên-vương xử với Tướng-quân ? »

Vọng-chư-quân sai dâng thư trả lời Yên-vương rằng : « Thần là kẻ « bất nịnh » này không biết tuân theo mệnh-lệnh của nhà vua, để cho được lòng các quan tả-hữu của ngài. Thần sợ sẽ vì thần mà tổn mất tiếng thông-minh của đức Tiên vương, hại tiếng tử-tế của ngài, cho nên thần phải chạy trốn sang Triệu. Nay ngài cho người sang đây bảo cho thần biết tội. Thần sợ các quan hầu cận của ngài không xét đến cái cớ sở-dĩ mà đức Tiên-vương yêu dùng thần, lại không tỏ cho ngài biết cái lòng thần sở-dĩ thờ Tiên vương. Vì vậy dâng thư này thưa lại. Thần nghe rằng : Ông vua thánh-hiền là hễ kẻ có công nhiều thì tưởng, kẻ có tài xứng-đáng thì dùng, chứ không đem tước-lộc mà cho tư kẻ thân-cận bao giờ. Cho nên tùy tài bổ chức là ông vua muốn thành-công, xét nết mà giao-kết là kẻ sĩ muốn lập-danh. Thần trộm ngó công-việc của đức Tiên-vương ngài cử-động thực có cái lượng một ông vua cao thượng, nên thần đem thân nhờ Ngụy để về Yên. May được đức Tiên-vương quá thương đến, cho thần được dự vào hàng tân-khách, đứng trên cả các quần-thần. Rồi ngài không kịp bàn với phụ-huynh mà tự cho thần làm chức Á-khanh. Thần thực không tự xét mình, chỉ nghĩ rằng vâng theo mệnh-lệnh, là khỏi tội lỗi, nên thụ mệnh ngay mà không từ chối.

« Bấy giờ đức Tiên vương truyền mệnh cho thần rằng : « Ta có điều căm oán nước Tề không biết chừng nào, nên chẳng so mạnh yếu chỉ muốn đánh lấy nước Tề mà thôi. »

« Thần thưa rằng : « Tề là một nước mà cái nghiệp bá-chủ, cái uy tối-thắng

(1) Xem *Văn-Phong* số 154.

còn sót lại đó. Giáp-binh họ rất luyện, công chiến họ rất thạo, nay ngài muốn đánh thì phải đồng mưu với thiên-hạ mới được. Mà đồng mưu với thiên-hạ thì không gì bằng kết với Triệu. Vả chỗ đất Hoài-bắc thì hai nước Sở, Ngụy họ cũng muốn lấy, vậy nếu Triệu bằng lòng thì ước với bốn nước cùng đánh là Tề phải thua. »

« Tiên-vương cho chước ấy là phải, bèn giao « con so, cờ tiết » cho thần sang sứ Triệu rồi về trả lời mà khởi-binh đánh Tề. Nhờ có lòng trời cùng uy-linh đức Tiên vương, quân Tề đại-bại. Quân tinh-nhuệ của ta kéo thẳng tới quốc-đô Tề, vua Tề phải trốn chạy sang đất Cử, thoát được thân là may. Bao nhiêu của-cải châu-báu thu hết cả đem về Yên, bày ở hai đền Linh-đài, Nguyên-anh. Đánh cả thứ trúc qui ở sông Vấn đem về giồng ở đất Kế. Kể từ sau Ngũ-bá đến nay, chưa ai có chiến-công bằng đức Tiên-vương vậy.

« Bức Tiên-vương lấy làm hả lòng, nên mới cắt đất phong cho thần được dự hàng Chư-hầu nhỏ. Thần không tự xét mình, chỉ nghĩ rằng vâng theo mệnh-lệnh là khỏi tội lỗi, nên thụ mệnh ngay mà không từ chối.

« Thần nghe nói rằng ông vua hiền-thánh, công-nghiệp đã thành thì không để bị phế, cho nên sử-sách ghi truyền ; kẻ sĩ tri-thức, danh tiếng đã rạng thì không chịu hủy đi, cho nên đời sau khen ngợi. Như đức Tiên-vương ta vì việc báo oán tuyết sỉ mà dấy binh được một cường-quốc vạn-thắng đi, thu lấy của chứa tám trăm năm đem về. Nay ngài mới bỏ quần-thần mà về, lời dạy lại còn đó, nếu các quan chấp-chính, tu lấy pháp-lệnh, giữ-gìn mọi sự chẳng hay, và gia ơn cho dân chúng, thì có thể là u khuôn làm phép cho đời sau được đó.

« Thần nghĩ rằng việc đời thường khéo tu mà vụng hóa, có thủy khó có chung. Cho nên ngày nọ Ngũ-Tử-Tư đất lời với Hạp-lư mà vua Ngô tới được thành Sinh. Đến Phù-Sai thì lại không thế nữa mà lại ban cho Tử-Tư thanh gươm bắt phải tự-tử, rồi vất xác xuống sông. Vua Ngô không muốn làm chọn công xưa nên vất Tử-Tư xuống sông mà không hối, Tử-Tư không sớm hiểu vua đã khác lòng, nên bị vất xuống sông mà chết không yên. Vì thế cho nên thần rất sợ sẽ mắc vào những điều gièm-pha nhơ-nhuốc, để mất cả danh-giá của đức Tiên-vương ta là không biết người, mới phải thoát lấy thân sang đây mong lập nên công-cán, để cho tỏ rạng điều thông-minh của đức Tiên-vương ra, là cái thượng-kế của thần đó.

« Thần tuy ngu-hèn, song thường được nghe lời các bậc hiền-nhân quân-tử dạy bảo. Thần biết rằng lấy nghĩa mà nói thì thần không được bỏ nước mà đi, nhưng kẻ đã mắc vào cái tội không biết xẩy ra đến thế lúc nào thì thoát được là may. Quân-tử khi phải tuyệt giao với bạn mà không nói xấu nhau ; kẻ trung-thần khi phải bỏ nước mà đi, không dám nói tốt cho mình. Thần sợ các quan hầu cận, các quan tả-hữu không xét cho kẻ xa-xôi này, nên dâng thư này, xin ngài lưu-ý đến cho.»

—Lời phê-bình của Bắc-củng.—*Bài này nếu tác-giả tự nói sự* bỏ nước mà đi là vô-tội, *thì là kẻ hèn-mạt quá. Cho nên ông tả cái công đánh Tề ra rồi qui-công ấy cho Tiên-vương chứ mình không dám nhận. Không dám nhận công tức là không dám chối cái tội đội ơn Tiên-vương tri ngộ mà không toàn chung-thủy với hậu-vương đó. Trong bài này có đến 14 chữ « Tiên-vương », thật là đinh-ninh mài lệ chép thư, bao nhiêu cái nông-nổi bất-nhẫn bỏ nước mà đi cùng không bỏ nước mà đi không được, đều chan chứa cả ra trên tờ giấy.*

Trong bài này có hai chỗ nói « là khỏi tội lỗi », *ấy chính là ý tác-giả nhận có tội đó. Cũng như bài của* Bộc-

Cố tự buộc mình sáu tội *ấy chính là ý tác-giả tỏ ra vô-tội đó. Có hiểu cái ý chối tội mà chính là nhận tội, cùng cái ý tự buộc tội mà chính là tỏ vô-tội, thì sẽ hiểu lập-đức với lập-ngôn không phải là hai gốc mà tâm-địa với văn-chương chỉ là một vật vậy.*

(*Còn nữa*)

D.-N.

HÀI-VĂN

1. — Hai tay viết báo trứ-danh

Hai cụ đồ kia là hai tay có tài về nghề văn thơ, có lắm bài truyền-tụng. Nhân dịp tân-xuân, hai cụ cùng nhau dâng rượu thọ, khi ngà-ngà say, cao-hứng vịnh thơ xuân, gật đầu rung vế, tiếng rất khanh-tương, nghe thực êm tai mà khoái-trí

Cụ nọ hỏi : « Độ này cụ có hay đọc báo *Nam-Phong* không ? — Có, độ này có lắm bài khá lắm, bàn về cải-lương phong - tục, khuếch-trương kinh-tế, nghĩa-lý cao-thâm mà văn-chương tao-nhã, xem rất có ích, ta nên giới-thiệu cho đồng-nhân biết, để báo-giới ngày càng thêm thịnh. — Vậy cụ có bài gì đăng trên kỳ báo này không? — Có, tôi có thảo sẵn một bàicải-lương phong-tục, lối văn xuôi, cụ xem có thể đăng được không? — Vâng, cụ đưa đệ xem. »

« Kẻ quê ta, kẻ quê ta, nhà nào cũng « có bàn thờ ông vải đẹp lắm ! Trên « bàn thờ có vô-số vàng hồ với hoa « giấy cũng đẹp lắm vậy ! Hoa giấy với « vàng hồ là đồ sắc-chỉ đấy có biết « không ? Con cháu vào cúc-cung bái « ông bà ông vải. Đốt pháo nổ tưng- « bừng mà đi đẹt. Xác pháo bắn vào « hoa giấy, bốc lửa lên cháy cả cửa « nhà, cả nhà ù té chạy. Cỗ bàn đơm « tết, giò nem bung mọc, dưa hành dưa « hiếc, bánh chưng bánh chiếc, cháy cả « ra tro. Đã chừa đốt pháo chưa ? Bảo « chẳng nghe lời. Đã trắng mắt ra chưa? »

Cụ Trúc-Cương đọc xong bài báo này, khen nức-nở :—Văn bác hay thật, hùng thật ! cũng một khiếu như văn tôi, khiến cho người ta bái-phục, mà bỏ hết thói xa-hoa. Tôi cũng có một bài giới-thiệu đây, bác xem có chữ nào không được nhã bác sửa lại cho.

« Năm nay là năm sớm, mùa này là « mùa xuân, cây xanh cỏ diệc xanh, « cái gì cũng xanh tất cả. Bác hàng « xóm tôi uống rượu mừng xuân. Uống « mãi uống mãi cứ uống mãi. Say quá « say quá rồi say quá, ngã đổ máu « mồm xồi máu mũi. Ai bảo uống làm « gì ? Thế đã biết thân chưa ? Rằng nay « biết dại xin chừa ! »

Cụ Trịnh Ích vỗ đùi khen :— Văn bác hay hơn văn *Kiều*, không ai chữa được chữ nào cả, được toàn đề.

Hai cụ ngất-ngưởng rủ nhau lên tỉnh yết-kiến ông chủ báo.

— Bẩm quan ạ, anh em chúng tôi có mấy bài báo cải-lương phong-tục, mong ngài cho đăng lên báo-chương để cảnh-cáo cho nhân-dân, và mong ngài thưởng cho ít tiền nhuận-bút, mua rượu uống chơi, và mua pháo đốt cho vui.

Ông chủ-bút vội-vàng nghênh-tiếp, luống những mừng thầm được hai cụ trợ-bút trứ-danh. Ông liền dơ tay đỡ lấy hai bài báo, khi đọc xong ông mỉm cười, bèn phê :

Thuyền đua thì lái cũng đua,
Con cóc cũng nhảy, con cua cũng bò!

2. — Cậu ấm Khẹc

Cậu ấm Khẹc, tuổi độ hai-mươi lẻ ba, vốn là con cụ đốc-học xưa, cậu nay nhập-tịch vào làng « Hư-sinh ».

Nhớ cụ đốc xưa thi đỗ đại-khoa, nhiệm chức đốc-học, số học-trò cụ khá đông, mà thành-đạt cũng khá nhiều. Khoa thi nào cũng có học-trò cụ treo tên trên long-hổ-bảng. Người làm quan, kẻ làm thầy, ai nấy đều được nhờ cái giáo-trạch của cụ mà trở nên người có phẩm-hạnh, có tài-năng. Cụ tận-tâm dào-luyện học-trò như thế, công-đức cụ kể sao cho xiết.

Có một điều rất buồn cho cụ là vì tuổi đã quá cao, xuân-thu cụ năm-mươi có lẻ, mà chưa có ai thừa-tự. Đầu lòng hai ả tố-nga, rồi cụ bà mệt, nghỉ không thèm đẻ nữa. Mỗi khi cụ ông chợt nhớ đến câu : *Bất hiếu giả tam, vô hậu vi đại*, thì lại thêm buồn, thêm chán. Có lắm khi cụ phải tòng-quyền bàn đến việc tiểu-tinh, thì cụ bà không chịu, khóc mà than rằng: « Ông với tôi làm bạn với nhau từ thủa trái-đào, cùng nhau chịu bề tân-khổ, bưởng vị chân-cam, sinh-tử có nhau; nay ông nỡ phụ bạn tao-khang sao cho phải đạo ? Mong ông nghĩ lại tôi nhờ mấy nao ! »

Nghe lời cụ bà khuyên-giải thấp-cao, cụ ông đành phải bỏ tay, nhưng biết tính sao ? Cụ nhắm mắt phải theo trần-tục, sắm-sanh lễ-vật, đi cầu-tự khắp nơi thần-từ phật-tự suốt một năm ròng, mà bụng cụ bà cứ lép, mới cay chứ, nghĩ mà buồn tênh !

Đến năm sau, nhân gặp mùa xuân, tiết trời êm-ái, gió lặng, trăng thanh, vạn-vật phồn-sinh, bách-hoa đua nở ; hai cụ thong-dong đồ-đệ gánh-gồng, vui theo bọn thiện-nam tín-nữ, khăn xanh áo đỏ, đi lễ chùa Hương-tích, là nơi đệ-nhất danh-thắng ở xứ Bắc-kỳ ngày nay.

Cầu trời khấn phật, ăn tay nằm mộng suốt một tháng tròn. Nén hương thơm thấu cửu-trùng-thiên, ơn nhờ đức Phật Như-lai, người giáng phúc cho ; cụ bà nay đã có tin mừng. Bấm đốt tay, tính đủ chín tháng mười ngày, đúng giờ dần, ngày mười một tháng mười một, cụ bà sinh hạ trai nam.

Chợt nghe ba tiếng « oa, oa, oa », chen chân ra gánh-vác việc đời, cụ ông lật-đật chạy vào cửa buồng, hỏi : — Trai hay gái. — Cụ bà đáp : — Trai !

Cụ ông ghé mắt vào xem rõ-ràng trán cao, mũi lớn, miệng rộng, tai to, cặp mắt tinh-thần, lại thêm cái tia sáng hào-quang phản-chiếu. Cụ quá mừng mà nghĩ thầm rằng : « Quả-nhiên nói đức Phật, không phải là loài thiên-tăng. »

— Ông đặt tên cho em nhé?

— Tôi đặt tên em là Như-lai, vì bà mộng thấy đức Phật giáng phúc cho bà, nên tôi lấy hiệu Phật mà đặt tên cho em đấy.

— Chết nỗi, chớ lấy hiệu Phật mà đặt tên em, người ta dị-luận, không nên. Nhà mình hiếm-hoi, mới được một chút mậm riêng làm giống, tôi đặt tên em là Khẹc đấy, ông ạ.

— Sao bà đặt cho em cái tên đủ-đớ như thế ?

— Ấy, ông không biết, tôi đặt cho em cái tên cắc-cớ, xấu-xa, là có ý cầu cho em sống lâu trăm tuổi bạc đầu râu, đập đầu vào đá không chết đấy, ông ạ.

— Ừ nhỉ, bà em nghĩ phải, Khẹc ra đây, thấy bồng con chút nào.

Cái tên ấm Khẹc đã trao cho cậu từ nay ! Cả họ, cả làng, cả đến môn-sinh, ai nấy lại mừng đủ mặt. Kẻ tán-tụng *Lão-bạng sinh châu*. Người tung-hô : *Kỳ-lân xuất thế*. Vui-vẻ là dường nào !

Nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, thể-dục theo đúng phép vệ-sinh, cậu mau lớn như thổi, chân tay mập-mạp, bình-vóc to cao, trông thực sướng mắt, chơi với cậu cả ngày không chán. Mỗi khi cho cậu đi chơi đâu, thì cụ bà vội-vàng lấy chút nhọ nồi quẹt ngang vào trán cậu làm cho xấu-xa để thiên-hạ miệng ăn mắm muối khỏi quở quang. Tính cụ bà cẩn-thận.

Kịp đến khi cậu đầy tuổi tôi, sau khi làm lễ tạ Phật Như-lai, cáo gia-tiên, cho bày các đồ cung kiếm, bút nghiên, thì cậu sồng-sộc bò ra vớ ngay lấy cái bút vẽ quệch-quạc, dọc ngang bình như muốn mô-tả bài văn thơ gì đó. Cả nhà cười ồ lên mà rằng : « Ông nghè con ! »

Khi cậu lên bảy tuổi, đúng ngày mười sáu tháng giêng, là ngày khai giảng, lễ bày tinh-khiết, cụ ông làm lễ thánh-sư, rồi lấy son viết câu : *Thiên-tích thông minh, thánh phù công dụng*, khai tâm cho cậu học. Cậu chỉ học ba lượt thì thuộc, mặt chữ nhận rất tinh-tường, hỏi ngược hỏi xuôi đều nói đúng cả ! Cụ bà thấy con có khiếu-chất thông-minh, quá mừng, nhưng sợ con học sớm thì mệt trí, mỏi mòm, đau phổi, bèn lần-khân xin cho con ăn chơi vài ba năm nữa cho mau lớn. Cụ ông thôi cũng chiều lòng

Nâng-niu chiều chuộng một niềm, muốn gì được ấy, chỉ trừ ra đồ ăn là gan rồng mà đồ chơi là sao bắc-đẩu, không sao chuốc được thôi.

Chỉ vì cụ bà quá chiều, cậu sinh nhiều nết hư. Nói đến học thì cậu ngại, trông thấy sách thì sợ như bò thấy nhà táng. Có lắm khi cụ ông gắt tiết, đe dọa, đánh mắng thì cụ bà lại bênh mà rằng : « Ông dạy người ngoài, dù ngu-lỗ thế nào cũng thành-tài, huống-chi là con, lo gì mà vội. » Ra đây với mẹ, con muốn gì thì mẹ cũng cho.

Cứ nay lần, mai lữa, cậu thành ra thất học. Ôi ! bé chẳng vin, lớn gẫy cành, học sao được nữa !

Đến khi cậu lớn, tuổi đã mười lăm mười tám, thì chơi với những quân vô-lại : rượu, chè, cờ, bạc, rồi thành ra vường nghiện.

Nay cụ bà hình như đã biết hối vì quá chiều con. Khóc suốt đêm ngày, sưng vù hai mắt, vớ lấy cụ ông mà rằng : « Ông ơi, nhà ta vô phúc, tôi không ngờ thằng ấm nó hư đến thế ; nó mắc nghiện rồi đấy, ông ạ. Thôi ! Cho nó sắm bàn đèn đem về nhà mà hút, rồi ta liệu cưới vợ cho nó, thế là lấy chỉ buộc chân voi, chân ngựa, nó không đi đâu được nữa. » Ý cụ ông chỉ cầu cho gia đạo hòa, bèn thở dài mà đáp rằng : « Bà muốn làm sao thì làm. »

Từ khi cậu được lệnh từ mẫu cho rước « tình » về nhà, thì cứ suốt đêm ngày quanh-quẩn bàn đèn không bước chân ra khỏi cửa. Khi nào rảnh thì cứ mải tiêm, nạo lọ kêu ken két, làm cho hai cụ nghe mà ghê tai.

Nay hai cụ đồng canh hưởng thọ tám mươi tuổi chẵn, rủ nhau lên cảnh bồng lai sau trước một ngày. Từ khi hai cụ xa chơi cảnh Phật, chưa được một năm thì cậu đã phá tan gia-sản ; chồng một nơi, vợ một nẻo. — Tính hết họ gần, người xa, cậu đều quá bộ lại thăm, chẳng sót một ai, vay khéo ăn nhờ. Nhưng cứ thi-hành cái chánh-sách bạng-thực thế mãi thì ai cũng chán, vậy cậu tính sao cho no cơm thuốc được qua thời ?

Tuy cậu quét cái nhà không nổi, nhưng cậu có biệt-tài thiết nhĩ-lọ, hễ cái lọ nào đã qua tay cậu thiết, dù nạo mạnh cũng không long, hút kêu ro ro, không cháy thuốc, không hao sảm. Cậu lại có cái biệt-tài quyến oanh rủ én, xuất nhập chốn Bình-khang, nễ ai cần đến ả nào là cậu tìm được ngay. Ấy chỉ nhờ hai cái biệt-tài này, mà cậu thoi-thóp sống hoài.

Có một ngày, cậu chợt nhớ đến cụ Tuần kia là cao-đệ của cha mình thủa

trước, cậu bèn nhẹ gót lại thăm. Khi tới cổng lầu, ngửa trông bốn chữ: « Tuần-phủ nha-môn » thì cậu ngâm ngay câu *Kiều*:

Mừng rằng chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.

Cậu nói nhỏ với chú lính canh vào bẩm: — Cậu ấm Khẹc, con cụ đốc nguyên xin vào ra mắt

Chú lính liếc mắt nhìn qua cậu ấm thì rõ thấy hình-dong cổ-quái, diện-mạo khô-khao, đầu đội khăn úp rách sờn, lòi giẻ trắng tứ-tung, hình như vân-âm; nước da sám ngắt, má hóp, môi thâm mà chìa ra quá mũi, so vai, rụt cổ. Mình mặc lót thịt cái áo bành-tô tây trắng hàng năm không giặt, phủ ngoài cái áo Di-thinh thâm, rách soạc vai, đã bạ mầu nước dưa, quần vải ca-ki vàng thủng đáy, trên cổ chân, gấp lật lên một gấu. Hình dong như vậy, ai là chẳng ghê.

Chú lính xô ngực cậu ấm mà quát rằng: — Đi ngay! Cụ lớn tao bạn gì với chú!.

Cậu ấm van lơn thảm-thiết. Chú kia tuy con nhà lính, mà có tính nhà quan, từ-bi bác-ái, nể lòng vào bẩm:

— Bẩm, có cậu ấm Khẹc là con cụ đốc nguyên, xin vào hầu thăm cụ-lớn.

— À, cậu ấm Khẹc là thế-huynh ta đấy, mời cậu vào đây.

Cậu ấm thoạt bước chân lên thềm, khúm-núm lạy chào, bỗng đâu lọ dầu lạc chụt ở túi áo ra rơi xuống, vỡ tan, nổ một tiếng « đùng » làm cho cụ Tuần hoảng-hốt, nhìn ngược, dòm xuôi, nghi-ngờ, tưởng là thích-khách ném trái bom chăng! Sau mới rõ biết chai dầu lạc của thế-huynh vỡ tan từng mảnh, đầu đồ lênh-láng. Hú-via! Nhưng vẫn còn nghi.

Cụ Tuần mỉm cười mà rằng:

— Tình anh em, tôi nói thật; bác còn đeo cái gì sủng-soảng trong mình nhiều lắm, cứ bày cả ra đây, tôi xem nào!

Cậu ấm bất-đắc-dĩ phải bày ra mọi vật: Trước hết rút cái xe lọ ở bên tay hữu ra, rồi lần lượt móc ở túi áo, túi quần, cái tiêm, cái móc, cái đèn, cái vấu, cái vỏ ngao đựng thuốc, cái chén đánh xái, cái lọ con đựng giấm giọt rượu, cái giẻ lau, lại thêm miếng bánh tây ăn dở và gói kẹo xiu.

Cụ Tuần thấy những khí cụ bày ra như thế, phì cười, giơ tay mời thế-huynh vào nhà trong.

Trong hàng ấm-sinh, có lẽ chỉ có cậu ấm Khẹc này là đặc-cách hơn cả!

3 — Ca-trường đại-chiến

Cụ đồ kia, tính nết hiền-lành, vốn người phi-nộn, biệt-danh cụ là: Ông đồ Béo. Một gánh thi-thư, mười năm đăng-hỏa, quyết tình vỗ nợ bút nghiên, thôi đành chịu đóng vai bạng-thực, thừa lệnh cổng bà sai-phái. Khi trở về già, di-dưỡng tinh-tình, tiêu-dao tuế-nguyệt, gõ đầu trẻ những con cùng cháu.

Cụ sinh thơ nôm, hễ thấy cảnh gì hay, thì liền xúc-cảnh, xuất khẩu thành thi, có lắm bài truyền-tụng. Trong hàng văn-sĩ trứ-danh, cụ chẳng nhất thì nhì, đã hiềm cụ hữu-tài vô vận, hóa cho nên luẩn-quẩn loanh-quanh. Thỉnh-thoảng cụ có cái bột-hứng, nhớ cảnh chị em, cũng lầu-mò tới, thưởng năm ba roi chầu, nghe vài câu hát, cái cao-hứng nhà nho, tuy già mà cũng chẳng quên.

Một ngày kia, cụ bà bỏ quên chìa khóa đầu giường, cụ ông vớ được, hú-hí cười, xoáy ngay một cặp rồng xanh. Tối lại nói dối ra đi, cụ bà biết ý, cho quân nội-thám theo chân. — Được tin đích xác, thám liền phi-báo: « Cấp-báo, cấp-báo, dạ dám bẩm, cụ ông đương ngất-ngưởng ngồi lòng cô Bạch-Tuyết. » Nổi tam-bành, cụ bà liền vác trúc-côn, xách tuấn mã trông chừng Bái-

thượng (xóm Bình-khang) tiền-công hâu-tập, dồn binh phía bắc, cồng ngoài cô Tuyết — Vừa gặp lúc cụ ông chật khăn cởi áo, gật đầu rung vế, đập ba tiếng trống: tom! tom! tom! phách liền dạo, đàn kia liền họa, Tuyết khoan-thai hát:

«Tích ngã du thần (*chát*) quân «thượng thiếu, (*tom, tom*) quân kim «hứa giả (*chát, chát, tom*) ngã thành «ông. (*tom, chát, tom*) Cười cười, nói «nói (*chát, chát*) sượng-sùng (*tom, «chát, tom*) mà bạch phát với (*tom, «chát, chát, tom*) hồng-nhan thêm ái.. »

Hát vừa đến đấy, cụ bà đội đầu sư-tử xốc vào, tay phạt gậy, miệng nói: «Này bạch-phát này, này sượng-sùng này, này ái này!» Cụ ông bỏ khăn áo, vùng ra cổng sau tẩu-thoát. Vừa luồn khỏi giáo, đầu gối đương run, trống ngực còn đánh, thế mà xúc-cảnh, cụ đọc ngay bài thơ:

Đù mẹ thằng cha đứa mỏng môi!
Hớt sao hớt thế ơi trời ơi!
Thân này đành phải chui giáo chạy,
Tí nữa thì ông chết bỏ đời!

Trong nhà cô Tuyết xướng ra lắm văn thơ khổ-độc, cụ bà họa vào cũng lắm câu tứ-vận, nghe thực khoái tai.— Chú kép già kia, nhanh trí khôn, vớ lấy khăn áo cụ ông để lại, khoác vào, lịch-bịch trong buồng chạy ra, cúi đầu nghiêng lưng, ra bộ đỡ đòn, nói khàn-khàn lót giọng cụ ông: «Bà làm gì thế?» Cụ bà đương hăng, ôm ngay lấy cổ anh kép, tay tát, miệng nói: «Thằng béo này, về đây với bà!» Kép ta ngảnh lại nhìn thẳng vào mặt cụ bà, nhe răng cười, cụ đỏ mặt tía tai, ôm quần chạy mất.

Ông cụ đồ kia ơi!
Cụ già xuân cụ còn xanh!
Học chi chú cuối trẻ danh mực cười.
Bà cụ đồ kia ơi!
Có ông mới gọi là bà,
Hay gì kẻ quỉ trò ma bên đời!

4 — Gái ngoan khóc chồng

Nguyệt-lão khéo xe chỉ thắm, kết duyên đôi bạn trăm năm hơn kém nhau một tuổi. Châu Trường-Sinh là tay văn-sĩ phong-nhã hào-hoa, sánh Trần Vĩnh-Lợi, con nhà thế-phiệt, da ngà mắt phượng, quốc-sắc khuynh-thành.

Thực là tài-tử giai-nhân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn!

Đôi lứa thiếu niên, yêu thương nhau như chân tay, kính nể nhau như bè-bạn; khi ra chiếu-chuông, khi vào nâng-niu, suốt ngày đêm lưu luyến triền-miên, như cặp uyên-ương kia, líu-lo ríu-rít, chẳng xa nhau một bước, chữ đồng-tâm ngày càng khăng-khít.

Khi nên trời cũng chiều lòng,
Một trai Trường Thọ nối dòng nho-gia.

Cái vinh-hoa đệ-nhất của người khuê-các, tưởng không gì bằng gặp đức ông chồng là nhà nho-nhã, anh-tài tuấn-đĩnh, xuân-phong khả-ái, mà cái khoái-lạc vô-cùng của khách tài-tử còn gì quí bằng được bà nội-tướng là tay quốc-sắc, kiêm tài cầm tửu thi kỳ, lại thêm Trường Thọ là trai đầu lòng, cảnh-tượng vui-vầy khôn xiết kể!

Thảnh-thơi ngày tháng buồng đào,
Khi ra ngắm vợ, khi vào hôn con.

Châu Trường-Thọ tuổi mới lên ba, cậu Sinh ta mắc bệnh «âm hư phạt thân», nay phút đã ra người chín suối. Ôi, duyên nợ ba sinh chưa kịp trả, mà cậu sớm vội chia uyên rẽ thúy. Nỗi biệt ly, thiên sầu vạn thảm, kể sao xiết nỗi đoạn-trường. Vợ trẻ con thơ, nào biết trông cậy vào ai chiếu-cố. Một là số thiên-đình đã định đúng ngày thọ tử, hai là quá nặng chữ tình mà cậu vĩnh-biệt có như thế; đáng thương thay cho chàng bạc-mệnh!

Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
Chưa vui xum-họp đã sầu chia phôi.

Từ lúc cậu say giấc mộng nghìn thu, cô vẫn cứ một niềm thủ-tiết. Thờ chồng nuôi con, chốn phòng-vi khép chặt, chẳng bước chân ra khỏi cửa. — Trong ba tháng mười ngày có lẻ, khi đầu hôm lúc sớm mai, tuôn rơi hàng lệ, bi sầu thê-thảm, khóc người bạn cũ. Tiếng ai tiếng oán, giọng thảm giọng sầu, dãi bày tâm-sự: nào là mẹ góa con côi, kẻ còn người khuất, nỗi nhà vắng-vẻ, nỗi thân cô-phòng, ruột tằm đôi đoạn vò tơ, khiến cho khách tứ-bàng, bồi-hồi cảm-xúc, mà buồn vay khóc mướn. — Tuy rằng tang-tóc mà cái má hồng cô, ngày lại thêm xuân, mắt phượng long-lanh, lại thêm cái vẻ tinh-thần mà sắc-sảo, chứa chan vướng một chữ tình. Mái đầu trơn mướt, trắng tuyết mầu da, tóc bỏ đuôi gà, mình thắt lưng ong, dịu-dàng yểu-điệu, gợi khách hữu-tình nào ai là chẳng... Khi tốt-khốc, đai bụng cô xem đã khá tròn.

Trúc-sinh trúc mọc đầu đình
Cô xinh cô đứng một mình cũng xinh.

Cô khóc chồng : « Ôi, cậu Sinh ơi, cậu đi đâu mà nỡ để em thân đơn gối chiếc. Ngày mùa hạ, lúc đêm đông, em biết cùng ai gắn-bó. Nhớ những lúc vườn đào ngõ hạnh, gió gác trăng sân, tưởng biết cùng ai âu-yếm. Tâm sự này cậu biết cho chăng? cậu ơi là cậu. Ôi! cậu Sinh ôi, thơ-thần trước gương thấy một mình em với bóng ; khi cười nụ, lúc khóc thầm, khi ôm đầu, khi tựa gối, bóng cùng em bày nhiều trò dối, nghĩ mà thêm giận thêm thương, thêm buồn thêm chán! Khi ôm đàn gảy không thành tiếng, lúc cầm bút viết chẳng nên thơ. Mượn rượu tẩy sầu, thì sầu lại ngổn-ngang, muốn cảng chan-chứa. Mượn cờ giải trí, hiềm vì nỗi không người địch-thủ, bày rồi lại xóa, luống những thêm sì thêm mộng! Nỗi niềm này, biết tỏ cùng ai? cậu ơi, là cậu! »

Thương chồng nên nỗi héo-hon,
Những buồn cùng khổ đẹp giòn hơn xưa.

— Thọ con ơi, vì con nên mợ dở-dang, con vòi con khóc, làm gan mợ rầu. Ngủ đi con, mày mà quấy mãi, roi này sẵn đây. Vì mày mà mất tự-do, khi đi cũng né, khi về cũng e. Mày đi với cậu cho rồi!

— Mợ ơi, em van, em sợ!

— Mày sợ ai?

— Sợ người nằm cạnh mình em ấy mà!

— Ai làm gì mày mà sợ, cậu mày đấy chứ ai?

— Cậu chết kia mà?

— Cậu chết ban ngày không chết ban đêm.

Cậu rằng cậu thác ban đêm,
Vì lòng thương mợ vậy nên thác ngày!

Cái tình là cái chi chi, làm cho điên-đảo lòng người lắm nào! — Nếu cô cứ khăng-khăng giữ đạo tam-tòng, e chị em cười là câu-nệ, vậy cô vứt hẳn chữ kinh mà vớ lấy chữ quyền, để rõ ra người hoạt-bát. Ôi, hoạt-bát như cô, nào ai dám học, âu đành chịu tiếng cười là tục, nhưng gương tiết-phụ nghìn thu sáng chói :

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Trong hàng tiết-phụ có nàng là hơn!

5. — Thú Ả-đào

Phàm là người sinh-tồn trong vũ-trụ ai là chẳng dự trong vòng tứ-dân, người đi học, kẻ đi buôn, người làm thợ, kẻ làm công, ai là chẳng có nghiệp thường, mong cho trọn nghĩa-vụ mình, ngõ-hầu giúp-đỡ lẫn nhau để gây nên cái hạnh-phúc gia-đình xã-hội có vẻ hòa-bình phong-phú như ngày nay. Chỉ duy có bọn chị em ả-đào không có cái vinh-dự treo tên trong bảng tứ-dân, nhưng thiết nghĩ cũng không phải là không có ích cho nhân quần vậy.

Tạm hỏi chi em làm những việc gì?

Chị em mang tiếng là ăn không ngồi rồi, cả ngày chỉ giọng oanh tiếng én, cung đàn dịp phách, lời nói trai-lơ, miệng cười hớn-hở, mà tối lại tô-điểm môi son má phấn, tóc bỏ đuôi gà, mình thắt lưng ong, cùng với chị Hằng-nga mà thơ-thẩn ở nơi ngõ liễu tường hoa, hẹn-hò trăng gió.

Ôi, chị em làm những việc hư-không như thế, mà bảo là có ích cho nhân-quần, chẳng là quá-đáng lắm dư?

Thưa, nếu không có bọn chị em thì biết lấy ai để tiêu-sầu giải-muộn cho khách lỡ thời lỗi vận?

Xưa kia thì bọn nho-sinh, mà nay thì nhà tây-học cứ đến khoa thi kể biết bao nhiêu là người sa cầu lạc-đệ. Buồn buồn tủi tủi, tiếc công đăng-hỏa thập-niên, thẹn cùng đèn sách, uất khí bùng lên như lửa cháy. Hồ-thỉ tứ-phương, người toan khứ-quốc, kẻ rắp tứ-trần, thế mà có lòng chiếu-cố đến chị em, thì bao nhiêu cái sầu cái muộn thảy đều tiêu-tán cả.

Bước chân vào cửa động đào, thấy ngay mấy vị tiên-nương, da ngà mắt phượng, vội-vàng đón rước, cười cười hỏi hỏi.

Dịp đâu may-mắn la đường,
Lại vừa gặp buổi em đương ở nhà.

— Chào quan ạ!

— Quan quách gì, trượt vỏ chuối ngã đau quá, nên mò lại đây, nhờ tay chị em vuốt-ve cho:

Họa dẫn có bớt chút nào được chăng!

— Thế là bác hỏng thi à? Khoa này chẳng đậu thì đành khoa sau, có lo gì!

— Chắc đâu mà đợi.

— Thưa chắc ạ. Nếu có chị em làm bạn sách đèn, nâng khăn sửa túi, thì khoa sau mới quyết thành công.

— Quả được như lời, khoa sau tớ quyết đỗ giải-nguyên.

Tiệc trà đâu đã sẵn bày, thang lan trà bính, lê bạch-tuyết, rượu bồ-đào, đủ mùi thanh-lịch. Phiếm đàn dìu dặt tay tiên, miệng ca tay gảy:

Tôi mừng anh đỗ thủ-khoa,
Mối tình nay lại mặn-mà hơn xưa.
Một chén tiễn đưa.
Rượu đào một chén tiễn đưa,
Rồng vàng gặp hội mây mưa có ngày.
Nhớ bữa hôm nay.
Chén mừng nhớ bữa hôm nay,
Sang năm là một năm này là hai.
Chốn ấy chữ bài.

Ấy chỉ nghe mấy câu tán-tụng phỉnh-phờ cùng uống chén rượu quỳnh của chị em tặng cho như thế, là bao nhiêu cái sầu-muộn khứ-quốc li-bang đều bay lên mây xanh hoặc tràn ra bể cả. Thuốc giải uất nào hay bằng!

.˙.

Năm nay từ tháng bảy đến giờ không mưa. Vợ chồng Ngâu vắng mặt, một là sợ người đời mai-mỉa, nên không dám tự-do khoác tay nhau mà xì-xụt năm đêm bảy ngày như thói cũ; hai là sợ quân cộng-sản bắt bà cầm cờ đỏ đi tiên-phong, ông làm quân hậu-lực; ấy những e cùng sợ như thế, mà làm cho ruộng đồng khô cạn. Loài thực-vật cũng như động-vật, đói thì phải ăn, khát thì phải uống; cây lúa kia khát cho đến nỗi khô đét từ chân đến ngọn, nếu châm mồi lửa cháy tàn ra tro, chỉ trừ ra khu ruộng nào có nước Nông-giang chảy tới, khi thu-hoạch mất ba còn bảy.

Thương hại cho ông chủ-điền kia, số ruộng ông kể hơn nghìn mẫu, nước Nông-giang chưa chảy tới, khi thu-hoạch mất bảy còn ba. Biết lấy gì chi-dụng trong ấp mình cho đủ, tính quẩn lo quanh, bèn xuống tỉnh để tìm phương cứu-khổ. Sực nhớ đến cô Hồng-ngọc là tay danh-ca, liền ghé lại thăm.

— Chào cụ ạ, năm nay cụ thu-hoạch có khá không?

— Khá gì đâu, lúa thì ít mà rơm thì nhiều, định lại đây vay chị ít tiền tiêu đỡ.

— Thế à! nghe đâu độ này vay tiền Nông-phố ngân-hàng dễ lắm, chỉ đưa điền-bạ cho họ xem là lấy được tiền tiêu ngay, chẳng phải phiền đến quan địa-phương bẩm-báo lôi-thôi gì cả.

— Nếu được vậy, ta sẽ vay mấy nghìn tiêu chơi.

— Cụ cho em tiêu chung với nhé?

— Ừ được, chỉ sợ không vay được thôi.

— Ô kia, cụ đeo miếng vải trắng ở ngực làm gì thế?

— Nay những bậc quan-trường tại-chức từ tri-huyện tri-phủ tri-châu trở lên, mới được phép đeo bài ngà, còn những bậc quan tại-gia như tôi này thì không được phép, nên tôi dùng cái băng trắng kẻ hai chữ « Hàn-lâm » để phân-biệt với thường-dân đấy mà.

— Thế mà em không biết đấy. Cụ khéo chế « mốt » mới, chắc thiên-hạ có nhiều người bắt-chước.

— Hôm nay đi ô-tô hàng ỳ-ạch mãi bây giờ mới đến nơi, mệt quá, bảo nó lau đèn tiêm thuốc hút chơi.

Giường thất-bảo, màn bát-tiên, gối kim-mao, đệm hồ-cừu, yên-cụ bày ngay vào giữa, khay khẩm xà-cừ vân-mẫu, đèn pha-lê sáng quắc, giọc san-hô mặt tẩu lục-lăng diện ngọc, thuốc cống cũ hộp vàng. Hai bàn tay búp măng kia lại thêm cái nhẫn kim-cương đeo ở ngón vô-danh, tay giồi thuốc miệng ca:

Thú gì bằng thú ả-phiền,
Cái xe cái tẩu ngọn đèn cái tiêm.
Chiều chuộng một niềm.
Nâng-niu chiều chuộng một niềm,
Sầu nào chẳng giải muộn nào chẳng tan.
Giải đêm buông màn!

Nghe câu hãm ấy cụ hàn kéo một hơi dài, thôi bao nhiêu cái lo cái phiền cùng với khói yên-hà bay lên mây xanh cả. Tiên-dược nào tầy.

. . .

Từ khi cái phong-trào cộng-sản lan khắp Nghệ-an, Hà-tĩnh, khách thập-phương vắng-vẻ. Mấy hiệu ô-tô kia có lắm chuyến xe chỉ lơ-thơ năm ba người hành-khách không đủ tiền dầu săng vỏ lốp. Hành-khách ngợi khen hạ giá mà chỗ ngồi lại được thảnh-thơi, chứ không ngồi chồng-chất lên nhau như thuở trước mà chú tài kia miệng cứ thoảng tính: « Còn rộng chán đây mà, ai muốn ngồi tự-do về nhà mà ngồi. » Các hạng chủ xe cũng không dám đưa cái thủ-đoạn mắng khách lấy tiền như trước nữa. Mấy bác tài chú ét cũng không dám đưa lối du ngông, rượu đánh say nhầm mắt chạy càn, để xẩy ra tai-nạn tang-thương như lối cũ, đáng mừng thay!

Đã mấy tháng nay ông chủ hiệu ô-tô kia vắng khách không đủ tiền chi nhân-công mua vật-liệu. Tính ngược lo xuôi, đóng cửa thì mang tiếng với bạn đồng-nghiệp, vay lãi thì chú Chà kia tính đến mười phân. Những lo cùng buồn, ngổn-ngang trăm mối, mà đi tiêu-khiển ở nơi vũ-đài tửu-quán, lại càng thêm chán. Thôi, không gì bằng lại thăm cô Bạch-Yến nói chuyện chơi cho giải-trí. Lửng-thửng một mình đi trên bách-bộ, mãi đến 11 giờ đêm mới tới nơi. Gọi cửa hồi lâu: *cóc cóc!* — Ai thế? — Tôi đây mà. — Khi mở cửa mới rõ mặt ông chủ X.

— Chào bác! sao lại khuya thế?

— Chả giấu gì, không định lại thăm chị, nhưng nghĩ không có nơi nào khiến-hứng hơn, nên lại phải bò đến đây đấy mà.

— Độ này có phát-tài không?

— Phát-tài gì đâu. Khách vắng teo, chuyến nào cũng lỗ tiền dầu.

— Thế xe bác chạy những đường nào?

— Tôi vẫn có xe đi phủ Thọ, phủ Hà, Nông-cống, Nghệ-an.

— Đương buổi vắng khách này, em thiết nghĩ trong bốn đường ấy, chọn

lấy một đường nào đông khách thì cho xe chạy, đến dịp gần tết lại sẽ cho xe chạy đủ cả bốn đường, thế là một tháng làm mười tháng ăn có phải tiện không?

– Ừ nhỉ, chị nói thế mà phải, đương-cuộc-giả mê, bàng-quan-giả tỉnh, có lẽ tôi phải làm như lời chị nói mới xong.

Được lời như cởi tấc gang, thôi bao nhiêu cái lo cái buồn, thảy đều quên hết, bèn xoay vào cuộc chơi, dù tổn-phí hết bao nhiêu cũng không quản.

— Chị Yến ơi, đã khuya rồi, bảo nó làm cháo ăn chơi, mà tôi cũng chẳng nghe hát văn-thơ phú-lục gì cả. Những món ấy riêng để cho những nhà thi-sĩ, khách giai-nhân, tôi vốn con nhà thuyền-thợ, tay lấm mình đen, chị cho nghe mấy câu xầm hoa-tình là thú hơn cả.

Chị Yến miệng cười, tay khoan-thai gõ phách miệng ca :

« Nước trong xanh lơ-lửng con cá vàng, cây ngô cành bích con phượng-hoàng nó đậu cao. Anh tiếc cho cô em là phận má đào, tham đồng bạc trắng bám vào chú Tây Đen. Sợi tơ-hồng sao khéo xe duyên, treo tranh tố-nữ sánh bên tượng đồng. Chị em ơi, ba bảy đường chồng, son tô phấn điểm hương lồng cho nó ngoan ; thà rằng lấy chú xầm-xoan ! »

. . .

Nông suy bách-nghệ bại, lại thêm cái phong-trào cộng-sản, khách thương-mại vắng tanh. Mấy chú khách thương kia có nhiều giờ rảnh hút thuốc bàn tán chuyện. Ngôn-ngữ bất-đồng, chẳng biết các chú tán chuyện gì, ý hẳn lại bàn nhau cuốn gói về Tàu, như chú khách thương ở miền phủ Quảng kia lừa mấy vạn về cố-quận xài chơi. Bà con ta chớ nên quá tin chú mà có ngày lệch nghiệp. Mấy chú Chà-và bán vải cũng cứ cả ngày miệng nhai trầu đỏ loét, nhìn nhau gẫu chuyện. Thấy cái cảnh-tượng ế hàng như thế, thật là buồn tênh. Mấy bác hàng đồng cũng vậy, cát bụi phủ đầy hạc rùa lư đỉnh, cũng chẳng thèm lau quét. Cả cho đến mấy cô thầy bói, ruồi đậu mép chẳng thèm xua : mấy cụ thầy lang, mạng nhện chẳng ô không thèm quét.

Buồn thay cho cụ đồ kia, đã mấy phen tranh-khôi đoạt-giáp mà vẫn còn vướng nợ bút-nghiên. Cụ bèn xoay ra nghề buôn chung. Độ này ế hàng, cụ ngồi lắm cũng buồn, chẳng biết cùng ai đàm luận cho khuây-khỏa. Tuy ngày nay cụ đã đóng vai thương-mại, nhưng vẫn còn nhớ cái phong-vị nhà nho thuở trước. Cụ bèn xuống thăm cô Hoàng-Oanh.

— Chào cụ ạ ! Cụ có phát-tài không?

— Phát tài gì đâu, mấy tháng nay không ai thèm tới cửa.

— Thế sao hôm nọ chị em đi lễ, qua nhà cụ, thấy khách mua hàng đông lắm kia mà ?

— Những ông ấy là bạn đồng-bệnh với tôi, đến tán nhảm cho đỡ buồn, chứ có ai mua bán gì đâu. Còn chị, độ này xướng-hát có khá không ?

— Vắng khách lắm cụ ạ. Cụ hát giúp em một chầu nhé.

— Xuân đã qua thời, lối chầu khổ phách ù-ù cạc-cạc nào có biết chi-chi. Chị có rảnh, ta đánh cờ hoặc làm thơ chơi cho giải-trí

— Thưa vâng, nhưng biết tả cảnh gì cho có lý-thú ?

— Chị cứ tả cảnh chỗ nhà tôi ở để làm kỷ-niệm cũng được. Chị xướng đi tôi họa.

Nàng vâng cất bút tay đề :

Qua cầu Voi-phục đến nhà ông,
Nhà rộng thênh-thang lại gác chồng ;
Chum vại chất lên như thể núi,
Lọ vò sắn đấy để làm chông ;
Khách năm ba kẻ bì-bẻ nói,
Gái một và cô ngắp-nghé trông ;
Có phải nhà thuê ông tậu quách,
Chỗ này gần chợ lại gần sông !

Cụ đồ khen nức-nở, cầm bút họa lại thì bỗng đâu con sư-tử cái kia đứng lù-lù ngay bên cạnh, quắc mắt nhe răng, giơ chân thò móng, gầm lên một tiếng cực to: « Làm gì thế? » Cụ đồ giật mình, nép đầu xuống, lỏn ra cổng ngoài mà chuồn mất. Thôi bao nhiêu cái sầu cái muộn, chút cả lại cho cô Oanh gánh vác. Nặng thay!

. . .

Kể về đường tinh-thần thì chị em là một cái vẻ ngọc thiên-nhiên, gồm cả anh-khí của trời đất mới tạo-thành những bậc mĩ-nhân như thế, để cung-hiến cho khách tứ-dân, làm cảnh tiêu sầu giải muộn, công việc ấy tưởng cũng không phải là nhỏ vậy.

Nếu lấy con mắt khách quan mà xét, thì chị em mang tiếng là bọn xướng-ca vô-loài: lấy quan quan cách, lấy khách khách về Tàu, lấy nhà giàu nhà giàu vỡ nợ.

Ấy chỉ vì cái lưỡi không xương nhiều đường lắt-léo mà làm cho chị em cay-đắng về đường chồng con. Những người mạt-số, chẳng lấy cô đào làm vợ, cũng bị cách chức xua gà, cuốn gói về Tàu, cắp bị đi xin, thì bảo sao?

Hiện nay có lắm bà xưa kia cũng nhập-tịch vào làng chị em, mà nay trở nên mệnh-phụ, làm cho đức ông chồng được cao mũ dài áo, sinh năm đẻ bảy được vuông tròn. Khiến cho tôi lại nhớ đến câu: giàu vì bạn, sang vì vợ, và vợ càng nhiều, nợ đời càng lắm. Cô lắm cô con nhà trâm-anh thế-phiệt mà chỉ đóng vai báo hại chồng con, lấy chồng nhờ chồng, ăn hết con mắt ăn lòng con người, thì sao?...

PHẠM VỌNG-CHI

(Thanh-hóa)

VĂN-UYỂN

1. — Viếng người bạc-mệnh (1)

Khuê-các thương ôi cũng má hồng!
Hình-chung nào được thấy ơn chồng;
Đời đâu kiếp vợ riêng gay-gắt,
Tạ với ba sinh lánh bụi hồng.

Đời người đến thế thế thì thôi,
Mặt phấn trời xanh đã lỡ rồi!
Yên giấc trăm-năm đành phận mẹ,
Trần-ai ai xót nỗi con côi?

Con côi gởi lại cõi phù-sinh,
Phó mặc trời xanh giúp trưởng-thành;
Một nắc thở ra gan ruột đứt,
Gia-đình tâm-sự xiết bao tình!...

Mảnh hồn u-uất cõi hoàng-tuyền!
Lỡ-dở cuộc đời, lỡ-dở duyên;
Khi ở khi về buồn cảnh-ngộ,
Trăm năm thôi thế cũng là yên!

2. — Khúc tương-tư

Trông vời bến cũ lệ như mưa!
Ân-ái đau lòng cảm nghĩa xưa;
Năm tháng khôn khuây niềm biệt-hận,
Nước non còn để mối tương-tư.

---

(1) Người thiếu-phụ này gặp cảnh gia-đình chuyên-chế, cái cảnh làm dâu làm vợ cay-đắng nửa đời, chồng quan sang chức trọng mà vợ không được lúc nào hiển-vinh, nay phú đi mai phú về, tình-cảnh lúc sinh-thời thật đáng thương. (T. P.)

Mối tương-tư buộc mài đến giờ,
Thương nhớ vì ai dạ ngẩn-ngơ !
Giấc mộng tìm nhau, tìm chẳng thấy;
Duyên xưa còn đó tập thư xưa.
Dở tập thư xưa lại nhớ nhau,
Mây ngàn hạc nội biết tìm đâu?
Non sông muôn dặm âm-thư dứt,
Hôm sớm riêng ai một mối sầu!
Một mối sầu-tình để giết nhau!
Tương-tư mòn-mỏi ruột gan rầu ;
Khăn hồng thấm lệ khôn ngăn lệ,
Khăn lệ nhờ ai gởi đến nhau.
Bấy vơi giọt lệ đầm khăn hồng,
Mấy sớm đèn khuya chếch mác lòng ;
Ngó ý dầu lìa tơ chưa dứt,
Tấm son dù gột hận còn chồng !
Còn chồng-chất đống hận-sầu xưa,
Hận cũ tương-tư hận đến giờ !
Gặp-gỡ kiếp này thêm lỡ-dở,
Lai-sinh thôi cũng chuyện mơ-hồ !

3.— Nhớ bạn Trường An

Trường-an nào thấy vân-mông,
Trời mây mù mịt nhạn-hồng vắng tanh.
Một vùng nước biếc non xanh,
Non xanh nước biếc não tình biệt-ly.

TÚ-PHƯƠNG

Dịch bài « Giang-hồ tản-nhân »

Cổ văn Tàu

Văn-minh gặp buổi tự-do,
Có người tên gọi Giang-hồ tản-nhân.
Non cốt-cách bề tinh-thần,
Ngâm thơ thái-cổ vào dân Hữu-sào.
Xuân-thu tuổi đã là bao,
Văn-chương lối cổ phong-trào lối kim.
Mặc ai lên bổng xuống chìm,
Sáng đưa họ Lý tối tìm chàng Tô.
Mặc ai vào nhỏ ra to,
Kẻ thăm đáy bể người dò rạch sông.
Mặc ai sinh thói gian-hàng,
Tu-mi ra mặt sắt đồng ra tay.
Giang-hồ tự bấy đến nay,
Non sông dạn mặt cỏ cây nhẵn người.
Thú vui cá nước chim trời,
Lòng văn thu-thủy nét ngài xuân-san.
Giang-hồ quê ở nhân-gian,
Bấy lâu hạc nội mây ngàn phải duyên.
Vẩy-vùng trong bấy nhiêu niên.
Đem thân vô-lụy đặt tên Giang-hồ.
Trên đầu cũng muốn tự-do,
Không ra khỏi đã mũ to đội đầu.
Ngang lưng cũng chẳng thỉnh-cầu,
Cầu ra khỏi đã gươm hầu giắt lưng.
Tự-do đi những vô-chừng,
Tự-do ngồi những tưng-bừng lả-lơi.
Tự do khi nói khi cười,
Khi ăn khi mặc là người tùy-nghi.
Khi thư-tửu lúc cầm-thi,
Khi thì lối cổ khi thì lối kim.
Mặc dù khi bổng khi chìm,
Như cây cổ-thụ như chim ngoài lồng.
Không đa-mang chẳng đèo-bòng,
Trò đời làm lúc hóa-công phụ-phàng.
Xui nên cái cuộc tang-thương,
Xui ai đổi cảnh đoạn-trường là ai.
Xui ai ở Mã-cổi-đài,
Đem thân chung đỉnh vào nơi chiến-trường.
Xui ai đến trước phật-đường,
Nát thân vô-loại làm gương hữu-tình.
Cho hay những đấng tài-danh,
Rắp qua khổ hải vào vành vinh-hoa.
Giang-hồ ta biết sự ta,
Kiền-khôn biết mặt san-hà biết tay.
Ngang-tàng biết mấy năm nay,
Ngâm-nga cổ-học bạn-bầy cổ-nhân.
Soi gương thiên-địa phong-trần,
Đeo bầu phong-nguyệt làm thân giang-hồ.
Mặc ai dơ dước bày trò,
Mặc ai to nhỏ nhỏ to sự đời.
Văn-minh khắp bốn phương trời,
Văn-minh đệ-nhất là ai giang-hồ.
Giang-hồ đến thế là to,
Ơn vua bái-tứ giang-hồ cổ-nhân.
Sử truyền thái-cổ chi nhân !

THANH-BÌNH *xử-sĩ dịch*

1.— Xuân dạ phiếm chu nhân ngâm

Cảnh hồng ngày tháng thảnh-thơi,
Thềm trăng chung bóng với người Hằng-Nga.

Đào non tựa gốc huyên già,
Tấm thân băng-tuyết nếp nhà trâm-anh.
Vừa tuần đôi tám xuân xanh.
Cung cầm đạo khúc tình-tình hòa vui.
Êm-đềm dưới nguyệt sánh đôi,
Chén quỳnh lai-láng với người tri-âm.
Nhà lan sực-nức hương trầm,
Mai tô-điểm nhị, sen đâm-thắm hoa.
Thông huyên chiếc bóng la-đà,
Vườn xuân đua nở, trăm hoa trên cành.
Sân hòe đậm liễu thanh-thanh,
Non Yên vẳng quế nảy cành thiên-hương.
Bóng hoa thấp-thoáng bên tường,
Chạnh niềm với cuộc tang-thương chuyển-vần.
Cùng nhau dạo gót giang-tân,
Con thuyền đẩng-đỉnh trăng xuân lững-lờ.
Trông chừng non nước bơ-vơ,
Trời xanh thăm-thẳm hồn thơ não-nùng.
Canh trường gác mái bên sông,
Tấc niềm nhớ cảnh non Bồng chốn tiên;
Cùng Thiềm hỏi bạn thuyền-quyên,
Ba sinh chớt đã nặng nguyền cùng ai.
Mảnh gương vừa gác non đoài.
Thuận đường vừa tới yên-mai một đoàn.
Hồng-trà điểm nước bàn-loan,
Dốc bầu phong-nguyệt giao-hoan một nhà.
Bày hàng như gấm thêu hoa,
Bức tranh hành-lạc cảnh nhà thêm vui.
Lòng riêng chỉ dám ngậm-ngùi,
Chẳng vinh-hoa cũng trải mùi phong-lưu.

2. — Nguyên-tiêu thưởng hoa không có trăng cảm tác

(Hát nói)

Tiết nguyên-tiêu lòng xuân phơi-phới, dưới vườn đào trông đợi khách Hằng Nga; có hiềm chi với bạn quần-thoa, trên cung quế gót hoa còn đủng-đỉnh. Bầu phong-nguyệt tình say say tỉnh, khúc tỳ bà vơ-vẩn vẩn-vơ; những bâng-khuâng chén rượu cuộc cờ, cơn chuếnh-choáng biết cùng ai tri-kỷ. Cảnh phồn-hoa đương khi đắc-ý, mượn bút thần mà giải trí lúc đêm xuân. Tiệc hoa chưa dễ mấy lần!

3. — Dạo vườn xuân

Lẫn bóng thiền-quang một chiếc thân,
Yêu hoa nào quản bước phong-trần;
Giang-sơn cảnh mới tình không mới,
Thử tới vườn xuân hỏi chúa xuân.

4. — Phong hoa tuyết nguyệt, cầm kỳ thi tửu vịnh

Gió mát đêm thu nguyệt chửa tà,
Thanh-nhàn ngồi tựa trước lầu hoa;
Nghênh-ngang tướng sĩ chờ Tiên-đế,
Rìu-rắt tình-tang đợi bá-Nha;
Mượn chén Lưu Linh vui tuế nguyệt,
Ngâm câu Lý Bạch thú yên-hà;
Thềm trăng thơ-thẩn thân băng tuyết,
Chung bóng hồng-nhan ta với ta.

5. — Thuyền đi chơi sông Hương

Một chiếc thuyền lan một mái chèo,
Thuận buồm xuôi gió vượt teo-teo;
Làn thu thấp-thoáng in vầng nguyệt,
Lớp sóng mông-mênh vỗ cánh bèo;
Núi Ngự nghìn trùng mây trắng xóa,
Sông Hương một giải nước trong veo;
Thanh-nhàn gặp buổi trời thanh-thoáng,
Cái số phong-lưu cảnh cũng chiều.

MỘNG-LAN *thôn-nữ*

Văn-tế chim ngan và chim sếu (1)

Trước chuồng thiêng phân-nàn mà than rằng:
Trời cao bể rộng, bóng tuyệt vời ngan hỡi là ngan;
Vật đổi sao dời, hồn vơ-vẩn sếu ơi là sếu.

(1) Vừa đây tôi có bắn được một con chim ngan và con chim sếu, đều bị thương ở cánh, chứ không hại gì đến tính-mệnh nó. Tôi đem về làm chuồng nuôi. Một hôm cửa chuồng để ngỏ chim ngan bỏ đi, còn chim sếu thì không chịu ăn uống gì, cũng không có thể nuôi được. (L. T. T.)

Nhớ ngan sếu kia :
Bộ-dạng thanh-cao; nết-na thuần-hậu.
Nào lông nào cánh, bước thang mây bay bổng tuyệt vời;
Này trời này vườn (2), loài vũ-cách tên đà tiếu-biểu.
Tốt mã chẳng học lũ chim công ; nấp lủn không theo phường ngốc-đế.
Lừa đời phản bạn, ghét lũ cò mồi,
Hót chủ ghen ăn, giận phường con khướu.
Có lúc sơn-lâm ẩn-độn, tiết viêm-lương tránh khỏi lưới dò ;
Cũng khi điền dã ngao-du, chí hồ-hải liệng xem thời-thế.
Tính trời phú sẵn, nghĩa hợp-quần biết theo gót đàn anh;
Sẩm đất đòi cơn, cuộc song-đấc bổng về tay ông Tạo.
Bảo-toàn nặng đức hiếu-sinh ; cố-dục sẵn nơi dưỡng hoạn.
Cũng ngỡ : vật giai ngô dữ (物皆吾與), ta để nuôi chơi;
Nào ngờ : điểu bất y nhân (鳥不依人), nó đà sớm liệu.
Không bay cũng chạy, ngan tự-do chẳng chịu khuôn vòng;
Dù thác còn vinh, sếu kiên-nhẫn một niềm tiết-tháo.
Non sông mở mặt, ngan rầy nhẹ gót xông-pha;
Sắt đá một lòng, sếu đã yên hồn dũng-bạo.
Lòng người mến tiếc, trùng-phùng may lại gặp ngan;
Đất nước thiêng-liêng, mộng-tưởng cũng như còn sếu !

LƯỜNG TÁI-TẠO

1.— Nam-định Văn-miếu trùng-tu

Non Gôi nước Vị chốn danh-lam,
Miếu thành trăm năm cũ lại làm ;
Chống cột cương-thường chung đất Bắc,
Vun nền đạo-đức rảnh trời Nam;
Ngẫm từ nhà-nước thi không mở,
Chả biết làng nho học có ham ;
Muôn lạy linh-tiền soi-xét tới,
Tấc lòng sùng-bái thế là cam !

2.— Đề Trần-Thị-Thoa tiểu-sử

(Bộ này Hữu-mai tiên-sinh soạn, sắp xuất-bản)

Lớp sóng tuôn mây trận gió tàn,
Bể trần chìm nổi khách phòng loan;
Chữ đồng lạnh ngắt cùng ai tạc,
Gót ngọc êm ru mặc kẻ bàn ;
Chín suối hoa thơm hồn bạc-mệnh,
Ba-sinh gương tỏ nét hồng-nhan;
Nào tình, nào hiếu, nào duyên-phận,
Mấy bức di-tiên giấy chửa tàn.

3.— Ngọa-long khúc 臥龍曲

(*Điệu sầm*)

Bụi thì trời, bốn phương vân-vần cái hạt bụi ông thì trời ; quả địa-cầu bưng-bít mù-mịt biết đến bao đời cho quang. Thú sơn-lâm con rồng thiêng ai ơi phải chịu nằm quàng, hoa khênh hang sớm, bóng nguyệt rằng khe trưa. Nghiêng bầu giang-sơn giả-cách say-sưa, khuyên-dương đắc-chí ấy lật-lừa khoe khôn. Sợi óc lương-tri dường biết tỏng các món vong hồn, cũng liều đưa mắt mà xem bể vực dâu cồn ra sao. Gió mây lác-đác bay lẫn với cái hạt mưa dào, gặp cơ hội-ngộ mới bay cao tuyệt vời. Tỏ chiếc thân vây-cánh ở đời, khi tiềm khi được nhiệm-thời mà du-dương. Hỡi ai là khách Nam-dương !

落花飛絮樓八絕題演音。(3)

4.— Dịch tám bài thơ ở lầu « Lạc-hoa phi-nhứ »

I

落花飛絮自名樓。生小文嫺漸解愁。
曾向曲闌成一煩。濃春惟惜到殘秋。

---

(2) Người ta thường gọi rằng : ngan trời và sếu vườn.
(3) Tám bài này là của Tương-yên nữ-sĩ người Tàu.

Hoa rụng hương bay gọi chiếc lầu,
Giải buồn chút đã thỏa nàng Âu ;
Xối thềm dường ngẩm trông đôi chút,
Loi-lả xuân tàn đã tới thâu.

II

綠楊簾外目媚媚。紅豆相思已一年。
自剪烏絲箋幽怨。眼紅挑盡未成眠。

Ngoài mành dương-liễu mắt dăm-dăm,
Chạnh khối tương-tư đã ngót năm ;
Cất bút thỏ chua u-hận cũ,
Đĩa dầu khêu cạn chửa yên nằm.

III

東風朱檻晚晴輕。玉臂冰紗分外明。
行到花陰偷一影。教儂低語喚卿卿。

Nhẹ nhẹ trời hôm gió động mành,
Khăn băng cánh ngọc rõ rành-rành ;
Dưới hoa trộm tới gần trêu-cợt,
Khiến gọi thầm nhau mấy tiếng anh.

IV

君云飛絮是前身。倘嫁雲萍亦夙因。
憶得玉樓花底月。低鬟一笑許相親。

Kiếp trước ai rằng « cánh nụ bay »,
Nhân duyên hầu sánh những bèo mây ;
Ước sao hoa-nguyệt bên lầu ngọc,
Vén tóc cười rung một tiếng chầy.

V

磨羯命宮磋柝多。時教薄恨懊青蛾。
傷心怕聽呢喃語。浪把青春付淚波。

Cái cung ma-hiệt hỗng-hư nhiều,
Bắt bọn thanh-nga luống giận theo ;
Rầu-rĩ lòng buồn nghe những truyện,
Giọt hồng phó mặc chúa xuân gieo.

VI

猜畫春山傍鏡臺。玳梁珠閣夕相陪。
何堪寒食東風雪。玉笛江邊唱落梅。

Non xuân buồn bẽ trước dài gương,
Gác ngọc cầu mun hạn đã thường ;
Tiết lạnh muốn chi cơn gió dữ,
Khúc mai sao thổi chốn sông trường.

VII

佳士佳人眷戀難。托根苦李與梅酸。
青衫留得零星淚。殘醉醒時江月寒。

Kẻ đẹp người xinh quyến-luyến sao,
Mơ chua mận đắng thác-căn vào ;
Áo xanh chất được làn tinh-lệ,
Lạnh ngắt trăng sông lúc tỉnh-tao.

VIII

漫將情禱謝空王。十劫茫茫未可狂。
願拚此身化泥絮。不來池畔羨鴛鴦。

Liều với không-vương gửi chút tình,
Mơ-màng mười kiếp chửa gì kinh ;
Thân này nguyện hóa ra hoa quách,
Chả tưởng khen chim chốn vũng ghềnh.

5.— Hiếu-thuận ca 孝順歌

(của Chúc-trực-thanh)

Ai không có cha mẹ,
Cha mẹ như trời đất.
Ai không có anh em,
Anh em như khí-chất.
Non cao khôn sánh đức cù-lao,
Tấc cỏ ba xuân lòng chửa dứt.
Anh em như chân lại như tay,
Không trái lòng nhau là khó thật.
Con biết làm con cha mẹ mừng,
Em thuận cùng anh là trí-thức
Dân đi vẵng-vặc lời thánh-hiền,
Hỗ-dĩ đường-lệ thơ còn nức.
Ai chả biết ! Vương-Tường mò cá giữa [mùa đông,
Cam chỉ sớm hôm giữ bổn-chức.
Thẻ vào màn ở phỉ mười nguyền,
Tiếng thơm muôn thu còn phảng-phất.
Ai chả biết ! Họ Điền chia của rối lung- [tung,
Một khóm tử-kinh héo lập-tức.
Nghĩ lòng lòng lại cảm cùng lòng,
Khóm tử-kinh kia lại tốt rực.
Hiếu-dễ cảm quỉ-thần,
Hiếu-dễ khỏi khí-uất.
Hiếu-dễ dùng ở nhà,
Phúc-lộc rõ dầy ngất.
Hiếu-dễ dùng ở nước,
Đường Ngu nổi đế-thất.
Đấng làm trai lập chí cho bền,
Chớ nghe lời ngoài lại tấm-tức.
Tốt thay ! hòa-nhã giữ thói đời,
Họ Điền họ Vương theo học-thuật.
Anh em ổn-thỏa, mẹ cha vui,
Cúi ngửa ở đời sướng thứ nhất.

6.— Đề-bích ca 題壁歌

(của Hàn Tín)

Trăng tròn chưa tỏ,
Sao nhỏ đua nhau.
Thời chưa gặp, tài đâu tài đâu !
Đất khách khoan-khoan ruổi vó câu.
Gươm long tuyền nhụt thép còn thau.
Chi mọc hang sâu,
Cùng ai thơm lâu.
Lan mọc rừng sâu.
Cùng ai phơi mầu.
Mĩ-nhân ơi ? Sao cho đôi ta ý-hợp tâm-[đầu,
Khi nguyền phượng chạ ấy khi cầu loan chung.

7.— Họa sơn thủy ca 畫山水歌

(của Ngô Dung)

Lương-công quen thói vẽ-vời,
Bức tranh sơn-thủy, rạng nơi gia-đình.
Trong tấc giấy gây hình trái đất,
Trên ngòi lông tả tất bể khơi ;
Đôi gươm vằng-vặc giữa trời,
Lửng-lơ mây biếc, tuyệt vời nước trong.
Cánh hồ điệp vẫy-vùng đã chán,
Đóa hoa đào cũng dạn trần-ai ;
Cành tùng phiến đá một hai,
Gần trong sơ lạ, xa ngoài đạm sao ;
Qua sân nào dã mước nào,
Giang-sơn muôn dặm thu vào dễ không

8.— Minh hà thiên 明河篇

(của Tống Chi-Vấn)

Đêm thu gió mát thuận chiều trời,
Muôn dặm mây quang bóng Hán soi ;
Thanh-thiên tối vừa in vẻ các,
Tung-hoành sớm đã rạng lưng đồi ;
Lạc-dương cao ngất lâu đài dựng,
Đêm tối Trường-an khắp mọi nơi.
Đường-sá liên lui nào đã quản,
Nhà cao cửa rộng sướng rên đời ;
Mản vân trước cuốn khi trôi chảy,
Rèm thủy ngoài che lúc ngược xuôi ;
Gớm chửa soi quanh nền trắng sóa,
Đông qua nam tới những bồi-hồi ;
Bắc-nam chinh-khách về chưa mấy,
Áo rét đêm ai giở đến rồi ;
Trên mây uyên-ương huỳnh bỏ dịp,
Bên cầu ô-thước nhạn đưa thoi ;
Nào huỳnh nào nhạn buồn tê lạ,
Ngồi tựa trăng thanh lọt mấy hồi ;
Mây nọ đã hay tài khép mở,
Trăng kia nào tiếc mặt dãy vơi ;
Minh-hà trông được sao gần được,
Xin cỡi bè lên hỏi đến nơi ;
Chỉ lấy chi-cơ và miếng đá,
Về Thành-đô bói một đôi lời.

9.— Bả-tửu vấn-nguyệt 把酒問月

(của Lý Thái-Bạch)

Trên trời trăng có đã bao lâu ?
Ta nín hơi men hỏi mấy câu ;
Trăng tỏ người nguyên vin chả được,
Người đi trăng cứ nhẩn theo sau ;
Trong như miếng kính bên lầu ngọc,
Khói tạnh thanh-huy mới rõ mầu ;
Mặt biển những trông khi tối mọc,
Cõi đời nào biết lúc mờ đâu ;
Xuân-thu đã lộn chầy con thỏ,
Chị cuội cùng ai dãi gót đầu ;
Trăng cũ người nay nào kẻ biết,
Trăng nay người cũ vẫn soi nhau ;
Người nay người cũ chừng bao chốc,
Soi bóng trăng già vẫn thế âu ;
Những ước khi ca cùng lúc ẩm,
Trăng soi một mảnh, rượu lưng bầu.

10.— Ngư-tiều vấn đáp ca

漁樵問答歌

(Đường Bá-Hổ)

Bể đông có mản thuyền-chài,
Non tây lại có một dải tiều-phu ;
Nước-non thạo kế bôn-xu,
Đông tây xa cách tuyệt mù dặm khơi ;
Một hôm gặp gỡ duyên trời,
Đầu xe mái tóc bời-bời rối quay ;
Lươn khươn ngồi ngót nửa ngày,
Càng kêu về truyện, càng say về tình ;
Kể rằng : Gỗ ở non xanh,
Có con mãnh-thú hay ăn thịt người ;

Sao bằng đốn củi miền ngoài,
Không lo không sợ dông-dài đâu đâu;
Kể rằng: Cá ở sông sâu,
Có con sóng vỗ ngang đầu mà ghê;
Sao bằng những chốn lư-huê
Phong ba phẳng lặng chi kể lo giỏi.
Cùng mình ở cũng thôi thôi,
Việc đời cẩn thận đầu đuôi mới vừa.
Sinh-nhai nơi dễ thì ưa,
Cũng thôi núi thẳm, cũng chừa sông sâu.

11.— Xuân-dạ yến Đào-lý-viên tự

春夜宴桃李園序

(của Lý Thái Bạch)

Trời đất là nhà trọ muôn vật,
Quang âm là ông khách trăm đời.
Cổ-nhân ngọn đuốc lúc đêm chơi,
Nhân thế mà thôi!...
Huống chi! Dương-xuân tặng ta phong-cảnh đẹp;
Đại-khối cho ta văn-chương tài.
Vườn đào-lý hoa chào hội-họp,
Cuộc vinh-hoan giàng buộc đạo trời.
Anh em tuấn tú,
Huệ Liên sánh vai
Ca thần vịnh thánh,
Khang-lạc đua hơi.
U-thưởng nguyên còn đó,
Cao-đàm đã tới nơi.
Mở tiệc rượu bên hoa ngồi,
Chén vũ-tràng bóng nguyệt đầy vơi.
Không có bạn gì thú,
Lấy gì mà thỏa-thơi.
Nếu thơ làm chẳng nên lời,
Theo y Kim-cốc phạt người phải say.

12.— Lậu-thất minh 陋室銘

(của Lưu Vũ-Tích)

Non sông nào phải cao sâu,
Có rồng tiên ở thì đâu cũng thần.
Nhà này ta tạm trú chân,
Duy nhờ cái đức thơm gần thơm xa.
Dấu rêu xanh ngắt một tòa,
Cỏ phơi màu biếc đơm hoa trước mành.
Ra vào kẻ quý người thanh,
Còn như những dám bạch-đinh ẩng tàn.
Khi thư giở đến ngôn đàn,
Khi thanh kinh tụng Ất-nan 阿難 mấy tờ.
Cũng không tiếng trúc đường tơ,
Cũng không án-độc thêm nhơ-nhọc mình.
Ông Chư-Cát mái lều tranh,
Ông Dương-Vân lại mái đình ti-ti.
Ai ơi có sợ quê gì!

13.— Mừng tiệc vui cậu G.

Miễu

Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,
Phải nguyền sánh phượng, đẹp duyên [cưỡi rồng.
Hoa đào tỏ mặt gió đông,
Càng sôi vẻ tía, càng nồng màu son.

Hát nói

Quan quan thư-cưu, tại hà chi châu, 關關雎鳩在河之洲. Ngọn tân-trào thấm-thía khắp toàn-cầu, đàn Tư-mã khúc Phượng-cầu thêm thánh-thoát. *Tuyết-đường bạch điểm phong-đao bút, hoa chúc hồng khai nguyệt kiểm thư* 雪堂白點風濤筆。花燭紅開月檢書。Nào câu ca, nào tiếng chúc, nào chén rượu lúc say-sưa, cuộc hành-lạc cang ưa duyên sáng-kiến. Lời sơn-hải trăm năm thề nguyện, chốn loan-phòng dầu thấm truyện phong-vân. Hỡi ai là khách Châu Trần!

14.— Mừng Đ.-C. tiên-sinh.

Miễu

Thông-minh vốn sẵn tính trời,
Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.
Trúc mai vui thú cảnh già,
Văn-chương nét bút, thi-ca ngón đàn.

Hát nói

Thiên sinh hữu tài tất hữu dụng 天生有材必有用, ngành ngô-đồng chim minh-phụng chốn chiêu-dương; làn *Nam-Phong* phẳng-phất vị thư-hương,

nền Khổng Mạnh càng trương pho đạo-đức. Cũng dụng xả hành tàng cho dồi-dào trí-thức, tiếng hồng-hung khua thức mộng thâu canh. Đem cầm-tôn từng kết bạn non xanh, nét điểm-xuyết thái-bình ai hỡi đó *Ngũ hồ phong nguyệt thiên thủy mộ. Tam-giáp văn-chương thủy tự xuân.* 五湖風月天垂幕。三峽文章水自春。 Gánh giang-sơn dường đạn mặt phong-trần, gặp phong-hội cũng phong-vân cho thỏa chí. Ngẫm từ lúc gặp-gỡ tiên-sinh an-tĩnh-lý, được thừa-nhan mà lĩnh-ý một đôi câu. Rằng trong thanh-khí bấy lâu!

15. — Qua Hongay 康海

Bóng thỏ tơ-mơ trận gió nồng,
Ngồi tàn lạnh ngắt cái đêm đông;
Quan-hà treo sẵn tranh thiên-tạo,
Kinh-Thổ xoay chung máy đại-đồng;
Gác việc cò đưa bên mỏ rúc,
Sắp hàng lửa réo giữ đường dong;
Ông trời nay đã bao nhiêu tuổi,
Thế giới ngày nay có biết không?

16. — Từ Cẩm-phả vào Cửa-Ông

Cẩm-phả-min, rồi Cẩm-phả-bo,
Nào trai tứ chiếng, gái giang-hồ;
Buồm trăng lác-đác thuyền trên bể,
Lửa điện linh-tinh phố giữa gò;
Mồ bồm rừng xanh đuôi cá vẫy,
Lội ùa nước biếc cánh chim co;
Ở đây phong-cảnh nhà ai thế,
Giáp mặt Cai-than cố hỏi mò?

17. — Thăm Chợ-Trời

Chon-von núi đất tít mù khơi,
Cõi tục ai sinh cái chợ Trời?
Điếm thỏ dì trăng xơ-xác bọn,
Cầu ô bác gió lửng-lơ mời;
Buồng chân tiên-cảnh chứng bao nước,
Góp truyện nhân-gian có mấy lời;
Món nữa thôi đây còn thiếu đắt,
Bày mau cho đủ để ta chơi.

18. — Tới Mông-dương 蒙洋

Ai đưa tớ tới cảnh Mông-dương,
Phong-vị bao nhiêu tớ đã tường;
Sắt mỏi đường hôm đôi gót gió,
Đá mờ núi sớm chiếc đầu sương;
Con thuyền tiến thoái khe đưa nước,
Mái chợ đông-tê khách đủ hàng;
Trạnh gối quan-sơn hồn lữ-thứ,
Còi đâu xa gợi khúc nam thương.

19. — Đi đường bộ

Rí-rầm non sông bốn khoé trời,
Con đường cầm giữa khách giong chơi;
Mũi dồn bãi cỏ hoa thơm ngát,
Mắt giục lưng sa bụi rối bời;
Gót truyện tương-phong chim cả nhỏn,
Giốc bầu vó tận gió mây nhơi;
Gặp gỡ nhớ bữa hôm nay đó,
Gặp vía con trai cũng sướng đời.

20 — Đêm không ngủ

Rằm gian gác tía, ngọn đèn xanh,
Lõm-bõm canh khuya thức một mình;
Trước án đưa vèo cơn gió thoảng,
Bên mành rơi bọp giọt mưa nhanh;
Văn-chương nghiệp mới gà khua ổ,
Non nước duyên xưa bướm giễu mành;
Đâu hỡi chuông chùa boong sớm thế,
Ngẩn kèn nghe kỹ lúc đêm thanh.

NHÂN-VĂN ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

Từ ngày mồng 1 đến ngày 28 tháng hai năm 1931

Ngày mồng 1 tháng hai năm 1931.— Ở *Paris*, Hội các nhà báo Cộng-hòa nước Pháp làm lễ ngũ-thập chu-niên, có quan Giám-quốc DOUMERGUE chủ tọa. — Ban trị-sự của liên-đoàn các người làm công nước Pháp, bản về vấn-đề công-nhân thất-nghiệp, tuyên-bố rằng muốn giải-quyết vấn-đề đó, thì thứ nhất phải thi-hành một cái chính-sách đại-công-trình, nghĩa là khởi-hành những công việc tạo-tác lớn để cho thợ-thuyền có việc làm.

— Ở « Hội-nghị bàn tròn » các đại-biểu Ấn-độ sửa-soạn công-bố một bản tuyên-cáo cho quốc-dân Ấn-độ biết công-việc của hội-nghị thế nào.

Ngày mồng 2.— Nghị-viện Pháp đầu-phiếu quyết-nghị bản luật gia hạn 25 năm cho đặc-quyền của nhà Băng Đông-Pháp.

— Ở Tây-ban-nha định cuộc tổng-tuyển cử từ ngày mồng 1 đến ngày 15 tháng hai.

Ngày mồng 3. — Thượng-nghị-viện Pháp bắt đầu thảo-luận về các dự-án luật công-thải thuộc-địa — Đảng « Cấp-tiến tả-đảng » (*gauche-radicale*) ở Hạ-nghị-viện Pháp bầu ông LAURENT-EYNAC làm chủ-tịch.

— Ở Tây-ban-nha, các nghiệp-đoàn thợ quyết-định không phải người ra ứng-cử cuộc tổng-tuyển-cử sau này.

— Ở Mĩ, Giám-quốc HOOVER vẫn phản-đối không trợ-cấp tiền cho những thợ thất-nghiệp.

— Ở Bắc-bộ đảo *Nouvelle-Zeland*, có động đất to.

Ngày mồng 4.— Hạ-nghị-viện Pháp bầu các ban ủy-viên lớn. Ban ủy-viên tài-chính lại bầu ông MALVY làm chủ-tịch, và ông LAMOUREUX làm tổng-ủy-viên xét về ngân-sách.

— Ở Tây-ban-nha, nhân học-sinh làm nhiễu-loạn trật-tự, các trường Đại-học đóng cửa một tháng. Chánh hội-nghị học-vụ xin từ chức. Còn hội-nghị Nội-các thì tuyên-cáo sẽ dùng kế-hoạch rất nghiêm để đặt giá nhất-định cho tiền-tệ.

Ngày mồng 5. — Thượng-nghị-viện Pháp đã đầu-phiếu quyết-nghị bản dự-án luật về công-thải thuộc-địa.

— Ở *Bombay* (Ấn-độ) lại vận-động phản-đối việc thuế muối.

Ngày mồng 6. — Ở Đức đảng quốc-gia yêu-cầu giải-tán Nghị-viện.

— Ở địa-giới hai nước *Grèce* và *Bulgarie*, lính sảnh-sát có xung-đột nhau, thành việc can-thiệp về ngoại-giao.

Ngày mồng 7. — Ở Hội Vạn-quốc, ban ủy-viên tư-vấn về vấn-đề nha-phiến đã làm xong công-việc.

— Ở Đức, Nghị-viện bác ba khoản biểu-tình bất-tín-nhiệm Nội-các, do đảng quốc-gia là đảng phản-đối xướng lên. Nội-các BRÜNING được thắng chứng 100 vé.

— Ở Tây-ban-nha vua ALPHONSE XIII ký sắc-lệnh triệu-tập dân bầu Nghị-viện mới.

Ngày mồng 8. — Ở Nga, cuộc bầu-

cử các Sô-viết thành *Moscou* tính ra được 66 phần trăm thuộc đảng cộng-sản.

— Ở Anh, tổng-trưởng bộ hải-quân diễn-thuyết nói rằng các nước khác vẫn cứ tăng ngân-sách về hải-quân, thì nước Anh không thể theo đuổi cái chính-sách tài-bình được nữa.

— Ở Thụy-sĩ (*Suisse*) có xướng lên luật cấm người dân trong nước không được nhận và không được đeo các huy-chương. Luật này được 3 phần tư người bầu-cử trong nước ưng-thuận.

Ngày mồng 9. — Thống-chế PÉTAIN từ chức thống-súy các quân-đội nước Pháp. Chính-phủ Pháp mời ông nhận chức tổng-thanh-tra về quốc-phòng. Tướng WEYGAND trước làm Tổng-trưởng tổng-tư-lệnh bộ, nay được thăng chức Thống-súy, còn chức tổng-tư-lệnh thì cử tướng GAMELIN. — Hội-đồng quản-trị nhà « Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng » đương nghiên-cứu về vấn-đề tiền bạc và định đến ngày 19 tháng 5 sẽ họp kỳ đại-hội-đồng lần thứ nhất.

— Chính-phủ Sô-viết nước Nga nhận lời của Hội Vạn-quốc mời tham-dự công-việc của ban nghiên-cứu về vấn-đề Liên-Âu.

— Ngoại-tướng nước Anh HENDERSON diễn-thuyết ở Hội Phụ-nữ quốc-tế, nói về vấn-đề tài-bình.

Ngày mồng 10. — Nhân Nghị-viện Pháp thảo-luận về ngân-sách có ý điên-man trì-hoãn quá, nên Thủ-tướng Pháp thiết-tha thỉnh-cầu với Nghị-viện nên xét mau hơn lên, để ngân-sách có thể đem ra thi-hành ngay, khỏi phải dùng đến cách tạm chi từng tháng. Nghị-viện cũng y theo lời thỉnh-cầu ấy mà họp cả ban đêm để xét cho mau.

— Ngoại-tướng Đức CURTIUS diễn-thuyết ở Nghị-viện bày tỏ các điều cốt-yếu về chính-sách ngoại-giao nước Đức.

— Ở Diễn-điện có một tổng-hội-nghị các đoàn-thể cùng hội-đảng trong nước cả thảy đến 128 hội, tổng-hội-nghị ấy do nhà lãnh-tụ SOSO THEIN làm chủ-tịch. Nay chính-phủ Diễn-điện tuyên-bố rằng tổng-hội-nghị lập ra là trái phép.

Ngày 11. — Ở Thượng nghị-viện Pháp, ông ABEL GARTEY được cử làm tổng-ủy-viên về ngân sách thay ông CHARLES DUMONT hiện làm tổng-trưởng bộ hải-quân.

— Ở Nghị-viện Đức, có đề-khởi một bản biểu-tình bất-tín-nhiệm ngoại tướng CURTIUS. Khi đem ra dầu-phiếu thì bị 255 phiếu bác đối với 27 phiếu bầu.

— Ở Tây-ban-nha, đảng cấp-tiến định truyền cho các đảng kia nhất-thiết không đi bầu kỳ tổng-tuyển-cử sau này.

— Các lãnh-tụ trong hội-nghị Đại-Ấn-độ họp ở *Allahabad* bàn về lời tuyên-bố của Thủ-tướng Anh khi giải-tán « Hội-nghị bàn tròn ».

Ngày 12. — Ông MAC-GARRAH là chủ-tịch nhà « Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng » diễn-thuyết ở *Paris* nói về công việc của nhà ngân-hàng đã làm được từ trước đến giờ cùng những việc dự-tính làm sau này.

— Ở Đức, đảng quốc-gia do nghị-viên HITLER chủ-trương, công-nhiên ra mặt phản-đối chính-phủ. Hội-sở đảng ấy ở *Berlin* bị cảnh-sát khám xét dữ lắm. Lại 8 chức tư-giáo về đạo Gia-tô cũng công-nhiên phản-đối chương-trình đảng ấy, cho là sai lầm không thể theo được.

— Đức Giáo-hoàng PIE XI nhân ngày lễ kỷ-niệm đăng-quang, có khánh-thành một sở vô-tuyến-điện đặt ở cung-thành *Vatican* và truyền lời sắc-dụ cho cả các tín-đồ trong thế-giới.

Ngày 13. — Ở Pháp họp hội-nghị quốc-gia kinh-tế, ông FRANÇOIS-PONCET làm chủ-tịch, có diễn-thuyết nói về công-việc của hội-nghị này thật là có ích-lợi cho nước Pháp.

— Ở Chúng-nghị viện nước Anh có xướng lên một bản luật định cấm các thứ nước uống có chất rượu mạnh, nghĩa là cấm cả các thứ rượu như ở bên Mĩ vậy. Khi đem ra đầu-phiếu thì chỉ có 18 phiếu ưng còn 137 phiếu phản-đối. — Các chủ nhà máy sợi đất *Lancashire* trước đã phải đóng cửa xưởng, đành nghỉ không dùng thợ nữa, nay lại thấy rục-rịch mở các nhà máy.

Ngày 14. — Tổng-trưởng bộ Học nước Pháp gửi tờ chu-tri cho các trường nhắc lại rằng Chính-phủ vẫn có lệnh cấm ở các trường không được cổ-động về chính-trị.

— Nội-các Tây-ban-nha từ chức. Vua ALPHONSE XIII thương-thuyết với các nhà chính-trị có tiếng về các đảng, nhưng MAURA, GARCIA PRIETO, DE ROMANONES, SANCHEZ GUERRA.

— Ở Ấn-độ, ông GANDHI xin yết-kiến quan Tổng-đốc Ấn-độ.

Ngày 15. — Ở Pháp, bọn thợ mỏ xem ra muốn rục-rịch bãi-công, các nghiệp-đoàn về nghề mỏ ở miền sông *Loire* có họp lại ở *Saint-Etienne*, quyết-nghị không nên bãi-công vội, nhưng định nghỉ cả ngày 25 tháng 2 để tỏ phản-kháng bọn tư-bản.

— Ở Tây-ban-nha, việc Nội-các khủng-hoảng nghe chừng cũng khó giải-quyết. Quốc-vương lấy làm khó nghĩ; lãnh-tụ các đảng thì bàn nên bầu một tòa Nội-các tập-hợp cả các đảng để chuẩn-bị việc tổng-tuyển cử nghị-viện sau này.

— Thượng-nghị-viện nước Mĩ quyết nghĩ trích ra một khoản 20 triệu đồng để cứu giúp cho các « bang » trong Hợp-chúng-quốc vừa bị hại vì trời hạn-hán.

Ngày 16. — Hải-quân đô-đốc DURAND-VIEL được cử làm Tổng-trưởng bộ Tổng-tham-mưu hải-quân nước Pháp. — Hạ-nghị-viện Pháp thảo-luận về vấn-đề « học-đường duy-nhất » (*école unique*) và vấn-đề « học-khóa quả-phiền » (*surmenage*). — Ban tài-chính Hạ-nghị-viện định số 200 triệu quan để cứu giúp cho các thợ thất-nghiệp. Lại định mời hai quan Thủ-tướng và tổng-trưởng bộ lao-động để thương-thuyết về việc học.

— Ở Tây-ban-nha, quốc-vương cử SANCHEZ GUERRA để lập Nội-các mới.

Ngày 17. — Ban tài-chính nghị-viện Pháp, sau khi nghe lời thuyết-minh của hai quan Thủ-tướng và Tổng-trưởng bộ Lao-động, thì định giảm xuống 25 triệu số tiền cứu giúp cho các thợ thất-nghiệp.

— Ở Tây-ban-nha ông SANCHEZ GUERRA không thể lập được Nội-các mới. Quốc-vương phải thương-thuyết với ông MELQUIADES ALVAREZ. Các lãnh-tụ đảng quân-chủ cũng thương-thuyết với nhau để tìm cách giải-quyết. Có người đồn có lẽ chính-phủ lại vào tay bọn quân-phiệt chuyên-chế.

— Quan Tổng-đốc Ấn-độ hội-thương với ông GANDHI.

Ngày 18. — Ở Pháp, cả các thợ mỏ trong nước họp hội-nghị đặc-biệt, định cử đại-biểu đến thăm quan Thủ-tướng để yêu-cầu các khoản về tiền công cùng giờ làm.

— Nội-các mới Tây-ban-nha đã lập thành, do hải-quân đại-tướng AZNAR làm tổng-lý, lục-quân đại-tướng BERENGUER làm tổng-trưởng bộ lục-quân, bá-tước DE ROMANONES làm tổng-trưởng bộ ngoại-vụ.

— Ở Anh, chúng-nghị-viện, xét bản luật định số tiền công-thái về khoản bảo-hiểm cho thợ thất-nghiệp, tăng từ 70 đến 90 triệu *livres*, đầu-phiếu hai lần, lần thứ nhì được 279 phiếu ưng-thuận đối với 218 phiếu phản-đối.

Ngày 19. — Tổng-hội-nghị các thợ mỏ định nếu các chủ mỏ cứ giảm tiền công thợ mãi thì quyết đến ngày 10 tháng 3 sẽ khởi cuộc tổng-bãi-công. Đại-

biểu của hội-nghị đã đến tiếp-kiến quan Thủ-tướng LAVAL.

Ngày 29. — Một nhà phi-hành nước *Norvège* (Na-uy), tên là LARSEN, đi thám-hiểm ở bề Nam-cực, có tìm được một nơi đất mới, bèn tuyên-bố chiếm-hữu cho nước mình.

Ngày 21. — Hội Hàn-lâm luân-lý chính-trị nước Pháp bầu ông CHARLÉTY là giám-đốc trường Đại-học thành *Paris*, thay vào chân ông JEAN BRUNHES là nhà địa-dư-học trứ danh mới tạ-thế.

Ngày 22. — Tại trường đấu-xảo thuộc-địa ở *Paris*, quan đại-sứ nước Mĩ WALTER EDGE cùng với tổng-trưởng bộ thuộc-địa Pháp có diễn-thuyết nói về cái tình thân-thiện của nước Pháp và nước Mĩ và cái chính-sách khai thuộc-địa của hai nước.

Ngày 23. — Hai tổng-trưởng bộ ngoại-giao và hải-quân nước Anh là HENDERSON và ALEXANDER đến *Paris* để cùng thương-thuyết với tổng-trưởng hai bộ của nước Pháp là BRIAND và DUMONT về vấn-đề hải-quân, định châm-chước với nhau cho thỏa-đáng. — Tổng-trưởng bộ Ngoại-vụ Pháp lại khai cuộc hội-nghị về nông-nghiệp Âu-châu, hội-nghị liền bầu ông FRANÇOIS PONCET làm chủ-tịch và bắt đầu làm việc ngay. — Hạ-nghị-viện Pháp thảo-luận về ngân-sách bộ Thuộc-địa, phải họp cả ban đêm nữa. Nhân có mấy ông nghị-viên chất-vấn về việc Đông-dương, tổng-trưởng bộ Thuộc-địa là ông PAUL REYNAUD diễn-thuyết bày tỏ tình-hình việc biến-động ở bên này.

— Ở Anh, SIR OSWALD MOSSLEY là một tay yếu-nhân về đảng lao-động, nay quyết-liệt với đảng ấy mà định lập ra một đảng mới là đảng « Quốc-gia xã-hội » (*parti socialiste national*).

Ngày 24. — Các quan tổng-trưởng Pháp Anh đã điều-đình xong về vấn-đề hải-quân, hai quan tổng-trưởng Anh đi sang Ý để thương-thuyết với Chính-phủ Ý nữa. Nếu Pháp Anh Ý ba nước thỏa-hợp với nhau thì vấn-đề tài-giảm hải-quân có cơ giải-quyết xong được. — Nghị-viện Pháp thảo-luận về ngân-sách bộ Lục-quân. Nhân cuộc thảo-luận này, ông LÉON BLUM là một tay lãnh-tụ trong đảng xã-hội chất-vấn chính-phủ về tình-cảnh những thợ-thuyền thất-nghiệp, nghị-viện đầu-phiếu ưng-chuẩn một số 100 triệu quan để cứu giúp cho thợ thất-nghiệp.

— Ban trị-sự hội-nghị Đại-Ấn-độ ủy quyền cho ông GANDHI để thương-thuyết với quan Tổng-đốc Ấn-độ.

Ngày 25. — Hôm nay các ban ủy-viên của đảng Cộng-sản ở mọi nơi định mở cuộc biểu-tình. Ở Pháp thì làm không xong, vì Chính-phủ đã phòng-bị, bắt được hơn 100 người. Ở Đức thì nhiều nơi có xung-đột kịch-liệt.

Ngày 26. — Nghị-viện Pháp định đến ngày mồng 3 tháng 3 thì liễu-kết cuộc thảo-luận về ngân-sách, nên quyết mỗi ngày họp ba kỳ hội-đồng, nếu cần thì họp cả ban đêm nữa.

— Hai quan Tổng-trưởng bộ Ngoại-vụ và Hải-quân nước Anh thương-thuyết với Thủ-tướng cùng các quan tổng-trưởng Ý-đại-lợi về vấn-đề hải-quân, xem chừng sẽ có cơ điều-đình xong.

— Ở Nghị-viện Tỷ-lợi-thì có khởi lên một bản luật về sự thiêu người chết; đảng Gia-tô cực-lực phản-đối việc ấy, tuy-nhiên Nghị-viện cũng định sau này sẽ đem ra thảo-luận.

Ngày 27. — 186 nhà học-vấn cùng tri-thức nước Pháp ký một tờ biểu-tình tỏ lòng muốn cầu thân-thiện hiệp-tác với nước Đức; 188 nhà học-vấn tri-thức nước Đức cũng ký một tờ biểu-tình đồng một ý-nghĩa như thế để đáp lại.

Ngày 28. — Việc các quan Tổng-trưởng Anh cùng với các quan Tổng-

trưởng Ý thương-thuyết về vấn-đề hải-quân, cứ lý-thuyết đã được thỏa-hợp, hai quan Tổng-trưởng Anh định khi trở về nước sẽ qua *Paris* để thông-báo Chính-phủ Pháp biết.

— Ông QUESNAY là quản-lý nhà Quốc-tế thanh-trái ngân hàng đến *Madrid* để nghiên-cứu về vấn-đề tiền-tệ nước Tây-ban-nha.

— Hội-nghị quốc-gia Ấn-độ phản-đối những việc thương-thuyết của quan Tổng-đốc Anh với ông GANDHI.

.˙.

Thời-cục nước Tàu. — Trên trường chính-trị nước Tàu từ khi Tưởng Trương hợp-tác, Nam Bắc điều-hòa, cái nền Trung-ương thống-nhất nghe chừng đã có cơ chắc chắn. Trương Học-Lương thì đặt hành-dinh bộ phó tổng-tư-lệnh ở Bắc-bình, đã thông lệnh cho các cơ-quan quân-sự Hà-bắc, phàm những án kiện về quân-sự đều thuộc về hành-dinh biện-lý. Tưởng Giới-Thạch thì sắp khai cuộc quốc-dân đại-hội-nghị tại Nam-kinh, để bàn định các việc thống-nhất và tổ-chức hiến-pháp. Quốc-dân Tàu hiện đương trông ngóng cuộc hòa-bình. Ngờ đâu tại Quảng-đông bỗng lại xẩy ra cái phong-trào phản-đối Tưởng Giới Thạch, mà người đứng đầu phản Tưởng chính là Trần Tế-Đường; Tế-Đường là một nhà lãnh-tụ chưởng-binh ở Quảng-đông, đã chiếm giữ lấy cả quyền chính; Trần Minh-Khu là tỉnh-trưởng Quảng-đông đã phải lẻn chạy ra Hương-cảng, có đánh giây thép tự Hương-cảng về Nam-kinh xin từ-chức. Những viên-chức của Trần Minh-Khu bổ dụng, và đồ-đảng của Tưởng Giới-Thạch đã bỏ Quảng-châu mà đi, hoặc bị giữ lại, nhưng Trần Tế-Đường bổ đồ đảng của mình vào thế chân. Quốc-dân-đảng ở Quảng-châu có tuyên bố một bài phản đối Tưởng Giới Thạch, trách rằng Tưởng sai ước, hành-động trái với cái tôn-chỉ của Quốc-dân đảng về năm 1924, và không thi-hành các khoản của đại-biểu quốc-dân đảng quyết-nghị trong các cuộc hội-nghị trước.

Bọn trung-ương giám-sát ủy-viên ở Quảng-đông là Đặng Trạch-Như, Lâm Xâm, Tiêu Phật-Thành, Cổ Ưng-Phần có thông-điện đàn-hặc Tưởng Giới-Thạch, có sáu tội lớn như sau này:

1° — Coi đảng là của riêng, miệt-thị đảng-viên;

2° — Dung-túng đảng cộng-sản, tân-hại nhân-dân, nuôi giặc tự trọng;

3° — Dẫn-dụng những kẻ không ra gì, bí-mật tổ-chức ở các tỉnh;

4° — Cầm giữ tài-chính; lạm phát công-trái;

5° — Thân-cận với phái chính-học, cho tham-dự vào việc cơ-mật;

6° — Giết nhục bạn đồng-chí, trái phép bắt Hồ Hán-Dân.

Hưởng-ứng với bức thông-điện ấy tỉnh-đảng-bộ và thị-đảng-bộ Quảng-châu cũng phát điện nói rõ rằng cuộc hội-nghị Trung-ương toàn-thể bắt đầu họp ngày 5 tháng 5 nay không được hành-sử chức-quyền, chủ-trương tôn-trọng cái nghị-án hội trung-ương toàn-thể lần thứ ba không bàn đến vấn-đề ước-pháp.

Bọn Đặng Trạch-Như bàn đặt ra lâm-thời quân-chính-phủ ở Quảng-châu, để tiện duy-trì địa-phương và thống-nhất sự chỉ-huy.

Có tin rằng Trần Tế-Đường sẽ được cử làm tổng-tư-lệnh quân sáu tỉnh. Nếu Tưởng Giới-Thạch không từ-chức thì sẽ cử quân đi đánh.

Trần Tế-Đường lấy làm nay hai tỉnh Quảng đã thành một phái, đạo quân thứ tám sang đánh Quảng-tây lập-tức rút về. Tỉnh Quảng-tây giao trả lại cho bọn Trương Phát-Khuê, Bạch Sùng-Hy, Lý Tôn-Nhân.

Trần Tế-Đường bởi sao mà phản Tưởng? Trần Tế-Đường bấy lâu vẫn phụng-mệnh Tưởng Giới-Thạch, hợp-tác với Trần Minh-Khu để duy-trì cục-diện Quảng-đông, Minh-Khu thì làm chủ-tịch tỉnh Chính-phủ, Tế-Đường thì làm tổng chỉ-huy đạo quân thứ tám. Danh-vị hai Trần dầu bằng nhau, nhưng Minh-Khu lại được Tưởng Giới-Thạch tin dùng hơn, Tế-Đường đã có ý bất-bình. Mới đây lại vì Tưởng lấy cớ là Tế-Đường mang quân đi đánh bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, Trương Phát-Khuê ở Quảng-tây, lâu ngày chẳng nên công-cán gì, nên đổi ý dùng Hoàng Thiệu-Hùng đốc-biện việc Quảng-tây, Tế-Đường lại lấy thế làm tức bực lắm, vì Tế-Đường từ khi mang quân đi đánh Quảng-tây, vất-vả trong hai năm trời, cũng không phải là không có công-trạng, Tế-Đường đã định sẽ tiến-cử viên tướng bộ-hạ là Dư Hán-Mưu làm chủ-tịch Quảng-tây, nay Tưởng lại đem địa-vị ấy mà cho Thiệu-Hùng. Tế-Đường thành ra thất-vọng. Lại nhân thấy Hồ Hán-Dân là người có thế bênh-vực mình ở trong chính-phủ trung-ương, bị Tưởng bắt giam, không người đỡ đầu, thành ra cô thế, tự lấy làm nguy, bấy nhiêu cớ bên khiến cho Trần phải phản Tưởng.

Song cái nguyên-nhân là bởi tại bọn Cồ Ứng-Phần lợi-dụng Trần Tế-Đường, Cồ Ứng-Phần là một người về phái nguyên-lão tức là phái Hồ Hán-Dân, vì chủ-trương việc lấy đảng trị quốc, không chịu đặt ra ước-pháp mà thất-ý với cánh Tưởng, phải bỏ về Quảng-đông, đã lâu vẫn ngầm mưu đánh đổ thế-lực Tưởng. Nay nhân thấy Tế-Đường có ác-cảm với Tưởng, mừng được cơ-hội, liền đem các điều lợi-hại nói với Tế-Đường, thúc-giục phản Tưởng. Nhưng lúc đầu Tế-Đường còn sợ thực-lực không đủ, không dám làm liều, Cồ Ứng-Phần bèn hiến kế là giảng-hòa với phái Quảng-tây, nhờ hai người về phái tả là Đặng Trạch-Như và Uông Tinh-Vệ giới-thiệu cho liên-lạc với quân Quảng-tây và Trương Phát-Khuê. Hai người Đặng, Uông bằng lòng, lại cử người lên Thiên-tân liên-lạc với bọn tướng-lĩnh Diêm, Phùng và cử người lên đông-bắc xem ý-hướng Trương Học-Lương. Những người phái đi ấy thường thường gửi mật-điện về cho Tế-Đường, đều nói là miền bắc cũng có ý phản Tưởng cả, thấy vậy Tế-Đường mới dám quyết-định.

Sau khi Tế-Đường đã quyết ý phản Tưởng, nhưng vẫn còn dùng-dằng chưa định ngày nào khởi sự. Vì còn ngại các tướng Tưởng Quang-Nại và Sái Đình-Khải hiện đang phụng-mệnh Tưởng đi đánh Cộng-sản ở Giang-tây, chưa biết ý-hướng thế nào, bèn điện hỏi ý, thì hai tướng trả lời hiện chỉ biết việc trừ Cộng-sản, chứ không biết đến việc khác, Tế-Đường thấy hai tướng ấy tỏ ý như thế, chắc là không trở về Quảng-đông làm khó-khăn cho mình, thế là đỡ lo được một phần. Nhưng còn Trần Minh-Khu có hợp-tác mới mạnh cánh. Nhưng Minh-Khu là người giảo-quyệt, và một lòng ủng-hộ Tưởng Giới-Thạch, biết Tế-Đường có ý ấy sợ phản-đối ngay thì có nguy cho mình, nên mấy lần Tế-Đường ướm hỏi ý-kiến, cứ ầm-ừ như bò bằng lòng, rồi thừa cơ lẻn trốn ra Hương-cảng. Tế-Đường thấy Minh-Khu bỏ đi, biết là sự-cơ của mình đã lộ rồi, tự cho mình như người cỡi cọp không sao xuống được nữa, đã trót thì làm, bèn cùng bọn Cồ Ứng-Phần thông điện kể tội Tưởng. Cái phong-trào phản Tưởng bấy giờ mới sôi-nổi lên.

Trần Tế-Đường và Cồ Ứng-Phần đứng ra phản Tưởng lần này, dầu không có ý tôn Uông làm chủ-tịch, nhưng chính Uông là người đứng giữa liên-lạc Trần Tế-Đường với Trương Phát-Khuê và phái Quảng-tây, thái-độ của Uông cũng khiến cho người ta phải

chú ý. Uông về phái tả, còn Trần, Cổ về phái hữu, người ta cũng chắc là không sao hợp-tác được, nhưng được dịp để đạp đổ cái thế-lực của Tưởng, tất Uông không chịu bỏ hoài.

Song ta thử xét xem cuộc chính-biến ở Quảng-đông lần này có đánh đổ được thế-lực của Tưởng không? Có người đã lấy thế làm cái nguy-cơ cho Tưởng, nào là Trần Tế-Đường hợp-tác với bọn Trương Quế, thế-lực đã mạnh; nào là quân cộng-sản bành-trướng ở mặt Trường-giang, khí-thế cũng hăng; các lữ-đoàn thứ 12, 13 cũng phản theo cộng-sản, về quân-sự thì chuyến này Tưởng cũng thiệt-hại nhiều. Nào là đảng Thanh-niên ở Tứ-xuyên theo chủ-nghĩa quốc-gia cũng muốn khai-chiến với chủ-nghĩa tam-dân, phong-trào cũng mạnh. Lại còn miền Bắc thì bọn Thạch Hữu-Tam, Hàn Phục-Cử cùng các tướng của Diêm, Phùng thế nào cũng hưởng-ứng với Quảng-đông mà đánh vào Nam-kinh. Cứ xem như thế thì biết bao nhiêu là nguy-cơ, Tưởng Giới-Thạch chuyến này không khéo nguy thật!

Nhưng ta xét lại cái phong-trào phản Tưởng chuyến này cũng không khỏi cái khuyến-sáo bọn quân-phiệt và cái cơ-mưu các chính-khách chỉ chực bốc cẳng lẫn nhau mà tranh lấy địa-bàn, lập lấy thế-lực riêng mà gây nên. Tuy rằng cánh Quảng-đông đã có đồ-đảng của Hồ Hán-Dân giúp cho, mà lại có Uông Tinh-Vệ ở ngoài thúc giục vào, song xem ra Uông vị-tất đã hợp ý với Hồ, mà Việt vị-tất đã cố-kết mãi với Quế được, thì chửa chắc đã nên công chuyện gì.

Song cứ theo như tin báo Tân thì Chính-phủ Quảng-châu có tiếp được một bức điện của Hà Ứng-Khâm, tổng-trưởng bộ chiến-tranh ở Nam-kinh, hiện đương chủ-trương việc trừ Cộng và đóng đại bản dinh ở Nam-xương (Giang-tây), nói sẵn lòng giúp Quảng-châu trong cái chánh-sách chống cự với Tưởng Giới-Thạch. Trong điện-báo lại nói sẽ cho người đến điều-đình với viên lĩnh-tụ ở Quảng-tây.

Quả như vậy, thì tình-thế chính-trị chỉ là quan-hệ ở cái thái-độ của quân-lính do Hà Ứng-Khâm tổng-trưởng bộ chiến-tranh chỉ-huy. Nếu Hà mà quả sẵn lòng giúp cho Quảng-châu thật, thì Tưởng có cơ nguy thật, mà cái cuộc nội-chiến lại lung-tung lên thật, nhưng đã chắc đâu, tưởng cũng khó lòng mà đoán viễn vông trước được

Lại may cho Tưởng Giới-Thạch, đương khi phong-trào ở phía Nam nổi lên phản-đối Tưởng thì Trương Học-Lương khởi-hành ở Bắc-bình cưỡi máy bay đi đến Nam-kinh để dự cuộc hội-nghị quốc-dân.

Lại ở Thiên-tân cùng Trương cưỡi máy bay về Nam-kinh có bọn Ngô Thiết-Thành, Lý Thạch-Tăng, Chử Dân-Nghi, Trương Kế. Ngô Thiết-Thành khi ở máy bay xuống đến ngay yết-kiến Tưởng Giới-Thạch, báo-cáo về việc xem xét tình-hình đảng-chính ở miền đông-bắc.

Tưởng Giới-Thạch có đặt yến tại nhà riêng đãi Trương. Trương nói về miền Bắc thời-cục rất yên-ổn, lời đồn phao không nên tin, toàn-thể quân-quan thuộc bộ-hạ Thạch Hữu-Tam có điện đến Trương, nhờ Trương nói với chính-phủ trung-ương nhất-luật vào đảng. Đối với cuộc quốc-dân hội-nghị Trương sẽ đưa ra hai cái nghị-án. Hội-nghị bế-mạc rồi, Trương mới về Bắc-bình.

Các nơi chính-trị cho rằng chuyến này cả gia-quyến Trương đến Nam-kinh cốt ý tỏ rằng Trương Tưởng thân-thiện với nhau, và Mãn-châu sẽ sẵn lòng tin cậy chính-phủ Nam-kinh. Người ta nói rằng vì có Trương Học-Lương trợ-lực cho chính-phủ Nam-kinh, nên đồ-đảng cũ của Phùng Ngọc-Tường, không dám nổi lên theo về Quảng-châu.

Nay đã khai cuộc hội-nghị quốc-dân tại Nam-kinh. Họp tại một tòa nhà lớn mới xây. Tôn Khoa tổng-trưởng bộ giao-thông, và Hồ Hán-Dân nguyên chủ-tịch viện lập-pháp không có ở đấy.

Hà Ứng-Khâm có về dự hội-đồng.

Hội-đồng khai-mạc do Tưởng Giới-Thạch chủ-tịch. Có Trương Học-Lương phó tổng-tư-lệnh, nhiều quan-chức, với các sứ-thần liệt-quốc.

Tưởng Giới-Thạch đọc diễn-văn, có nói nhiều nhất về việc nước Nga thi-hành cái chương-trình năm năm, mở-mang các đường giao-thông và việc buôn-bán ở đường cương-giới là một mối nên lo cho nền kinh-tế Trung-hoa.

Việc giao-thiệp về vấn-đề pháp-quyền. — Đối với việc giao-thiệp về vấn-đề pháp-quyền, chính-phủ quốc-dân có sức cho bộ ngoại-giao điện giục công-sứ các nước có quan-hệ về vấn-đề ấy trong một tuần-lễ đến Nam-kinh để giải-quyết, nếu còn dùng-dằng thì sẽ phát-biểu lời tuyên-ngôn bãi cuộc giao-thiệp và dùng thủ-đoạn quyết-đoán để thực-hành cách chủ-trương đã định cho được thỏa lòng yêu-cầu của nhân-dân. Nhưng xem ra các nước chưa chịu nhượng-bộ. Đại-sứ nước Anh và Vương Chính-Đình hai bên đã định đình-chỉ việc điều-đình về các tòa án lãnh-sự. Việc điều-đình không xong là vì người Anh không chịu nhường quyền thẩm-phán ở Thượng-hải, Thiên-tân, Hán-khẩu và Quảng-châu.

Chính-phủ Quốc-dân yêu-cầu các nước rút tầu ra khỏi Phố-giang. — Có tin ở Nam-kinh nói rằng chính-phủ Quốc-dân thấy các tầu ngoại-quốc đến đóng ở Trấn-giang mỗi ngày mỗi nhiều, nên đã hạ lệnh cho sở Giang-hải-quan phải thông cáo lãnh-sự các nước yêu-cầu lui ra. Sở ấy đã gửi giấy cho các lãnh-sự Anh, Mĩ, Nhật, Pháp đem hạm-đội theo như kỳ-hạn rút lui, và lấy cớ là làm ngăn-trở sự giao-thông ở Phố-giang. Các lãnh-sự lấy là việc trọng-đại, chưa tiện trả lời ngay được, phải điện về bản-quốc hỏi ý, đợi lệnh huấn-thị thế nào, rồi sẽ định cách ứng-phó.

Cái án Tế-nam đã kết-liễu. — Độc-giả còn nhớ năm trước quân quốc-dân đi bắc-phạt, khi vào thành Tế-nam, quân Nhật mượn cớ bảo-hộ kiều-dân, sinh sự giết chết viên quan ngoại-giao Trung-hoa là Thái Công-Thời cùng nhiều người nữa. Việc ấy hai bên qua mấy lần giao-thiệp, mãi vừa rồi, chính-phủ Nhật mới chịu cấp cho gia-quyến Thái Công-Thời 45.000 đồng. Dư-luận Trung-hoa đều lấy làm bất-bình, cho là chính-phủ Quốc-dân hèn nhát, không bắt được chính-phủ Nhật theo như các điều đã yêu-cầu, kết-cục chỉ được món tiền tuất nhỏ mọn ấy, thực là việc ngoại-giao bị thất-bại vậy.

Cuộc hội-nghị Trung Nga. — Cuộc hội-nghị Trung Nga bàn về vấn-đề đường Trung-Đông đã có tiến-bộ. Nước Nga chủ-trương trước hết hãy bàn cái giá chuộc đường sắt Trung-Đông rồi tiếp bàn đến thủ-tục pháp-luật của chính-phủ Trung-hoa chuộc lại đường ấy. Chính-phủ Nam-kinh đã tiếp phái hai nhà chuyên-môn đến *Moscou* giúp Mạc Đức-Huệ họp bàn vấn-đề ấy. Thuộc về vấn-đề khôi-phục việc bang-giao Trung Nga thì sẽ do một ban chuyên-môn ủy-viên nghiên-cứu.

Các đoàn-thể ở Thiên-tân có tiếp được bản tuyên-ngôn của ban ngoại-giao hiệp-hội ở Liêu-ninh, mong dân-chúng cách-mệnh cả nước ai nấy đều một lòng, thực-hành việc quốc-dân ngoại-giao, kỳ cho tới cái mục-đích chuộc lại đường sắt Trung Đông. Và nói hội ấy đã điện cho Mạc Đức-Huệ ở *Moscou*, xin làm cho thấu đến mục-đích, nếu có vì thế mà cuộc giao-thiệp phải phá-liệt cũng không tiếc.

Vân-nam lại có cuộc chính-biến. — *Long Vân bắt Trương Phòng-Thu.* —

Tất ai cũng nhớ rằng tháng trước đã có việc chính-biến xảy ra ở Vân-nam. Bốn tướng là Trương Phòng-Thu, Chu Thiệu-Đông, Lư Hán và Đường Thông vì bất-bình với Long Vân, ép chủ-tịch Vân-nam phải từ chức. Sau hai bên điều-đình ổn-thỏa, Long Vân lại về Vân-nam như cũ.

Hôm mồng 1 tháng 4 vừa rồi, trong lúc họp hội-đồng tại dinh tổng-đốc, bốn tướng lại bắt ép Long Vân phải lập-tức thay đổi mấy người cận-thần. Long Vân chiều lòng, định cử người khác thay chân Trương Thiệu-Hán, tổng-trưởng viện chính-trị, trước đây ở bộ ngoại-giao; cùng viên xã-trưởng Vân-nam-phủ, viên tổng-thư-ký chính-phủ Vân-nam, viên đốc trường Binh-vụ học-hiệu là Đường Kế-Linh, có họ với Đường Kế-Nghiêu trước. Chức đốc-học trường Binh-vụ sẽ giao cho Trương Phòng-Thu.

Sau Long Vân lại hội họp các viên-chức của chính-phủ tại dinh, mời cả bốn viên tướng. Trong lúc hội-đồng Long Vân sai lính của mình vây thành, bắt giam Trương Phòng-Thu, rồi dán yết-thị nói là can tội phản-nghịch chính-phủ Vân-nam và chính-phủ Quốc-dân, sẽ giao về Nam-kinh xét xử. Còn ba tướng kia sẽ liệu sau.

Việc này không làm cho nhân-dân động-tâm, trong tỉnh vẫn yên. Hiện đã thiết quân-luật và cho quân lính ngày đêm đi tuần.

Việc chính-trị vẫn còn hơi rối, chưa có thể cho là yên được. Long Vân cố sức bồi đắp thế-lực của mình, nhưng hãy còn nhiều sự đáng lo. Cái thái-độ quân lính của Trương Phòng-Thu là tướng hiện bị giam, chưa chắc rồi ra làm sao, họ vẫn yêu-cầu tha cho tướng của họ.

Chính-phủ lập lại cũng khó-khăn. Trước đây Trương Vị-Hàn chủ-trương bộ nội-vụ, nay bộ ấy giao cho Chu Tiến-Đông là tướng trong bốn tướng khởi nghịch. Nhưng Chu nhận chức lại liền đi về nguyên-quán ngay, nói rằng chính-phủ cử đi công-cán, thiên-hạ không rõ ra làm sao.

Song ở Vân-nam-phủ và các nơi vẫn yên.

Việc trong nước

(Từ 15 Mars đến 15 Avril 1931)

Thủy phi-cơ đi nghiên-cứu sông Cửu-long. — *Thủy-quân đại-úy* MENÈS *cùng* BAGUET *và kỹ-sư ngạch Thủy-quân là* BOUTRY *cưỡi một chiếc thủy-phi-cơ kiểu C. A. M. S. mạnh 450 mã-lực, khởi-hành từ Biên-hòa bay đi suốt miền sông Cửu-long, để nghiên-cứu xem mùa này trong sông Cửu-long máy bay đỗ lại được những nơi nào. Lại để ông* BOUTRY *nghiên-cứu về mấy vấn-đề quan-hệ đến việc tầu bè đi sông nữa. Bay đi từ 11 Mars, có đỗ xuống nghỉ mấy nơi: Paksé, Vientiane, Luang Prabang, đến 15 Mars mới quay về.*

Quan phủ Ngọc và quan châu Pỉ ức. — *Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ra nghị-định cách chức ông Đỗ Kim-Ngọc tri-phủ Lâm-thao và ông Đàng Trần-Phức tri-châu Yên-lập vì tội ăn hối-lộ của dân. Bằng-sắc của hai người ấy đều bị thu về tiên-hủy.*

Việc lấp cửa bể Thuận-an. — *Công việc lấp cửa bể Thuận-an nay lại tiến-hành. Bao giờ việc này được hoàn-thành, thì việc canh-nông về hạ-bạn tỉnh Thừa-thiên chẳng những khỏi được cái nạn nước mặn làm hại mùa-màng, mà lại có thể trồng cấy được cả hai mùa nữa.*

Danh-sách những người có chân cách-mệnh đương bị truy nã. — *Sở Liêm-phong có in một tập danh-sách có đủ niên-canh quán-chỉ và hình-ảnh các*

người cách-mệnh, phân-phát cho các người trong sở ấy để tiện việc dò xét nã tróc. Trong tập danh-sách này thấy có tên và hình ảnh 101 người cách-mệnh, toàn là những người bấy lâu nay sở Liêm-phóng vẫn chú-ý dò xét, nhưng chưa bắt được. Đứng đầu tập danh-sách này thấy tên những người cách-mệnh là :

Nguyễn Ái-quốc, quán ở Trung-kỳ ;
Phi-Vân, quán Bắc-ninh ;
Ngô Đức-Trí, quán Hà-tĩnh ;
Lê Duy-Liêm và Ngô Đình-Mẫn, v. v.

Ngô Đức-Trí, Ngô Đình-Mẫn mới rồi đã bắt được.

Cuộc diễn-kịch làm phúc. — *Cuộc diễn-kịch của học-sinh trường Gia-long diễn lấy tiền giúp Viện Tế-bần và Hội bài-trừ bệnh lao, tối hôm 14 Mars cả thảy thu được 608 $ 80. Trong số ấy chi-phí các khoản hết 146 $ 97, còn chia cho hai hội, mỗi hội được 230 $ 915.*

Một bác-sĩ người Nhật đi khảo-cứu Phật-học khắp hoàn-cầu có ghé qua Sài-gòn. — *Bác-sĩ* Tomomatsu *người Nhật-bản, thường đi khảo-cứu Phật-học khắp hoàn-cầu, ngày 24 Mars đi chiếc tàu* Félix Roussel *tới Sài-gòn để khảo-cứu Phật-học ở nước ta. Trước còn ở bên Pháp, một người học-sinh An-Nam đã giới-thiệu cho bác-sĩ biết vị sư Thiện-Chiếu, nên bác-sĩ đã viết thơ báo trước khi đến. Tàu tới bến có sư Thiện-Chiếu và ông Nguyễn Văn-Bá, tổng-lý báo* Công-luận, *đón tiếp đưa về chùa Bảo-thông ở Gia-định. Tại đó có nhiều vị sư tiếp bác-sĩ đàm-đạo về đạo Phật ở xứ ta. Bác-sĩ rất chú-ý đến lời của sư Thiện-Chiếu nói về công việc chấn-hưng Phật-giáo, lập Phật-giáo thư-xã và Phật-học-viện.*

Ngày kỷ-niệm ông Phan Tây-Hồ ở Sài-gòn. — *Ngày 24 Mars là ngày hủy ngũ-chu-niên ông Phan Chu-Trinh, anh em trong Nam có làm lễ kỷ-niệm tại nhà thờ ông ở Dakao và phần-mộ ông ở Tân-sơn-nhất, người đến dự lễ ở hai nơi ấy rất đông.*

Cuộc bầu-cử đại-biểu Pháp tại hội-đồng kinh-tế Bắc-kỳ. — *Ông* Farrébas *là điền-chủ,* Michel *là chủ nhà báo, mới được bầu làm đại-biểu tại hội-đồng kinh-tế và tài-chính Pháp ở Bắc-kỳ* (Conseil des Intérêts économiques et financiers).

Vua và hoàng-hậu Xiêm đến ngoạn-cảnh vịnh Hạ-long — *Ngày 26 Mars, vua và hoàng-hậu Xiêm ngự chiếc tàu* Sclandia *tới cửa* Henriette, *quan công-sứ Quảng-yên thay mặt quan Toàn-quyền ra đón chào, rồi mới sang tàu* Louis Gralhon *đưa đi xem các nơi thắng-cảnh trong vịnh, cho đến hết ngày 27 Mars vua và hoàng-hậu Xiêm mới từ-biệt ra đi Hương-cảng.*

Bảo-tồn các nơi cổ-tích — *Các nơi cổ-tích thường bị dân sở tại chữa sửa lại hoặc thay đổi đi, làm mất cả cái dấu-tích cổ. Bởi vậy quan Thống-sứ Bắc-kỳ có thông-tư cho các quan công-sứ các tỉnh một bản chu-tri đại lược rằng : Ông đốc trường Viễn-đông Bác-cổ nghiệm ra rằng những nơi cổ-tích đã liệt vào hạng để trường Bác-cổ trông nom thường bị sửa-sang thay đổi lại mà không xin phép Chính-phủ, theo như điều 9 nghị-định ngày 11 Juillet 1925, cũng không báo cho trường Bác-cổ biết. Ở đoạn cuối điều 9 trong nghị-định có nói phạm những người làm thay đổi những nơi cổ-tích thì sẽ phải phạt, chịu tiền phí-tổn tu-tạo lại cho được y nguyên như cũ. Vậy các ngài nên bảo cho các chức dịch các làng biết rằng việc bảo-tồn các nơi cổ-tích là cốt giữ lấy cái di-bảo của đời xưa. Trường Bác-cổ bao giờ cũng sẵn lòng sửa-sang những nơi cổ-tích cần phải tu-tạo lại, và thường cho người chuyên-môn đến tận nơi xét xem nếu sự tu-tạo lại có tổn-phí nhiều mà quỉ của các làng*

không chịu nổi thì trường Bác-cổ sẽ chịu đỡ cho.

Đường điện-thoại từ Anh tới Sài-gòn.— *Cứ sở Bưu-điện nước Anh báo-cáo cho công chúng biết thì từ ngày 26 Mars này đã mở đường điện-thoại từ* Londres *gọi qua* Paris *mà nói chuyện với Sài-gòn, Chợ-lớn và* Pnom-Penh.

Tin tức vua Thành-thái và vua Duy-tân ở bên Cù-lao Réunion.— *Theo báo* Công-luận *ở Sài-gòn đăng một bài rằng :*

Trên mặt nước Ấn-độ-dương, cách phía đông đảo Madagascar *không xa, nổi lên một hòn đảo con con đã lâu đời.*

Hòn cù-lao này bỏ sót giữa biển khơi kia vẫn không có danh-lam thắng-cảnh, di-thảo kỳ-hoa gì, nhưng nó vẫn được duyên làm nơi hội-ngộ của các khách anh-hùng lỡ vận.

Hòn cù-lao ấy, tức là Ile de la Réunion. *Tức là quê-hương thứ nhì của vua Thành-thái, vua Duy-tân, tướng* Abd El-Krim, *Hoàng-hậu* Madagascar.

Vua Thành-thái và vua Duy-tân từ khi ở Cap-Saint-Jacques *ra đi, thì lần tay tính lại đã mười bảy năm trời. Vua Thành-thái năm nay năm-mươi-ba tuổi, còn vua Duy-tân thì được ba-mươi ba tuổi rồi.*

Những người Nam ở Pháp về, ai nhớ mà ghé thăm, thì được hai ngài tiếp chuyện ân-cần lắm, cũng nói chuyện nước, chuyện nhà.

Trước kia mới qua, hai ngài vẫn ở chung trong một nhà cất dưới chân núi tại Aloès. *Nhà ấy của chính-phủ Pháp làm ra, đủ bàn ghế trong nhà. Nhưng chỗ ấy gió độc lắm không ở được, cách một năm sau hai ngài phải mướn nhà ở riêng.*

Hiện bây giờ thì vua Duy-tân ở St. Denis ; *ngài chuyên về điện-học và âm-nhạc.*

Hai môn ấy, ngài giỏi lắm. Ngài kết bạn với một người đàm lai Mlle Anna, *được hai người con trai.*

Muốn cho đủ chi-dụng trong nhà, nên ngài phải đi dạy ở trường St. Denis *nữa.*

Vua Thành-thái thì bây giờ một mình một cõi, tiền lương dư xài, lại có thêm nghề nuôi ngựa đua nữa, cho nên thảnh-thơi hơn.

Ở bên ấy, vua Thành-thái, ngoài vua Duy-tân ra, lại có một người con trai, em vua Duy-tân nữa.

Ngày chủ-nhật thì mấy ngài lại cỡi ngựa đua. Vua Duy-tân và em ngài, lần nào cũng giật giải nhất, giải nhì.

Cách sinh-hoạt cũng không lấy gì làm túng thiếu.

Cuộc đánh số lấy tiền lập nhà thương bệnh phong tại Qui-hòa.—*Hội-đồng tạm-thời tổ-chức một cuộc đánh số để giúp nhà thương bệnh phong* (léproserie) *Qui-hòa (Qui-nhơn) được phép tổ-chức một cuộc đánh số.*

Cả thảy sáu vạn vé, mỗi vé giá 1p.00, Các vé trúng thì định là ba vạn đồng bạc chia ra như sau này :

1 số trúng	.....	*10.000 $*
2 số trúng	*2.000 $* ...	*4.000,*
12 số trúng	*500*	*6.000,*
50 số trúng	*100*	*5.000,*
100 số trúng	*50*	*5.000.*
Cộng	.....	*30.000p.*

Cuộc đánh số ấy sẽ mở tại Sài-gòn về ngày 1 tháng 7 năm 1931, sẽ có nghị-định quan Thống-đốc Nam-kỳ đặt một hội-đồng để kiểm-xét cuộc mở số.

Khánh-thành nhà Ngân-hàng Đông-dương.— *Nhà Đông-dương Ngân-hàng làm tại Hà-nội mới xong, ngày 30 Mars đã làm lễ khánh-thành, có quan Toàn-quyền* Robin *chủ lễ, các quan chức, các thân-hào, các nhà công thương Tây, Nam, Trung-hoa, Nhật-bản, Ấn-độ, ở Hà-thành và ở các tỉnh đến dự lễ đông lắm.*

Người Trung-hoa làm lôi-thôi ở cương-giới Hà-khẩu. — *Bấy lâu người Trung-hoa hay người Nam đi lại qua cầu Nam-thi (Tàu sang Lao-kay), sở Liêm-*

phóng vẫn đặt người hỏi xét giấy căn-cước cho nghiêm việc đề-phòng. Ngày 31 Mars, một người Trung-hoa không có giấy căn-cước thì bị viên cầm ngăn lại không cho đi, người Trung-hoa dùng lời vô-lễ đối lại nên phải bắt. Dân Trung-hoa ở Hà-khẩu thấy thế liền ồn-ào kéo nhau ra yêu-cầu phải tha ngay người bị bắt ấy. Xét ra người bị bắt là chánh mật-thám đường hỏa-xa, nên được tha ngay, đâu về đấy yên cả. Tuy vậy người Trung-hoa vẫn có ý tức giận muốn gây việc, nên hễ ai qua cầu mà bị hỏi thẻ là lôi-thôi mãi mới chịu đưa. Ngày mồng 2 Avril lại một người Trung-hoa cãi nhau với một người mật-thám An-Nam rồi đôi bên đánh nhau. Dân Hà-khẩu lại ra gây sự đông lắm, kéo nhau đứng cả trên đường hỏa-xa không cho xe chạy. Sau quan công-sứ điều-đình với đại-lý của Đốc-biện Hà-khẩu, bãi việc khám thẻ ở cầu Nam-thi đi. Từ đấy lại yên-ổn cả.

Xử việc bắt một người Nhật có thuốc phiện lậu.— *Kỳ báo trước đã đăng tin sở Thương-chính Chợ-lớn bắt được quả-tang một người Nhật tên là* Kan ban Sheku *có thuốc phiện lậu. Phiên tòa trừng-trị ngày 31 Mars đem việc này ra xử. Kết án* Kan ban Sheku *bị 2 tháng tù, 50 quan tiền phạt và bồi-thường cho nha Thương-chính 41.000 đồng*

Phu mộ đi làm đồn-điền cao-su đã về.— *Phu mộ đi làm đồn-điền cao-su có 162 người đã hết hạn, ngày 10 Avril, chiếc tầu* Amboise *đã chở về bến Hải-phòng để cho về quê-quán.*

Mấy cuộc biểu-tình.— *Ngày 19 Mars, một bọn biểu-tình độ vài nghìn người chực đến đánh dinh quan Tổng-đốc Nghệ-an.*

Lại mấy nghìn người nữa tiến vào chực đánh Hà-tĩnh. Nhưng đều bị quan quân dẹp tan cả.

Ngày 22 Mars, tại Nhà-bè (Nam-kỳ) có cuộc biểu-tình, các đường điện-báo và điện-thoại từ Sài-gòn tới Nhà bè đều bị cắt đứt. Sáng ngày 23, chúng lại ngăn-cản thợ làm ở sở dầu hỏa, nhưng lính ra giải-tán được ngay. Trong khi giải-tán, một người cai và một người lính bị trọng-thương, chúng lấy mất một cây súng dài và một cây súng lục. Hai người bị thương đưa vào nhà thương được một lúc thì người cai chết. Mấy hôm sau đã tìm được cây súng dài vất ở ngoài lạch. Bọn biểu-tình nhiều người bị bắt.

Bắt được những người có chân trong các đảng. — *Ngày 23 Mars, sở mật-thám bắt được mười lăm người cộng-sản tại Hòn-gay cùng nhiều giấy má về việc lập một tiểu-tổ trong bọn thợ mỏ than.*

Ngày 26 ở Sài-gòn giải ra Hà-nội 3 người quốc sự phạm.

Ở Hạ-lý bắt một người đầu đảng về việc phát truyền đơn.

Ở Cẩm-phả bắt được 4 người đi diễn-thuyết cộng-sản, trong mình một người thấy có cả truyền-đơn, cờ đỏ và một cuốn sổ tay có tên các người trong đảng. Cứ theo cuốn sổ ấy bắt thêm ngót 20 người nữa.

Ngày 28, sở mật-thám Nam-định bắt được 12 người cộng-sản cùng các sách-vở truyền-đơn và báo cộng-sản.

Ngày 31 Mars, một người cộng-sản ở Hương-cảng về tới bến Hải-phòng thì bị bắt ngay giải về sở mật-thám.

Ở Bắc-ninh, hai người thợ bạc và một người khách không biết vì cớ gì mà bị bắt giải về Hà-nội.

Ở Hà-đông, bắt một người học trò đi cổ-động và phát truyền-đơn ở làng Khương-thượng.

Ngày mồng 3 Avril, ở Hải-phòng giải lên Hà-nội một người mang mấy con dấu giả và giấy má quan-trọng.

Ở Hà-nội bắt một người thủy-thủ bấy lâu vẫn nghi là có chân cộng-sản, đã giải xuống sở mật-thám Hải-phòng xét.

Sở mật-thám Hải-phòng lại khám-phá được một tiểu-tổ cộng-sản, bắt cả thảy 11 người vừa đàn ông vừa đàn bà.

Ở Bến-tre bọn cộng-sản hay quấy nhiễu dân-gian, quan Đại-lý hạt ấy cho đi lùng bắt được 105 người cộng-sản.

Ngày mồng 10, ở Vinh bắt được một người sáng lập Đông-dương cộng sản-đảng.

Ở Hải-phòng, lính mật-thám dinh ở quanh nhà máy sợi bắt được một người thiếu-niên cầm súng lục đưa cho người đồng-đảng.

Ở Quảng-bình, các nhà chức-sự Quảng-bình đến khám xét mấy nhà ở làng Hòa-ninh phủ Quảng-trạch, không biết vì cớ gì mà bắt cả thảy 16 người.

Sở mật-thám phái người về cùng ông huyện Thủy-nguyên đến núi Dẹo khám bắt được 7 người đàn ông 3 người đàn bà và các vật-liệu dùng làm bom nữa.

Sở mật-thám Hải-phòng bắt được một người thiếu-niên mang hai khẩu súng lục có nạp đạn. Người này khai là có chân V. N. Q. D. Đ. cứ lời khai bắt thêm được hai người đồng-đảng nữa.

Tòa Thượng thẩm xử vụ án cộng-sản Nam-định.— *Ngày 23 Mars, tòa Thượng-thẩm đã xét cái án cộng-sản Nam-định, những người phạm từ đầu tháng 10 và cuối tháng 11 tây năm 1930, cả thảy hơn 20 người, xét hỏi từng người một, rồi kết án như sau này :*

4 người bị 10 năm khổ-sai ;
1 người bị 7 năm khổ-sai ;
4 người bị 5 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc ;
3 người bị 5 năm án treo,
Còn thì được tha cả.

Vụ án Cộng-sản Vĩnh-long.— *Ngày 3 Avril, tòa án tỉnh Vĩnh long đã xử một bọn cộng sản, kết án :*

11 người 5 năm tù ;
5 người biệt-xứ ;
1 người 3 năm tù ;
1 người được tha.

Quan-chức thuyên chuyển.— *Quan cai-trị* DE BOTTINI, *công-sứ Yên-bay, nay đổi vào công-sứ Nghệ, thay quan* GUILLEMINET *về Pháp nghỉ.*

Quan chánh-cai-trị thuộc-địa ALBERTI *về nghỉ bên Pháp, hết hạn lại sang, nay sung chức chánh phòng Hiến-pháp phủ Toàn quyền thay* M. AUGER *về Pháp nghỉ.*

M. COSTE, *thanh tra thuộc-địa, nay bổ chánh sở kiểm-sát tài-chính Đông-dương, thay quan Tổng thanh-tra* NORÈS *về hưu.*

Giới-thiệu sách mới

— *Câu đối* — Ôn-như Nguyễn Văn-Ngọc biên-tập và xuất-bản, 260 trang, giá 0p.60, bán tại Vĩnh-hưng-long-thư-q án, số 49-51, phố hàng Đường Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.

Mới xuất-bản :

10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).